

NĂM 2004

ĐỀ BÀI

Câu 1.

Nhà phê bình Hoài Thanh viết:

Thích một bài thơ, theo tôi nghĩ, trước hết là thích một cách nhìn, một cách nghĩ, một cách xúc cảm, một cách nói, nghĩa là trước hết là thích một con người.

(Tuyển tập Hoài Thanh, tập II,
Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1982)

Anh (chị) suy nghĩ như thế nào về ý kiến trên?

Câu 2.

Phân tích vẻ đẹp của đoạn văn sau đây:

(...) Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vắng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián.

Trong một không khí khói toả như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc toả cay mắt, làm họ dụi mắt lia lịa.

Một người tù, cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thấy thơ lại gây gò, thì run run bung chậu mực. Thay bút con, để xong lạc khoản, ông Huấn Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quản ngục đứng thẳng người dậy và đĩnh đạc bảo:

- Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quán nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng với những nét chữ vuông tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thoi mực, thầy mua ở đâu mà tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?... Tôi bảo thực đấy, thầy Quán nên tìm về nhà quê mà ở, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy

nghe đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lửa đóm cháy rừng rực, lửa rưng xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức chằm, rồi lại nhìn nhau.

Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “Kể mê muội này xin bái lĩnh”.

(Nguyễn Tuân, *Chữ người tử tù*, *Ngữ văn 11*, tập một, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000)

YÊU CẦU LÀM BÀI

Câu 1.

Suy nghĩ của người viết về ý kiến của Hoài Thanh:

Trong ý kiến này, Hoài Thanh đã đề cập đến vấn đề tiếp nhận văn học (mối quan hệ giữa người đọc và tác phẩm, tác giả), đồng thời nêu lên những yêu cầu, những khía cạnh cơ bản của phong cách nghệ thuật thể hiện qua tác phẩm cụ thể. Phong cách ấy phải độc đáo (*một cách*), và chỉ khi đạt tới sự độc đáo về cả bốn phương diện (*cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm, cách nói*) thì mới có khả năng tạo nên khoái cảm thẩm mỹ cho người đọc.

Cần nêu được một số ý cơ bản sau:

- Có thể giải thích ngắn gọn các từ: *cách nhìn, cách nghĩ, cách xúc cảm, cách nói*, từ đó nêu lên thực chất của câu nói: thích một bài thơ trước hết là thích một con người, thích phong cách của nhà thơ đó. Phong cách ấy phải thể hiện ở cả hai phương diện nội dung và hình thức.

- Tại sao *thích một bài thơ... trước hết là thích một con người*, một phong cách?

+ Xuất phát từ yêu cầu của sáng tạo nghệ thuật nói chung và thơ nói riêng: một bài thơ hay là bài thơ có cách nhìn, cách nghĩ, cách xúc cảm, cách nói mới mẻ, độc đáo. (Có thể liên hệ đến ý kiến của Xuân Diệu, Nguyễn Tuân, Nam Cao... để làm sáng tỏ điều này).

+ Xuất phát từ đặc trưng của thơ ca: thơ là tiếng nói trữ tình. Mỗi bài thơ phải thể hiện một cách chân thực vẻ đẹp tâm hồn, cá tính của chủ thể sáng tạo. Ý kiến của Hoài Thanh gắn gũi với ý kiến của Buy-phông: “Phong cách chính là người”.

- Nhận định của Hoài Thanh nêu lên sự gặp gỡ tri âm giữa người sáng tác và người tiếp nhận văn học:

+ Đây là một nhận định đúng đắn, sâu sắc. Một bài thơ hay phải là một giá trị độc đáo, một kết tinh của tình cảm thẩm mĩ. Một người yêu thích văn chương phải là người có tâm hồn nhạy cảm, biết rung động, biết khám phá giá trị độc đáo của tác phẩm, từ tác phẩm mà nhận ra phong cách của nhà văn.

+ Ý kiến trên đây cho thấy nguyên tắc thẩm mĩ của Hoài Thanh: “lấy hồn tôi để hiểu hồn người”. Hoài Thanh từng nói, với bài thơ hay ông thường ngâm đi ngâm lại, thường “triền miên” trong đó. Như vậy, người tiếp nhận phải có khả năng nhập thân và đồng sáng tạo cao độ.

- Tuy nhiên, “thích” và đồng sáng tạo không có nghĩa là bình tán, suy diễn tùy tiện, gượng ép mà phải trên cơ sở hiểu được bản chất, quy luật sáng tạo nghệ thuật, hiểu được mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức của tác phẩm văn học.

Câu 2.

Đề yêu cầu phải nắm vững kĩ năng phân tích một đoạn văn xuôi nghệ thuật. Cụ thể là, nắm được vẻ đẹp về nội dung và hình thức. Tuy nhiên, người viết cần phải thông qua vẻ đẹp của hình thức mà làm nổi bật nội dung.

Việc phân tích đòi hỏi phải đặt đoạn văn trong chỉnh thể tác phẩm để góp phần làm nổi bật chủ đề tư tưởng và thấy rõ phong cách nghệ thuật của tác giả.

Phân tích vẻ đẹp của đoạn văn:

- Xác định vị trí của đoạn văn và ý bao trùm: Đoạn văn nằm ở phần cuối của tác phẩm *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân. Đây là đoạn văn thể hiện rõ nhất tư tưởng chủ đề, cảm hứng và bút pháp lãng mạn. Thông qua đoạn văn này, Nguyễn Tuân đã dựng lên một tượng đài bất tử và bi tráng về cái đẹp.

- Để làm nổi bật nội dung cơ bản trên, bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần khai thác được một số phương diện sau:

+ *Điểm nhìn nghệ thuật*: Cách tái hiện cảnh cho chữ từ điểm nhìn của ngôi thứ ba đã làm tăng tính khách quan của sự việc và thể hiện được cảm hứng ngưỡng vọng cái đẹp.

+ *Nghệ thuật tạo tình huống*: Đây là một tình huống độc đáo, hi hữu “xưa nay chưa từng có”.

+ *Thủ pháp đối lập và cách khắc họa tính cách nhân vật*: Đây là thủ pháp quen thuộc của bút pháp lãng mạn.

Chú ý các đối lập chính: đối lập về vị thế của nhân vật; đối lập về không gian chật chội, tù túng, ẩm ướt và hành vi sáng tạo cái đẹp; đối lập về tư thế... Chú ý nghệ thuật lựa chọn chi tiết để khắc hoạ tính cách nhân vật đặc sắc, giàu tính biểu tượng (bó đuốc, tấm lụa, người tù tô những dòng chữ đẹp, quần ngục khúm núm, cách nói của Huấn Cao, quần ngục vái lạy...).

+ *Nghệ thuật dựng không khí*: trang nghiêm, linh thiêng, dướm màu cổ kính.

+ *Ngôn ngữ, nhịp điệu đoạn văn*: sử dụng nhiều từ Hán Việt, ngôn ngữ trang trọng, nhịp văn chậm... phù hợp với tính cách, không khí và cảm hứng “thiên hoá” nhân vật.

BÀI LÀM

Câu 1.

Âm điệu những vần thơ tự bao giờ đã ngân vang trong trái tim tôi. Là giọng ru ngọt ngào của mẹ, là câu thơ dậy lên màu xanh muốt của ruộng đồng, là tiếng ca lạnh lốt của niềm yêu đời... Mỗi bài thơ mở ra một hình sắc riêng, một cảm xúc riêng về thế giới. Say mê trong thi giới, đôi khi tôi băn khoăn tự hỏi: điều gì trước nhất làm nên sức hấp dẫn của thơ ca? Tìm gặp ý kiến của Hoài Thanh, tôi mới thấm thía: *Thích một bài thơ, theo tôi nghĩ, trước hết là thích một cách nhìn, một cách nghĩ, một cách xúc cảm, một cách nói, nghĩa là trước hết là thích một con người.* (Tuyển tập Hoài Thanh, tập II, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1982)

Cảm nhận thơ ca đòi hỏi một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm. Một bài thơ là nguồn phát ra những tần sóng dao động phong phú, mà mỗi người đọc tùy sở trường, cách nghĩ riêng sẽ lấy tần số tâm hồn mình mà giao thoa. Thích một bài thơ, có ai giống ai đâu. Tuy nhiên, có thể tạm quy về những tiêu chuẩn nào đó. Theo tôi, ý kiến của Hoài Thanh là có lí: *Thích một bài thơ... trước hết là thích một cách nhìn, một cách nghĩ, một cách xúc cảm, một cách nói, nghĩa là trước hết là thích một con người.* Thích là trạng thái, sắc độ cảm xúc yêu mến, nghiêng về cảm tính, khoái cảm. Đứng trước một bài thơ mà như bị nam châm hút, ấy là thích vậy. Nói *thích một bài thơ* có nghĩa là tác phẩm ấy phải có sức hấp dẫn riêng. Có nhiều yếu tố để gọi ra đam mê nghệ thuật, theo người viết, trước hết là *một cách nghĩ, một cách xúc cảm* tức sức hấp dẫn về nội dung; *một cách nói* hay sức hấp dẫn từ hệ thống các phương tiện biểu đạt. Tựu trung lại là *thích một con người*. Con người ở đây không đơn thuần hay đồng nhất với con người ngoài đời mà đó là một cá tính văn chương, một gương mặt nghệ thuật riêng. Như vậy, bằng năng lực cảm nhận thơ tinh tế, nhà phê bình đã nói lên một khía cạnh trong vẻ đẹp thơ, đó là sự sáng tạo. Chữ *một* điệp lên như

một nốt nhấn, làm nổi bật tính duy nhất, riêng có của tác phẩm nghệ thuật. *Một con người* thực chất là phong cách nghệ thuật. Trong xã hội có vô vàn những cá tính, hình hài riêng thì trong thơ cũng vậy, muôn hình muôn vẻ. Sẽ ra sao nếu bài thơ nào cũng nhắc giống nhau? Văn chương sẽ đi về đâu nếu tác phẩm này là bản sao của tác phẩm kia? Khi ấy, liệu người đọc có còn say mê ngâm nga những dòng thơ? Cho nên, một bài thơ hay, có sức sống, theo Hoài Thanh, gồm nhiều yếu tố, nhưng trước hết phải mới mẻ, độc đáo, in dấu một phong cách riêng biệt. Mỗi từ thơ phải như viên ngọc long lanh, lấp lánh toả ra thứ ánh sáng riêng. Nó cuốn người đọc vào tâm xoáy của cảm xúc, làm say mê bằng nhịp điệu, ngôn ngữ. Sáng tạo có thể xem là yếu tố đầu tiên của thơ hay vậy.

Xuất phát từ suy nghĩ cá nhân, song dường như bằng sự trải nghiệm của một đời nghiên cứu, Hoài Thanh đã đồng cảm được những trăn trở của nhiều người đọc khi đến với một bài thơ hay. Ai từng băn khoăn trước một câu ca dao ngọt ngào, từng say đắm một vần thơ sẽ rất thấm thía điều này. Quy luật tiếp nhận cho thấy dường như có một vận động trái ngược. Những tác phẩm không có gì mới sẽ bị thời gian đào thải. Nhắc đi nhắc lại điều đã cũ, diễn lại một vài cách rất quen, cũng giống như con khướu, con vẹt bắt chước tiếng người; sớm muộn ngày một ngày hai sẽ phai pha. Lại có những tác phẩm mãi tồn tại như một dấu khắc trong trái tim muôn người, không thôi được luận bàn. Nó ẩn chìm bao tầng sâu ngữ nghĩa, bao lớp ngôn từ độc đáo mà mỗi người đọc bằng sự tìm tòi riêng sẽ thấy những tầng vỉa lấp lánh. Không phải ngẫu nhiên mà Lép Tôn-xtôi từng tâm niệm: Khi đứng trước một nhà văn, điều đầu tiên chúng ta bao giờ cũng hỏi liệu anh ta có đem đến một cái nhìn mới, một cách thể hiện mới hay không? Tôi từng thích thú với hình ảnh đất nước quỳện trong nỗi nhớ *huong cốm mới*, từng ngỡ ngàng vì sao một chút hương mong manh thế, thoảng hư thế mà vương được hồn quê. Cứ ngỡ đó là một đất nước đẹp nhất. Vậy mà đến với chương V trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm, đất nước một lần nữa sống dậy trong tôi. Gần gũi mà thiêng liêng. Quá khứ trong hiện tại. Vô hình trong hữu hình. Đất nước đâu gì xa lạ mà ngay trong *miếng trầu bây giờ bà ăn*. Câu thơ nghiêng nghiêng cái nhìn của huyền thoại, của truyền thống văn hoá từ nghìn đời. Mới hay, mỗi bài thơ là một hình sắc riêng. Người đọc đến với tác phẩm là để tìm những suy nghĩ sâu sắc, thấm thía *một cách nhìn, một cách nghĩ, một cách xúc cảm* say mê trong khoái cảm thậm mĩ mà *một cách nói* đem lại.

Ý kiến của nhà phê bình có lẽ cũng có nguyên do từ bản chất sáng tạo của lao động nghệ thuật. Con chim cất tiếng hót mong lưu lại giọng ca lánh lốt. Nghệ sĩ cầm bút ai chẳng nguyện đem đến một tiếng nói mới mẻ, độc đáo. Sáng tác nghệ thuật không phải là công việc sản xuất hàng loạt. Nó là sản phẩm cá thể, cá nhân thi

sĩ làm. Tác phẩm càng không phải là sự cộng ghép giản đơn từ người này hay người khác. Sẽ ra sao nếu tác phẩm này song sinh với tác phẩm kia. Lối đi của văn chương muôn đời không phải con đường thẳng duy nhất, nó là vô vàn ngã rẽ, là đại dương đạt dào hợp lưu từ muôn dòng chảy. Không sáng tạo, lặp lại người, lặp lại mình kể như là cái chết của nghệ thuật vậy. Làm sao để từ một nguồn vút lên những âm thanh, từ một cung đàn ngân bao cung bậc. Ép-tu-sen-cô có lí khi cho rằng: Tự tử với đời nghệ sĩ không phải phát súng hay sợi dây thừng mà chính là khi ngồi vào bàn viết, không đem đến một cái gì mới mẻ. Nhìn vào lịch sử văn chương có thể thấy diện mạo đa dạng, phong phú của các gương mặt nghệ thuật. Điều này lí giải vì sao thơ ca cho đến bây giờ vẫn là sự hấp dẫn vĩnh viễn, vẫn không ngừng sinh sắc. Cùng viết về tình yêu, trái tim nghệ sĩ Ta-go muốn dành cho người yêu tất cả những gì đẹp nhất, có đôi mắt nào băn khoăn nhìn vào thăm thẳm trái tim người thương để suy tư, để trần trở. Còn Pu-skin, một trái tim hồn hậu, vị tha, vừa bốc men say sưa vừa dịu lắng vào lí trí tỉnh táo lại tìm đến lẽ cao thượng: *Cầu em được người tình như tôi đã yêu em*. Không lặp lại người khác đã đành, sáng tạo nghệ thuật cũng không chấp nhận sự lặp lại của một cá nhân. Bởi đâu cùng viết về mùa thu đồng bằng Bắc Bộ mà mỗi bài thơ trong chùm ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến vẫn làm bao trái tim người rung động. Một thoáng thẹn, một chút băng khuâng ngỡ ngẩn trong *Thu vịnh*. Một chút man mác buồn của những câu thơ ngậm nỗi niềm thời thế trong *Thu điếu*. Một mình một chén mắt đỏ hoe trong *Thu ẩm*. Ấy là tâm hồn Yên Đỗ, tài năng Yên Đỗ. Trái tim nghệ sĩ như dây đàn giăng giữa đất trời, chút gió thoảng qua, làm sao chẳng ngân rung một nhịp riêng. Thế nên một điệu tâm hồn mà vút lên nhiều cung bậc, ba bài thơ thu mà bài nào cũng thoát bay một ý vị riêng, một sức hấp dẫn riêng. Mới thắm thía muôn đời là sự đi về của sáng tạo.

Từ trái tim đến trái tim, thơ bắc nhịp cầu giao cảm bằng những nghĩ suy sâu sắc. Hấp dẫn người đọc, thơ trước hết phải có *một cách nhìn, một cách nghĩ, một cách xúc cảm* là như vậy. Song chẳng lẽ chỉ cảm xúc mãnh liệt là đủ thôi sao? Thơ cần có đôi cánh nghệ thuật để nâng đỡ sức mạnh trái tim. Sự hài hoà giữa nội dung và hình thức mãi là quy luật văn chương muôn đời vậy. Thơ rất cần những ý tứ sâu sắc và những ý tứ ấy phải được chuyển tải trong một hệ thống các phương tiện biểu hiện độc đáo. Thế nên có nhà thơ từng tâm niệm: *Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác*. Một suy nghĩ rất sâu sắc nếu chuyển tải trong hình thức vụng về sẽ không đủ sức hấp dẫn. Lốp ngôn từ sắc sảo mà thiếu đi vẻ đẹp nội dung cũng phù phiếm như bông hoa làm bằng vỏ bào vậy. Đọc thơ Xuân Hương, người đọc như bị cuốn vào tâm xoáy của bão táp cảm xúc. Dầu là tiếng thơ trào lộng hay lắng vào tâm tình sâu

xa thì nổi lên vẫn là một cá tính ngang tàng. Ngôn ngữ thơ gai góc, gập ghềnh như cái đút gậy tự bên trong trái tim nữ sĩ. Nếu thơ Bà Huyện Thanh Quan cổ kính, trang nhã như một toà thành, một lâu đài thì thơ Xuân Hương tươi sắc, phong phú như đồng ruộng, nước non. Một cá tính mạnh mẽ đâu thể dung hợp trong thi pháp tinh tại mà phải dồn trong thế giới thơ sống động. Người ta yêu thích thơ nữ sĩ họ Hồ có lẽ cũng bởi lần đầu tiên sự sống sinh sắc như thế trong thơ. Bông hoa làm say lòng người bởi hương thơm và màu sắc. Thơ giữ mãi ngọn lửa rực cháy qua bao thế hệ một phần bởi sức sáng tạo kì diệu của nó.

Tôi còn nhớ đã bao lần đứng trước mùa thu, lắng nghe nhịp đến nhịp đi của mùa, lòng không khỏi băng khuâng, náo nức mà không sao nói lên lời. Chỉ khi đến với những vần thơ của Nguyễn Khuyến, Xuân Diệu... mới thấy từng nhịp thổn thức đang lắng trong từng con chữ. Song không phải vì cùng một đề tài mà hai nhà thơ chỉ có nét giống nhau. Đọc *Thu vịnh* và *Đây mùa thu tới*, tôi vẫn nhận ra những xao xuyên riêng. Thu của cụ Tam Nguyên là mùa thu ở nông thôn, đượm vẻ buồn đồng ruộng, còn thu của Xuân Diệu lại băng khuâng cái cảm xúc thị thành. Một bên mùa thu đã hoàn tất còn một bên thu vừa mới chớm. Một bên trước thu mà gợi tình, một bên tìm cảm xúc vương mang trong nhịp bước của nàng thu. Một bên là đối khách còn bên này là kẻ đi tìm mình trong thu. Ngay cảnh vật thôi, cách miêu tả thật khác. Âm ảnh đến thế màu xanh vời vọi trong thơ cổ nhân:

*Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.*

Một màu *xanh ngắt* là cái cao rộng, không cùng của đất trời cũng là điểm xoáy đậm đặc của con mắt yêu say. Không gắn bó với quê hương, thi sĩ có nảy ra được từ đất trời một màu xanh thăm thẳm đến thế. Người Việt Nam ai chẳng một lần rung động trước màu xanh ấy.

Cũng là sắc thu nhưng cảm quan thi sĩ thơ mới lại bắt được khoảnh khắc thu - phối phai trong sắc lá:

Với áo mơ phai dẹt lá vàng.

Mơ phai là màu gì? Không rõ. Câu thơ nhập nhoà giữa thực và hư. Đó là cái nhoè đi của cảm xúc hay cảnh vật đang sinh sắc trong thơ. Cũng là màu vàng từng in dấu qua bao tác phẩm thi ca cổ điển, nhưng bước vào thơ Xuân Diệu nó lại tái sinh một sắc mới. Ấy là màu của mùa thu hay là màu sắc trái tim nghệ sĩ. Nếu *Thu vịnh* đem đến một mùa thu gợi cảm, tinh tế bằng bút pháp cổ điển thì *Đây mùa thu tới* lại hấp dẫn bằng bút pháp tả thực. Người đọc chạm đến từng con chữ là chạm tới bước đi của mùa.

Cảnh đã khác, tình cũng đổi thay. Khoảnh khắc thụ sang, thi sĩ họ Nguyễn chạnh một chút băng khuâng, một cái thẹn vút lên nhân cách sáng ngời. Tiếng ngỗng giữa không trung rơi vào khoảng lặng vắng chơi vơi của trái tim người. Chút ngẩn ngơ, băng khuâng ấy chẳng phải còn mãi ám ảnh người đọc hay sao? Với thi sĩ Thơ mới, cảm xúc không nghiêng về nỗi niềm ưu thời mẫn thế của cổ nhân mà man mác sầu buồn. Tâm trạng đi chênh vênh giữa náo nức và tủi sầu. Cái động thái *tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi* gì khép lại bài thơ mà vẫn để lại giữa không cùng một cái nhìn vô định, mông lung. Thế đấy, mùa thu bao lần đi qua, mỗi khoảnh khắc trái tim thi sĩ lại rung lên một nhịp riêng. Giữa bao vần thơ thu, mãi đi về trong trái tim tôi một *Thu vịnh*, một *Đây mùa thu tới*. Có phải những tác phẩm ấy đã hấp dẫn tôi, mãi sinh sắc, xanh tươi bởi mạch nguồn sáng tạo. Thế mới hay *thích một bài thơ... trước hết là thích một con người*. Một Nguyễn Khuyến lắng vào thâm trầm. Một Xuân Diệu băn khoăn gửi cái buồn vương vất vào hư không.

Ý kiến của Hoài Thanh nhấn vào cái hấp dẫn trước hết của một bài thơ. Làm nên vẻ đẹp một bài thơ có nhiều yếu tố: tính dân tộc, tính nhân loại,... nhưng cái tiên quyết vẫn là gương mặt nghệ thuật riêng. Có những bài thơ sáng tạo, hấp dẫn người đọc bằng chính sự chân thành. Tôi nghĩ viết hết mình cũng là sự sáng tạo vậy.

Thêm nữa, sáng tạo bao giờ cũng phải cở gốc rễ sâu xa từ truyền thống. Cho nên, thích thú một bài thơ vì nó là mạch chảy bắt nguồn từ truyền thống vậy. Suy nghĩ của Hoài Thanh không chỉ hợp lí cho sự tiếp nhận thơ nói riêng mà với cả văn học nói chung. Càng thấm thía bài học với nghệ sĩ: muốn tạo ra những tác phẩm có giá trị, có sức sống phải sáng tạo. Vẫn âm vang mãi nhịp mùa thu trong những vần thơ ấy. Thơ ca, muôn đời là chuyện của trái tim, nghệ thuật.

Câu 2.

Cứ ám ảnh mãi trong tôi hình ảnh một tử tù *cổ đeo gông, chân vướng xiềng* và những nét chữ thoát bay. Cái xấu xa ngục tù và vẻ đẹp của nhân tính, thiêng liêng. Sáng tạo nghệ thuật hoài thai ngay giữa hoàn cảnh tối tăm. Những câu văn trang trọng mà đầy chất thơ. *Chữ người tử tù* đã để lại cho tôi những cảm nhận ấy. Có lẽ tinh hoa ngòi bút Nguyễn Tuân, vẻ đẹp cả thiên truyện đã thăng hoa trong cảnh cho chữ cuối cùng này.

Điều hấp dẫn người đọc đầu tiên, có lẽ là bút pháp dựng cảnh độc đáo, nói như chính tác giả: *một cảnh tượng xưa nay chưa từng có*. Khoảnh khắc cho chữ, khoảnh khắc cái đẹp thăng hoa từ *buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián*. Ngục tù vốn là nơi tăm tối nhất, nơi mà bóng đen của cái xấu, cái ác ngự trị lại là nơi sinh thành nét chữ Huấn Cao. Những câu văn

như bị nén lại làm lan toả một không khí thiêng liêng. Ngọn đuốc sáng rùng rục, vương vãi còn nguyên vẹn lần hồ, ba mái đầu chụm lại bên nhau,... tất cả để chuẩn bị cho công việc thiêng liêng. Người đọc bị cuốn chặt vào giây phút thiêng liêng của cái đẹp chiến thắng. Không phải ngẫu nhiên, nhà văn để Huấn Cao trong một tư thế *cổ đeo gông, chân vướng xiềng*. Có một điều dường như nghịch lí. Người tù bị kiềm toả bởi gông cùm mà ung dung, đường hoàng. Còn quản ngục, thơ lại vốn là những kẻ có uy quyền và hoàn toàn tự do thì *khúm núm, run run*. Vận dụng bút pháp tương phản của chủ nghĩa lãng mạn để dựng cảnh, dựng người với Nguyễn Tuân đã thật điêu luyện, như thấm vào từng câu chữ. Tất cả thủ pháp nghệ thuật đều tôn lên vẻ đẹp của sáng tạo nghệ thuật và thiên lương con người. Giây phút cuối đời của tử tù không phải là những lời than thở. Khoảnh khắc thiêng liêng nhất, con người ấy vẫn dành cho cái đẹp. *Thoi mực, thầy mua ở đâu mà tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm từ chậu mực bốc lên không?* Hương thơm của mực hay cái sánh quện của tâm hồn. Ngỡ như vẻ đẹp tâm hồn Huấn Cao đã vương hương vào hai câu văn ấy. Đẹp như một câu thơ bởi câu văn là chất thơ của lòng người. Thói thường, cận kề cái chết, người ta hay run sợ, làm sao có thể nghĩ đến cái gì lớn hơn bản thân mình. Nếu không có một bản lĩnh sống cao đẹp, một lí tưởng cao cả, Huấn Cao đâu có thể thốt ra những lời di nguyện thiêng liêng, cao đẹp như thế. Đoạn văn là sự tụ họp của cái đẹp. Chính cái đẹp đã đảo lộn vị thế giữa tử tù và quản ngục, xoá đi khoảng cách của chức vị để *ba cái đầu người đang chăm chú* đã trở thành biểu tượng của sự cảm hoá kì diệu. Những câu văn lặng đi trong không khí thiêng liêng. Hình ảnh *tám lủa bạch còn nguyên vẹn, lần hồ* ám ảnh như cái trong trẻo, thanh sạch của những con người tri kỉ. Ngục tù, tối tăm có thể dè nát, dìm tắt cái đẹp hay không? Câu trả lời ở ngay trong khoảnh khắc thiêng liêng cuối cùng này. Giây phút ngắn ngủi của đời người, Huấn Cao đã di nguyện cho người ở lại lòng yêu mến cái đẹp. Không phải chỉ là cái đẹp định hình trong nét chữ mà còn là cái đẹp thoát bay từ tâm hồn, từ thiên lương trong sáng. Cái chết của Huấn Cao làm tái sinh sự sống và làm hồi sinh thiên lương quản ngục. Vậy nên cái chết ấy đâu phải vô nghĩa. Chỉ dòng nước mắt chan chứa của quản ngục thôi cũng lấp lánh biết bao vẻ đẹp của tình người. Đó không phải giọt nước mắt của đau đớn, ngậm ngùi, nó lăn tròn, óng ánh và mặn nồng cảm xúc. Lời *bái lĩnh* chứ không phải *xin lĩnh ý*. Đến đây, quản ngục đã bị cảm hoá hoàn toàn, đâu giản đơn là sự thuần phục của lí trí mà là bao yêu mến đang tràn ngập con tim. Có lẽ chỉ ngần ấy thôi là đủ, nếu thêm một đoạn như lần in đầu tiên, tác phẩm sẽ mất đi ý vị dư ba nhiều lắm. Sự cảm động này khiến người đọc nhớ đến dòng nước mắt của những đao phủ khóc cho Ri-va-rếch trong tiểu thuyết *Ruổi trâu*. Thế mới hay, cái đẹp của thiên tính mãi mãi có sức cảm hoá kì diệu, đông hay tây, xưa hay nay cũng vậy. Đoạn văn khép lại mà có lẽ dòng

nước mắt rĩ thấm nghẹn ngào vẫn chưa ngừng chảy. Nó lan vào trái tim người đọc. Hẳn là Nguyễn Tuân, người nghệ sĩ suốt đời đi tìm cái đẹp, tái sinh cái đẹp trong nghệ thuật, đã thoả nguyện khi viết những dòng văn sáng đẹp này.

Hấp dẫn người đọc bởi vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật, đoạn văn của Nguyễn cứ mãi ám ảnh tâm hồn người đọc. Từ trang văn, cái đẹp thoát bay từ trái tim tử tù và quần ngục đã cảm hoá sâu xa lòng người. Dấu ấn Nguyễn Tuân, dấu triện phong cách Nguyễn Tuân cũng vì thế mà in đậm mãi trong cảm nhận của người đọc. Nếu không say mê cái đẹp, yêu thương con người liệu nhà văn có tạo ra trang viết giàu giá trị nhân văn đến thế.

Cứ lắng lại dư vị của thiêng liêng, của vẻ đẹp. Nét thẳng hoa của con chữ, của lòng người. Những câu văn đầy giá trị tạo hình, trang trọng mà lai láng như một khúc thơ. Khúc thơ của cái đẹp, bản giao hưởng hài hoà của tài năng và tấm lòng nghệ sĩ.

(Bài đoạt giải Nhất, 18/20 điểm)

NHẬN XÉT

Nhìn một cách bao quát, bài làm đã đáp ứng được khá tốt yêu cầu của đề bài. Văn viết chững chạc, sáng tạo và giàu chất văn.

Ở câu 1, người viết đã hiểu chính xác ý kiến của nhà phê bình Hoài Thanh, trình bày được những hiểu biết sâu sắc về vấn đề tiếp nhận văn học và những khía cạnh cơ bản của phong cách nghệ thuật. Kiến thức văn học, trong đó đặc biệt là kiến thức về lí luận văn học khá phong phú, chắc chắn và đáng quý hơn là những kiến thức này đã được vận dụng nhuần nhuyễn và có hiệu quả. Trong suốt quá trình làm bài, người viết luôn bám sát vấn đề đặt ra ở đề bài với hệ thống luận điểm rõ ràng, lí lẽ sắc sảo. Đặc biệt tỏ ra thông minh và có năng khiếu văn chương trong việc lựa chọn và thẩm bình dẫn chứng. Việc sử dụng thao tác nghị luận so sánh nhuần nhuyễn khiến cho bài viết có chiều sâu với những phát hiện mới mẻ. Tuy nhiên, nếu nhấn thêm một chút nữa về *sự gặp gỡ tri âm giữa người sáng tác và người tiếp nhận văn học* thì thiết nghĩ bài viết sẽ thuyết phục hơn.

Ở câu 2, người viết bước đầu đã có kĩ năng phân tích một đoạn văn xuôi nghệ thuật, biết thông qua vẻ đẹp của hình thức để làm nổi bật nội dung của đoạn văn. Tuy nhiên, so với câu 1, văn viết có phần non tay hơn, đôi chỗ câu văn còn mờ nghĩa. Thêm nữa, do chưa đặt đoạn văn trong chỉnh thể tác phẩm nên cũng chưa làm nổi bật được chủ đề tư tưởng và thấy rõ phong cách nghệ thuật của tác giả; những sáng tạo độc đáo của Nguyễn Tuân tạo nên sức hấp dẫn cho đoạn văn cũng chưa được bàn sâu và nói hết.

NĂM 2007

ĐỀ BÀI

Câu 1. (8,0 điểm)

Trong việc nhận thức, F. Ăng-ghe-n có phương châm: *Thà phải tìm hiểu sự thật suốt đêm còn hơn nghi ngờ nó suốt đời*, C. Mác thì thích câu châm ngôn: *Hoài nghi tất cả*.

Anh (chị), hiểu thế nào về những ý tưởng trên?

Câu 2. (6,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *Khi tác phẩm kết thúc, ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu*.

Anh (chị) hãy bình luận ý kiến đó.

Câu 3. (6,0 điểm)

Cảm nhận của anh (chị) về đoạn văn sau đây trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam:

Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sáng hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về! Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn, đối với Liên, khác hẳn cái vầng sáng ngọn đèn của chị Tí và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng.

(Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam)

YÊU CẦU LÀM BÀI

Câu 1. Đối với câu này, người viết có quyền tự do lựa chọn thể loại để trình bày cách hiểu của mình. Tuy nhiên, cần phải đạt được hai nội dung căn bản sau đây:

1. Giải thích

a) Câu của Ăng-ghe-n: "Thà phải tìm hiểu sự thật suốt đêm còn hơn phải nghi ngờ nó suốt đời".

Ý căn bản: đối với con người, thà vất vả tìm hiểu trong một thời gian ngắn (suốt đêm) để có được một nhận thức rõ ràng, khai thông được tư tưởng về một vấn đề nào đó, còn hơn là cứ để nó tồn đọng như một việc chưa được giải quyết, khiến cho mỗi nghi ngờ về nó luôn đè nặng mình trong thời gian dài (suốt đời).

b) Câu châm ngôn C. Mác thích: "Hoài nghi tất cả".

Ý căn bản: cần phải tỉnh táo khi tiếp nhận mọi điều, chớ thụ động, cả tin vào những gì mà chính mình chưa suy xét, kiểm chứng.

2. Bình luận

Cần thấy mỗi ý tưởng ấy đều hợp lí. Bề ngoài chúng có vẻ mâu thuẫn nhau, nhưng bên trong lại thống nhất. Mỗi câu nhấn mạnh vào một khía cạnh của vấn đề nhận thức, các khía cạnh ấy bổ sung cho nhau.

a) Câu của Ăng-ghe-n

– Sự thật là những chân lí khách quan. *Tìm hiểu sự thật* là mục đích quan trọng đối với việc nhận thức. Nếu không nắm được sự thật thì sẽ gây khúc mắc và ngờ vực, nghi hoặc. Nghi ngờ là một trạng thái tinh thần tiêu cực bất lợi đối với đời sống.

– Phương châm của Ăng-ghe-n là đúng đắn. *Thà mất công tìm hiểu sự thật, suốt đêm* là giải pháp tích cực. Còn để trạng thái nghi ngờ đè nặng mình suốt đời là tiêu cực. Mất công trước mắt mà có được lợi ích lâu dài vẫn luôn là lựa chọn khôn ngoan của con người nói chung, của việc tìm hiểu khoa học nói riêng.

b) Câu châm ngôn C. Mác thích

Châm ngôn C. Mác thích là một ý tưởng đúng đắn:

– Hoài nghi là phẩm chất tích cực, là thái độ tỉnh táo khoa học và sự cẩn trọng trong tìm hiểu và tiếp nhận. Trong cuộc sống cũng như trong nghiên cứu khoa học, thái độ hoài nghi là điều cần thiết. Nó giúp con người có được sự cẩn trọng và chắc chắn trong hiểu biết, tránh được những hồ đồ, cả tin dễ dẫn tới sai lạc, lầm lẫn.

– Cần phân biệt hoài nghi khoa học và sự nghi ngờ như đã nói trên và thói đa nghi. Đặc biệt lưu ý đa nghi là một căn bệnh tiêu cực. Nó khiến người ta không tin vào bất cứ điều gì.

c) Sự bổ sung

– Câu châm ngôn C. Mác thích thì nhấn mạnh vào sự cần thiết của thái độ hoài nghi khoa học như một tiền đề gợi cảm hứng cho con người tìm kiếm sự thật.

- Còn câu của F. Ăng-ghe-n thì nhấn mạnh vào việc tích cực dần dần tìm kiếm sự thật để hoá giải mỗi nghi ngờ.

- Cả hai đều là những phương châm đúng đắn và cần thiết đối với việc nhận thức của con người.

Câu 2. Có thể trình bày theo những cách khác nhau, nhưng cần đạt được một số yêu cầu sau:

1. Giải thích

Người viết cần phải xác định ý kiến này thực chất là đề cập đến vấn đề tiếp nhận văn học. Nó đề cao vai trò của chủ thể tiếp nhận là người đọc. *Khi tác phẩm kết thúc* là khi tác giả đã hoàn thành tác phẩm cũng là khi người đọc đã đọc xong tác phẩm ; *ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu* nghĩa là, lúc bấy giờ tác phẩm mới thực sự sống đời sống của nó trong tâm trí người đọc, tác phẩm mới thực sự nhập vào đời sống thông qua người đọc.

2. Bình luận

- Khẳng định đây là một ý kiến đúng đắn. Nó đã chỉ ra được mối liên hệ thực tế giữa nghệ thuật và đời sống, giữa sáng tạo và tiếp nhận. Nó đề cập được vấn đề cốt lõi của vòng đời tác phẩm. Nó nhấn mạnh vai trò của người đọc tri âm và là người đồng sáng tạo, người quyết định đến đời sống thực sự của tác phẩm nghệ thuật.

- Khẳng định đây là một ý kiến súc tích, chứa đựng những ý tưởng sắc sảo với hình thức diễn đạt gây ấn tượng.

3. Chứng minh

Để làm sáng tỏ và tăng tính thuyết phục cho việc giải thích và bình luận của mình, người viết cần phải minh hoạ bằng các tác phẩm văn học mà mình nắm vững.

Câu 3. Đây là dạng đề tương đối mở. Người viết không nhất thiết phải đề cập tất cả những đặc sắc của đoạn văn mà được tự do trong việc cảm nhận. Có thể cảm nhận về toàn thể, có thể về một khía cạnh nào đó của đoạn văn. Tuy nhiên, dù cảm nhận theo hướng nào cũng không được thoát li văn bản.

Dưới đây là một số đặc sắc căn bản của đoạn văn mà người viết có thể cảm nhận:

- Vẻ đẹp của tâm hồn nhân vật Liên. Một tâm hồn trong trẻo vừa mẫn cảm đối với ngoại giới vừa giàu mơ ước về một cuộc sống tươi vui tràn đầy âm thanh và ánh sáng. Nó hiện ra trong những cảm nhận tinh tế, những quan sát tinh vi và một nỗi niềm tâm tư kín đáo đầy ắp buồn nhớ và mơ tưởng.

- Vẻ đẹp của văn chương Thạch Lam. Ngôn ngữ giàu chất thơ, giọng điệu tâm tình đầy thương cảm, chi tiết và hình tượng nghệ thuật bình dị giàu sức gợi, bút pháp tương phản nhuần nhị. Qua đó, có thể thấy một tấm lòng trắc ẩn mênh mông mà thấm thía dành cho những con người nhỏ bé trong cuộc sống nhọc nhằn ở những miền đời bị quên lãng.

BÀI LÀM SỐ 1

Câu 1.

Câu hỏi cuối cùng cho thế giới vẫn còn đó

(Anh-xtanh)

Nói đến C. Mác và F. Ăng-ghe-nen là nói đến hai vị lãnh tụ tinh thần tối cao của phong trào vô sản thế giới, và cũng là nói đến một đôi bạn thiên tài. Ở họ có rất nhiều tư tưởng chung mà tư tưởng về sự nhận thức là một trong số đó. F. Ăng-ghe-nen có phương châm: *Thà phải tìm hiểu sự thật suốt đêm còn hơn nghi ngờ nó suốt đời*, còn C. Mác thì thích câu châm ngôn: *Hoài nghi tất cả*. Có lẽ ta sẽ tìm thấy trong lời hai bậc vĩ nhân chân lí về việc nhận thức của con người.

Nhận thức là việc tìm tòi, khám phá thế giới vạn vật xung quanh ta, hay đi sâu vào kho tàng nhân loại để tìm những chân trời tri thức. Rộng hơn, nhận thức là sự hấp thụ những tinh hoa kiến thức nhân loại, tạo ra nguồn nội lực bản thân để có thể vươn tới chân lí vĩnh hằng. Chính vì vậy, Ăng-ghe-nen khuyên ta *tìm hiểu sự thật suốt đêm* là muốn ta không ngừng nhận thức những quy luật của vạn vật, của vũ trụ. Nhưng điều quan trọng là sự nhận thức có đứng yên không, liệu có cái gọi là "chân lí cuối cùng" không? C. Mác lại tiếp tục khai sáng cho ta một con đường nhận thức: *Hoài nghi tất cả*.

Hoài nghi là một phương thức phủ định triết học; người biết hoài nghi là người luôn nhìn sự vật ở quy luật duy vật biện chứng, tức là không có gì đứng yên; luôn có sự thay đổi tương đối về chất và lượng trong chúng. Vì vậy sự hoài nghi là một bước phát triển cao hơn của nhận thức; là khả năng nhìn nhận sự vật ở bề sâu, bề rộng nội tại của nó. Trên lập trường mác-xít, C. Mác đã nhận ra: *Hoài nghi tất cả* là một phương diện triết học của mình.

Nhưng vì sao ta luôn phải nhận thức và hoài nghi trong cuộc sống? Không cần phải là nhà triết học, bạn cũng thấy vũ trụ này rộng lớn đến thế nào. Có không biết bao nhiêu điều cần khám phá, cần khai mở mà ta chưa nhận thấy. Tất cả đã ở bên ta rồi, chỉ có điều ta chưa khám phá ra mà thôi. Chỉ cần đi sâu vào một lĩnh vực khoa học, người ta cũng thấy hàng trăm mối quan hệ phức tạp giữa nó và các bộ

môn khác. Thế giới này như một mê lộ của tri thức; nếu như ta không liên tục nhận thức để tìm đường ra, đến với những chân trời mới thì ta cứ đi lạc mãi mà thôi. Đến Niu-ton, một nhà bác học uyên thâm, am hiểu sâu rộng nhiều lĩnh vực từ toán học, vật lí đến triết học, thiên văn học... cũng chỉ dám nhận mình là hạt cát trước đại dương mênh mông tri thức nhân loại. Chính sự trái ngược giữa kho tàng tri thức khổng lồ với sự hạn hẹp của tầm nhận thức cá nhân con người đã thúc đẩy loài người liên tục tìm về phía trước để vươn tới những phát kiến mới. Nếu không khao khát nhận thức cái mới, thì cái lâu dài văn hoá suốt hàng vạn năm của nhân loại không chóng thì chầy sẽ đến ngày sụp đổ. Vì thế, có thể coi nhận thức không ngừng là một tín ngưỡng căn bản của loài người.

Nhận thức không ngừng vẫn chưa đủ. Ngày nay, chúng ta sống trong một xã hội biến đổi như vũ bão từng phút, từng giây, nên "thoả mãn tức là chết". Mới mấy chục thế kỉ mà bộ mặt thế giới thay đổi không biết bao nhiêu lần. Từ lửa đến bom nguyên tử, từ giáo mác đến đại bác.... những vườn địa đàng đã biến mất; con người bị thần thánh bỏ rơi giữa cái hỗn mang cuộc sống. Họ chỉ còn biết không ngừng lao động và sáng tạo để cải biến cuộc sống này ngày một tốt đẹp hơn. Trong mười năm, ti vi từ màn hình lồi sang màn hình tinh thể lỏng chẳng phải minh chứng đó sao. Dòng lịch sử luôn có những biến thiên vĩ đại mà cá nhân không cưỡng lại nổi; vì thế mỗi người phải luôn thay đổi, luôn hoài nghi những cái cũ để tiến kịp bước nhân loại. Sự hoài nghi ở đây đồng nghĩa với sự tiến bộ tất yếu của lịch sử. Và thế giới "hậu hiện đại" ngày nay đang là sự hỗn loạn những tư tưởng. Người ta còn đòi "phản tự sự" để lập ra học thuyết "không cái gì hết". Thật đáng buồn biết bao khi họ biến hoài nghi thành một sự phủ định vô căn cứ. Vì thế, bạn ơi, hãy biết hoài nghi nhưng đừng bi quan để hoài nghi không biến thành phá hoại hoặc thúc thủ bó tay hay biến mình thành "kẻ ghét đời".

Sự nhận thức của ta trước thế giới được biểu hiện như thế nào? Điều đó tùy thuộc mỗi cá nhân. Nhưng ở ai cũng vậy, muốn nhận thức được phải thay đổi nguồn nội lực của mình trước đã. Phải không ngừng trau dồi năng lực, nâng cao tư duy,... mới có đủ tâm thế để nhận thức xung quanh. Nhớ khi xưa, Vương Dương Minh bỏ mười năm đọc sách chỉ để nâng cao tri thức đến mức tìm hiểu ra "cách vật" mới thôi. Nay, ở những công ty liên doanh, không có trình độ vi tính, ngoại ngữ,... thì tấm bằng chuyên môn của anh cũng bỏ đi. Thế mới biết, nâng cao nội lực quan trọng thế nào. Sau khi nhận thức lại chính mình, ta lại phải thay đổi nhận thức, phải "hoài nghi" để phù hợp với xung quanh. Cứ nhìn việc nước ta gia nhập WTO là ta đã hiểu rõ việc hoài nghi chính mình quan trọng thế nào. Các doanh nhân, các nhà lãnh đạo biết phải dẫn con tàu đất nước theo những con đường quanh co, khúc khuỷu của toàn nhân loại, chứ nhất quyết không đi theo con đường

đơn tuyến của một nước Việt Nam. Trong thời buổi toàn cầu hoá này, biết rõ đâu bạn đâu thù là điều kiện tiên quyết để kinh tế nước nhà đi lên.

Là người công dân của nước Việt Nam, tôi biết rõ trách nhiệm đang đè nặng lên đôi vai mình. Nhưng "vui gì hơn làm người lính đi đầu", tôi sẽ không ngừng trau dồi bản thân và học theo những tinh hoa văn hoá thế giới để cùng toàn dân tộc bước vào kỉ nguyên ánh sáng.

Ngoài ra, tôi còn muốn đi theo con đường nghiên cứu văn học. Không chỉ học văn như trên ghế nhà trường, tôi tự biết mình phải nỗ lực không ngừng mới theo kịp bước tiến của văn chương thế giới. Tôi đọc Pa-víc, Oe Ken-za-bu-zô, Am-bét-tô Ê-cô, Ốc-ta-vi-ô Pát, Mi-lan Kun-đơ-ra,... để hiểu những tác gia quan trọng đương thời; cũng như đọc thuyết giải cấu trúc, nhân học tương tượng, phân tâm học, kí hiệu học,... để biết được phê bình – lí luận thế giới đang diễn tiến thế nào. Ngoài ra, tôi còn muốn mình phải hiểu thêm triết học, mĩ học, ngôn ngữ học, xã hội học,... để "hiện đại hoá" cái tầm vóc tí hon của mình trước bước đi vĩ đại của văn chương thế giới. Trước mắt tôi là con đường sương mù, nhưng tôi biết mình phải đi, chẳng còn nghi ngờ gì nữa.

Đề-các nói: *Tôi tư duy tức là tôi tồn tại*, nhưng sự tư duy của ta đã là gì với tri thức ngoài kia. Vì thế, C. Mác và Ăng-ghe-n khuyê-n ta đừng bao giờ biết thoả mãn về nhận thức. Ngày mai thế giới này sẽ thế nào? Ai mà biết được. Và bạn ơi, chỉ mình bạn mới có thể trả lời được câu nói ấy mà thôi vì bạn là một thực thể biết hoài nghi và quan trọng hơn bạn biết trả lời bằng cách của mình thế nào. Và bạn ơi, có một lời khuyê-n chân thành dành cho bạn: *Hãy chỉ tin vào những gì mình thực nghiệm được*. Hay nói như An-đơ-rê Gi-đơ: *Đọc xong sách của tôi, hãy quẳng nó đi*.

Ai biết được ngày mai thế giới sẽ thay đổi vì bạn?

Câu 2.

Nếu như trong cuộc sống, C. Mác khuyê-n ta hãy biết *hoài nghi tất cả* thì khi đọc một tác phẩm văn học, ta có phải hoài nghi không? Khi mà những nhân vật, thời câu chuyện của họ, ta gấp sách lại và an tâm rằng thế là mình đã biết hết; liệu thế có được chăng? Tất nhiên là không rồi, vì *khi tác phẩm kết thúc, ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu*.

Ngay từ xưa, Hê-ghe-n trong *Triết học tinh thần* đã yêu cầu việc xem xét tác phẩm trong hệ thống "tác giả – tác phẩm – người đọc" vì ông cho rằng sự tồn tại của tác phẩm chỉ tồn tại trong ba yếu tố quan hệ hữu cơ với nhau ấy thôi. Còn người Trung Quốc xưa, lại cho rằng tác phẩm tồn tại trong lòng của người tri kỉ chứ không trên trang giấy; vì thế việc viết văn là việc của tấm lòng. Lí luận hiện đại lại cho rằng,

tác giả "mã hoá" văn bản và người đọc là người "giải mã" nên tác phẩm là sự "tập hợp các dấu vết mã hoá". Vậy thì cuối cùng, vấn đề thực sự của lí luận tiếp nhận là gì, và tại sao tác phẩm chỉ sống khi dấu chấm hết văn bản xuất hiện?

Tác phẩm văn học là một văn bản ngôn từ. Nhưng đặc trưng của ngôn từ là tính mơ hồ đa nghĩa nên người ta gọi tác phẩm văn học là một "văn bản mở". "Văn bản mở" nghĩa là tác phẩm gồm hai phần: "phần cứng" là những con chữ bề mặt văn bản đang nằm im, "phần mềm" là hệ thống tư tưởng, ý nghĩa được xuất hiện trong quá trình tiếp nhận. Vì thế, cái gọi là "tác phẩm văn học" chỉ thực sự tồn tại khi nó biến thành cái "phần mềm" kia, còn nếu không nó trở thành "quyển sách". Mà rõ ràng, ý muốn của nhà văn là truyền đến bạn đọc những lẽ sống của đời chứ không phải để bán sách.

Chính vì thế, tác phẩm chỉ thực sự tồn tại khi người ta ý thức được về nó mà thôi. Người đọc là người cứu tác phẩm ra khỏi hầm mộ của sách, giúp nó sống lại và bước đi giữa cuộc đời và hồn người. Cảm kích trước tấm lòng bạn đọc, tác phẩm tái sinh trong lòng họ, và ban cho họ những xúc cảm thẩm mĩ riêng biệt. Vì thế, mỗi tác phẩm là một tiếng mời gọi tha thiết tấm lòng bạn đọc đến với mình, tri âm với mình để mình có được một đời sống mới. Tác phẩm không phải một thứ giáo điều được định trước mà nó thẩm thấu vào tâm hồn bạn đọc bằng chính tình yêu thương mà độc giả dành cho nó. Sức sống của tác phẩm không nằm ở lối ra lệnh của nhà binh hay truyền giáo của tu sĩ mà nằm ở trường nhìn, trường cảm của từng cá nhân đọc khác nhau.

Ta cũng biết, tác phẩm là một "ảnh", một "phiên bản" của hiện thực đời sống nên nó không bao giờ trùng khít với đời sống, nhất là các tư tưởng, các luật lệ ngoài đời. Vì thế để xác định các "luật" trong tác phẩm, giữa người đọc và tác giả có một "quy ước ngầm" với nhau về sự "như thật" của tác phẩm. Chính sự "quy ước" ấy là sự tương thông giữa chủ thể sáng tạo và chủ thể tiếp nhận mà khi chuyển hoá qua văn bản nó tạo ra sức sống cho tác phẩm. Ngẫm ra, tuy từng tư tưởng, kinh nghiệm, thẩm mĩ của mỗi độc giả mà sự "quy ước" ấy cao thấp khác nhau, và cũng vì thế tác phẩm có muôn ngàn cuộc sống khác nhau. Bởi vậy, tác phẩm vừa là nó, vừa chẳng là nó. Sự thú vị trong đa dạng tiếp nhận cũng chẳng kém sự thú vị trong đa dạng sáng tạo. Vì thế sức sáng tạo của nhà văn, qua bạn đọc cứ nhân lên đến vạn lần. Và thế là nghệ thuật có sự sống vĩnh hằng vì nghệ thuật có hai con đường: sáng tạo và đồng sáng tạo.

Nhưng "quy ước" sự sống kia lại có vấn đề: liệu cái rung động đời này có làm xúc động thời khác không. Ta vẫn biết trường tư tưởng, trường thẩm mĩ của mỗi thời mỗi khác nên sự cảm hiểu của một cá nhân, một cộng đồng có thể thay đổi liên tục là bình thường. Cứ lấy Đôn Ki-hô-tê làm ví dụ. Người Tây Ban Nha gọi chàng là

kẻ điên rồ, người Pháp gọi là chú hề đáng thương, các môn đệ của chủ nghĩa lãng mạn gọi Đôn Ki-hô-tê là người anh hùng còn sót lại, còn chủ nghĩa hiện thực lại coi là biểu tượng của sự suy vi một thời phong kiến đã qua. Vậy rõ ràng, những môi trường văn hoá khác nhau tạo ra những "phạm trù hiểu" không cùng hướng. Vậy thì sự "đúng - sai" trong "quy ước" có làm tổn hại sự sống tác phẩm không? Lí luận xưa "đổ lỗi" cho người đọc vì họ coi văn bản là "mẫu mực", nhưng lí luận hiện đại không cho như vậy vì họ coi tác phẩm có rất nhiều "khoảng trống" cần được bù lấp bởi cảm quan riêng của độc giả. Ta coi tác phẩm như cái đài nhiều dải tần, ai thích nghe sóng nào thì nghe, nhưng phải bắt đúng dải sóng nếu không chỉ có tạp âm thôi. Vì thế, sự "đúng - sai" trong tác phẩm là quy luật nội tại tất yếu của văn học, nó chỉ thúc đẩy sự sống của tác phẩm trường tồn mà thôi. Vậy thì lịch sử văn học, xét đến cùng, là lịch sử sáng tạo và tiếp nhận văn học.

Nói đến lí luận tiếp nhận ứng vào thực tế văn chương ở Việt Nam, tôi nhớ đến bài thơ *Văn cảnh* trong *Ngục trung nhật kí* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người ta đã tốn hàng bao nhiêu giấy mực để bàn cãi về một chữ "lưỡng" trong bài thơ. Đây là từ chìa khoá để khai mở bài thơ. Xuân Diệu coi "lưỡng" ở đây là hai sự vô tình khép kín một đời hoa, còn Trần Đình Sử coi "lưỡng" là phó từ, còn chủ ngữ hàm ẩn "quyết định nghĩa" bài thơ là người tù Hồ Chí Minh tự trách mình vô tình. Thú vị nhất là Nguyễn Khắc Phi khi đưa ra quan niệm "lưỡng vô tình" là sự trôi chảy liên tục, bất biến của thời gian đã làm cho người tù bất bình. Giáo sư đã dùng văn học so sánh để chứng minh đầy thuyết phục nhưng cũng chẳng bác bỏ được hai luận điểm trên. Thế mới biết, cái sức sống thanh xuân của Bác truyền cả vào bài thơ, làm cho người ta nghĩ suy không dứt lẽ đời, về việc hành xử với cái đẹp. Khi bài thơ kết thúc, có lẽ Người cũng không thể ngờ sức sống của nó còn mãnh liệt hơn hoa hồng, "hương thơ" nhờ lòng độc giả mà bay khắp nhân gian. Còn riêng tôi, tôi vẫn cho rằng giáo sư Nguyễn Khắc Phi đúng, nhưng tầm kiến thức hạn hẹp chẳng thể chứng minh nổi theo cách của mình.

Lí luận văn học đi từ tác giả (phê bình tiểu sử) đến tác phẩm (thi pháp học, giải cấu trúc) rồi đến độc giả (phê bình "cái đọc"). Rõ ràng đó là một con đường nhận thức dài của nhân loại. Nhưng có một điều không đổi thay là tấm lòng bạn đọc dành cho tác phẩm mãi mãi vĩnh hằng. Dù ngày nay có tiểu thuyết "đa cốt truyện" nhưng những kiệt tác xưa cứ mãi mãi tồn tại vì đã nhập hồn, hoá thân vào độc giả mất rồi.

Câu 3.

Nói đến văn học lãng mạn Việt Nam mà không nói đến Thạch Lam cũng giống như đi thăm rừng mà quên cây cổ thụ lớn nhất vậy. Văn Thạch Lam đến nay vẫn là

một thanh âm trong trẻo lạ thường giữa nền văn học nước nhà. Mỗi truyện của ông đầy chất thơ; chất thơ của những câu văn như dòng thơ không xuống dòng, chất thơ của những tâm hồn nhỏ bé bình dị đang tồn tại như một thanh âm trầm lắng. Ông quan niệm văn học là thứ "khí giới thanh cao và đặc lực" để chống lại những giả dối bất công ở đời, nên không chỉ "gò câu, đúc chữ" mà Thạch Lam còn ẩn sau mỗi trang văn để nói lên tiếng nói bi thiết về một xã hội khốn cùng mà mỗi cá nhân trong đó đang chờ "một cái gì tươi sáng hơn" cho đời họ.

Hai đứa trẻ là một minh chứng cho điều ấy. Mỗi đoạn văn đều để lại ấn tượng sâu đậm. Nhưng có lẽ đoạn văn từ *Chuyến tàu đêm nay không đông đến đồng ruộng mênh mang và yên lặng* vẫn choán ngợp hồn tôi.

Mở đầu là một nhận xét khách quan của Liên về chuyến tàu đêm, cái mà cô bé chờ đợi, hi vọng. Nó đem lại chút thất vọng cho cô khi mà "thưa vắng người" và "kém sáng hơn". Điều đó biểu hiện cho một hiện thực nghèo nàn, tăm tối hơn đang bao trùm ngoài kia và nó tạt ngang qua phố huyện chỉ làm nổi buồn xót thêm bi thảm mà thôi. Nhưng dù trái với mong ước, Liên vẫn tự an ủi mình để thoát khỏi bóng tối thăm thẳm của màn đêm phố huyện: Nhưng họ ở Hà Nội về!... Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Thạch Lam đã thật thạo dò la những chỗ tế vi trong tâm hồn trẻ thơ. Người ta cho rằng đây là sự trốn tránh hiện thực, sự chìm lấp vào quá khứ nhưng tôi cho rằng khi ý thức cá nhân đạt đến cao độ, nó chuyển hoá thành sự làm chủ cả quá khứ và tương lai. Thương yêu vô cùng nhân vật của mình, Thạch Lam không thể để Liên bị bóng tối kia làm cho bào mòn ý thức như những nhân vật khác nên ông tạo cho cô bé một điểm tựa tinh thần: Hà Nội. Nó không chỉ là một không gian xác định mà là một nơi tượng trưng cho mộng tưởng, mơ ước của Liên. Nó khác hẳn phố huyện, nó là nơi tâm hồn Liên có thể mở ra đón lấy hạnh phúc của đời. Nhưng mơ rồi cũng tỉnh, Liên vẫn nhận ra mình đang bị tù túng trong không gian phố huyện, còn con tàu chỉ là "một chút thế giới khác đi qua". Nhưng đối với Liên, khi bóng tối trở thành một "thói quen" của thế giới tinh thần, thì một chút ánh sáng ấy thôi cũng đủ để cô có nghị lực sống. Thế giới trong mắt Liên được đo bằng "ánh sáng" vì nó là cái duy nhất có ý nghĩa với người dân ở phố huyện, nó tồn tại leo lắt trong ngọn đèn chị Tí, ánh lửa bác Siêu. Nhưng điều quan trọng không ở những "hột sáng" đó mà nằm ở tâm hồn muốn tỏa sáng của Liên. Tâm hồn ấy khao khát được sống với cái day dứt khôn nguôi về "sống là thay đổi" nhưng hoàn cảnh lại không chấp nhận cái ước vọng bình dị ấy. Đêm tối trở thành một lực lượng âm ảnh không gian nghệ thuật tác phẩm. Nó bao bọc chung quanh... và ngoài kia đồng ruộng mênh mang và yên lặng. Cái không gian vô vọng và không hề thay đổi ấy muốn bóp nghẹt con người bằng cái sức mạnh của sự vô nghĩa. Vô nghĩa ở đây chính là sự đối chiếu giữa tiếng kêu than của người với sự im

lặng của xã hội. Biện pháp lấy ánh sáng để tả bóng tối đã thể hiện thành công điều ấy. Ngắm ra ở bề sâu văn bản, ta như thấy sự đối thoại ngầm giữa ánh sáng của hi vọng le lói và bóng đêm của sự tù hãm. Sự đối thoại ấy đồng nghĩa với tiếng kêu cấp cứu của Thạch Lam với xã hội, khi mà con người đang dần mất ý thức về sự toả sáng của chính mình.

Không hiểu sao đọc đoạn văn, tôi tưởng như đọc một đoạn dẫn vật nội tâm nào đó trong bi kịch của Sếch-xpia. *Hai đứa trẻ* cũng là một bi kịch mà thôi. Trên cái phong nền phố huyện, bóng tối và ánh sáng từ những đèn chiếu lấp loáng thay nhau làm chủ sân khấu, và Liên ngồi đó, lẳng lặng nhìn tất cả, dòng độc thoại hiện ra miên man day dứt về "nhẹ bỗng cái kiếp nhân sinh". Bi kịch thực sự xảy ra khi đoàn tàu vụt đến, vụt đi, để lại một cái Đẹp thoáng chốc tồn tại như một "hu ảnh". Và Thạch Lam thật đau đớn khi chọn nhân vật chính chỉ là một đứa trẻ. Tại sao trẻ con bình thường sống trong hạnh phúc về tương lai mà Liên lại phải quay đầu về quá khứ, một quá khứ xa xăm. Và tại sao ánh sáng đoàn tàu không rọi sáng toàn phố huyện mà chỉ tạo nên một dư âm đầy chua xót. Những câu hỏi đó tạo nên "chất thơ" của một bi kịch cổ điển khi mà con người bị tước đoạt ra khỏi cái *chân - thiện - mỹ*.

Những câu văn ngắn, nhiều vần bằng; một sự khám phá hiện thực ở bề sâu bằng *những chuyện vật thường ngày* là phong cách của Thạch Lam. Ông mất đi quá sớm như đoàn tàu kia nhưng ánh sáng của ông cứ toả rạng với muôn đời. Đó là thứ ánh sáng của con người cả đời lên án những sức ép và thực tại nào tạo ra sức ép để con người không được được sống với tận độ cá nhân mình. Đó là ánh sáng của lương tri đang soi rọi những uẩn khúc, đổ vỡ của lòng người khi va chạm với thực tại bất công ngang trái nhưng vẫn khao khát sống, khao khát yêu thương. Vâng, Thạch Lam với *Hai đứa trẻ* vẫn là một con tàu đầy ánh sáng đi trong lòng ta, đi trong cuộc sống của ta.

(Bài đoạt giải Nhất - 18/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng tốt những yêu cầu đặt ra trong đề bài.

Ở câu 1, người viết hiểu đúng thông điệp trong câu nói của C. Mác và Ăng-ghen. Với vốn tri thức đời sống tương đối sâu rộng, người viết đã luận bàn khá thuyết phục về mối quan hệ giữa việc tìm hiểu sự thật và sự hoài nghi trong cuộc sống. Bố cục bài viết rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lí lẽ già dặn, diễn đạt trôi chảy. Tuy nhiên, nhiều chỗ bàn luận còn chưa sâu (có lẽ do chịu áp lực thời gian); đoạn cuối viết hơi khô, ít nhiều mang tính thuyết giáo.

Ở câu 2, bài viết súc tích và có tâm của một học sinh giỏi quốc gia, ít nhiều bộc lộ năng lực văn chương của người viết. Những hiểu biết rộng và sâu về vấn đề tiếp nhận văn học, vốn tri thức khá đầy đặn về tác phẩm văn chương đã được vận dụng nhuần nhuyễn và có hiệu quả trong việc làm sáng tỏ mối liên hệ giữa nghệ thuật và đời sống, giữa sáng tạo và tiếp nhận văn học, vai trò của chủ thể tiếp nhận người đọc. Có nhiều chỗ khá thú vị vì chất đối thoại và cách dẫn dắt vấn đề linh hoạt.

Ở câu 3, với khả năng cảm thụ văn chương khá tốt, người viết đã chỉ ra được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Liên và thấy được phần nào vẻ đẹp của văn chương Thạch Lam. Tuy vậy, nếu phân tích sâu hơn chút nữa về vẻ đẹp nghệ thuật của đoạn văn thì bài viết sẽ hoàn hảo hơn.

BÀI LÀM SỐ 2

Câu 1.

F. Ăng-ghen và Các Mác – hai nhà tư tưởng lớn của thời đại, một tình bạn cao cả vĩ đại của nhân loại. Tạo hoá sinh ra họ dường như chỉ để chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ kì diệu ấy – cuộc gặp gỡ đã kết nối hai tâm hồn, hai nhà tư tưởng lại với nhau. Họ đã cùng nhau đi một chặng đường rất dài trên con đường tiến đến ánh sáng của tri thức loài người. Hai tư tưởng lớn gặp nhau? Đúng. Nhưng họ không phải là những bản sao của nhau, hay đơn thuần là sự gặp gỡ của hai tư tưởng trùng khít. Họ sinh ra và gắn bó với nhau, là bởi họ biết bổ sung, hoàn thiện cho nhau. Hãy lắng nghe phương châm của họ trong vấn đề nhận thức sẽ thấy hiểu rõ hơn điều đó. Trong khi Ăng-ghen tâm niệm: *Thà phải tìm hiểu sự thật suốt đêm còn hơn nghi ngờ nó suốt đời* thì Mác lại nói rằng câu châm ngôn mình thích nhất là *Hoài nghi tất cả*. Đối lập, mâu thuẫn với nhau? Hay là bổ sung cho nhau để hoàn thiện? Vấn đề đáng lưu ý ở đây là cả hai ý tưởng trên đều để lại cho mọi người, đặc biệt là tầng lớp thanh niên chúng ta hiện nay nhiều suy nghĩ và bài học có ý nghĩa.

Phải nói rằng trên cùng một vấn đề về nhận thức, hai nhà tư tưởng vĩ đại của chúng ta đã nhìn nhận ở những góc độ khác nhau. Phương châm của Ăng-ghen là gì? *Thà phải tìm hiểu sự thật suốt đêm còn hơn nghi ngờ nó suốt đời*. Câu văn sử dụng cặp từ hô ứng: *Thà... còn hơn*, thể hiện rất dứt khoát tư tưởng và thái độ của người nói. Ăng-ghen đề cao việc *tìm hiểu sự thực*: một đêm tìm hiểu sự thực sẽ tránh được sự hoài nghi suốt một đời. Thà bỏ công, bỏ sức suốt đêm cho sự thực còn hơn là để suốt đời mang nỗi nghi ngờ. Để nhận thấy Ăng-ghen ủng hộ và đề cao tính chân lí và yêu cầu tất yếu của việc tìm hiểu bản chất của vấn đề. Đó cũng chính là một trong những tố chất làm nên nhà tư tưởng vĩ đại Ăng-ghen: Luôn đặt ra yêu

cầu cao về bản chất của sự việc để từ đó khám phá, tìm hiểu. Đó chính là con đường đến với ánh sáng của tri thức nhân loại.

C. Mác nói gì?

Cũng là vấn đề nhận thức, C. Mác lại đưa ra một câu châm ngôn có vẻ đối lập với người bạn song hành của mình: *Hoài nghi tất cả*. Ăng-ghe-nê đề cao việc *tìm hiểu sự thực*, còn C. Mác lại đặt sự *hoài nghi* lên đầu. Ăng-ghe-nê nhìn sự vật bằng con mắt đòi hỏi tìm hiểu, khám phá đến bản chất của vấn đề; còn C. Mác lại đặt con mắt *hoài nghi* lên tất cả. *Hoài nghi* là không tin, là nghi ngờ. Chẳng phải C. Mác đã đưa sự nghi ngờ bị lép vế ở câu nói của Ăng-ghe-nê lên làm chủ trong câu phát biểu của mình đó sao?

Hai tư tưởng lớn không gặp nhau?

Đó chỉ là ý nghĩa sơ lược của câu nói, là vẻ bề ngoài. Về thực chất, chúng ta vẫn có C. Mác và Ăng-ghe-nê như một sự minh chứng hùng hồn cho sự gặp gỡ kì diệu của hai tư tưởng lớn.

Hoài nghi và tin tưởng. Sự thực và vẻ bề ngoài. Hai nhà tư tưởng lớn của chúng ta vẫn có chung một quan điểm về những vấn đề ấy. Nếu nghĩ sâu xa ta sẽ thấy câu nói của C. Mác là một sự thu gọn ý tưởng của Ăng-ghe-nê và câu nói của Ăng-ghe-nê là sự phát triển một cách rõ ràng ý tưởng của người bạn mình. Nói thế, phải chăng, khi Ăng-ghe-nê đề cao việc *tìm hiểu sự thực*, còn C. Mác lại tin tưởng vào con mắt *hoài nghi*. Hoài nghi chính là để tin tưởng, và có tin tưởng thì ắt phải có hoài nghi. Tôi đã từng được nghe một câu châm ngôn rất hay rằng: *Sự tin tưởng được xây dựng từ hoài nghi mới là thứ tin tưởng bền vững*. Điều đó có đúng không với trường hợp này?

Hãy bàn đến câu nói của C. Mác. *Hoài nghi tất cả*. Là sao? Đừng tin tưởng vào những gì nhìn thấy ở vẻ bề ngoài, phải đặt ra sự nghi ngờ, đặt ra câu hỏi. Và đã đặt ra câu hỏi thì ắt phải có ý thức đi tìm câu trả lời. Câu trả lời ấy chính là bản chất của vấn đề. Hành trình tìm câu trả lời chính là hành trình đi tìm hiểu sự thực mà người bạn tri âm của ông đã nhắc ở trên. Chẳng phải câu nói của C. Mác đã thu gọn lại tư tưởng của Ăng-ghe-nê sao?

Sự hoài nghi của C. Mác là điểm khởi đầu cho việc tìm hiểu bản chất của Ăng-ghe-nê. Thế nhưng, đó không thể là sự hoài nghi để mất lòng tin vào tất cả như lão Gô-ri-ô trong thiên truyện của Ban-đắc, cũng không thể chỉ là sự hoài nghi vu vơ. Câu nói của Ăng-ghe-nê đã phát triển rõ ràng hơn tư tưởng của C. Mác: đừng hoài nghi vu vơ rồi để mặc cho nỗi hoài nghi ám ảnh mà hãy bỏ công sức ra, dù là *suốt đêm để tìm hiểu sự thực*, để tìm được bản chất của vấn đề. Sự hoài nghi để tin tưởng mới là sự hoài nghi có giá trị.

Hiểu hai lời phát biểu trong thế đối sánh và bổ sung cho nhau ta sẽ rút ra được nhiều bài học có giá trị trong việc nhận thức. Hoài nghi để tin tưởng – đó chính là con đường đến với ánh sáng của tri thức. Trước mọi sự việc trong nhận thức phải biết đặt ra câu hỏi cho bản chất của vấn đề để tìm tòi, để khám phá. Tôi còn nhớ ngày xưa, tôi rất thích câu hát: *Vì sao lại thế, tại vì sao lại thế, sao không thế này mà lại là thế kia. Vì sao lại thế phải tìm ra ngọn ngành, càng thêm hiểu biết chúng ta càng lớn nhanh* trong một chương trình khoa học cho thiếu nhi. Sự hoài nghi tốt đẹp luôn là khởi nguồn của sự sáng tạo. Đừng hoài nghi để mất lòng tin, mà phải hoài nghi để tìm ra bản chất, đó chính là sự hoài nghi chân chính cần phải có trong hành trình nhận thức thế giới, tự nhận thức bản thân của con người.

Nếu thiếu hoài nghi, hẳn nhân loại đã không có một Men-đen từng làm chấn động giới nghiên cứu sinh học.

Nếu không có hoài nghi, liệu có không một Ê-đi-xon, một Giêm Oát?

Và chắc chắn cũng không có một C. Mác, một Ăng-ghe-n vĩ đại nếu thiếu đi sự hoài nghi cần thiết ấy.

Biết hoài nghi để tin tưởng, biết đâu một ngày nào đó không xa, sẽ có thêm tên bạn, tên tôi trong cuốn biên niên hành trình khám phá tri thức của nhân loại!

Câu 2.

Cuộc sống trôi đi, bốn mùa vẫn luân chuyển, sự vật cứ bị cuốn vào vòng xoay của tạo hoá. Sinh ra, tồn tại, rồi lại tan biến vào hư vô. Có chăng còn lại mãi với đời chỉ là cái đẹp, phải thế chẳng mà vượt qua bao sự băng hoại của thời gian, những tác phẩm văn học vẫn cháy lên một sức sống mãnh liệt với đời như thể để minh chứng một sự thiên vị rất có lí của tạo hoá? Nhưng văn học lại có những quy luật đào thải riêng của nó, chẳng phải tác phẩm nào sinh ra cũng còn mãi với đời. Sự sống của chúng bắt đầu từ bao giờ? Phải chăng sự tồn tại của nó được quyết định ngay chính từ phút kết thúc như lời nhận định: *Khi tác phẩm kết thúc, ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu.*

Nhận định đề cập đến số phận của tác phẩm đặt trong quá trình sáng tác của nhà văn: *Khi tác phẩm kết thúc, ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu.* Để làm ra được một tác phẩm cho đời, nhà văn phải như con ong chăm chỉ *một giọt mật cho đời từ uạn chuyển ong bay* (Chế Lan Viên). Gian khổ, khó nhọc, có khi cả sự quần quại đau đớn của cảm xúc, người nghệ sĩ mới có thể làm ra một tác phẩm cho cuộc đời. Họ thai nghén, ấp ủ những điều mình tâm đắc từ rất lâu, chỉ chờ đến phút cảm xúc thăng hoa mà nếu không nói ra có thể chết như lời của ai đó từng nói, chính khi ấy tác phẩm được hình thành. Có tác phẩm trôi chảy theo dòng cảm xúc

rất trơn tru. Có tác phẩm viết xong rồi lại còn phải sửa chữa, uốn nắn rất nhiều. Và cho đến khi tác giả đặt bút kết thúc một tác phẩm – hoàn thiện, đó mới thực sự là lúc tác phẩm kết thúc. Sự kết thúc ấy chính là một sự hoàn thành và nó là sự kết thúc để mở ra một khởi đầu mới: số phận của tác phẩm: *khi tác phẩm kết thúc, ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu*. Tác phẩm kết thúc là lúc đứa con tinh thần của nhà văn ra đời, nhưng người nghệ sĩ không thể tự quyết định cho số phận của nó. Cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu là khi nó đến với công chúng; có thể sẽ được hưởng ứng, được trân trọng; cũng có thể sẽ rơi vào quên lãng.

Phải chăng đó là một sự nghiệt ngã của nghiệp văn chương, một sự xót xa trở trêu cho những ai đã mang vào thân cái duyên nghiên bút? Không; đó hoàn toàn là một sự lí giải rất hợp lí của quy luật văn học muôn đời. Quy luật của văn chương bao đời nay vẫn vậy. Nó chỉ giữ lại những gì là thực chất, là sáng tạo, là có ý nghĩa. Tác phẩm văn học chỉ tồn tại khi nó có ý nghĩa với cuộc đời. Điều này không phải do nhà văn quyết định. Tác phẩm anh viết ra, dù có thể là gan ruột, là tâm huyết, là sự kì công gọt giũa của bản thân anh, nhưng hỡi ôi, nếu nó quá xa vời với cuộc sống ngoài kia, nó chỉ diễn được những ý quá ư *bằng phẳng và dễ dãi* (Nam Cao), nó không có gì sáng tạo... thì quy luật của văn chương chắc chắn sẽ vẫn đào thải và phủ định sự cố gắng của anh. Người nghệ sĩ làm ra tác phẩm nhưng không thể quyết định số phận của nó là bởi lẽ vậy. Tác phẩm ấy là nỗi lòng của nhà văn, nhưng nó phải đến được với công chúng và quan trọng hơn là phải đi được vào lòng công chúng. Độc giả chính là một bộ phận quan trọng quyết định đến sự thành hay bại, tồn hay vong của một tác phẩm. Một tác phẩm đến được với công chúng phải là tác phẩm không chỉ nói riêng nỗi lòng của người cầm bút, mà phải là tiếng nói *đồng ý, đồng chí, đồng tình* của tất cả mọi người.

Tác phẩm kết thúc là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu là bởi lẽ ấy.

Bất cứ một người nghệ sĩ nào khi cầm bút đều mong muốn mình tìm được một tác lòng tri âm nơi người đón nhận, luôn mong muốn tác phẩm của mình sẽ nhận được sự ủng hộ của mọi người. Có ai khi gửi lòng mình lên trang giấy lại không khao khát một điều như vậy? Thế nhưng chẳng phải tác phẩm nào cũng theo mong muốn của họ. Có những người cả đời theo nghiệp bút nghiên vẫn không làm nên được điều gì đáng kể. Chẳng phải mãi đến năm 1941, khi *Chí Phèo* ra đời, chúng ta mới biết đến một Nam Cao, và từ đó mới có một Nam Cao trong nền văn học Việt Nam? Chắc hẳn rằng khi viết *Chí Phèo*, Nam Cao cũng không thể ngờ rằng đó chính là tác phẩm làm nên đời văn của ông. Hay *Đôi mắt*, chỉ là viết cho đỡ buồn mấy ngày nghỉ tết, nhưng đã gây một chấn động lớn cho giới văn nghệ sĩ lúc bấy giờ, cũng là một điều không ngờ như chính Nam Cao đã từng tâm sự. Cũng như Nguyễn Bính khi viết *Mùa xuân*, chàng trai thôn quê ấy đâu có ngờ rằng, cái lưới tình *mùa*

xuân trong bài thơ ấy đã trở thành một tín hiệu nghệ thuật giăng mắc suốt cả đời thơ của ông?

Nghệ sĩ khi cầm bút đều mong muốn mình làm được một điều gì, nhưng không thể hoàn toàn quyết định được những điều đã định ấy. Vậy điều gì đã tạo nên sức sống cho những tác phẩm của họ? Chắc chắn một *Chí Phèo*, một *Đôi mắt*, một *Mùa xuân* đã được sinh ra và tồn tại với cuộc đời cũng chính từ phút ấy là do nó đã đáp ứng được những yêu cầu khắc nghiệt của quy luật văn học muôn đời. Đó là những tác phẩm chân chính đã được độc giả, thời gian và cả quy luật khắc nghiệt của văn chương kiểm chứng, thừa nhận. Một *Chí Phèo* đi vào lòng người đọc ở tiếng kêu nhức nhối đòi quyền làm người. Một *Đôi mắt* được trân trọng bởi nó là tuyên ngôn nghệ thuật của cả một thế hệ trí thức tiểu tư sản trong đời sống cách mạng của dân tộc. *Mùa xuân* lắng đọng vào lòng người ở cảnh Việt, hồn Việt, nhỏ bé dung dị mà đậm thắm, sâu xa. Tất cả là những tác phẩm chân chính và thật sự có giá trị đó đã vượt lên trên mọi bờ cõi và giới hạn... ca ngợi tình thương, lòng bác ái, và sự công bình... nó làm cho người gần người hơn (Nam Cao).

Thế nhưng, không thể phủ định hoàn toàn rằng số phận tác phẩm nằm ngoài khả năng quyết định của tác giả. Sự sống của tác phẩm, trước hết phải do chính nó và người làm ra nó quyết định. *Những người khốn khổ* không thể lay động trái tim người đọc nếu Huy-gô không đặt vào đó cả một tấm lòng nhân đạo lớn lao cho những kiếp người nhỏ bé. Và sẽ có một tập đại thành *Truyện Kiều* không nếu Nguyễn Du không gửi gắm vào đó cả cái tâm và cái tài của mình? Vấn đề được đặt ra với người cầm bút muốn viết lên những tác phẩm có giá trị thực sự để phút mà *tác phẩm kết thúc* cũng chính là lúc *sự sống của nó bắt đầu* phải chăng là việc kết hợp giữa cái tài và cái tâm. Như Nguyễn Du đã từng nói: *Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*. Phải chăng?

Quy luật văn chương nghiệt ngã nhưng chắc chắn sẽ vẫn có những nghệ sĩ được đền đáp xứng đáng với tài năng và tâm huyết của mình. Và, sự đền đáp lớn lao nhất chính là khi tác phẩm của họ được sinh ra, được tồn tại mãi mãi với cuộc đời.

Câu 3.

Vẫn còn đâu đó vang vọng tiếng còi tàu hối hả và ánh nhìn trẻ thơ đau đáu từ bóng tối thăm thẳm dõi vào cõi rực rỡ mà xa xăm, khuất lấp. Còn đây không vẹn nguyên một phố huyện nghèo nàn, một miền không gian xám ngắt và lặng buồn? Thạch Lam đang ở chốn nào, có còn dõi theo ánh nhìn mà ông đã từng thao thức, xót xa: *Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sáng hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về! Liền lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đem một chút thế giới khác đi qua.*

Một thế giới-khác hẳn, đối với Liên, khác hẳn cái vầng sáng ngọn đèn của chị Tí và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng.

Ám ảnh trong tôi là một đôi mắt. Dù Thạch Lam không có từ ngữ nào nhắc đến ánh nhìn trong đoạn văn trên. Vậy mà sao vẫn thấy bút rút, thấy không yên. Đã từng thương biết bao một ánh mắt nào tuyệt vọng dõi theo trong buổi tiễn đưa chồng ra trận trong *Chinh phụ ngâm*, nhớ làm sao ánh mắt nào buồn lặng lưu luyến trong quan san cách trở của buổi tiễn đưa Kiều – Thúc..., giờ lại thấy không yên một ánh mắt nào lặng theo mơ tưởng. Thật buồn! Thật thấm! Truyện của Thạch Lam vẫn đi vào lòng người như vậy: nhẹ nhàng thôi mà sâu lắng và thấm thía đến không ngờ. Hai đứa trẻ chỉ đơn thuần là câu chuyện về hai đứa trẻ: Liên và An trong một phố huyện nghèo và buồn lặng. Hai chị em như hai mầm cây thiếu ánh dương cứ từng ngày héo úa đi trong một miền không gian vắng hoàn toàn hơi thở của sự sống. Thế nhưng Thạch Lam không để nhân vật của mình chìm đắm trong bế sấu nhân thế ấy. Ám ảnh trong suốt thiên truyện là sự đối lập của ánh sáng và bóng tối. Những người-dân phố huyện dường như sống nhiều và chìm nhiều hơn trong bóng tối, một thứ bóng tối “nhân nại và uất ức” (Ngô Tất Tố). Thế nhưng, sống trong bóng tối họ vẫn không thôi khao khát: *chừng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hằng ngày của họ.* Một cái gì mờ nhạt mà băng quơ quá! Nhưng họ vẫn bầu vịu, vẫn hi vọng và ít ra họ vẫn còn biết hi vọng trông chờ. Vậy là sự sống không tắt hẳn. Nó không vô nghĩa hoàn toàn như cuộc sống của Quỳnh, của Giao trong *Toả nhị Kiều*, vì sống mà chẳng mong đợi gì hết. Thạch Lam vẫn để cho nhân vật của mình khát khao, mơ ước. Và điều ông có thể mang lại cho họ chỉ là một-chuyến tàu đêm. Chỉ là một chuyến tàu đêm nhưng chứa đựng bao ý nghĩa nhân văn cao cả. Đêm nào Liên và An cũng thức đợi tàu và dường như cái công việc ấy là việc có ý nghĩa nhất để hai chị em kết thúc một ngày. Đêm nay cũng vậy. Một chuyến tàu đêm lại lướt qua cuộc sống của hai chị em. Nó có ý nghĩa lắm vì nó mang chở về một miền kí ức xa xưa, đẹp đến lung linh về Hà Nội. Thế nên dù tàu *không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sáng hơn, vẫn đủ khơi gợi đủ làm Liên lặng theo mơ tưởng.* Vẫn là cái chất văn nhẹ nhàng, bàng bạc chất thơ ấy. Cứ đều đều, chậm rãi, mà lắng đọng vào lòng người đọc bao điều. Một ánh mắt lặng theo mơ tưởng. Đẹp mà buồn, mà mang theo bao tâm trạng. Nó là sự hoài niệm về một *Hà Nội xa xăm, sáng rực vui vẻ và huyên náo.* Đây là câu văn duy nhất có nhịp điệu nhanh trong toàn đoạn. Và đây vẫn là sự đối lập giữa ánh sáng và bóng tối: *một thế giới khác hẳn... vầng sáng quanh ngọn đèn của chị Tí và ánh lửa của bác Siêu.* Đó chính là ánh sáng của đoàn tàu, thứ ánh sáng hắt ra từ *những toa sang trọng, kền và đồng lấp lánh, nó khác hẳn những vầng*

sáng nhỏ bé, yếu ớt ở phố huyện. Đó là thứ ánh sáng rực rỡ nhất, toả sáng nhất bất gặp ở cuối thiên truyện. Nhưng đi kèm với nó vẫn là đêm tối, một thứ đêm tối. lạng buồn, *đêm của đất quê... mênh mang và yên lặng*. Chao ôi! Có rực sáng, có cháy lên để rồi lại chìm vào bóng tối. Cảm thông và cảm thương thay cho kiếp sống nhỏ nhoi, quần quanh, mỗi mòn trong bóng tối tù đọng! Trân trọng sao một tấm lòng nhân đạo, một trái tim biết đập bồi hồi những nhịp đập sẻ chia.

Cứ ám ảnh trong tôi một ánh mắt buồn lạng theo mơ tưởng. Cứ khắc khoải không yên một vầng sáng và một bóng đêm. Tấm lòng nhân đạo của Thạch Lam đã cháy lên ngời sáng và ông mãi ở lại với đời chính bởi những điều bình dị ấy. Phải chăng?

(Bài đoạt giải Nhi - 17/20 điểm)

NHẬN XÉT

Những yêu cầu đề bài đặt ra về cơ bản đã được đáp ứng trong bài làm.

Ở câu 1, người viết tỏ ra khá thông minh và chắc tay khi sử dụng thao tác nghị luận đối sánh để luận bàn về mối quan hệ giữa việc tìm hiểu sự thật và sự hoài nghi trong cuộc sống qua hai câu nói của C. Mác và Ăng-ghe-n. Người viết khẳng định: *Hiểu hai câu châm ngôn trong thế đối sánh và bổ sung cho nhau ta sẽ rút ra được nhiều bài học có giá trị trong việc nhận thức. Hoài nghi để tin tưởng - đó chính là con đường đến với ánh sáng của tri thức*. Lối viết theo hình thức tranh biện khiến bài viết có sức hấp dẫn.

Ở câu 2, người viết hiểu đúng và trúng đề bài, luận bàn tương đối rõ ràng về mối liên hệ giữa nghệ thuật và đời sống, giữa sáng tạo và tiếp nhận, nhấn mạnh vai trò của người đọc tri âm và là người đồng sáng tạo, người quyết định đến đời sống thực sự của tác phẩm nghệ thuật. Tuy nhiên, phần minh chứng qua các tác phẩm văn học chưa sâu, dẫn chứng chưa chọn lọc nên chưa để lại những ấn tượng riêng cho người đọc.

Ở câu 3, người viết đã tạo nên một bài văn cảm thụ giản dị, nhẹ nhàng mà cũng không kém phần ám ảnh, có phần tương thích với vẻ đẹp văn chương Thạch Lam. Dù chỉ gọi được một vài vẻ đẹp về nội dung và nghệ thuật của đoạn văn nhưng bài viết cũng đã cho người đọc phần nào thấy được vẻ độc đáo của văn Thạch Lam. Nếu lập ý rõ hơn, nêu luận điểm khúc chiết hơn, biết đặt đoạn văn trong chính thể tác phẩm để làm nổi bật được chủ đề tư tưởng và thấy rõ phong cách nghệ thuật của tác giả thì bài viết có lẽ sẽ có sức hấp dẫn hơn.

BÀI LÀM SỐ 3

Câu 1.

"Sứ mệnh chân chính của con người là sống, chứ không phải là tồn tại." (J. London)

Tôi đã rất tâm đắc với câu nói ấy của nhà văn nổi tiếng. Đúng là như thế. Được sinh ra và được sống trên đời đã là một niềm hạnh phúc lớn lao nhưng sống như thế nào lại là một vấn đề. Lẽ nào chúng ta cứ để mặc cho gió thổi mây trôi, chịu làm kiếp cây cỏ phù du. Không, giữa một thế giới luôn vận động, biến đổi không ngừng này, chúng ta phải luôn nắm bắt mọi điều trong tư thế của một người làm chủ. Có lẽ vì thế mà trong việc nhận thức, F.Ăng-ghe-nơ có phương châm: *Thà phải tìm hiểu sự thật suốt đêm còn hơn nghi ngờ nó suốt đời*, còn C. Mác thì thích câu châm ngôn: *Hoài nghi tất cả*.

Một người thì mày mò, quyết tâm dấn thân vào con đường đầy chông gai để tìm hiểu sự thật, còn một người lại tâm niệm phải *hoài nghi* hết thảy mọi việc. Chúng ta đều biết Mác và Ăng-ghe-nơ là đôi tri kỉ mà tình bạn của họ có thể làm rung chuyển cả chủ nghĩa tư bản. Lẽ nào ở đây cả hai bậc vĩ nhân ấy lại đưa ra những quan niệm trái chiều.

Thà phải tìm hiểu sự thật suốt đêm còn hơn nghi ngờ nó suốt đời – phải chăng đây chính là chí hướng của một người luôn đi tìm chân lí, lẽ phải. Người ta quan niệm đã đi thì phải dấn bước đến cuối cuộc hành trình. Sự thật nằm trong những mơ hồ, nghi hoặc. Chúng ta cần phải đào sâu tìm kiếm, bất chấp mọi gian khổ khó khăn như thế mới mong tìm ra chân lí cuối cùng. Trong khi Ăng-ghe-nơ là người luôn tôn trọng sự thật hết mực như vậy thì C. Mác lại muốn *hoài nghi tất cả*. Xét đến cùng, hai ý kiến ấy mới nghe tưởng chừng mâu thuẫn song lại rất thống nhất.

O. Ku-ku-zô từng viết: *Con người không phải là một cái bình nước cần được đổ đầy mà là một ngọn đèn cần được thắp sáng*. Vâng, con người nhận thức, con người suy nghĩ và con người hành động. *Hoài nghi tất cả* chính là ý thức nghi ngờ khoa học, nghi ngờ để rồi tìm ra câu trả lời xác đáng nhất cho mình. Mọi chân lí đều ở mức tương đối mà thôi. Phải chăng cả Ăng-ghe-nơ và C. Mác cùng đồng ý với nhau ở quan niệm: con người là chủ thể hành động, là trung tâm của mọi vấn đề, tức: *Tôi tư duy nghĩa là tôi tồn tại*. Thử hỏi, nếu không có ý thức hoài nghi các hiện tượng, đặt ra các câu hỏi nghi vấn và quyết tìm ra sự thật thì từ một quả táo, nhà bác học lỗi lạc sao có thể tìm ra rằng: Trái đất có lực hút. Tôi chắc trong chúng ta cũng chẳng ai xa lạ gì với câu chuyện trong bồn tắm, một con người vĩ đại đã sung sướng tột bậc: "*O-rê-ka!*" khi phát hiện ra lực đẩy của nước.

Con người là một cá thể sống, nhưng khác với những loài sinh vật vô tri khác là chúng ta không hề thụ động, đón nhận những ảnh hưởng từ bên ngoài. Thuở hồng hoang, tổ tiên của loài người đã phát hiện ra ngọn lửa của sự sống để thoát khỏi sự ăn lông ở lỗ trong các hang tối chỉ với hai hòn đá cọ xát vào nhau. Con người từ khi ấy đã luôn có nhu cầu tìm hiểu, khao khát nắm bắt hoàn cảnh. Xã hội càng phát triển, ước muốn nhân bản đó càng lớn mạnh. Con người hiện đại không chịu khuất mình trong những phép tắc, những định kiến áp đặt. Họ dám đấu tranh đến cùng, thậm chí chấp nhận hi sinh để bảo vệ chân lí. Như Cô-pec-ních quyết bước lên giá treo cổ chống lại giáo hội chỉ vì ông muốn chứng minh một sự thật rằng: mặt trời là trung tâm và các hành tinh khác kể cả trái đất phải quay quanh nó (thuyết nhật tâm). Sự hoài nghi khoa học và khao khát tìm ra chân lí cuối cùng có cội rễ sâu xa từ một con người thực sự ý thức được về giá trị của sự thật, luôn muốn được công nhận và khẳng định một cách chính đáng.

Vâng, nếu chúng ta cứ mãi chìm sâu trong một mớ lí thuyết màu xám mà không tự thân vận động, tìm hiểu những căn nguyên bên trong của nó thì cũng chính là ta đang tự đốt cháy mình. Xã hội sẽ không thể phát triển, nâng tầm khi vẫn tồn tại những cá nhân thụ động tiếp nhận mọi điều mà người khác áp đặt cho mình, sẵn sàng chấp nhận và nghe theo ngay cả những điều trái sự thật.

Xã hội ngày nay là một thế giới hiện đại. Con người đang sống trong một môi trường sôi động, với nhịp quay hối hả của máy móc và các phương tiện kĩ thuật cao. Bạn biết không, cứ năm giây lại có một sản phẩm công nghệ mới ra đời, thay thế những cái cũ. Chẳng lẽ chúng ta cứ chịu đứng ngoài cái vòng xoáy ấy để nhìn mọi vật trôi đi hay sao?

Tim hiểu sự thật và hoài nghi tất cả biểu hiện ở việc con người luôn đặt ra những câu hỏi và trả lời cho những câu hỏi đó. Đây là chúng ta đang tham gia vào một hành vi sáng tạo, khơi dậy năng lực tiềm ẩn trong mỗi con người. Có một bộ óc sáng suốt, một lí trí tỉnh táo để điều khiển nhận thức và hành động, con người sẽ góp phần làm cho cuộc sống này thêm đủ đầy, tươi đẹp hơn.

Có thể bạn cho rằng những gì tôi đang nói là lập thuyết, là giáo điều nhưng bạn ạ, chỉ khi nào là một người trong cuộc như tôi, như bạn mới có thể hiểu được sự quan trọng của điều ấy. Tôi không phủ nhận một điều rằng mình là một người hay áp đặt suy nghĩ lên người khác. Tôi luôn cho rằng mình là đúng và sáng suốt nhất. Mỗi khi dạy em học bài, chẳng có gì làm tôi sung sướng, thoả mãn hơn là đưa ra được cách giải hay nhất cho một bài toán khó. Nhưng một hôm, khi thầy giáo cho em tôi một đề khá hóc búa về nhà, sau khi suy nghĩ một lúc tôi tìm thấy cách giải tuy hơi dài nhưng lại cho ra đáp án đúng. Tôi mãn nguyện vô cùng và tưởng tượng ra cậu em yêu quý sẽ phải biết ơn tôi như thế nào về điều đó. Nhưng trái lại, nó vẫn

bản khoán, nhìn chăm chú vào vở. Một lát, nó quay lại bảo tôi, dường như vẫn còn một cách khác ngắn hơn. Tôi tức giận và bỏ ra ngoài vì tự ái, lẽ nào cậu nhóc lớp bảy ấy lại có thể hơn tôi được ư? Suốt cả bữa cơm tối, em tôi không rời khỏi bàn học. Nó miệt mài với những con số dày đặc, quyết tìm cho ra cách giải theo linh cảm của mình. Cuối cùng đến tối muộn, nó đưa vở cho tôi với vẻ mặt sung sướng. Tôi phải công nhận rằng đó là một cách giải hay và khúc chiết. Sự tự ái vụt bay đi đâu hết, tôi vuốt má em tôi với niềm tự hào khôn xiết: “Em đã cho chị một bài học rồi đấy, cưng à!”.

Như vậy, muốn sống được là chính mình thì bạn phải luôn ý thức khơi nguồn sự thật. Tuy nhiên, *tìm hiểu sự thật, hoài nghi tất cả* cũng không có nghĩa là sự cố chấp, một mực chối bỏ những ý kiến đúng đắn của người khác. Làm như vậy con người chỉ càng thêm nhỏ bé hơn vì lối sống vị kỷ, tầm thường.

Đi bạn ơi, đi! Sống đủ đầy – Sống trào sinh lực, bốc men say. Yêu biết mấy những câu thơ như có lửa của nhà thơ Tố Hữu. Nó nhắc ta phải sống hết mình, vừa mở rộng vòng tay đón chào cuộc sống vừa tỉnh táo suy xét, lắng nghe mọi vang động từ bên ngoài. Vâng, phải sống sao để có thể làm chủ bản thân, cho mỗi ngày đến là một nụ cười tự tin, rạng rỡ, cho mỗi đêm về ta không phải hối tiếc vì những giây phút đã trôi qua một cách phí uổng.

Câu 2.

Một tác phẩm nghệ thuật chân chính không bao giờ kết thúc ở trang cuối cùng (Ai-ma-tốp, Con tàu trắng).

Bằng những trải nghiệm của một đời cầm bút, nhà văn Ai-má-tốp đã đem đến cho chúng ta chân lí muôn đời về sức sống trường cửu của văn chương nghệ thuật. Còn nhớ một câu hát rằng: *Người đã ra đi khó thể trở lại*, vâng con người ta sinh ra từ cát bụi và rồi lại trở về cát bụi, nhưng dư âm còn lại chính là những thông điệp nhân sinh mà nhà văn gửi gắm trong tác phẩm. Nó có sức mạnh tạo nên những cuộc đối thoại miên man bất tận. Chính vì thế có ý kiến cho rằng: *Khi tác phẩm kết thúc, ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu.*

Bất tử, vĩnh hằng, vượt thoát khỏi *sự băng hoại của thời gian*, đó luôn là một niềm hạnh phúc lớn lao đồng thời cũng là một sứ mệnh đau đớn không thể chối từ khi nhà văn sáng tạo nên tác phẩm. Người ta thường nói vui: “chết là hết” nhưng ý kiến cho rằng *khi tác phẩm kết thúc, ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu*, phải chăng đang đi ngược lại điều đó. Quả là một cú lợi ngược dòng ngoạn mục để chống lại bàn tay thần chết. Ý kiến ấy bàn đến sức sống của văn học đồng thời gắn với quy luật tiếp nhận của độc giả.

Vậy trước hết ta phải hiểu khái niệm: Tác phẩm văn học là gì? Mỗi tác phẩm là một văn bản ngôn từ hoàn chỉnh mà thông qua nó, nhà văn muốn gửi gắm những suy ngẫm, cách đánh giá của mình về thế giới và nhân sinh. Công việc sáng tác ấy cũng như một trò chơi ngôn ngữ đầy biến ảo mà ở đó nhà văn phải đặt ra luật chơi cho chúng. Nghĩa là anh ta từ đồng quặng thô ráp, bộn bề của cuộc sống, thông qua quá trình *chế ngự chất liệu, vật liệu* để tổ chức hệ thống hình tượng, sáng tạo ra những hình tượng nghệ thuật và sắp xếp ngôn từ, anh sẽ tạo nên một chất kim quý giá – tác phẩm văn chương.

Tuy nhiên, từ khi nhà văn cất bút viết những con chữ đầu tiên cho đến khi hạ bút ở dấu chấm cuối cùng thì đó không phải là kết thúc một quá trình. Bởi vì tác phẩm là một văn bản mở, chỉ khi nào có sự đánh giá tiếp nhận từ nhiều hướng của độc giả thì nó mới trở thành một tác phẩm nghệ thuật theo đúng nghĩa. Nói như M. Go-rơ-ki thì: *Nhà văn là người sáng tạo ra tác phẩm nhưng chính người đọc tạo nên số phận cho nó.* Bằng trình độ và vốn hiểu biết của mình, người đọc đi sâu vào tác phẩm, dùng trí tưởng tượng phong phú để tái hiện hình ảnh cuộc sống được phản ánh. Tuy có nhiều cách hiểu khác nhau nhưng tựu trung lại đều không nằm ngoài cái ý cốt lõi ban đầu của tác giả.

Như loài hoa phải nhờ đến những cánh bướm mới có thể khoe sắc, khoe hương, tác phẩm văn học cũng vậy. Sáng tạo nghệ thuật là hành trình vươn tới tự do, còn tiếp nhận văn học cũng là sự khao khát hướng tới khám phá chân trời tự do ấy. Nói như Ê-gô I-sa-ép: *cuộc sống trong ngôn từ lâu dài hơn bản thân đời người,* bởi khi khép trang sách lại, người đọc vẫn không ngừng miên man nghĩ về những câu chuyện mà nhà văn đã gọi ra và dường như còn bỏ lửng. Thiết nghĩ, văn chương không thể tự nó vượt thời gian mà phải bay lên nhờ đôi cánh của người đọc.

Hiện thực cuộc sống vốn dĩ phong phú muôn màu, khi đi qua lăng kính sáng tạo của nghệ sĩ lại càng thêm lung linh nhiều góc cạnh. Tiếp nhận văn học hay cảm thụ văn học chính là sống hết mình với nó, rung động tận độ với tác phẩm, vừa đắm mình trong thế giới nghệ thuật của nhà văn vừa tỉnh táo lí trí lắng nghe tiếng nói của tác giả. Một người đọc thông minh sẽ biết xem xét tác phẩm ở mọi góc ngách, phương diện, như đang cầm trên tay một khối vuông ru-bích mà xoay nó theo nhiều chiều. Ở mỗi góc độ ta lại khám phá ra những nội dung mới lạ. Chính vì thế mà có người cho rằng, xét đến cùng thì lịch sử văn học cũng chính là lịch sử của quá trình tiếp nhận.

Ai đó đã nói: *Viết hay là không nói hết.* Nhà văn phải là người trao cho độc giả chiếc chìa khoá vàng để mở cánh cửa đi vào tác phẩm, còn mở được đến đâu thì điều đó phụ thuộc vào trình độ giải mã các kí hiệu thẩm mĩ, vào tri thức, vốn sống

và trí tưởng tượng của người đọc. Vì thế, có nhiều ý kiến thậm chí trái chiều nhau được đưa ra về cùng một tác phẩm. Ai cũng biết *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là một kiệt tác *thiên thu tuyệt diệu* từ nhưng xung quanh tác phẩm cũng có những đánh giá mâu thuẫn. Các nhà phê bình hiện đại với cảm quan tiến bộ nhìn cuộc đời Kiều như một *tấm gương oan khổ* nhưng đồng thời cũng là một viên ngọc, một bông sen *gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*:

*Chạnh thương cô Kiều như đời dân tộc
Sắc tài sao mà lắm truân chuyên*

(Chế Lan Viên)

Thế nhưng, nhà nho Nguyễn Công Trứ lại viết những câu thơ oán trách:

*Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm*

Hai cái nhìn hoàn toàn khác nhau do bị chi phối bởi thời đại và xã hội. Có phải thế chăng mà không bao giờ có được tiếng nói cuối cùng trong nghệ thuật. Cũng có những tác phẩm ngay khi ra đời đã được chào đón nhưng cũng có những trường hợp bị chê trách, sau đó mới được nhìn nhận đánh giá lại như tác phẩm *Bà Bô-va-ry* của Phlô-be hay *An-na Ka-rê-ni-na* của L. Tôn-xtôi. Trong văn học Việt Nam, Vũ Trọng Phụng với tác phẩm *Số đỏ* cũng là một điển hình tiêu biểu. Khi đưa con tinh thần của Vũ chào đời, nó đã bị quy kết là *dâm thư* và mãi đến sau này có một thời người sinh ra nó còn bị đánh đồng với nhóm Nhân văn giai phẩm. Cho đến mấy chục năm sau, *đứa con nghịch tử* ấy mới được đưa vào giảng dạy trong nhà trường bởi sự thức nhận giá trị hiện thực sâu sắc cùng bút pháp trào phúng sắc sảo có một không hai của một tác phẩm *ghê gớm có thể làm vinh dự cho mọi nền văn học* (Nguyễn Khải) này.

Có thể nói, tiếp nhận tác phẩm chính là công đoạn cuối cùng trong cuộc hành trình sáng tạo đầy gian truân, khó nhọc. Bằng trái tim và khối óc, người đọc thâm nhập vào tầng sâu của văn bản để khôi phục lại những nét mờ, lấp đầy những khoảng trống, làm hồi sinh tác phẩm một lần nữa, biến nó thành một sinh thể sống có số phận, có suy nghĩ và nhận thức.

Nói như Lưu Hiệp trong thiên *Tri âm* của *Văn tâm điều long*: *Người làm văn tình cảm rung động mà phát ra lời, người xem văn phải rẽ văn để thâm nhập vào tác phẩm*. Người nghệ sĩ muốn cho đứa con tinh thần của mình có thể bất tử được với thời gian phải tạo nên mối đối thoại nhiều chiều với độc giả, phải tuân thủ theo nguyên lí *tảng băng trôi* với bảy phần tám tảng băng trôi dưới nước để cho một phần lộ ra. Cây bút tài hoa là người biết tạo cho tác phẩm những khoảng trống,

những nốt lặng để người đọc tha hồ khám phá. Ngay chỉ với một Đôn Ki-hô-tê nhưng Xéc-van-tét đã tạo cho người đọc nhiều cách hiểu. Đối với người Tây Ban Nha thì đó là một người điên, buồn cười nhưng với người Anh thì Đôn Ki-hô-tê lại là một bi kịch. Trong khi đó, những nhà nghiên cứu mang cảm quan hiện thực chủ nghĩa lại cho nhân vật này là sự hạ bệ lí tưởng anh hùng phi thực tế, ảo tưởng...

Như vậy, muốn hiểu rõ và nắm bắt được linh hồn của tác phẩm thì người đọc không chỉ dùng tình cảm để cảm nhận mà còn phải dùng lí trí để phân tích. Văn bản kết thúc nhưng dư âm của nó thì còn vang vọng mãi. Nó đòi hỏi người đọc phải tự nâng mình lên, trau dồi tri thức, hiểu biết để biến *vốn sống* thành *chất sống*. Có như thế mới đồng hành cùng nhà văn trong việc sáng tạo tác phẩm chân chính.

Trước sự ra đi của một nhà văn ta nghĩ đến sự bất tử của một ngôi bút. Như những ngôi sao băng đã kịp loé rạng một lần trước khi tắt, bằng tác phẩm văn học, người nghệ sĩ chân chính đã để lại cho bạn đọc một lẽ sống cao cả của tâm hồn. Đời xa, không ai thấy mặt nhà văn nhưng khi xem văn liền thấy lòng của họ. Tôi nghĩ như vậy.

Câu 3.

Văn Thạch Lam là thứ hương hoàng lan thanh cao được chưng cất từ những nỗi đời. Nếu bạn là một người yêu văn Thạch Lam tha thiết, chắc hẳn bạn không thể quên cái hơi thơ nhẹ nhàng, lan toả và cái chất ngọt ngào lắng dịu bay lên từ những trang văn ấy. Là cây bút chủ soái của văn học lãng mạn, song văn Thạch Lam không *ru ngủ* mà *lay tỉnh* ta từ những số phận bất hạnh, khổ đau. Yêu Thạch Lam, ta không thể không biết đến truyện ngắn *Hai đứa trẻ*. Đoạn văn từ "*Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi*" cho đến "*...đồng ruộng mênh mang và yên lặng*" là điểm sáng tập trung nhất, tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Thạch Lam và tư tưởng nhân đạo của ông trong đoạn thiên trử tình giống như một áng thơ này.

Hai đứa trẻ kể về hai chị em Liên và An. Cũng như những con người đang phải sống những kiếp bé mọn nơi phố huyện nghèo nàn, tâm hồn trẻ thơ của chúng luôn mong *một cái gì tươi sáng* khác hẳn với sự sống quẩn quanh, tù đọng, héo mòn, tàn tạ nơi tăm tối của màn đêm phố huyện. Và đoàn tàu chính là nguồn sáng duy nhất làm lay động mạnh mẽ *cái ao đời bằng phẳng* ấy.

Đêm nào, Liên và An cũng thức đợi tàu chạy qua. Và đêm nay cũng thế. Đoàn tàu hiện lên qua cảm nhận tinh tế của Liên: *Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sáng hơn*. Chắc hẳn, Liên đã phải trông đợi nhiều lắm, quan sát kĩ lắm mới có thể nhận ra sự *kém sáng* – một đặc điểm thật nhỏ như vậy. Cũng phải thôi, đoàn tàu ấy chính là ước mơ, khát vọng đổi thay của

NĂM 2008

ĐỀ BÀI

Câu 1. (8,0 điểm)

Trong bài *Mẹ yêu con*, sau khi nhắc tới bao việc mẹ từng làm vì con mà có thể chưa được con hiểu đúng, người mẹ đã tâm sự:

Nhưng trên tất cả, mẹ yêu con nên mẹ nói “không” trước những đòi hỏi vô lí của con khi mẹ biết con sẽ ghét mẹ về những điều này. Đây là cuộc đấu tranh khó khăn nhất trong cuộc đời của mẹ. Nhưng mẹ vui vì mẹ đã chiến thắng và cuối cùng con đã thành đạt.

(Theo *Trái tim người mẹ*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004)

Lời tâm sự ấy gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì về tình mẫu tử trong cuộc đời?

Câu 2. (6,0 điểm)

Nói về quy luật sáng tạo nghệ thuật, nhà thơ Ra-bin-đra-nát Ta-go có câu:
Khi tình cảm tự tìm cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài, chúng ta có thơ.

(Theo *Mười nhà thơ lớn của thế kỉ*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1986)

Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào?

Câu 3. (6,0 điểm)

Cảm nhận của anh (chị) về hai đoạn thơ sau:

*– Quê hương tôi có con sông xanh biếc,
Nước gương trong soi tóc những hàng tre.
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè,
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng.*

(Tế Hanh, *Nhớ con sông quê hương*)

*– Anh đưa em về sông Duống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì*

Sông Duống trôi đi

Một dòng lấp lánh

Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì

(Hoàng Cầm, Bên kia sông Duống)

YÊU CẦU LÀM BÀI

Câu 1.

Đây là dạng đề mở, người viết có thể tự do trình bày suy nghĩ của mình theo những hướng khác nhau. Tuy nhiên, cần đạt được một số yêu cầu căn bản sau:

- Về hình thức

Trước hết; người viết cần xác định đây là đề nghị luận xã hội. Dạng đề này cho phép người viết tự do lựa chọn các kiểu bài và các thao tác tạo lập văn bản khác nhau, nhưng cần phải phù hợp và nhuần nhuyễn. Đồng thời, thí sinh cũng được tự do huy động các chất liệu khác nhau, như chất liệu thuộc tri thức sách vở, tri thức đời sống và những trải nghiệm của riêng mình về tình mẫu tử để giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, vẫn phải nắm vững vấn đề ở đây là tình mẫu tử trong thực tế cuộc sống chứ không phải trong các tác phẩm văn học.

- Về nội dung

Người viết cần xác định vấn đề cơ bản ở đây là tình mẫu tử, mà cụ thể là cách mẹ thể hiện tình yêu với con và khả năng cảm nhận của con về lòng mẹ.

+ Trong đời, người mẹ thường thể hiện tình yêu đối với con theo hai cách: chiều theo ý con và làm trái ý con (tức là kiên quyết “nói *không* với những đòi hỏi vô lí của con”).

+ Cách thứ nhất, có thể cả mẹ và con đều dễ dàng cảm nhận được tình cảm của nhau. Cách thứ hai thì khó cảm nhận hơn, người mẹ có thể chưa được con hiểu đúng, thậm chí, người con có thể ghét mẹ. Tuy nhiên, đây mới chính là biểu hiện sâu sắc và cao cả hơn của tình mẹ. Bởi vì, theo cách này, người mẹ vừa phải có một tình yêu lớn vừa phải có một sự hi sinh lớn. Và đây cũng chính là cuộc đấu tranh hết sức khó khăn của lòng mẹ mà chiến thắng thật không dễ dàng. Cuối cùng, vì sự thành đạt ngày mai của con, người mẹ đã chấp nhận mất mát hôm nay của mình. Chỉ có người con nào sớm có sự chín chắn thì mới thấu hiểu được chiều sâu của lòng mẹ qua cách thể hiện này.

+ Để hiểu được lời tâm sự đó của người mẹ, người viết cần trình bày những suy cảm của mình về tình mẫu tử với các bình diện như bản chất, vẻ đẹp, ý nghĩa, tầm

quan trọng, và đặc biệt là những cách biểu hiện hết sức khác nhau của tình mẫu tử, trong đó có những cách không phải lúc nào cũng dễ hiểu và dễ cảm nhận. Có thể suy ngẫm đến tình mẫu tử nói chung của con người, nhưng cần ưu tiên cho những suy tư từ tình mẫu tử thiết thân của riêng mỗi người viết.

Câu 2.

Bài làm có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần nêu được một số nội dung căn bản sau:

a) Giải thích

Cần hiểu được ý kiến của Ta-go trực tiếp nói về thể loại thơ nhưng không chỉ bó hẹp ở thơ, mà đây cũng là quy luật phổ biến chi phối quá trình sáng tạo nghệ thuật nói chung. Về thực chất, ý kiến đó nói đến mối quan hệ giữa nội dung và hình thức trong sáng tạo nghệ thuật, mà yếu tố hạt nhân của nội dung bao giờ cũng là tình cảm.

b) Bình luận

Cần khẳng định sự đúng đắn của ý kiến này. Bởi vì nó phù hợp với những nguyên lí lớn của sáng tạo mà lí luận văn học đã nói đến về mối quan hệ giữa nội dung và hình thức, đằng sau đó cũng là mối quan hệ giữa cái tâm và cái tài của người nghệ sĩ. Trong mỗi sáng tạo nghệ thuật, nội dung là yếu tố có trước, hình thức là yếu tố có sau, nội dung quyết định hình thức, hình thức có tác động tích cực trở lại nội dung, nội dung và hình thức chuyển hoá sang nhau, tồn tại trong nhau để làm nên một chỉnh thể nghệ thuật sống động. Quy luật này thể hiện đặc biệt rõ đối với thơ, một thể loại vẫn được xem là tiếng nói trực tiếp của trái tim. Mối quan hệ giữa cái tâm và cái tài của người nghệ sĩ trong sáng tạo cũng diễn ra như vậy.

c) Chứng minh

Để làm sáng tỏ và tăng tính thuyết phục cho ý kiến của mình, cần huy động được các kiến thức cụ thể về tác giả, tác phẩm của các thể loại, trước hết là thơ vào việc phân tích.

Câu 3.

a) Người viết có thể trình bày cảm nhận theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần có ý thức đối sánh và nêu được một số nội dung căn bản sau:

- Sự tương đồng

+ Cả dòng sông trong thơ Tế Hanh và dòng sông trong thơ Hoàng Cầm đều toát lên vẻ đẹp trong sáng, thơ mộng, đều là hình ảnh sống động của tình yêu quê hương thiết tha, đậm thắm.

+ Cả hai dòng sông đều được hiện lên nhờ những bút pháp giàu tính tạo hình, đầy ánh sáng và màu sắc, với những ẩn dụ phù hợp và độc đáo.

– Sự khác biệt

+ Nếu dòng sông của Tế Hanh nghiêng về vẻ đẹp trong trẻo, chứa đầy kỉ niệm tuổi thơ với những gấn bó máu thịt giữa dòng sông và tâm hồn người, thì dòng sông của Hoàng Cầm lại nghiêng về vẻ đẹp huyền ảo, mang hơi hướng cổ tích, chất chứa những hoài niệm của một người kháng chiến về một dĩ vãng yên bình.

+ Cùng viết về vẻ đẹp trong sáng của những dòng sông, trong khi Tế Hanh nghiêng về vẻ *trong* (ngâm so sánh lòng sông với tấm gương), thì Hoàng Cầm lại nghiêng về vẻ *sáng* (ngâm so sánh dòng sông với dòng ánh sáng). Cùng sử dụng phép ẩn dụ nhân hoá, trong khi Tế Hanh hình dung rặng tre bên sông như những cô gái quê xoa tóc soi gương, mang vẻ đẹp bình dị gần gũi, thì Hoàng Cầm lại hình dung dòng sông như một sinh thể với dáng nằm duyên dáng trên nền cát trắng phẳng lì, mang vẻ đẹp tình tứ huyền ảo,...

b) Những cảm nhận trên cần phải được trình bày nhuần nhuyễn, với sự phân tích, cắt nghĩa, lí giải và phẩm bình hợp lí. Có thể chấp nhận cả những cách cảm nhận khác, nhưng với điều kiện phải có căn cứ và lí lẽ xác đáng.

BÀI LÀM SỐ 1

Câu 1.

[Cuộc đời như tấm kính ẩn chứa nhiều rạn nứt. Vết nứt ấy cứ lớn dần nhưng không vỡ vụn nhờ chất keo dính bền chặt. Tình mẫu tử là một trong những chất keo như thế. Tình mẹ mẫn nồng vị tha nhưng có lúc con không hiểu đúng. Lòng mẹ dành cho con dù thế nào cũng mãi ngọt ngào như chất keo quyện thấm, nuôi dưỡng con trưởng thành, mẹ luôn mong cho con những điều tốt đẹp nhất:

Nhưng trên tất cả, mẹ yêu con nên mẹ nói “không” trước những đòi hỏi vô lí của con khi biết con sẽ ghét mẹ về những điều này. Đây là cuộc đấu tranh khó khăn nhất trong cuộc đời của mẹ. Nhưng mẹ vui vì mẹ đã chiến thắng và cuối cùng con đã thành đạt.

(Mẹ yêu con)

Lời tâm sự của mẹ chân thành, xúc động, cho ta nhiều nghĩ suy.

[Ai đó từng nói: *Nỗi bất hạnh của con người là không thể sống một mình. Thật vậy, mỗi người sinh ra được ràng buộc với nhau bằng nhiều mối quan hệ. Nhưng hình như đó cũng là hạnh phúc.*] Bởi ta được yêu thương và có người để yêu thương.

Mẹ là người không thể thiếu trong cuộc đời ta và là người ta yêu nhất. *Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào. Câu hát ấy mãi vẫn vương trong tâm khảm nhắc ta về tình mẹ yêu thương.* Lời tâm sự của người mẹ trên cũng là cái tình ấy. Mẹ nói “*không*” là đang từ chối, không đồng ý trước thái độ, hành động của ta. Bởi những đòi hỏi đó *vô lí*. Xin mẹ mua chiếc xe đạp hiệu để bằng chúng bạn hay nghỉ học một buổi để đi chơi đều là những yêu cầu không đúng. Vì đòi hỏi ấy không phù hợp với hoàn cảnh gia đình, đi ngược lại điều tốt mẹ dạy cho con. Nhưng tuổi trẻ thường bông bột. Mẹ từ chối để dạy con nên người nhưng con không hiểu đúng. Vậy nên *đây là cuộc đấu tranh khó khăn nhất trong cuộc đời mẹ.* Lời tâm sự hay chính nỗi lòng chân thành của mẹ đang bộc bạch. Nếu cuộc đấu tranh với chính mình của mỗi người đã vô vàn gian khó thì *cuộc đấu tranh nội tâm của người mẹ càng gian khó hơn gấp bội phần.* Ấy là tình thương con không được cảm thông, chia sẻ. Hẳn mẹ phải nghĩ suy, trăn trở nhiều lắm. Mẹ âm thầm chịu đựng tất cả để rồi *mẹ vui vì mẹ đã chiến thắng và cuối cùng con đã thành đạt.* Niềm vui của mẹ là niềm vui thấy con trưởng thành và hiểu mẹ. Lòng mẹ vị tha và ân tình như Thái Bình Dương dạt dào là thế!

Cuộc sống đầy sóng gió, cam go. Và có lẽ trở về bên mẹ là giây phút yên bình, hạnh phúc nhất. Lời tâm sự của người mẹ ở trên cũng là nỗi lòng của bao bà mẹ khác. Mang nặng đẻ đau nên tình mẹ dành cho con *như nước trong nguồn chảy ra.* Tình cảm ấy không bao giờ vơi cạn và là suối nguồn trong lành dưỡng nuôi con khôn lớn từng ngày cả về thể chất lẫn tinh thần. Thương con nên mẹ sẵn sàng hi sinh, tha thứ những lỗi lầm của con. Sự hi sinh ấy âm thầm mà vất vả, gian khổ. Bởi con đâu mãi ở trong vòng tay của mẹ. Từ thuở chập chững bước những bước đầu tiên đến khi cắp sách đến trường, con gặp gỡ bao điều mới lạ. Bạn bè, thầy cô, người đã quen rồi người mới gặp,... nhiều mối quan hệ phức tạp khiến con bận tâm suy nghĩ. Cuộc đời không ngừng chảy trôi kéo theo hàng loạt những nhu cầu sống mới. Phong cách teen khiến con ham muốn, đua đòi để được giống bạn bè. Đòi hỏi ấy của con làm mẹ bận lòng. Mong cầu của con vượt quá hoàn cảnh gia đình, không phù hợp với bản thân con. Nhưng tuổi trẻ thường có những ước muốn như thế. Lòng ham điều hay, điều lạ, việc hoà cùng lối sống thời đại là nhu cầu thiết yếu của mỗi người. Nhưng nhu cầu ấy phải đặt trong cái chung của cả gia đình. Mẹ từ chối con không phải vì ghét con. Mẹ nói *không* bởi mẹ muốn con tự nhận thức được việc làm sai mà trưởng thành. Ông bà xưa từng dạy:

Thương cho roi cho vọt

Ghét cho ngọt cho bùi.

Từ chối đòi hỏi vô lí của con cũng bởi mẹ thương con. Nhưng khi không có được điều mình đòi hỏi, người ta thường kích hoạt lòng vị kỉ cá nhân mà không suy xét để ghét người không đáp ứng yêu cầu của mình. Đó là tâm lí thường tình của con người. *Con ghét mẹ* cũng vì thế. Nhưng *mẹ em chỉ có một trên đời*, con sẽ hiểu được tình thương ấy mà nhận ra bao điều. Tình mẹ dành cho con ân tình mà nồng nàn, thiết tha như vậy.

Cuộc đời như dòng sông bất tận những tình cảm. Tình mẫu tử là một trong những mạch nguồn trong dòng sông ấy. Câu chuyện anh sinh viên Đại học Y khoa Cần Thơ – Văn Hải Thi là minh chứng cảm động về tình mẹ. Để nuôi anh ăn học nơi giảng đường đại học, mẹ đã dứt ruột bán năm công đất ruộng. Thuyết gà mái tìm môi nuôi con của mẹ nghĩa tình và giản dị biết mấy. Đằng sau chàng bác sĩ tương lai này là người mẹ nghèo hết lòng vì con. Chuyện chàng trai Lê Vũ Hoàng giải Nhất cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia” mãi nhắc nhở ta về tình mẹ con trong cuộc sống. Ngày Hoàng đi thi là ngày mẹ lên bàn mổ. Đứa con ấy mang trong mình quyết tâm chiến thắng để làm mẹ vui lòng. Hạnh phúc lớn nhất của mẹ là được chứng kiến con thành đạt, được làm những điều tốt nhất cho con. Và cao cả biết bao bà mẹ xưa trong câu chuyện cổ, chuyển chỗ ở nhiều lần với ước mong con được yên việc sách đèn dùi mài kinh sử để ghi danh vào bảng vàng bia đá.

Chuyện của những bà mẹ như thế làm ta phải giật mình. Ta cũng có lúc đòi mẹ mua áo đẹp, đôi giày sang nhưng quên nhìn vào mắt mẹ, ánh mắt thắm sâu nỗi buồn, không phải vì không thể đáp ứng đòi hỏi quá mức của con mà vì yêu con, muốn dạy con thành người chân chính nên không đáp ứng yêu cầu ấy. Mẹ bao đêm trằn trọc cũng vì những chuyện ta ngỡ bình thường như thế. Hiểu nỗi lòng mẹ qua tâm sự trên, lòng ta trào dâng niềm ân hận. Tình mẹ với con đã theo ta từ thuở nằm nôi trong những câu ca:

*Có xáo thì xáo nước trong
Dùng xáo nước đục đau lòng cò con.*

Hình ảnh người mẹ – những cánh cò tần tảo trong mưa cứ đi về trong tâm trí ta. Mẹ luôn mong cầu được che chở cho con:

*Con dù lớn vẫn là con của mẹ,
Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con.*

(Chế Lan Viên, *Con cò*)

Dòng sữa ấm lành của mẹ ngọt mãi suốt đời con.

Lời tâm sự của người mẹ trong *Mẹ yêu con* là nỗi lòng xúc động, chân thực của những bà mẹ chân chính trong cõi đời này. Sự vị tha, hi sinh của mẹ mãi ám ảnh

tâm hồn con. Mẹ yêu con và con càng không thể được phép quên tình mẹ. Cũng vì thế, thật đáng ghét, đáng giận, đáng trách và cần tránh biết bao những ý nghĩ và hành vi mà người ta gọi là bất hiếu đối với mẹ trong cuộc sống mỗi ngày. Hãy biết trân trọng những giây phút được sống bên mẹ và thương mẹ nhiều hơn. Hãy dành thời gian lắng nghe tiếng lòng của mẹ để hiểu mẹ hơn. Hãy thể hiện lòng con yêu mẹ bằng những hành động bình dị nhất trong cuộc sống hằng ngày. Cùng mẹ làm bữa cơm gia đình ta bỗng nghe bát canh mặn nồng, ấm áp hơn. Và nếu biết dỗi cái nhìn cảm thông chia sẻ vào những cảnh đời, mảnh đời thiếu mẹ, ta càng thêm quý trọng tình mẫu tử nguyên lành mình hiện có. Tình mẹ thiêng liêng và sưởi ấm giúp ta nên người.

Hãy lắng nghe lời tâm sự của *Mẹ yêu con* và hãy biết lặng lòng nhìn lại bản thân ta theo sự chỉ dẫn của lời ca dao vang vọng:

*Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Tình mẫu tử là tình cảm đáng trân trọng, giữ gìn nhất trong vô vàn tình cảm khác của con người trong cõi nhân sinh.

Yêu mẹ, hiếu mẹ, thương quý mẹ hơn, ta càng xác định đúng động lực sống của bản thân mình.

Câu 2.

Biển cả nghìn năm không ngừng dào dạt sóng. Sóng biển có lúc êm đềm nhưng cũng có khi thét gào dữ dội. Tâm hồn con người cũng như biển vậy. Thi nhân xúc cảm trước cuộc đời mà viết nên trang. Con sóng lòng tràn bờ, tràn trên con chữ thành thơ. Đúng như Ra-bin-đra-nát Ta-go từng nói: *Khi tình cảm tự tìm cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài, chúng ta có thơ.*

Ấy là quy luật cảm xúc, quy luật sáng tạo nghệ thuật muôn đời.

Thi sĩ Anh Uy-li-am Uốt từng nói: *Thơ ca là sự bột phát của những tình cảm mãnh liệt.* Thi nhân xúc cảm và khao khát được bộc bạch nỗi lòng, tỏ bày tâm sự. Khi đó, họ tìm đến thơ: *khi tình cảm tự tìm cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài, chúng ta có thơ.* Tình cảm là tiếng lòng người thơ. Câu chuyện thơ là câu chuyện tâm hồn thi sĩ. Thể loại thơ là hình thức cần có để nhà thơ bộc lộ nỗi niềm.

Thơ ca là lĩnh vực của tình cảm. Câu nói của Ta-go là tầm niệm của chính người trong cuộc. Đến với miền thơ là đi vào thế giới tâm tình của thi nhân. Bởi thơ là tiếng lòng, là tiếng nói của tình cảm, cảm xúc. Sống ở đời với bao buồn vui, con người ta có nhu cầu bộc lộ nỗi niềm mình. Nhà thơ với *trực giác nhiệm màu*

(Thạch Lam) của người nghệ sĩ lại càng tinh tế, nhạy cảm hơn trước đời. Tâm hồn họ *tất cả* tôi run rẩy tựa dây đàn căng tràn trước ngoại cảnh để gảy thành thanh âm của tiếng lòng mình. Thi sĩ lãng mạn Pháp La-mác-tin từng tâm sự: *Thế nào là thơ? Đó không chỉ là nghệ thuật, đó còn là sự giải thoát của lòng tôi.* Mong cầu được bộc lộ, giải thoát tắc lòng khiến người thơ cầm bút. Thơ là thể loại trữ tình phù hợp với mọi cung bậc cảm xúc thi nhân. Bao buồn vui trong đời cảm rung thi sĩ, bao nỗi niềm chất chứa trong tâm can đến lúc mãnh liệt mà *cất nên trang*. Câu chữ sẽ tự tìm hình thức thích hợp để tuôn chảy tiếng lòng thi nhân.

Ngay từ lúc sinh ra trên đời, con người đã có tình cảm. Tiếng khóc chào đời là khát vọng được giao tiếp với đời. Mỗi người thơ đều có tắc lòng riêng của mình. Từ tình yêu lứa đôi đến tình cảm gia đình, từ sự rung động trước một *bức tranh quê* đến lòng đau trước thân phận con người đều đi vào trang thơ. Quên sao được tấm lòng mong nhớ thiết tha trong ca dao:

*Chờ em đã tám hôm nay
Hôm qua là chín, hôm nay là mười.*

Chờ nhau, nhớ nhau nên câu chữ cũng hoá bất thường. Thời gian tâm lí đã thay thế trật tự thời gian bình thường. Những số từ đong đếm tâm trạng trong câu chữ đã vật chất hoá tiếng lòng người đang yêu. Yêu nhau nên ước mong cũng lạ thường:

*Ước gì sông rộng một gang,
Bắc cầu dải yếm để chàng sang chơi.*

Cầu dải yếm hay tấm lòng em gửi trọn đến chàng? Vật dụng gòn gũ và quá dỗi mỏng manh của người phụ nữ trở thành nhịp cầu chuyên chở tình yêu. Yêu nồng nàn nên mới có ước ao đẹp và duyên đến vậy!

Lòng đau trước thân phận người phụ nữ không ngừng ám ảnh ta bên cạnh ước mong ca dao ngọt ngào:

*Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom
Oán hận trông ra khắp mọi chòm
Mơ thảm không khua mà cũng cốc
Chuông chùa chẳng đánh có sao om.*

Giọng thơ nghe chì chiết, xót xa! Xuân Hương làm thơ là để bộc lộ chính nỗi lòng mình. *Tự tình* là khát khao hạnh phúc hay đau đớn cho số kiếp đàn bà? Nghe như nước mắt và cả tiếng cười người thơ đau dây. Chua xót nhưng mạnh mẽ nên từ ngữ cũng không yên. Câu chữ cứ động cựa quẫy đập, kêu đòi hạnh phúc và cũng như là vật vã cùng nỗi niềm xa xót của người thơ.

Tình cảm tự tìm cho nó hình thức để bộc lộ. Chế Lan Viên – nhà thơ của những triết lí, triết luận cũng xôn xao tiếng lòng khi yêu:

*Chỉ một ngày nữa thôi. Em sẽ
trở về. Nắng sớm cũng mong. Cây
cũng nhớ. Ngõ cũng chờ. Và bướm
cũng thêm màu trên cánh đang bay.*

(Tập qua hàng)

Tình cảm đã hiển hiện nơi câu chữ. Tâm trạng mong chờ, đón đợi người yêu khiến tác lòng không yên. Câu chữ cũng tuôn trào, dào dạt, cũng ngúc ngoắc, trúc trắc như chính tâm trạng thi nhân. Bồn chồn không yên nên mới có hình thức *tập qua hàng* độc đáo như thế!

Thi sĩ muôn đời dành nhiều bút lực cho tình yêu nhưng cũng không quên tình bạn:

*Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.*

(Lí Bạch, *Hoàng Hạc lâu* tống Mạnh Hạo *Nhiên chi Quảng Lăng*)

Con thuyền đã khuất nẻo mà đôi mắt ngóng trông vẫn đau đáu theo cùng. Cô là bóng dáng lẻ loi của con thuyền chở người đi hay là nỗi niềm đơn chiếc thấm trong lòng kẻ ở?

Ý kiến của Ta-go chạm đến một trong những điểm đặc thù của sáng tạo nghệ thuật thơ ca. Tình cảm dâng trào, hiển hiện thành câu chữ, hình ảnh thơ. Bởi mỗi thi nhân luôn mang trong mình thái độ rất riêng với đời sống nên trang thơ của mỗi người có sắc thái riêng không trộn lẫn. Cảm xúc chi phối câu chữ, tạo ra hình thức thơ mới lạ và hình thức dù mới lạ đến đâu cũng chỉ có giá trị khi chứa đựng nội dung sâu sắc. Thơ là tình cảm, là tiếng lòng thổn thức của thi nhân hiển thị trong câu chữ và để có tiếng lòng thổn thức ấy người thơ phải sống trọn vẹn với đời. Chữ tài chỉ bùng nổ khi chữ tâm với đời toả sáng.

Là lời tâm niệm đúng đắn và sâu sắc của chính người trong cuộc, ý kiến của Ta-go cho ta thêm một lần hiểu rõ: Thơ ca là tiếng lòng thi sĩ bắt nguồn từ chính mảnh đất cuộc đời và thăng hoa trên bầu trời nghệ thuật. Cuộc đời là mạch nguồn khởi đầu và cũng là đích đến của mỗi trang thơ.

Câu 3.

Giữa dàn giao hưởng trầm hùng, ta vẫn nghe tiếng vi-ô-lông réo rắt. Giữa muôn ngàn tiếng chim ca, ta vẫn say lòng bởi giọng trong trẻo, thánh thót của họa mi.

Giữa muôn điệu lòng với quê hương, ta vẫn nhận ra tác lòng quê tha thiết của Tế Hanh:

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc,
Nước gương trong soi tóc những hàng tre.
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè,
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng.*

(Nhớ con sông quê hương)

Và lòng ta mãi không thôi bồi hồi, đắm say trước tình quê Kinh Bắc của Hoàng Cầm với dòng sông Đuống lấp lánh ánh yêu thương:

*Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì
Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì*

(Bên kia sông Đuống)

Phải chăng đó là “giọng riêng” của mỗi thi nhân trước giọng chung cuộc đời?

Lê Quý Đôn từng nói: *Thơ khởi phát tự trong lòng người ta*. Tình quê luôn đọng đây, chứa chan trong tâm khảm của Tế Hanh và Hoàng Cầm. Xa quê, đau đáu nhớ quê nhà, hai thi nhân gặp gỡ nhau ở dòng sông quê hương. Con sông lai láng chảy nơi khúc ruột miền Trung hay dòng sông Thiên Đức lấp lánh ở miền quan họ đều mang chở trong mình vẻ đẹp quê hương. Và dòng sông đời đã hoá sông thơ, tưới mát tâm hồn thi nhân để đến với trang thơ, đi vào miền hoài niệm của những người tha hương.

Tế Hanh không gọi mở cảm xúc bằng đối tượng trữ tình cụ thể nào mà bộc bạch tiếng lòng của chính mình trong thể thơ tám chữ trang nghiêm, tề chỉnh:

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc,
Nước gương trong soi tóc những hàng tre.*

Giọng thơ đậm chất tự sự của mạch hồi tưởng trong kí ức thi nhân. Nhớ về quê hương là nhớ đến dòng sông quê: *con sông xanh biếc*. Câu thơ bình dị mà ấm nồng tình cảm kẻ tha hương. Chiến tranh chia cắt tình quê để dòng sông quê hiện về trong hoài niệm. Hàng loạt tính từ được sử dụng gọi về con sông hiền hoà xanh mát lúc ấu thơ. Ấy là con sông dịu hiền nơi hoa cỏ miền Trung đất Việt.

Dòng sông hay tâm hồn quê:

*Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè,
Toả nắng xuống lòng sông lấp lánh.*

Người và sông quyện hoà, gắn bó trong nhau. Sắc nắng chói chang của miền Trung in đậm trang thơ. Lòng sông hay lòng người thuỷ chung, trong sáng không phai nhòa?

Nếu Tế Hanh chọn cho mình thể thơ tám chữ đều đặn thì Hoàng Cầm lại trào dâng tác lòng quê với thể thơ tự do theo nhịp chảy của cảm xúc. Nghe tin giặc chiếm đóng quê hương, người thương quê xa tuôn nỗi niềm thơ:

*Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì*

Tiếng *em* nghe sao tha thiết, trữ tình, khiến câu thơ nhẹ nhàng, ngân nga trong lòng người. Đó là bóng hình ảo mộng thường thấy trong thơ Hoàng Cầm.

Chất Kinh Bắc ấy của hồn thơ khiến Hoàng Cầm gọi nhớ bóng hình sông quê với nét duyên dáng, ý nhị rất riêng:

*Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì.*

Con sông mang dáng hình thiếu nữ. Nếu ở trên yên ở *cát trắng phẳng lì* thì giờ thao thức đầy nỗi niềm trong dáng *nghiêng nghiêng*. Thế năm nghiêng nghiêng là nét duyên ngầm hay nét chệnh chao của hồn người, hồn thơ? Phải chăng đây là sự trần trọc đầy nỗi niềm của quê hương *mấy trăm năm thấp thoáng mộng bình yên* giờ đang lâm vào cảnh tang tóc, thương đau. Chính Hoàng Cầm từng tâm niệm: *nhạc là cỗ xe chở hồn thi phẩm*. Bên kia sông Đuống đong đầy nhạc tình, nhạc lòng người thơ. Thế tự do khiến câu chữ co giãn nhịp nhàng trên trang viết.

Tám lòng quê thiết tha của Tế Hanh và Hoàng Cầm mãi khắc sâu trong ta hình ảnh quê hương của mỗi người, của quê hương Việt Nam nói chung. Yêu sao những con sông quê và hồn quê ấy!

(Bài đoạt giải Nhì – 17/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng khá tốt những yêu cầu cơ bản đặt ra trong đề bài.

Đối với câu 1, khi viết văn nghị luận xã hội không nên giáo điều và điều ấy lại càng không nên khi bàn luận về tình mẫu tử. Người viết đã tránh được điều này khi

tìm cho mình một cách viết thông minh là cân bằng hai phương thức biểu đạt nghị luận và biểu cảm trong bài viết. Vốn sống khá sâu sắc, đặc biệt là suy nghĩ sâu nặng về tình mẫu tử xuất phát từ trái tim yêu mẹ và hiểu mẹ đã làm nên những lời văn mượt mà, thấm đượm chất văn chương và có sức lay động. Tuy nhiên, nếu bớt đi một số câu văn mơ hồ về nghĩa thì hiệu quả của bài viết sẽ tốt hơn.

Ở câu 2, người viết hiểu đúng ý kiến của nhà thơ Ra-bin-đra-nát Ta-go và biết vận dụng nhuần nhuyễn kiến thức lí luận văn học với kiến thức về tác phẩm văn chương để làm sáng rõ vấn đề. Kiến thức về tác phẩm khá phong phú cùng khả năng thẩm bình tốt. Diễn đạt lưu loát và sáng tạo, có nhiều câu, đoạn đáng khen như: *Đến với miền thơ là đi vào thế giới tâm tình của thi nhân... Câu chữ sẽ tự tìm hình thức thích hợp để tuôn chảy tiếng lòng thi nhân.* Có điều, nếu dựa vào quy luật sáng tạo của nghệ thuật, đặc biệt là của thơ ca để lí giải vấn đề sâu và rộng thêm một chút nữa thì bài viết sẽ hoàn hảo hơn. Hẳn là người viết cũng ý thức được điều này nhưng có lẽ là chưa làm được do thời gian không cho phép.

Ở câu 3, người viết đã cảm nhận được điểm gặp gỡ ở hai đoạn thơ là hình ảnh dòng sông trong bài thơ *Nhớ con sông quê hương* của Tế Hanh và dòng sông trong bài thơ *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm là hình ảnh sống động của tình yêu quê hương thiết tha, đậm thắm. Đồng thời, cũng đã chỉ ra một vài nét khác biệt trong cảm xúc và sáng tạo nghệ thuật của Tế Hanh và Hoàng Cầm qua hai đoạn thơ. Tuy nhiên, bố cục bài viết chưa thật nhuần nhuyễn với kiểu bài cảm thụ văn học trong thể đối sánh. Về đẹp riêng của mỗi đoạn thơ, do đó, cũng chưa được cảm nhận rõ nét.

BÀI LÀM SỐ 2

Câu 1.

Có những tình yêu không bộc lộ một cách trực tiếp thành những lời nói khiến người khác hài lòng. Có những tình yêu phải trải qua năm tháng ta mới cảm nhận được một cách sâu sắc và thấy nó thật lớn lao. Trong những tình yêu ấy có tình mẫu tử như lời người mẹ trong bài *Mẹ yêu con* tâm sự: *Nhưng trên tất cả, mẹ yêu con nên mẹ nói "không" trước những đòi hỏi vô lí của con khi mẹ biết con sẽ ghét mẹ về những điều này. Đây là cuộc đấu tranh khó khăn nhất trong cuộc đời của mẹ. Nhưng mẹ vui vì mẹ đã chiến thắng và cuối cùng con đã thành đạt.*

Tình mẫu tử là một tình cảm cao đẹp trong quan hệ gia đình. Mẹ mang nặng đẻ đau, nuôi nấng dạy dỗ con nên người, bởi thế, với mẹ con là nguồn vui, là niềm hi vọng lớn nhất trong đời. Và những đứa con ngoan, có hiếu với mẹ cha là những con

người đã nhận được tình yêu thương, sự chở che chăm sóc của cha mẹ, của gia đình, nhà trường và xã hội. Đó là mối quan hệ khăng khít làm nên vẻ đẹp trong quan hệ đạo đức giữa người với người trong cuộc sống. Cha ông xưa từng nói *mẫu tử tình thâm*. Không gì cao quý bằng tình mẫu tử. Tình mẹ sẽ theo con trong suốt cuộc đời. Trái tim người mẹ dường như luôn theo sát mỗi bước đường con đi.

Trong bài *Mẹ yêu con*, người mẹ nhắc tới rất nhiều việc mẹ đã từng làm vì con. Thật vậy, mẹ sinh ra con phải trải qua cả một quá trình thai nghén, nuôi dạy con thành người với biết bao công sức, biết bao yêu thương. Mẹ chăm chút cho con từng bữa ăn, giấc ngủ. Những khi con yếu đau, mẹ luôn bên con, lo lắng cho con, động viên con... Những khi con có chuyện buồn, mẹ như người bạn lớn chia sẻ cùng con. Mẹ như một "hậu phương" vững chắc nâng cánh cho con bay cao, bay xa với những ước mơ, hoài bão. Kể sao xiết những việc mẹ đã làm vì con. Đó có thể chỉ là những hành động thật nhỏ bé, giản dị, hay có thể là những việc làm lớn lao... Nhưng tất cả những việc làm ấy đều là thiêng liêng cao cả vì ẩn trong đó là biết bao yêu thương của mẹ. Mẹ như một bến bờ bình yên nhất mà mỗi đứa con như một con thuyền đi xa cần cập bến để tiếp thêm nhựa sống. Không có mẹ, cuộc đời con sẽ trở nên tăm tối. Thiếu đi tình yêu thương, thiếu bàn tay chăm sóc vuốt ve của mẹ có thể con sẽ trở thành những cây đại trên đất hoang khô cằn sự sống...

Mẹ yêu con, mẹ yêu con như trời cao biển rộng. Nói trời cao biển rộng vậy thôi, chứ ai đo được độ cao rộng ấy. Tình mẹ cũng vậy – mênh mông và vô tận, vô cùng. Nhưng tình yêu con ở mỗi người mẹ lại có những sắc thái biểu hiện khác nhau. Có những người mẹ yêu con nhất nhất chiều theo những đòi hỏi của con. Lại có những người mẹ yêu con mà vẫn biết nói không với những đòi hỏi vô lí của con.

Trên tất cả những việc mẹ đã làm cho con, mẹ yêu con nên mẹ nói "*không*" với những đòi hỏi vô lí của con. Trẻ con thường có những yêu cầu, đòi hỏi nhiều khi không chính đáng, không phù hợp do chưa ý thức được hết những đòi hỏi của mình. Nhiều người mẹ yêu con một cách mù quáng nên hễ con đòi gì là sẵn sàng đáp ứng ngay. Việc nói *không* với những đòi hỏi ấy không phải bất cứ người mẹ nào cũng làm được và thường xuyên làm được. Nói *không* với đòi hỏi vô lí của con cũng có nghĩa là mẹ đang ngăn trở con trước những nhu cầu không hợp lí, uốn nắn con đi đúng con đường sáng để đi tới sự thành đạt. Nhiều đứa trẻ muốn đi chơi khi bài vở còn dang dở và nản chí, hụt lòng trước những khó khăn. Những khi ấy, mẹ lại bên con, lại can ngăn, nhắc nhở con... để con vững bước, lấy lại niềm tin và ý chí... Người mẹ yêu con luôn có một giác quan thứ sáu, một giác quan dường như để dành riêng cho con, để nhận ra những biểu hiện trong tâm lí của con. Khi mẹ nói *không* với đòi hỏi vô lí của con, mẹ biết rằng *con sẽ ghét mẹ về những điều này*. Phải, trẻ con thường như vậy, dễ yêu và dễ ghét. Có khi chỉ vì một mong muốn không

được đáp ứng, con thấy ghét mẹ, con hờn dỗi mẹ... Đó là những yêu ghét bùng bột, cảm tính của trẻ con. Nhưng chính những hờn dỗi ấy của con đã làm mẹ buồn, làm mẹ đau lòng. Mà có người mẹ nào muốn thấy con mình buồn đâu? Bởi thế, nhiều người mẹ mặc dù đã nói *không* với những đòi hỏi vô lí của con, nhưng khi thấy con không hài lòng thì lại mềm lòng chiều theo những đòi hỏi ấy. Người mẹ ở đây đã trải qua *cuộc đấu tranh khó khăn nhất trong cuộc đời của mẹ* để giữ vững chính kiến của mình. Đó là cuộc đấu tranh diễn ra trong chính lòng mẹ. Mẹ đấu tranh để thể hiện tình yêu con, để lo cho con khôn lớn thành người.

Trong cuộc đời, mỗi con người phải đấu tranh với biết bao những khó khăn, thử thách. Nhưng người mẹ ở đây lại khẳng định cuộc đấu tranh để nói *không* với những đòi hỏi vô lí của con là cuộc đấu tranh khó khăn nhất đời mẹ. Sự giằng xé trong nội tâm của người mẹ trước một lời nói từ chối đòi hỏi vô lí của con là sự giằng xé cam go nhất. Những khi con muốn mẹ làm điều này, điều khác mà lương tâm mẹ không cho phép, những khi con có những đòi hỏi vô lí vượt ngoài khả năng của mẹ và không phù hợp với con... Những khi ấy, mẹ nói *không* với con cũng có nghĩa là tình yêu của mẹ đã chiến thắng. Đó là tình yêu cao cả nhất. Yêu con nhưng không phải mẹ chỉ yêu bằng trái tim mà yêu bằng cả lí trí tỉnh táo để nhận ra những khuyết điểm của con, để uốn nắn cho con nên người. Không phải người mẹ nào cũng có thể làm được điều ấy.

Mẹ không chiều theo đòi hỏi của con, không phải vì mẹ không yêu con mà bởi bằng trí tuệ và sự từng trải của mẹ, mẹ nhận ra những đòi hỏi ấy là vô lí, là không chính đáng. Khi nào con lớn lên, con sẽ hiểu được những hành động ấy của mẹ.

Nói *không* với những đòi hỏi vô lí của con, mẹ đã phải đấu tranh, một cuộc chiến đấu khó khăn nhất để mẹ vượt lên tình yêu nhỏ bé, bình thường của người mẹ,... để cho con một tương lai tươi sáng. Có những đứa trẻ mắc những căn bệnh hiểm nghèo mà chính các em biết được rằng mình sẽ khó có thể vượt qua. Bởi thế mà em muốn mẹ hãy buông xuôi theo số phận... Những ước muốn như vậy rất trẻ con nhưng cũng thật cao cả... Nhưng có người mẹ nào lại cam chịu để cho con mình bệnh tật, để mất con mình? Và mẹ đã nói *không* với con bằng chính những hành động của mẹ. Mẹ ngược xuôi kiếm thầy, kiếm thuốc, xin sự giúp đỡ của những nhà hảo tâm... Mẹ làm tất cả để đem lại sự sống cho con, để nói *không* trước sự đầu hàng số phận của con. Và chính mẹ sẽ tiếp lửa sống, lửa yêu thương để con như cây non vươn lên đón ánh nắng mặt trời.

Sự chiến thắng của mẹ chính là sự chiến thắng vinh quang nhất; chiến thắng nhưng không ồn ào, to tát, có khi chỉ mẹ và con biết, và cũng có khi con không hiểu được. Niềm vui của mẹ có thể rạng ngời trên gương mặt, có khi ẩn giấu sâu trong cõi lòng. Chỉ biết rằng trong lòng mẹ đang nở hoa... Và mẹ biết mẹ đã đúng khi biết

kìm hãm những đòi hỏi vô lí của con. Có niềm vui nào lớn hơn niềm vui khi thấy con thành đạt. Với mẹ, sự thành đạt của con chính là niềm động viên, an ủi giúp mẹ vững tin hơn trong cuộc sống. Sự thành đạt ấy của con đã khẳng định sự giáo dục, dạy dỗ của mẹ là đúng đắn. Và khi ấy, sự thành đạt của con chính là thành công lớn nhất trong cuộc đời của mẹ.

Con có thể chỉ đạt được một kết quả nhỏ bé mà con chưa thật bằng lòng... nhưng với mẹ, nhìn thấy con thành đạt, niềm vui đang nhân lên, và hi vọng, mong chờ, tin tưởng vào con cũng tăng dần. Sau mỗi thành công của con đều có thành công của mẹ. Mẹ theo bước con đi, âm thầm và lặng lẽ. Nhiều khi mẹ cương quyết, mẹ không chấp nhận những đòi hỏi của con. Đó chính là tình yêu bao la mà con đã được nhận từ mẹ – tình yêu giúp cho con gạt hái những thành công.

Sự thành đạt của con chính là niềm vui lớn nhất trong cuộc đời của mẹ. Và mẹ tin rằng mẹ đã yêu con, yêu con thật lòng và đúng đắn...

Lời tâm sự của người mẹ trong bài *Mẹ yêu con* sau khi nhắc tới bao việc mẹ từng làm vì con mà có thể con chưa hiểu đúng chính là sự giải bày tấm lòng của mẹ, của biết bao bà mẹ trên trái đất này. Có thể hôm nay, con ghét mẹ vì những việc làm không đáp ứng đòi hỏi của con, nhưng ngày mai, khi con lớn lên, khi con biết được những dòng tâm sự này của mẹ, con sẽ hiểu tình mẹ dành cho con cao cả biết dường nào.

Lời tâm sự ấy chân thành, sâu sắc và như một lời nhắn nhủ tới biết bao những đứa con đã từng ghét mẹ vì mẹ nói *không* trước những đòi hỏi vô lí của con. Con ơi, hãy hiểu cho mẹ, hãy cảm thông với mẹ, mẹ yêu con – tình yêu mà nhiều khi con không thể nhận ra.

Đặc biệt, lời tâm sự này có ý nghĩa vô cùng to lớn với những người mẹ trong xã hội ngày nay. Mẹ yêu con, luôn mong muốn con được sống tốt nhất, mọi đòi hỏi của con được đáp ứng nhưng những người mẹ hãy không chỉ yêu bằng trái tim mà còn phải yêu bằng cả lí trí để giúp con trở thành một công dân tốt, một con người thành đạt.

Ngày nay, nhiều người mẹ nuông chiều con quá mức, hễ con có yêu cầu gì là mẹ sẵn sàng đáp ứng mà không cần biết yêu cầu ấy có chính đáng hay không. Tình yêu mù quáng như vậy có thể sẽ làm hư đứa trẻ, và như thế, tình yêu không những không có tác dụng mà còn làm hại đến con.

Bởi vậy, tình yêu của người mẹ phải vừa là tình yêu của người sẵn sàng làm tất cả vì con, vừa là tình yêu thật tỉnh táo để nhận ra những đòi hỏi vô lí của con để uốn nắn, dạy dỗ con nên người.

Nói *không* với những đòi hỏi vô lí của con nhưng cũng không nên để con tré quá thất vọng và thấy bất mãn. Trái tim người mẹ có lẽ sẽ có những lí lẽ riêng để con vừa hiểu được đó là đòi hỏi vô lí vừa yêu mẹ hơn, kính trọng mẹ hơn. Đó mới chính là nói *không* hợp lí nhất để định hướng cho con vững bước tương lai, giúp con tiến tới thành công.

Tình mẫu tử thiêng liêng là tình cảm truyền thống của dân tộc Việt Nam nói riêng và toàn nhân loại nói chung. Ở nơi đâu cũng vậy thôi, mẹ luôn yêu con, luôn mong những điều tốt đẹp đến với con.

Và khi lớn lên, con sẽ nhận ra tình yêu ấy cao cả và thiêng liêng hơn bất cứ thứ tình cảm nào. Nhà thơ Ê-xê-nin đã từng ca ngợi người mẹ của mình:

*Chỉ mình mẹ là niềm vui, ánh sáng diệu kì
Chỉ mình mẹ nâng đỡ con vững bước.*

(*Thư gửi mẹ*)

Ngàn đời mẹ yêu con, tình yêu thiêng liêng và cao cả. Những nỗi niềm tâm sự của mẹ, con có hiểu cho chăng? Hãy yêu mẹ như chính tình yêu mẹ đã dành cho con. Đó mới chính là sự đền đáp công ơn cao cả của Mẹ.

Câu 2.

Thơ ca là điệu tâm hồn, là những xúc cảm thiêng liêng, mãnh liệt nhất của những người cầm bút. Sự sáng tạo trong thơ ca, nghệ thuật là quy luật của tình cảm con người. *Khi tình cảm tự tìm cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài, chúng ta có thơ* đúng như lời của nhà thơ Ra-bin-đra-nát Ta-go.

Ra-bin-đra-nát Ta-go là một nhà thơ lớn của Ấn Độ. Cả cuộc đời Ta-go cống hiến cho nghệ thuật, cho thơ ca. Câu nói này của Ta-go chính là một sự đúc rút những kinh nghiệm của nhà thơ về việc sáng tạo trong thơ ca. *Khi tình cảm tự tìm cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài* chính là khi những rung động trong tâm hồn nhà thơ tìm được một cách thể hiện bằng câu chữ. Khi ấy, thơ ra đời. Nói đến tình cảm của con người là nói đến những gì sâu sắc ẩn chứa bên trong tâm hồn. Tình cảm ấy không chỉ có ở nhà thơ mà còn có ở tất cả mọi người. Những rung động trước cái đẹp, hay sự đau khổ, niềm vui sướng... đều là những trạng thái của tình cảm. Nhưng tình cảm của nhà thơ có điểm khác với những người bình thường. Đó là vì nó biết *tự tìm một hình thức để bộc lộ ra ngoài*. Nếu như chúng ta bộc lộ tình cảm bằng nét mặt, cử chỉ, hành động cụ thể thì nhà thơ biểu hiện tình cảm ấy qua văn bản ngôn từ. Tình cảm tự tìm lấy cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài, tức là tình cảm ấy chủ động tìm đến với một thể loại, một cách viết, cách sử dụng

ngôn từ sao cho phù hợp nhất với nó. Nếu như tình cảm của nhà thơ là phần sâu kín trong tâm hồn thì hình thức bộc lộ ra bên ngoài chính là sự thể hiện của tình cảm ấy. *Khi tình cảm tự tìm cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài* là khi tình cảm ấy đã ở độ mãnh liệt nhất, ở đỉnh điểm của sự rung động. Và khi ấy chúng ta có thơ. Tác phẩm thơ, như vậy, chính là sự kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa tình cảm của người viết với một hình thức biểu hiện. Thực chất câu nói của Ta-go đề cập tới quy luật sáng tạo trong thơ ca: thơ ra đời khi nội dung tìm được một nghệ thuật biểu hiện phù hợp và truyền tải được hết nội dung ấy.

Quy luật sáng tạo trong thơ ca nghệ thuật là quy luật của tình cảm. Sáng tác thơ nói riêng và văn chương nói chung chính là để thể hiện những tư tưởng, tình cảm, những ước mơ, khát vọng của người cầm bút. Thơ là tiếng nói của tình cảm khi tình cảm ấy ở độ sâu sắc, mãnh liệt nhất. Khi những thôi thúc của trái tim trở nên dồn dập, mạnh mẽ, nó sẽ tự tìm đến một hình thức biểu hiện phù hợp nhất, truyền tải hết những tình cảm ấy. Nhà văn Nguyễn Hồng từng tâm sự: *những gì tôi viết ra là những gì yêu thương nhất của tôi, những ước mơ nhức nhối nhất trong lòng tôi.* Những yêu thương, những mơ ước ấy đều ở độ cao trào, và khi ấy văn chương nghệ thuật ra đời. Đặc biệt, đối với thơ thì tình cảm càng trở nên quan trọng: *thơ hay, lời thơ chín đổ trong cảm xúc.* Cảm xúc của nhà thơ chính là yếu tố quan trọng nhất góp phần tạo nên sự đặc sắc và nét riêng độc đáo của mỗi tác phẩm thơ ca. Nhà thơ viết bằng chính những rung động chân thật của lòng mình, những rung động ấy ở mỗi nhà thơ mỗi khác dù có thể cùng viết về một đề tài, một hiện tượng. *Gốc trong thơ là tình cảm* (Bạch Cư Dị). Không có tình cảm của nhà thơ thối nguồn sống thì những câu chữ hiện lên trên trang giấy sẽ chỉ là những câu chữ “thẳng đơ”, vô nghĩa và vô cảm. Thơ ca khác với những lĩnh vực khoa học khác. Nếu như trong khoa học, người ta cố loại bỏ những cái cá biệt để xác lập nên những quy luật phổ quát, thì thơ ca đòi hỏi rất cao ở người sáng tác một cái tôi cá nhân riêng biệt. *Sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm, một thứ sản xuất độc đáo và cá thể* (Xuân Diệu).

Thơ là tiếng nói hồn nhiên nhất của trái tim. Nhưng chỉ như vậy thôi thì chưa đủ. Bởi thơ chỉ ra đời khi tiếng nói hồn nhiên nhất của trái tim ấy tìm thấy cho nó một hình thức biểu hiện phù hợp và độc đáo. Một tác phẩm thơ ca nghệ thuật phải là tác phẩm kết hợp được nhuần nhuyễn hai yếu tố nội dung và nghệ thuật. Một nội dung mới mẻ nhiều khi tự tìm đến một hình thức biểu hiện riêng. Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* bằng nỗi đau đớn lòng trước những điều trông thấy, bằng một trái tim yêu thương rất mực... nhưng *Truyện Kiều* sẽ ra sao nếu không được sáng tác bằng thể thơ lục bát, thể thơ truyền thống của dân tộc. Tình cảm mãnh liệt của Nguyễn Du đối với những nhân vật trong *Truyện Kiều* – hình bóng của những con người thực đã tìm đến một hình thức thể hiện độc đáo, phù hợp. Bởi thế mà *Truyện Kiều*

trở thành đỉnh cao của thơ ca Việt Nam không chỉ ở thời kì trung đại, được quần chúng nhân dân mọi thời tiếp nhận, yêu thích, say mê.

Cảm xúc của nhà thơ chủ động tìm đến những hình thức biểu hiện riêng và có thể nói chính sự chủ động này đã làm nên những sáng tạo thi ca độc đáo. Hồ Xuân Hương với tiếng nói riêng của một người phụ nữ có cá tính, muốn đòi quyền sống, quyền bình đẳng cho người phụ nữ đã cất lên những lời thơ cứng cỏi và có vẻ như thách thức:

*Ví đây đòi phận làm trai được
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu?*

(*Đề đền Sầm Nghi Đống*)

Quy luật sáng tạo trong thơ ca chính là quy luật của những cảm xúc lên đến đỉnh điểm. Thơ mới ở Việt Nam (1932 – 1945) khi ra đời dường như không còn phù hợp với những lối nói của thơ cổ. Cái áo xưa chật chội đã không thể bao chứa những cảm xúc mạnh mẽ của cái tôi cá nhân người cầm bút. Bởi thế thơ tự tìm đến những hình thức mới phù hợp nhất. Đó là lối thơ tự do, không gò bó trong những khuôn khổ, quy phạm, những hình ảnh thơ mới mẻ tươi nguyên một sức sống, một sự bùng cháy:

*Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mớn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng
Cho nọ nê thanh sắc của thời tươi;
– Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi!*

(Xuân Diệu, *Vội vàng*)

Những câu thơ Xuân Diệu cứ trải ra như chính những khát khao mãnh liệt của tâm hồn thi sĩ trước cuộc đời. Xuân Diệu là nhà thơ của *niềm khát khao giao cảm với đời – cuộc đời hiểu theo nghĩa trần thế nhất*. Và niềm khát khao ấy đã theo con chữ mà đến với bạn đọc muôn đời. Hồn ông là hương, thơ ông là gió. Xuân Diệu muốn đưa hương bay khắp trần gian như *phấn thông vàng* trải mênh mông nơi biển lớn cuộc đời. Những khát khao như tan ra theo từng con chữ. Muốn *ôm*, muốn *riết*, muốn *cắn* những cảnh sắc, những hương nhụy cuộc đời hay chính là Xuân

Diệu đang bắt từ hoá chính những khát khao ấy bằng thơ ca. Thơ Xuân Diệu là *một nguồn sống dào dạt* và nguồn sống ấy đã tự tìm cho nó một lối thể hiện rất Tây, rất lạ lẫm với thơ ca trung đại. Những hình ảnh thơ tươi mới, lối nói mang đậm tính chất lãng mạn của dòng thơ tượng trưng Pháp... đã nói hộ những tình cảm bỏng cháy trong tâm hồn thi sĩ.

Hãy đập vào trái tim anh, thiên tài là ở đấy (Muýt-xê). Trái tim nhà thơ tự tìm đến một nghệ thuật biểu hiện, và khi ấy thơ ra đời, chân thành, giàu xúc cảm và cũng thật độc đáo, riêng biệt.

Hoàng Cầm viết *Bên kia sông Đuống* trong một đêm khi nghe tin địch tràn vào tàn phá quê hương mình. Dòng cảm xúc cứ tuôn trào khiến ngòi bút nhiều khi không theo kịp, bởi thế thể thơ tự do là thích hợp nhất và biểu hiện một cách sâu sắc nhất những tình cảm ấy. Dòng hồi tưởng cứ miên man chảy trôi như chính dòng sông đang hiện về trong tâm tưởng nhà thơ:

*Em ơi buồn làm chi
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì*

*Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì*

Thơ là tất cả, chỉ trừ *không chịu là yên tĩnh*. Tình cảm trong thơ cũng vậy, luôn vận động để tìm đến những hình thức riêng phù hợp. Những tình cảm mãnh liệt thường chọn cho nó một cách thức để biểu hiện sao cho độc đáo nhất, truyền tải được hết những cảm xúc ấy tới người đọc. Tình cảm nhiều khi tràn ra câu chữ, mỗi từ, mỗi chữ, mỗi câu đều được soi sáng bằng ngọn lửa của những tình cảm mãnh liệt.

Xuân Quỳnh viết bài thơ *Sóng* mà tưởng như nhịp sóng đang quện hoà với lời thơ mà xô vào nhịp đập của con tim. Cả bài thơ là một nhịp sóng lớn, con sóng của biển cả và con sóng của một trái tim phụ nữ đầy lo âu chân thành và da diết khát vọng hạnh phúc đời thường.

Sự chủ động của tình cảm trong thơ khi tìm lấy một hình thức biểu hiện riêng đã làm nên những áng thơ hay còn mãi với thời gian. Câu nói của Ta-go chính là một định hướng cho người cầm bút. Không chỉ sáng tác thơ mà sáng tác văn học nghệ thuật nói chung đều rất cần ở người cầm bút một tình cảm mãnh liệt, bất rã sâu xa trong hiện thực cuộc sống. Sự kết hợp giữa nội dung và nghệ thuật trong thơ sẽ tạo nên những tác phẩm thơ độc đáo.

Nhà văn, nhà thơ chỉ có được tình cảm mãnh liệt khi gắn mình với mảnh đất hiện thực, khi tìm những cảm hứng sáng tác ở chính cuộc đời. Nhà văn *phải mở hồn ra đón nhận những vang động của đời* (Nam Cao). Những con sóng của cuộc đời bắt nhịp với con sóng của trái tim nghệ sĩ sẽ tìm đến những hình thức nghệ thuật độc đáo. Và thơ ra đời, “*kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế*” (Hoài Thanh).

Với người sáng tác văn học nghệ thuật, nắm vững quy luật sáng tạo này sẽ là cơ sở vững chắc để tạo nên những tác phẩm hay, hấp dẫn người đọc. Và với người tiếp nhận, khi hoà những cảm xúc của mình với ngòi bút của nghệ sĩ sẽ có sự thấu hiểu, tri âm với người cầm bút.

Tình cảm chính là yếu tố quyết định thành công của nhà văn. Tình cảm ấy chính là “tấm lòng sứ điệp” nhịp mãi lên theo câu chữ để mãi mãi văn học sống trong lòng độc giả, là hành trang để ta bước vào đời...

Câu 3.

Quê hương ai cũng có một dòng sông, một dòng sông của tuổi thơ, một dòng sông với những câu hò, điệu hát, với những chan chứa yêu thương và kỉ niệm. Để rồi khi đi xa, nỗi nhớ da diết về một dòng sông quê hương lại cồn cào, bỏng cháy. Hai bài thơ *Nhớ con sông quê hương* của Tế Hanh và *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm chính là sự thể hiện một cách sâu sắc nỗi nhớ những con sông quê hương khi nhà thơ xa quê. Hai đoạn thơ:

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc,
Nước gương trong soi tóc những hàng tre.
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè,
Toả nắng xuống lòng sông lấp lánh.*

(*Nhớ con sông quê hương*)

*Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì*

*Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì*

(*Bên kia sông Đuống*)

chính là những dòng cảm xúc của hai tác giả gửi về những con sông của quê hương mình khi xa quê.

Tế Hanh và Hoàng Cầm khi viết hai bài thơ này đều đang trong hoàn cảnh xa quê. Đây là hai bài thơ đặc sắc thể hiện nỗi nhớ da diết của Hoàng Cầm, Tế Hanh đối với dòng sông quê mình. Và hình ảnh của dòng sông hiện về trong tâm trí thi nhân mang những nét đẹp của những con sông trên đất Việt thân thương. Những con sông tưới mát đôi bờ cây trái, những con sông tưới mát cả những tâm hồn dân tộc.

Tế Hanh viết *Nhớ con sông quê hương* khi nhà thơ phải rời miền Nam để ra Bắc tập kết và hình ảnh con sông trong bài thơ là hình ảnh của dòng sông Trà Bồng vẫn thường đi về trong thơ ông. Nhớ về quê hương là nhớ về con sông xanh biếc. Hoàng Cầm xa quê Kinh Bắc đi kháng chiến, trong một đêm năm 1948, nghe tin giặc tràn vào tàn phá quê hương, ông sáng tác *Bên kia sông Đuống*. Bài thơ là nỗi niềm tâm sự vừa tự hào, yêu thương, vừa đau đớn xót xa của nhà thơ gửi về Kinh Bắc, gửi về dòng sông Đuống thân thương.

Hai đoạn thơ này đều là những đoạn thơ tiêu biểu của mỗi bài và cũng là những đoạn thơ tiêu biểu của những bài thơ viết về quê hương trong thời kì chiến tranh giải phóng dân tộc gian khổ mà vinh quang.

Nhớ con sông quê hương, Tế Hanh dựng lên hình ảnh của một dòng sông tưới mát, trong xanh:

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc,
Nước gương trong soi tóc những hàng tre.*

Ba từ *quê hương* tôi vang lên đầy tự hào, và nhà thơ Tế Hanh như đang vẽ ra trước mắt ta hình ảnh của dòng sông. Đó là dòng sông *xanh biếc*, sắc xanh của nước sông hay cả sắc xanh của nỗi nhớ thương gửi vào câu chữ? *Xanh biếc* vừa cho thấy cái xanh của dòng nước, vừa như gọi lên hình ảnh của một dòng xanh bất tận. Sắc xanh ấy như in đậm trong tâm hồn Tế Hanh để khi nhớ về quê hương là sắc xanh ấy lại hiện lên, thân thương biết mấy! Dòng sông được miêu tả với:

Nước gương trong soi tóc những hàng tre.

Dòng sông được nhà thơ so sánh như tấm gương trong. Nước sông trong vắt như *soi tóc những hàng tre*. Đó là những hàng tre xanh muốt – những hàng tre mang dáng hình của người thiếu nữ yêu kiều đang xoa tóc soi gương. Phép nhân hoá độc đáo khiến hình ảnh thơ sống động có hồn. Thiên nhiên mang vẻ đẹp và dáng dấp của con người. Và chính tâm hồn nhà thơ dường như cũng đang soi mình trong gương nước. Cái đẹp của dòng sông dường như được thi vị hoá trở nên đẹp hơn qua nỗi nhớ của nhà thơ. Con sông Trà Bồng đấy ư hay chính là con sông của tình yêu và nỗi nhớ đang cháy trôi trong tâm hồn thi sĩ?

Để rồi thật bất ngờ khi Tế Hanh so sánh:

*Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè,
Toả nắng xuống lòng sông lấp lánh.*

Tâm hồn tôi cũng nồng nàn, bỏng cháy như buổi trưa hè với cái nắng thật rực rỡ và mãnh liệt. Đó là tâm hồn của con người da diết yêu quê, yêu sông, yêu chính những kỉ niệm với dòng sông. Tâm hồn ấy *toả nắng xuống lòng sông lấp lánh* toả rạng cùng cái đẹp của dòng sông. Đó là dòng sông của nỗi nhớ đang hiện về da diết, với cái lấp lánh thật nên thơ, nên hoạ. Đoạn thơ cho thấy niềm tự hào, tình yêu của Tế Hanh với con sông quê hương – con sông đã tắm mát tuổi thơ và đời thơ Tế Hanh.

Cũng là dòng sông nhưng con sông trong thơ Hoàng Cầm lại mang những nét đáng riêng, mang đặc trưng của con sông miền quê Kinh Bắc văn hiến và trữ tình:

*Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì*

*Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh*

Sông Đuống của ngày xưa; của một quá khứ tươi đẹp và bình yên. Con sông với *cát trắng phẳng lì*. Những bãi cát cứ trải dài vô tận và con sông như đang trôi đi, trôi trong tâm tưởng của nhà thơ. Con sông ấy gợi một vẻ bình yên, thơ mộng, một vẻ đẹp nên thơ mà tĩnh lặng. Những câu thơ tự do như trải dài ra theo dòng chảy của con sông. *Một dòng lấp lánh* hiện về trong tâm tưởng Hoàng Cầm. Đó là một dòng ánh sáng hay một dòng mơ nhớ huyền diệu đang lấp lánh trong kí ức yêu thương của Hoàng Cầm. Không phải là *lòng sông lấp lánh* như trong thơ Tế Hanh mà là *một dòng lấp lánh*. Dòng sông như đang chuyển động, nó đẹp đến mê hồn trong nỗi nhớ của nhà thơ.

Nhưng dòng sông còn được tái hiện trong dáng nằm của hiện tại:

Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì.

Con sông như đang lo âu, trăn trở; dáng nằm ấy chưa từng có trong văn thơ nói về dòng sông. Dáng nằm ấy như tạc vào thơ ca một sông Đuống trong hiện tại đẹp mà đau thương, đầy lo âu. Đó chính là do tình yêu, niềm tự hào và sự đau đớn xót xa mà Hoàng Cầm đã gửi vào hình ảnh của dòng sông.

Hai đoạn thơ làm nổi bật vẻ đẹp riêng của hai con sông trong tâm tưởng những nhà thơ đi xa quê hương. Những dòng sông cứ cồn cào trong nỗi nhớ. Nhớ về con sông chính là nhớ về quê hương. Nỗi nhớ ấy chính là động lực, là niềm thôi thúc để

nhà thơ – chiến sĩ chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ sự bình yên cho quê hương và cho bao dòng sông trên đất nước.

Hai đoạn thơ này đã cho thấy hình ảnh đẹp về những dòng sông quê hương. Những dòng sông thơ của Hoàng Cầm, Tế Hanh đã bắt rễ sâu vào lòng yêu, lòng nhớ của bao người Việt Nam yêu quê hương đất nước.

(Bài đoạt giải Nhì – 17/20 điểm)

NHẬN XÉT

Những yêu cầu cơ bản đặt ra trong đề bài đã được đáp ứng tương đối tốt trong bài làm này.

Câu 1 của bài viết gọi cho ta cảm giác: người viết có vẻ “chín” hơn, “già” hơn so với lứa tuổi học sinh THPT. Những suy nghĩ sâu sắc, chín chắn về tình mẫu tử trong cuộc sống đã được bộc lộ nhiều chiều khác nhau, từ đó luận bàn trúng yêu cầu đặt ra: *Cách mẹ thể hiện tình yêu với con và khả năng cảm nhận của con về lòng mẹ*. Phần bàn luận, mở rộng vấn đề viết tốt. Tuy nhiên, cách lập ý, chia đoạn và diễn đạt một số chỗ cần phải căn chỉnh lại.

Ở câu 2, người viết hiểu đúng ý kiến của nhà thơ Ra-bin-đra-nát Ta-go, biết vận dụng kiến thức lí luận văn học về quy luật sáng tạo văn học và đặc trưng của thơ trữ tình để cắt nghĩa lời nhận định và bàn luận vấn đề một cách khoa học, sâu sắc. Điều đáng quý hơn là biết cách xâu chuỗi phần bình luận và phần chứng minh vấn đề một cách chặt chẽ, linh hoạt, sáng tạo với vốn kiến thức lí luận văn học chắc chắn, vốn kiến thức về tác phẩm văn chương khá phong phú và khả năng thẩm bình tác phẩm văn chương khá tốt. Phần đánh giá, mở rộng vấn đề khá đạt; trong đó, bài học sáng tạo với người nghệ sĩ và bài học tiếp nhận cho người đọc được truyền tải một cách nhẹ nhàng, ngắn gọn mà ý nghĩa.

Ở câu 3, người viết cảm nhận được điểm gặp gỡ ở hai đoạn thơ là hình ảnh dòng sông trong bài thơ *Nhớ con sông quê hương* của Tế Hanh và dòng sông trong bài thơ *Bên kia sông Duống* của Hoàng Cầm đều toát lên nỗi nhớ sông quê, nỗi nhớ quê hương thiết tha, đậm thắm. Người viết đã chỉ ra một vài nét khác biệt trong cảm xúc và sáng tạo nghệ thuật của Tế Hanh và Hoàng Cầm khi miêu tả hình ảnh dòng sông qua hai đoạn thơ. Nếu dòng sông của Tế Hanh nghiêng về vẻ đẹp trong trẻo, chứa đầy kỉ niệm tuổi thơ với những gắn bó máu thịt giữa dòng sông và tâm hồn người, thì dòng sông của Hoàng Cầm lại nghiêng về vẻ đẹp huyền ảo, chất chứa những hoài niệm của một người kháng chiến về một dĩ vãng yên bình. Điểm yếu của bài viết là ở phần mở bài diễn đạt chưa được gọn gàng và khoa học.

BÀI LÀM SỐ 3

Câu 1.

Tôi còn nhớ một câu nói nổi tiếng: *Bàn tay đưa nôi là bàn tay thống trị thế giới* và phải chăng nếu không có những người mẹ thì sẽ không có anh hùng và có những nhà thơ trên cuộc đời này. Mẹ không chỉ là người sinh ra những thiên tài mà điều quan trọng hơn, mẹ là người nuôi nấng, dạy dỗ để những con người bình thường trở thành vĩ nhân. Giáo dục con là điều không hề đơn giản, nó đòi hỏi người mẹ phải có tình thương con vô bờ đồng thời phải có lí trí tỉnh táo để quyết định phương pháp giáo dục tốt nhất dành cho con. Và trong bài *Mẹ yêu con*, sau khi nhắc tới bao việc mẹ từng làm vì con mà có thể con chưa hiểu đúng, người mẹ đã tâm sự: *Nhưng trên tất cả, mẹ yêu con nên mẹ nói “không” trước những đòi hỏi vô lí của con khi mẹ biết con sẽ ghét mẹ về những điều này. Đây là cuộc đấu tranh khó khăn nhất trong cuộc đời của mẹ. Nhưng mẹ vui vì mẹ đã chiến thắng và cuối cùng con đã thành đạt..*

(Theo *Trái tim người mẹ*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004)

Lời tâm sự ấy đã gợi nhắc chúng ta nhớ về một tình cảm thiêng liêng nhất của cuộc đời này: tình mẫu tử.

Mỗi con người đều có mẹ. Mẹ chính là người mang nặng đẻ đau, sinh ra ta sau chín tháng mười ngày thai nghén. Khi còn trong bụng mẹ, mẹ cưu mang ta, đùm bọc ta, truyền cho ta chất dinh dưỡng. Khi ta cất tiếng khóc chào đời, mẹ vui mừng đón chào con bằng những giọt nước mắt của hạnh phúc ngập tràn. Trải qua con vượt cạn hiểm nghèo, mẹ bồng con trên tay, ban cho con dòng sữa ấm nóng tình yêu của mẹ. Những giọt sữa ngọt ngào, mỗi giọt là một giọt yêu thương đã nuôi con khôn lớn. Mẹ thương con bằng tình thương bao la, con là tất cả cuộc đời của mẹ. Mẹ luôn dành cho con những gì tốt nhất, đẹp nhất bởi con là niềm vui, là hạnh phúc, là niềm hi vọng, ước mơ của đời mẹ. Và chỉ mình mẹ giúp đời con vững bước, Ê-xê-nhin, nhà thơ nổi tiếng của nước Nga đã từng thốt lên như vậy. Còn gì cao quý, thiêng liêng hơn tình mẫu tử – tình cảm ngọn nguồn của mọi tình cảm trên đời.

Người mẹ của chúng ta không xinh đẹp như một bà tiên, nhưng sự hiền hậu, bao dung của mẹ thì không gì sánh nổi. Bàn tay mẹ không mịn màng, trắng đẹp, bàn tay ấy thô ráp, chai sần vì công việc vất vả, nhọc nhằn. Nhưng chính bàn tay ấy đã nâng đỡ con bước đi những bước đầu đời, bàn tay ấy đã dắt con trên con đường tới lớp, bàn tay ấy đã ru con ngủ, ôm con khi con khóc. Bàn tay mẹ có sức mạnh diệu kì, bàn tay mang hơi ấm tình thương của mẹ.

Không gì có thể đong đếm được tình cảm của mẹ dành cho con:

Chim trời ai dễ đếm lông

Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày.

Và biểu hiện của tình mẫu tử thì vô cùng phong phú, đa dạng, nó như một cây đàn muôn điệu mà mỗi cung bậc cất lên lại chan chứa yêu thương. Đó có thể là giai điệu ngọt ngào của những lời âu yếm vỗ về nhưng cũng có khi nó là một nốt trầm xao xuyến. Đó là khi mẹ từng làm bao việc vì con mà con không hiểu đúng, là khi *con ghét mẹ* bởi mẹ đã *nói không trước những đòi hỏi vô lí của con*. Còn gì đau đớn hơn khi mẹ biết *con sẽ ghét mẹ*. Mẹ hi sinh cho con tất cả mọi thứ mà mẹ có, kể cả tính mạng của mẹ. Nhưng mẹ sẵn sàng nói *không* trước những đòi hỏi vô lí của con vì mẹ hiểu rằng điều đó sẽ không tốt cho con.

Cuộc đấu tranh giữa việc chấp nhận hay không chấp nhận những điều vô lí ấy thật quyết liệt và dai dẳng. Nếu mẹ chấp nhận, con sẽ vui, còn gì tuyệt vời hơn dành cho mẹ khi nhìn thấy niềm vui trong ánh mắt của con. Nhưng làm như vậy đồng nghĩa với việc mẹ nuông chiều con và sớm muộn con sẽ trở nên hư hỏng. Khi đó, tình yêu con sẽ trở thành lưỡi dao đâm nát trái tim mẹ, phá huỷ cuộc đời con. Và mẹ sẽ phải ân hận. Mẹ thà để *con ghét mẹ* trong lúc ấy, để con thành đạt, con trở thành người có ích còn hơn nuông chiều con. Và trong cuộc đấu tranh khó khăn nhất ấy, mẹ đã thắng. Mẹ đã dùng lí trí tỉnh táo để chiến thắng con tim, nhiều khi *thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi*. Tất cả những việc làm ấy của mẹ rồi đến một ngày con sẽ hiểu ra, con sẽ nhận ra tình mẫu tử thiêng liêng mà mẹ dành cho con. Con sẽ hiểu rằng mẹ đã hi sinh hạnh phúc của đời mẹ để uơm mầm hạnh phúc cho tương lai của con. Và sự lựa chọn để biết cách nói *không* ấy chính là sự hi sinh cao cả nhất của mẹ, nó *trên tất cả* mọi biểu hiện yêu thương khác.

Mẹ là người từng trải, là người có nhiều kinh nghiệm trên cuộc đời. Mẹ luôn nhận ra cái gì là tốt nhất đối với con. Mẹ cũng nhận ra những *đòi hỏi* của con nhiều khi thật vô lí. Nếu con muốn mẹ cho tiền mua một cuốn sách hay để ủng hộ cho các bạn học sinh nghèo, mẹ sẵn sàng đồng ý. Thậm chí mẹ còn rất vui khi con say mê học tập, biết quan tâm tới mọi người. Nhưng nếu con xin mẹ tiền chỉ để chơi trò chơi, mua nhiều quần áo cho hợp mốt, cho "sành điệu" mà không phù hợp với bản thân thì mẹ dứt khoát nói *không*. Nói *không* để con nhận ra điều đó là không phù hợp, nói *không* để con biết sống tốt đẹp hơn. Mẹ không tiếc con một thứ gì nhưng những yêu cầu của con phải có ích, phải tốt với bản thân và mọi người xung quanh. Nếu mẹ vì thương con, sợ con giận dỗi, ghét bỏ mà đồng ý, con sẽ có thói quen xấu: muốn gì được nấy. Con sẽ không biết tôn trọng những gì mà con có được.

Giữa mẹ và con có mối quan hệ khăng khít, gắn bó nhưng cũng có một khoảng cách giữa hai thế hệ. Chính vì thế mà những suy nghĩ, những quan niệm khác nhau, nhiều khi dẫn tới những xung đột, bất hoà nho nhỏ. Mẹ với con mắt của những thế hệ trước sẽ có cách nhìn nhận khác với con – một con người trẻ trung, hiện đại. Chính vì vậy, có những việc làm của mẹ, con sẽ không hiểu. Mẹ muốn con đi chơi tối phải về nhà trước mười giờ nhưng con lại cho rằng mẹ cấm đoán, xét nét, mẹ không cho con tự do như các bạn, nhưng con đâu biết mẹ luôn lo lắng cho sự an toàn của con, thấy con về muộn mẹ đứng ngồi không yên vì mẹ biết xã hội còn nhiều cạm bẫy, tệ nạn mà con thì non nớt.

Đọc truyện ngắn *Một đám cưới* của nhà văn Nam Cao ta cũng bắt gặp một tình mẫu tử cao quý của mẹ con cái Dần. Mẹ Dần với những suy nghĩ của những người phụ nữ nghèo bất hạnh đã sớm lo cho tương lai của con khi con còn nhỏ. Bà bắt Dần đi ở cho nhà bà Chánh Liễu, dù biết ăn được miếng cơm nhà người không hề đơn giản. Thấy con về nhà khóc lóc muốn về ở với cha mẹ, với các em dù no dù đói cũng ở cùng gia đình, bà thương con đứt ruột. Thế nhưng ngoài mặt bà vẫn lạnh lùng, hắt hủi đuổi con đi chỉ mong con ở nhà người ta có cơm ăn, việc làm rồi quen việc sau này không hư hỏng, biếng nhác. Người mẹ ấy giấu kín nỗi đau, chỉ khóc oà lên khi con gái đã đi rồi. Phải chăng, tình mẹ dù ở thời đại nào cũng vậy.

Trong xã hội ngày nay, nhiều người phụ nữ thành đạt trong công việc, mãi lo kiếm tiền, làm giàu mà xao nhãng công việc dạy dỗ con cái. Họ cho rằng cứ có tiền mua sắm cho con những thứ tốt nhất, cho con tự do làm theo ý thích là cách nuôi dạy tốt nhất. Nhưng họ đã lầm, tiền không phải là tất cả, những đứa trẻ đó thiếu tình thương của cha mẹ lại sẵn có tiền bạc trong tay dễ sinh ra chơi bời, nghiện hút, tệ nạn xã hội.

Trong một xã hội còn nhiều cạm bẫy thì việc giáo dục con chu đáo, biết nói *không* khi cần thiết là điều thực sự quan trọng với mỗi người mẹ. Để không ai có thể đổ lỗi "*con hư tại mẹ, cháu hư tại bà*".

Có nhiều đứa trẻ bất hạnh khi sinh ra đã thiếu vắng hơi ấm tình thương của mẹ. Nhưng cũng có rất nhiều những người mẹ không phải là người sinh ra ta nhưng lại yêu thương ta như đứa con ruột thịt. Và chúng ta phải vinh danh tất cả những người mẹ trên đời, những người đã trao cho ta sự sống, giúp đỡ ta trong việc hình thành nhân cách, cá tính: Người mẹ luôn bao dung, tha thứ cho ta khi ta phạm sai lầm, và:

*Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con.*

(Chế Lan Viên)

Còn gì hạnh phúc hơn khi trải qua bao vất vả, bao khó khăn trong cuộc đời, ta lại được trở về bên mẹ, được mẹ ôm ấp, vỗ về trong vòng tay ngọt ngào, và lại được nói: Mẹ ơi, con yêu mẹ!

Câu 3.

Quê tôi ai cũng có một dòng sông bên nhà, một nhạc sĩ đã hát như vậy. Và dòng sông đã từ cuộc đời chảy mãi vào trong thơ từ nghìn đời nay mà ta không hề hay biết. Đó là con sông mà người con gái vẫn *chiều chiều ra đứng ngõ sau, trông về quê mẹ ruột đau chín chiều*. Đó là Bạch Đằng Giang, con sông huyền thoại trong lịch sử dựng nước và giữ nước của cha ông, là con sông Bến Hải đau xót chia hai miền đất nước. Và thêm một lần những con sông đã chảy vào trái tim hai nhà thơ Tế Hanh và Hoàng Cầm, để họ cất lên những lời thơ ngọt ngào mà tha thiết:

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc,
Nước gương trong soi tóc những hàng tre.
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè,
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng.*

(Tế Hanh, *Nhớ con sông quê hương*)

*Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì*

*Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì.*

(Hoàng Cầm, *Bên kia sông Đuống*)

Thật là một sự trùng hợp ngẫu nhiên khi hai bài thơ đều được dựng lên trong nỗi nhớ, nỗi khao khát cháy bỏng của Tế Hanh và Hoàng Cầm được trở về quê hương.

Khi viết *Nhớ con sông quê hương*, Tế Hanh đang phải sống trong cảnh “ngày Bắc đêm Nam”, miền Nam đau thương, miền Nam anh dũng không khi nào phai mờ trong tâm trí nhà thơ. Mọi tình yêu, nỗi nhớ, niềm thương với miền Nam yêu dấu đã được nhà thơ dồn nén trong bài thơ này. Những câu thơ đầu tiên trong bài *Nhớ con sông quê hương* được cất lên, nhà thơ giới thiệu với người đọc về quê hương trăm mến ngàn thương của mình. Và quê hương, trước hết là con sông quê đẹp đến mê hồn:

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc,
Nước gương trong soi tóc những hàng tre.
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè,
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng.*

Một con sông được tái hiện lại trong tình yêu và nỗi nhớ, chính vì thế mọi hình ảnh của sông là những hình ảnh đẹp nhất, in dấu ấn sâu đậm nhất trong tâm hồn của thi nhân. Ngay trong câu đầu tiên, hình ảnh con sông đã được hiện ra với bao niềm tự hào, con sông là biểu tượng của quê hương. Và càng tự hào hơn khi đó là một con sông *xanh biếc* thơ mộng và hiền hoà, con sông của mảnh đất miền Nam. Đó không phải là dòng sông Đà hung bạo và trữ tình trong trang văn Nguyễn Tuân, không phải là con sông Hồng đỏ nặng phù sa từng được ngợi ca trong nhiều bài hát. Đó là con sông của chính quê hương tác giả, dù nhà thơ không hề nhắc tên, nhắc tuổi, nhưng nó vẫn mang vẻ đẹp vô cùng độc đáo so với hơn ba nghìn con sông chảy trên đất nước này. Bởi đơn giản, đó là “con sông quê hương”, con sông tuổi thơ của Tế Hanh. Trong tâm trí nhà thơ, đó là con sông đẹp nhất so với mọi con sông trên trái đất. Con sông quê hiện lên gần gũi quen thuộc với làn nước *xanh biếc*, trong vắt như gương. Hai bên bờ sông là những hàng tre thướt tha rủ bóng mà trong tâm hồn của nhà thơ: tre đang soi tóc trước làn gương trong của mặt sông. Chỉ với một bút pháp nhân hoá đơn giản, nhà thơ đã biến bức tranh về con sông quê trở nên sống động, có hồn. Dường như tre cũng như người con gái miền Nam duyên dáng mà cũng rất điệu dàng soi bóng trên sông. Và mặt sông vô tình đã hoá thành một chiếc gương khổng lồ của tạo hoá để dành cho những khóm tre soi mình. Dòng sông không trong xanh đến vậy thì không thể có được sự so sánh kì lạ ấy. Câu thơ vẽ lên một không gian quen thuộc của làng quê: Những lũy tre xanh, mặt sông hiền hoà phẳng lặng.

Và chính tại nơi đó, Tế Hanh đã có những tháng ngày tuyệt đẹp nhất của tuổi thơ:

*Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè,
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng.*

Mặt gương sông trong vắt lấp lánh ánh sáng của mặt trời, ánh nắng tạo nên những dòng *lấp loáng* của con sông. Một hình ảnh bình dị mà gợi nhắc bao kỉ niệm. Trong số chúng ta, ai chẳng một lần lặng người quan sát khung cảnh tuyệt vời ấy, khi bầu trời, mặt nước bừng sáng, thứ ánh sáng chói loà, rực rỡ của những buổi trưa hè. Và hình ảnh đó đã để thương, để nhớ trong tâm hồn Tế Hanh, tâm hồn ông chính là những buổi trưa hè được nô đùa trên con sông yêu dấu. Có phải mặt trời

chối lợi hay chính tâm hồn nhà thơ đã toả nắng xuống mặt sông? Tâm hồn ấy chính là những rung động sâu sắc của nhà thơ trước cái đẹp, là tình cảm thương yêu, gắn bó của nhà thơ với con sông quê. Và chính những tình cảm đó đã làm cho bốn câu thơ vô cùng giản dị, gần gũi kia trở nên hấp dẫn với người đọc.

Tế Hanh khi còn nhỏ đã có những kỉ niệm sâu sắc cùng dòng sông quê:

*Tôi đang tay ôm nước vào lòng
Sông mở nước ôm tôi vào dạ.*

Dòng sông như một người mẹ ôm ấp, vỗ về nhà thơ và giờ đây khi sống giữa lòng miền Bắc, dòng sông ấy đã thêm một lần xoa dịu nỗi đau chia cắt trong trái tim thi sĩ, nó làm sáng lên vẻ đẹp của tình yêu quê hương. Và dòng sông không chỉ là một dòng chảy đơn thuần của tự nhiên mà còn là dòng chảy của tình yêu, nỗi nhớ khắc khoải trong tâm hồn nhà thơ.

Đất nước Việt Nam nhỏ bé nhưng có tới ba nghìn hai trăm sáu mươi ba con sông, và có lẽ không vùng đất nào trên đất nước này không gắn liền với một dòng sông nhất định. Và Hoàng Cầm đã đưa ta về với quê hương Kinh Bắc – cái nôi truyền thống văn hoá vùng Bắc Bộ, đưa ta về với con sông Đuống, ngọn nguồn của những cảm xúc thi ca trong thơ ông:

*Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì.*

Ngay trong đêm khi nghe tin quê hương bị giặc chiếm đóng, Hoàng Cầm đã cầm bút viết *Bên kia sông Đuống* trong niềm đau đớn xót xa, căm giận khôn cùng. Và những hình ảnh đầu tiên hiện lên trong tâm trí của người con Kinh Bắc này chính là dòng sông Đuống, phải chăng con sông Đuống thơ mộng, hiền hoà từ lâu đã trở thành biểu tượng không thể thay thế của mảnh đất Kinh Bắc nghìn năm văn hiến.

*Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì.*

Ngày xưa, câu thơ sao mà chua xót. *Ngày xưa* như một nỗi niềm cố tích, con sông Đuống hiện ra như trong một xứ sở thần tiên. Hai bên bờ sông những dải cát trắng chạy dài xa tít tắp như tới tận cuối chân trời. Và sông Đuống vẫn cứ trôi, thanh bình và êm ả:

*Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh*

Ánh nắng mặt trời rực rỡ chiếu xuống mặt sông, con sông quê đã trở thành *một dòng lấp lánh*. Mặt nước lấp lánh ánh sáng, hay lấp lánh tình yêu, niềm tự hào của tác giả Hoàng Cầm. Và yêu nhất vẫn là cái dáng nằm *nghiêng nghiêng* của nó:

Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì.

Câu thơ kéo ta về thực tại với *kháng chiến trường kì* nhưng ngay lập tức nó lại đưa ta vào cõi mơ. Sao lại nằm *nghiêng nghiêng*? Sông Đuống như vượt trên ranh giới của không gian và thời gian, nó như một phạm trù siêu thực. Dáng nằm *nghiêng nghiêng* của con sông trong kháng chiến hay chính là dáng vẻ duyên dáng, đầy tình tứ của những cô thiếu nữ búp sen *cười như mùa thu toả nắng*.

Cả hai đoạn thơ đều được viết lên bởi tình cảm chân thành, sự gắn bó mật thiết của Tế Hanh, Hoàng Cầm về con sông quê mình. Dù không sử dụng nhiều hình ảnh mới mẻ, độc đáo hay những biện pháp nghệ thuật tân kì nhưng chính sự chân thành của cảm xúc, sự độc đáo, đẹp kì lạ của mỗi con sông đã làm nên sức sống cho mỗi bài thơ. Ta hiểu vì sao những dòng sông lại hay đi vào thơ văn đến vậy. Sông không chỉ đẹp mà sông còn gắn bó với con người, nuôi nấng con người và bồi đắp tâm hồn người Việt. Trong thế giới văn học, ta không thể nào quên dòng sông Danuyp xanh hiền hoà, dải trường giang Vôn-ga hùng vĩ cũng như con sông Đuống trữ tình, thơ mộng. Phải chăng mọi dòng sông đều đẹp, đều nên thơ đến thế? Và ngọn nguồn thi ca có phải đều bắt nguồn từ những dòng sông?

Câu 2.

Thơ là tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn con người (Tố Hữu). Phải chăng đối với *thơ tình là gốc* và thơ ca ra đời khi con người có nhu cầu tự biểu hiện, tự bộc lộ những tư tưởng, tình cảm, cảm xúc của cá nhân mình. Và bàn về quy luật sáng tạo nghệ thuật thơ ca, nhà thơ Ra-bin-đra-nát Ta-go có câu:

Khi tình cảm tự tìm cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài, chúng ta có thơ.

(Theo Mười nhà thơ lớn của thế kỉ, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1986)

Thơ là một trong những thể loại văn học xuất hiện sớm nhất trong lịch sử loài người. Từ những câu thơ trong trường ca *I-li-át* và *Ô-đi-xê* của nhà thơ mù Hô-me-ơ đến những câu ca dao ngọt ngào, đằm thắm, hay những câu thơ đầy bí ẩn của trường phái thơ Tượng trưng, Siêu thực, ở thời đại nào thơ ca cũng có sức hấp dẫn kì diệu đối với con người. Và những bài thơ hay có sức mạnh vượt qua mọi định luật băng hoại của thời gian, trở nên bất tử trong lòng bạn đọc muôn đời. Nhưng thơ là gì? Để trả lời câu hỏi đó thật không đơn giản, đã có rất nhiều ý kiến tranh luận về vấn đề này nhưng ta vẫn chưa tìm được một câu trả lời chính xác, rõ ràng. Tuy nhiên, hầu hết các ý kiến đều nhất trí cho rằng: thơ là tiếng nói của tình cảm,

của tâm hồn; và khi tình cảm tự tìm cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài, chúng ta có thơ.

Tình cảm là những cảm xúc, những rung động của con người trước những hiện tượng, những sự kiện xảy ra trong cuộc sống. Đó có thể là một nỗi buồn dịu nhẹ thoáng qua khi mỗi độ thu sang, có thể là một niềm vui nho nhỏ khi nhìn chổi non xoè mắt biếc. Nhưng đó cũng là tình yêu mãnh liệt, nồng nàn; là nỗi nhớ cồn cào khi xa cách; là nỗi đau đến vò xé tâm can khi đất nước bị xâm lăng... Và khi cảm xúc đã tràn đầy, đã lên tới đỉnh điểm thì những cảm xúc ấy thôi thúc con người bộc lộ bằng một hình thức nhất định để chia sẻ cảm xúc với mọi người, đó là lúc thơ ra đời. Chẳng thế mà một người nghệ sĩ cũng đã cho rằng: *thơ là sự giải toả cảm xúc.*

Chính những tình cảm, cảm xúc đã làm nên nét đặc trưng của thơ so với những thể loại khác. Nếu trong văn xuôi, trong các thể tự sự, người nghệ sĩ bộc lộ tư tưởng tình cảm qua hệ thống những nhân vật, cốt truyện, thì trong thơ người nghệ sĩ thể hiện trực tiếp những tình cảm này bằng ngôn từ:

Nhớ ai bồi hồi bồi hồi

Như đứng đống lửa, như ngồi đống than.

hay: *Tôi yêu em chân thành không hi vọng.*

Rõ ràng thơ trao cho người sáng tác quyền bộc lộ trực tiếp những cảm xúc của mình. Và chính cảm xúc, tình cảm đã khơi nguồn cảm hứng bất tận cho thi nhân. Cảm hứng sáng tác chỉ được xây dựng trên hệ thống tình cảm phong phú, sâu sắc của nhà thơ về cuộc sống. Trong thơ không chấp nhận thứ tình cảm hời hợt, nông cạn. Tình cảm trong thơ phải là tình cảm mãnh liệt, sâu sắc và trào dâng trong tâm hồn nhà thơ, chính cảm xúc ấy đã truyền tải sức sống cho những hình tượng nghệ thuật trong thơ, làm cho những hình tượng ấy trở nên sinh động, hấp dẫn đối với người đọc. Nếu không có tình cảm, thơ chỉ là những con chữ vô hồn ghép thành vần, thành điệu.

Chính sự trào dâng của tình cảm đã tạo nên những giây phút thần hứng cho người nghệ sĩ: *hãy xúc động hồn thơ cho ngòi bút có thần.* Ta hiểu vì sao những bài thơ như *Bên kia sông Duống* (Hoàng Cầm), *Tây Tiến* (Quang Dũng) hay *Tôi yêu em* (Pu-skin) lại có sức lay động mãnh liệt tâm hồn người đọc đến vậy. Bởi những bài thơ ấy trước hết là những dòng cảm xúc sâu sắc của mỗi nhà thơ. Hoàng Cầm đã viết bài thơ *Bên kia sông Duống* chỉ trong một đêm bởi cảm xúc dâng trào, ông tưởng như "nghe thấy một giọng nữ cao đọc cho ông chép" và những câu thơ cứ lần lượt hiện ra trong niềm đau đớn, xót xa tột cùng khi nghe tin quê hương thân yêu đang bị giày xéo dưới gót giày quân xâm lược:

*Em ơi buồn làm chi
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì.*

Và có lúc bài thơ tràn đầy sự xót xa, nuối tiếc: *Bây giờ tan tác về đâu? Bây giờ đi đâu về đâu?*. Có lúc đó là sự tê tái, nhức nhối đến tận đáy lòng khi nhà thơ tưởng tượng ra cảnh:

*Mẹ ta lòng đói dạ sầu
Đường trơn mưa lạnh mái đầu bạc phơ.*

Có lúc đó là niềm căm giận đến tột cùng:

*Đã có đất này chếp tội
Chúng tao không biết nguôi hờn.*

Cả bài thơ là một dòng cảm xúc mãnh liệt và đã truyền cảm xúc tới tâm hồn người đọc.

Thơ không thể thiếu cảm xúc nhưng nó phải thể hiện bằng một hình thức phù hợp: thể loại, ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu... Có như vậy thì nhà thơ mới có thể truyền tải đầy đủ, sâu sắc những thông điệp thẩm mỹ, thông điệp tình cảm của mình với bạn đọc. Hình thức thơ không chỉ là vỏ bọc của nội dung mà còn chứa đựng nhiều tầng ý nghĩa, truyền tải cảm xúc tình cảm của nhà thơ tới người đọc. Do vậy, làm thơ phải kết hợp hài hoà các yếu tố nội dung và hình thức.

Nhà thơ phải sống chân thành, sống mãnh liệt, sống hết mình với cuộc đời, như thế mới có những tình cảm cao đẹp, sâu sắc, những rung động trước đời sống. Chỉ khi đó, tình cảm mà nhà thơ thể hiện mới có giá trị chung cho cả loài người.

(Bài đoạt giải Nhì – 15/20 điểm)

NHẬN XÉT

Về cơ bản, những yêu cầu đặt ra trong đề bài đã được bài làm đáp ứng.

Ở câu 1, người viết đã bày tỏ những nhận thức đúng đắn, sâu sắc, xúc động về tình mẫu tử, từ đó luận bàn khá sáng rõ về bức thông điệp được nêu lên ở đề bài. Với vốn trải nghiệm cuộc sống khá sâu rộng, người viết đã lí giải thuyết phục vì sao *mẹ yêu con nên mẹ nói “không” trước những đòi hỏi vô lí của con*. Phần mở rộng, nâng cao vấn đề viết khá tốt. Tuy nhiên, dẫn chứng còn ít và chưa hay.

Ở câu 2, người viết hiểu đúng ý kiến của nhà thơ Ra-bin-đra-nát Ta-go và biết vận dụng kiến thức lí luận văn học về đặc trưng của thơ trữ tình để cắt nghĩa lời nhận định, bàn luận về vai trò của tình cảm, cảm xúc trong sáng tác thơ. Tuy nhiên,

mối quan hệ giữa nội dung và hình thức trong sáng tạo nghệ thuật thơ ca chưa được luận giải kĩ; phần chứng minh qua các tác phẩm chưa được thẩm bình trên cơ sở thấu hiểu sự hài hoà giữa nội dung tình cảm, cảm xúc với nghệ thuật nên sức thuyết phục chưa cao.

Ở câu 3, người viết đã thấy được những nét khác biệt cơ bản trong cảm xúc và sáng tạo nghệ thuật của Tế Hanh và Hoàng Cầm khi miêu tả hình ảnh dòng sông qua hai đoạn thơ trong bài thơ *Nhớ con sông quê hương* và *Bên kia sông Đuống*. Nếu dòng sông của Tế Hanh nghiêng về vẻ đẹp trong trẻo, chứa đầy kỉ niệm tuổi thơ với những gắn bó máu thịt giữa dòng sông và tâm hồn người, thì dòng sông của Hoàng Cầm lại nghiêng về vẻ đẹp huyền ảo, chất chứa những hoài niệm của một người kháng chiến về một dĩ vãng yên bình và nỗi niềm xót xa khi nghe quê hương bị quân giặc tàn phá. Tuy nhiên, điểm gặp gỡ của việc thể hiện hình ảnh dòng sông trong hai đoạn thơ chưa được người viết làm sáng rõ.

BÀI LÀM SỐ 4

Câu 1.

Nhưng trên tất cả, mẹ yêu con nên mẹ nói “không” trước những đòi hỏi vô lí của con khi mẹ biết con sẽ ghét mẹ về những điều này. Đây là cuộc đấu tranh khó khăn nhất trong cuộc đời của mẹ. Nhưng mẹ vui vì mẹ đã chiến thắng và cuối cùng con đã thành đạt.

(Theo *Trái tim người mẹ*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004)

Lời tâm sự ấy chính là tấm lòng của tất cả các bà mẹ trên thế giới này: lòng khoan dung và đức vị tha lớn lao.

Trong cuộc đời, mỗi người đều có nhiều tình cảm tốt đẹp. Tình mẫu tử, hơn thế, là thứ tình cảm thiêng liêng, bởi lẽ nó vun đắp tâm hồn và nuôi dưỡng cuộc sống của ta từ lúc còn thơ bé. Ta lớn lên thành hình chín tháng mười ngày trong bụng mẹ, hưởng những dưỡng chất tốt nhất thông qua dây nhau – sợi dây máu mủ thiêng liêng nối liền ta với mẹ hiền yêu dấu. Ta bước đi những bước chập chững đầu đời, mẹ cầm tay động viên khích lệ. Ta vấp ngã, té khóc, mẹ dỗ dành thương yêu. Mẹ đau cái đau của ta, vui nụ cười của ta, lo lắng những đêm ta sốt mê man. Mẹ là thế.

Nhưng khó khăn hơn hết thấy, như tâm sự của mẹ, đó là nói “không” trước những đòi hỏi vô lí của con, dẫu biết con sẽ ghét mẹ. Mẹ yêu ta, luôn muốn ta cười, nay phải dẫn lòng trước cái ghét, giận, hờn, dỗi của ta khó khăn lắm chứ. Có người

mẹ nào không thương con, không muốn con mình hạnh phúc? Bà mẹ nào cũng thế. Họ, bằng tình yêu và cả tấm lòng dành cho con, đã thấy được bằng con mắt của mẹ sự vô lí trong những đòi hỏi ấy. Mẹ sẵn sàng chịu ghét để con tránh khỏi lầm lạc, dẫu đau xót vô cùng. Đó là tấm lòng vị tha của mẹ.

Vị tha – sống vì người khác – nhường phần tốt lành cho người khác, nhận về phía mình những bất công, thiệt thòi – một đức sống cao quý biết bao. Trong bản năng của người mẹ, đã luôn sẵn một tấm lòng vị tha như thế.

Cậu học trò An Kim Bằng – Huy chương Vàng Toán học quốc tế năm 1997 – khi bước lên bục vinh quang đã phát biểu: *Tôi có một người mẹ tốt nhất thế giới. Mẹ tôi là Lí Diễm Hà.* Người mẹ nghèo của tỉnh Thiên Tân, Trung Quốc đã bán con lừa duy nhất của gia đình để lo tiền ăn học cho con, tự đặt hai tay nắm của chiếc cày vào đôi vai, bước từng bước nặng nhọc. Người mẹ nghèo ấy đã hai chân trần đẩy xe bắp cải vượt quãng đường hơn bốn mươi cây số lên chợ bán, mua cho con một quyển sách. Người mẹ ấy ăn bắp cải, ngô khoai, rưới nước muối cải để qua bữa, nhường phần cơm ít ỏi cho đứa con học trên tỉnh. Người mẹ nghèo ấy đã nói, và đã khóc, khi Kim Bằng đòi bỏ học: *Con phải học. Cả nhà ta dù mọi cách cũng để con ăn học nên người.*

Câu chuyện về một người mẹ nghèo ở tỉnh Thiên Tân đã làm rơi nước mắt bao hàng ghế đại biểu ngày hôm ấy.

Lại nhớ đến những tiếng rao nơi hè phố, đêm cũng như ngày...

Những bà mẹ oằn gánh trên vai nôi xôi, nôi chè sớm hôm khắp hang cùng ngõ hẻm để nuôi một gia đình. Những bà mẹ thức thâu đêm bên chiếc máy may cũ sòn, hối hả đập những đường kim để kịp ngày giao hàng. Những bà mẹ tất tả buôn gánh bán bưng, còm cõi tích nhặt từng đồng lẻ đóng tiền học phí cho con. Tất cả họ, đều không một lời than thở. Những bà mẹ có trái tim nóng hổi tình thương.

Mẹ là thế, không ngại nhọc nhằn, không từ nan vất vả, luôn nhận về phía mình những điều thua thiệt, dành lại cho con yêu những gì tốt đẹp nhất.

Vì thế mà mẹ nói *không* – dẫu biết rằng *con sẽ ghét mẹ*. Mẹ sẽ nhận cái *ghét* đau đớn ấy về mình, để bảo vệ con trước những *đòi hỏi vô lí* – mẹ là thế. Để rồi cuối cùng, khi *con đã thành đạt*, mẹ lại vui mừng, sung sướng khôn nguôi. Tấm lòng bao dung của mẹ chứa tất thấy những nỗi lầm lạc của con, những ghét, giận, hờn dỗi vô cớ của con, những sai phạm của con, tất cả.

Bao dung cũng là bản năng của mẹ. Cũng như vị tha là bản năng của mẹ.

Bao việc mẹ từng làm vì con mà có thể chưa được con hiểu đúng – có hề chi. Mẹ sẵn sàng tha thứ những lỗi lầm ta mắc phải, nếu ta biết hối lỗi. Mẹ sẵn sàng dang

rộng vòng tay đón những đứa con lầm lạc, nếu ta biết ăn năn. Mà đâu cho gì đi chẳng nữa, vòng tay mẹ vẫn luôn chờ đón con quay trở về yên giấc. Lòng mẹ lớn hơn cuộc đời này rất nhiều chẳng phải sao?

Con dù lớn vẫn là con của mẹ

(Chế Lan Viên, *Con cò*)

Tấm lòng của mẹ là bến đỗ bình yên, dung chứa tâm hồn ta mỗi khi ta cần đến mà không chút đòi hỏi. Khi ta đòi rũ cánh rời khỏi cánh tay mẹ hiền, người cũng không chút đòi hỏi. Khi ta cần trốn chạy khỏi vòng đời bon chen hối hả, mẹ lại vẫn một tình thương bao la. Tôi nằm yên giấc trưa hè trong lòng mẹ tôi. Như ba tôi nằm yên giấc trong lòng bà nội, mỗi lần về thăm quê. “Con của mẹ”, đó là chân lí đầu nề hà chi tuổi tác. Bởi thế, lòng mẹ lớn vô cùng.

Nếu như người cha cứng cỏi chống đỡ, làm trụ cột gia đình, là bức tường cao vững chắc cho người con học tập, thì người mẹ hiền dịu lại là suối mát ngọt nuôi dưỡng tâm hồn. Nếu như tình bạn giúp ta vượt qua khó khăn trong nhiều mối quan hệ, thì tình mẫu tử lại là động lực giúp ta vượt qua khó khăn thử thách trong cuộc đời. Một con người có thể có nhiều bạn bè, nhiều mối quan hệ, nhưng chỉ duy nhất có một người mẹ. Và như thế, tình mẫu tử cũng là duy nhất, thiêng liêng và quý giá vô ngần.

Tôi nhớ đến cánh cò trong ca dao xưa:

*Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao
Ông ơi ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

Mẹ là như thế. Là cánh cò đơn độc lặn lội bao đêm với bao hiểm nguy vất vả để nuôi cò con khôn lớn. Và cho tận khi đối diện giữa sự sống – cái chết, một lòng cò mẹ vẫn hướng về cò con, không một chút suy nghĩ cho bản thân.

Bao dung vô ngần và vị tha vô ngần, đó là Mẹ.

Câu 2.

Ra-bin-dra-nát Ta-go, nhà thơ châu Á đoạt giải Nô-ben về văn học với tập *Thơ Dâng*, đã phát biểu một nguyên tắc của quy luật sáng tạo nghệ thuật: *Khi tình cảm tự tìm cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài, chúng ta có thơ.* Đó là một quan niệm sâu sắc, là “tinh thần” của một trong những nhà thơ lớn của thời đại.

Về ý nghĩa cơ bản, quan niệm trên hầu như trùng khít với những quan niệm khác về thơ. Thơ trữ tình – như tên gọi của nó – là chứa đựng tình cảm, bao bọc tình cảm, nói lên tình cảm của con người. Bản thân nó cũng nêu lên một quy luật sáng tác thơ ca: hề có tiếng nói tình cảm cất lên thì có thơ.

Ta bắt gặp sự đồng điệu ấy trong nhiều cách nói khác nhau, qua nhiều thời đại khác nhau. Tu Mã Thiên đề ra nguyên tắc “phát phần... thơ” – có uất phần trong lòng mà viết nên. Thi Đại Tự – bài tựa lớn của Kinh Thi cũng viết đại ý: tình cảm nổi lên, bất giác tay múa, chân giậm; lời nói tiếng hát bất giác cất lên tạo thành thi ca. Nghĩa là, khi con người có nhu cầu được giải bày tình cảm tư tưởng của mình, họ sẽ làm thơ.

Nhưng, bản thân tình cảm không chưa đủ, còn phải “tự tìm cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài”. Hình thức đó chính là thơ ca. Từ thời Arít-xtốt đã chia văn thành ba loại hình chính: kịch, tự sự và trữ tình (nghệ thuật thơ ca). Trong đó trữ tình chính là thơ – nói lên tình cảm của con người. Nói cách khác, khi người ta cần một hình thức để biểu lộ tình cảm, người ta tìm đến thơ ca.

Quay trở lại về quy luật sáng tạo nghệ thuật. Nghệ thuật là lĩnh vực của cái đẹp, do vậy sáng tạo nghệ thuật chính là sáng tạo ra cái đẹp. Mọi quan niệm chi phối nghệ thuật không gì khác hơn quy luật của cái đẹp. Thơ cũng thế – khi “tình cảm” – cái đẹp của nội dung, bắt gặp “hình thức để bộc lộ” – cái đẹp bên ngoài – chúng thống nhất dưới bàn tay của người nghệ sĩ tạo thành thơ ca – cái đẹp. Nó không đơn giản như món hàng và bao bì, mà để diễn tả chính xác quan hệ giữa “tình cảm” và “hình thức”, ta phải dùng hình ảnh “tâm hồn” và “thể xác”.

Hai thứ đó không bao giờ tách bạch rõ rệt, riêng biệt được mà cái này bổ trợ cho cái kia, nội dung này hoàn thiện cho nội dung khác và ngược lại. Đó là quy luật thống nhất giữa nội dung và hình thức của cái đẹp, và cũng là tiêu chuẩn, điều kiện của một áng thơ hay.

Chế Lan Viên viết về quan niệm, quy luật sáng tạo nghệ thuật như sau:

*Bài thơ anh, anh làm một nửa
Còn một nửa để mùa thu làm lấy
Cái xào xạc hồn anh chính là xào xạc lá
Nó không là anh nhưng nó là mùa.*

Đồng thời, Hàn Mặc Tử cũng phát biểu:

*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta.*

Hai ý kiến có vẻ ngược nhau, nhưng thực chất đều đi đến một mục tiêu thống nhất và mình chứng rõ rệt cho quan niệm của Ta-go. Bởi lẽ thơ ca là “tình cảm” – cho nên nó phải tự nhiên rớt ra, tự nhiên viết thành, một cách chân thật nhất. Nó không dung chứa sự ép uổng rẻ mạt về tinh thần, bởi như thế sẽ làm chết đi tiếng nói trữ tình ở trong thơ. Nhà thơ làm một nửa, “mùa thu” làm một nửa bởi lẽ “cái xào xạc hồn anh chính là xào xạc lá”, – là một thể duy nhất – tình cảm. Còn Hàn Mặc Tử, lại chính là lời khẳng định cho việc phải có một hình thức cụ thể – một sự dụng công toàn tâm toàn ý của người làm thơ – phải trăn trở vật mình với con chữ để tìm đúng từ ngữ giải thoát cho tình cảm chất chứa trong lòng. Tình cảm sẽ “tự tìm” đến thơ ca – hình thức cho nó giải bày, dưới con mắt nhìn và bàn tay của người nghệ sĩ sáng tạo nghệ thuật.

Quay trở lại thơ ca, Hê-ghefen cho rằng “thơ ca... là những quan niệm về tinh thần” chứ không phải về những nội dung vật chất hiện hữu bên ngoài cuộc sống. Do vậy, lao động sáng tạo nghệ thuật cũng chính bằng những mối quan hệ về tinh thần – lao động tinh thần. Lời phát biểu của Ta-go ngắn gọn và tưởng chừng như đơn giản, thực chất lại là một trong những khó khăn khôn cùng của sáng tạo nghệ thuật. Làm sao để tình cảm có thể tìm đúng được hình thức để bộc lộ ra ngoài? Làm sao để dẫn dắt con người đến thơ ca? Làm sao để sáng tạo thơ ca?

Trả lời cho những câu hỏi ấy chính là bản thân thi sĩ – người làm thơ. Người làm thơ chính là làm sứ mệnh người dẫn dắt tình cảm tìm đến hình thức thích hợp bộc lộ ra ngoài. Để làm được điều này không nằm ngoài tài năng sáng tạo và bút pháp, năng lực của nhà thơ. Bản thân nhà thơ phải nuôi dưỡng tình cảm, nắm giữ cho riêng mình một cốt lõi tinh thần bên trong luôn rực cháy, đồng thời lại phải mài giũa ngòi bút của mình để sáng tạo ra những hình thức đặc biệt phù hợp nhằm thăng hoa cảm xúc nội tại thành thi ca.

Có những nhà thơ rất dễ tìm được con đường cho tình cảm có hình thức bộc lộ; như Nguyễn Bính – từng câu thơ nhẹ nhàng duyên dáng viết ra như sẵn có từ tâm thức:

*Thôn Đoài ngời nhớ thôn Đông
Một người chín nhớ mười mong một người
Gió mưa là bệnh của giời
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.*

(*Tương tư*)

Bởi lẽ dùng lối lục bát, thể thơ truyền thống của dân tộc, cùng với bản tính “chân quê”, “quê mùa” của mình mà Bính đã thổi hồn từ lòng mình thành thơ vậy.

Ngược lại, có những nhà thơ phải vật lộn, trăn trở với ngôn từ để tìm ra phương thức giải thoát cho nội dung tình cảm của mình. Điển hình như nhà thơ trí tuệ Chế Lan Viên:

*Ôi con đường không ra đường của kẻ tìm thơ
Cái thơ không ra thơ của kẻ tìm đường.*

Đó là sự trăn trở, giằng vò để sáng tạo nghệ thuật. Là cách thức nhà văn, nhà thơ dẫn dắt để “tình cảm tự tìm cho nó một hình thức bộc lộ ra ngoài”.

Nếu ngược lại, tình cảm không tự tìm cho mình một thể loại – hình thức thích hợp – thì nó sẽ chết. Minh chứng rõ ràng trong tiến trình lịch sử văn học: khi thời đại Nguyễn Du cần tìm đến tiếng nói “đau đớn lòng” ẩn sau những “bốn bề phẳng lặng” của kinh kì, *Truyện Kiều* ra đời. Các tác phẩm khác không giải bày được tâm trạng con người thời đại bấy giờ đều chịu chung số phận quên lãng. Người ta chỉ còn nhớ đến *Tự tình* của Hồ Xuân Hương, nhớ *Độc Tiểu Thanh kí* của Nguyễn Du bởi lẽ nó là tiếng nói của con người thời đại. Hay như trong cuộc đấu tranh giữa “thơ Cũ” và “thơ Mới” đầu thế kỉ XX, khi thơ ca bị ép uổng trong lớp áo mực ruồng của thể thơ luật cứng nhắc, thêm sự nghèo nàn tinh thần của tầng lớp nho sĩ tàn cuộc, đã ngắc ngoải thoi thóp. Cho đến khi một luồng gió mới thổi đến: Thơ Mới – đã làm thức dậy cả “một thời đại trong thi ca”. Thơ Mới sống và chiến thắng bởi lẽ nó tuân theo đúng quy luật sáng tạo của nghệ thuật: tình cảm tự nó đã tìm được đúng hình thức để giải bày, và ta có thơ ca.

Thật vậy, câu phát biểu của Ta-go đã khái quát được một chân lí trong quy luật sáng tạo nghệ thuật. Rằng đó phải là sự “tìm thấy” tự nhiên và phù hợp giữa tình cảm – nội dung và hình thức thể hiện, mới tạo được thơ ca. Điều đó có phần đóng góp không nhỏ của những nghệ sĩ – người lao động trên địa hạt của cái đẹp. Đi ngược lại cái tự nhiên ấy, thơ ca sẽ chết.

Câu 3.

Không hẹn mà gặp, nhiều nhà thơ đã tìm đến – cùng nhau – chốn quê hương xứ sở. Mỗi người lại có một miền quê trong mình, gắn liền với những kỉ niệm trong tâm hồn và cuộc đời đã sống. Cả Tế Hanh và Hoàng Cầm, vô tình hay hữu ý, đều gắn liền quê hương với dòng sông “huyền thoại”.

Con sông quê của Tế Hanh gắn với tuổi thơ, gắn liền với cuộc đời và rịn chặt chất Nam Bộ. Bài thơ *Nhớ con sông quê hương* được tác giả làm khi tập kết ra Bắc, do vậy càng tràn đầy thương nhớ và kỉ niệm đặc biệt:

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc,
Nước gương trong soi tóc những hàng tre.*

*Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè,
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng.*

Con sông hiện lên với tất cả vẻ đẹp bình lặng: màu *xanh biếc* của nước hay là màu nền trời trong xanh của miền Nam – được phản chiếu bởi *nước gương trong* – sáng và sạch vô cùng. *Hàng tre* được tác giả cảm nhận như người con gái – soi tóc mình dưới tấm gương trong của đất trời – là dòng sông. Cái đặc trưng của sông quê Tế Hanh chính là *nước gương trong* soi nắng ấy.

Tác giả lại dùng một hình ảnh tạo liên tưởng: *tâm hồn tôi* – *buổi trưa hè* – cái nắng vàng rực miền Nam được tâm hồn của nhân vật trữ tình hoá thân vào, chuyển xuống hoà cùng với dòng sông: “*toả nắng xuống dòng sông*”. *Lấp loáng* là từ láy tượng hình, miêu tả cái lung linh của sắc nắng khi rọi xuống lòng sông *gương trong*, và hồ như, cái *lấp loáng* ấy còn gợi cho ta liên tưởng đến sự hoà nhập giữa *hồn nắng* và *nước gương*, như *tôi* và *dòng sông xanh biếc*. Đó là sự hoá thân, kết hợp giữa chủ thể trữ tình và dòng sông – biểu tượng của quê hương, biểu tượng của cuộc sống, và đâu đó ta thấy lẩn khuất biểu tượng của lòng mẹ đang dang tay ôm đứa con của mình:

*Tôi đưa tay ôm nước vào lòng
Sông mở nước ôm tôi vào dạ.*

Và nhân vật trữ tình đã cất lên tiếng nói tha thiết:

Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi

Người con xa xứ giữ mãi một tấm lòng với quê hương, với dòng sông kỉ niệm.

Cùng một cảm thức về quê hương, Hoàng Cầm lại mang trong tim mình một con sông khác, sông Đuống của xứ sở Kinh Bắc trù phú, nên thơ:

*Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì*

*Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì.*

Nếu con sông quê của Tế Hanh nổi bật với màu *xanh biếc*, thì con sông Đuống của Hoàng Cầm lặng lẽ với một màu *cát trắng phẳng lì* bình yên. Dòng sông miền Nam rộng lớn, bởi thế nên bờ sông không sắc nét, không đậm dấu ấn như con sông vùng Kinh Bắc – duyên dáng thộn dài. Nếu Tế Hanh tắm mình trong dòng sông quê theo mặt phẳng – nước gương bao la, thì Hoàng Cầm thả ánh mắt trôi theo dòng

sông Duống – cũng đang *trôi thành một dòng lấp lánh* – và nếu con sông miền Nam là người con gái duyên dáng soi mình trong gương nắng hè thì con sông đất Thuận Thành – Bắc Ninh điệu dàng với dáng *nằm nghiêng nghiêng*, trái suốt qua không gian – “dòng” – và thời gian – *kháng chiến trường kì* man mác.

Hai con sông quê là hai bóng hình, hai nét đặc trưng của hai xứ sở khác nhau. Một bên trái đầy những nắng lung linh, lấp lánh của miền Nam, một bên duyên dáng trong cái thoải thoải, bình yên, mơ mộng của xứ Kinh Bắc. Đó cũng là hai thế giới mẫu gốc các hình tượng trong thơ các tác giả. Tế Hanh nổi tiếng với con sông miền Nam, phong vị miền Nam. Hình ảnh thơ ông gắn liền với con thuyền đánh cá, làng chài, nước sông Nam Bộ. Chủ đề thường gặp trong thơ ông là quê hương, như chính bài *Quê hương*:

*Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông
Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.*

Đó là phong vị xứ sở đã in dấu trong tiềm thức của nhà thơ. Trong khi đó, đến với thơ Hoàng Cầm, ta lại miên man giữa một vùng quê Kinh Bắc cổ kính thâm trầm với những hội hè truyền thống, những *xanh xanh bãi mía bờ dâu/ ngô khoai biêng biếc*, với những con người đậm chất Bắc *những cô hàng xén răng đen/ cười như mùa thu toả nắng*. Ta tìm thấy trong thơ Hoàng Cầm bóng hình của một vùng cổ tích với câu bà Sấm, ông Mưa, với lá Diêu Bông, với chiếc váy Đình Bảng... lang thang qua những vườn ổi, cây tam cúc tràn đầy tưởng tượng và gắn chặt với tâm thức của nhà thơ. Bởi thế mà, con sông Duống của Hoàng Cầm có nét gì đó huyền thoại, hư ảo; khác với cái chất dân dã hồn hậu thực tại của con sông trong thơ Tế Hanh – khi tắm mình trong dòng sông tuổi thơ dào dạt.

Hai đoạn thơ đều cùng viết về một đề tài: con sông quê hương, nhưng lại mang hai cái nhìn riêng biệt. Điều đó được chi phối bởi phong cách, quan niệm, cái nhìn và thế giới nghệ thuật của nhà văn. So sánh với một vài bài thơ cùng viết về quê hương khác như *Quê hương* của Giang Nam – gắn chặt hồn mình với từng mảnh đất:

*Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất
Có một phần xương thịt của em tôi.*

Hay như *Quê hương* của Đỗ Trung Quân:

*Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông.*

Quê hương gắn liền với con đường, cây cầu tre, bóng mẹ hiền,... Quê hương gắn liền với tuổi thơ êm đềm “thả diều bắt bướm”... Quê hương gắn liền với kỉ niệm tâm hồn, là máu thịt của cuộc đời, của những con người thân thuộc,... Quê hương là tất cả những gì thuộc về tâm thức.

Mỗi nhà thơ viết về quê hương, lại chọn cho mình một biểu tượng riêng, một kí ức riêng, và cái nào cũng mang vẻ đẹp riêng của nó. Tế Hanh chọn sông quê – và làm sống lại hình ảnh con sông miền Nam hiền hoà lấp lánh nắng vàng, Hoàng Cầm cũng chọn sông quê – nhưng làm sống dậy cả một vùng quê Kinh Bắc duyên dáng...

Đây là cái tài của nhà thơ, và cái đẹp của bài thơ. Như một nhà phê bình từng phát biểu: “quan trọng nhất khi viết về quê hương là làm bật lên được cái hồn của vùng quê ấy”. Tế Hanh và Hoàng Cầm đã thành công khi tái hiện hồn quê qua con sông của lòng mình.

(Bài đoạt giải Nhì – 15/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm cơ bản đã đáp ứng được những yêu cầu đặt ra trong đề bài.

Câu 1 bàn luận về lòng khoan dung và đức vị tha của mẹ khá thuyết phục; từ đó, có những thức nhận đúng đắn về vai trò của tình mẫu tử. Tuy nhiên, do chưa tập trung vào việc luận bàn để làm sáng tỏ *cách mẹ thể hiện tình yêu với con và khả năng cảm nhận của con về lòng mẹ* nên bài viết chưa thật sự hấp dẫn người đọc.

Ở câu 2, người viết hiểu đúng ý kiến của nhà thơ Ra-bin-đra-nát Ta-go. Trên cơ sở đó, biết vận dụng kiến thức lí luận văn học về quy luật sáng tạo văn học, đặc trưng của thơ trữ tình để cắt nghĩa lời nhận định và bàn luận vấn đề một cách tương đối khoa học, sâu sắc. Vốn kiến thức lí luận văn học khá chắc chắn. Song điểm yếu dễ thấy là còn tham thể hiện kiến thức nên phần thẩm bình thơ để chứng minh chưa sâu, chưa tạo được điểm nhấn; mở bài chưa hay và sáng tạo; còn mắc lỗi về dùng từ và liên kết khiến câu văn mờ nghĩa như: *Đồng thời, Hàn Mặc Tử cũng phát biểu...* hoặc câu kì như: *Nó không dung chứa sự ép uổng rẻ mạt về tinh thần...*

Ở câu 3, người viết đã thấy được những nét khác biệt cơ bản trong cảm xúc và sáng tạo nghệ thuật của Tế Hanh và Hoàng Cầm khi miêu tả hình ảnh dòng sông qua hai đoạn thơ trong *Nhớ con sông quê hương* và *Bên kia sông Đuống*. Do hiểu biết khá sâu về thơ của Tế Hanh và Hoàng Cầm nên người viết đã lí giải khá thuyết phục về những điểm mang vẻ đẹp khác biệt của hai dòng sông. Tuy nhiên, cảm thụ thơ còn chưa tinh tế và sâu sắc; điểm gặp gỡ của hình ảnh dòng sông trong hai đoạn thơ chưa được làm sáng rõ.

NĂM 2009

ĐỀ BÀI

Câu 1. (8,0 điểm)

Suy nghĩ của anh (chị) về cái danh và cái thực của con người trong cuộc sống.

Câu 2. (12,0 điểm)

Thơ nữ viết về tình yêu thường thể hiện sâu sắc bản lĩnh và ý thức về hạnh phúc của chính người phụ nữ.

Hãy phân tích, so sánh bài thơ *Tự tình* (bài II) của Hồ Xuân Hương và *Sóng* của Xuân Quỳnh để làm rõ nét chung và nét riêng trong tâm sự tình yêu của hai nữ tác giả ở hai thời đại khác nhau.

Văn bản hai bài thơ :

TỰ TÌNH

(Bài II)

*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,
Trơ cái hồng nhan với nước non.
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.
Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con!*

(Theo *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một,
NXB Giáo dục, 2007, tr. 44)

SÓNG

Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ
Sông không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể

Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ.
Trước muôn trùng sóng bể
Em nghĩ về anh, em
Em nghĩ về biển lớn
Từ nơi nào sóng lên ?
Sóng bắt đầu từ gió
Gió bắt đầu từ đâu?
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau

Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức

Dẫu xuôi về phương bắc
Dẫu ngược về phương nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh – một phương

Ở ngoài kia đại dương
Trăm ngàn con sóng đó
Con nào chẳng tới bờ
Dù muôn vời cách trở

*Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa*

*Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.*

(Biển Diêm Điền, 29-12-1967)

(Theo *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một,
NXB Giáo dục, 2008, tr 122–124)

YÊU CẦU LÀM BÀI

Câu 1.

1. Đây là dạng đề mở. Người viết có quyền tự do trình bày suy nghĩ của mình theo những hướng khác nhau. Tuy nhiên, cần đạt được một số yêu cầu căn bản sau:

a) Về hình thức

Trước hết, cần xác định đây là đề nghị luận xã hội. Dạng đề này cho phép người viết tự do lựa chọn các kiểu bài và các thao tác tạo lập văn bản khác nhau, nhưng cần phải phù hợp và nhuần nhuyễn. Đồng thời, cũng được tự do huy động các chất liệu khác nhau như: chất liệu thuộc tri thức sách vở, tri thức đời sống và những trải nghiệm của riêng mình về vấn đề cái danh và cái thực. Tuy nhiên, vẫn phải xác định rõ vấn đề ở câu này thuộc về thực tế đời sống chứ không phải trong các tác phẩm văn học.

b) Về nội dung

Bài làm cần đạt được ba nội dung cơ bản sau:

– *Bản chất của danh và thực*

+ *Danh*. Giải thích được nội dung khái niệm “danh”. *Danh* là danh tính (tên họ), là danh hiệu, danh vọng, danh giá, danh nghĩa, danh tiếng. *Danh* là phần bề ngoài, đối với bên ngoài.

Thấy được ý nghĩa của danh. Danh là điều cần thiết. Vì nó giúp xác định tư cách, vai trò, vị trí, năng lực của con người trong xã hội. Danh đem lại giá trị, uy tín, quyền lợi cho người mang danh, là động lực phấn đấu cho con người.

+ *Thực*. Giải thích được nội dung khái niệm “*thực*”. *Thực* là thực chất, thực lực, là cái bên trong. Khái niệm “*thực*” chỉ cái tồn tại có thực, cái bản chất vốn có, cái tự nhiên, phác thực. Trong thế đối lập với danh, thực cũng là phẩm chất, năng lực mà cá nhân có được do tu dưỡng, rèn luyện nhưng chưa được xã hội thừa nhận bằng một danh hiệu tương xứng.

– *Mối quan hệ giữa danh và thực*

Người viết cần phân tích được ba kiểu quan hệ căn bản và nêu được những biểu hiện cụ thể trong cuộc sống.

+ Danh lớn hơn thực (hữu danh vô thực). Danh vượt quá thực dẫn đến sự giả tạo, dối trá, trống rỗng, hư danh, tạo nguy cơ tiềm tàng cho xã hội. Trường hợp này dễ thấy qua nhiều vấn nạn đang được báo động hiện thời. Người có danh hiệu, danh vị, danh tiếng không đúng với thực lực, thực tài, thực chất có thể vô tình hay hữu ý gây hại cho xã hội. Cần đấu tranh để đẩy lùi sự giả dối này.

+ Thực lớn hơn danh (hữu thực vô danh). Trường hợp có thực chất, thực tài, thực lực nhưng vì lí do nào đó lại không có được danh nghĩa cần thiết, không có được danh hiệu, danh vị và danh tiếng tương xứng. Thực tế này đòi hỏi phải có tinh thần trọng thực, có biện pháp phù hợp để phát hiện; ủng hộ, vinh danh người có phẩm chất, năng lực thực. Mặt khác, những người có thực chất, thực lực, thực tài cũng cần phải phấn đấu để đạt được những danh vị xứng đáng.

+ Danh – Thực tương xứng (hữu danh hữu thực). Đây là quan hệ lí tưởng vì danh và thực tương xứng, hài hoà. Nhờ thế mà con người được khích lệ, có thể phát huy những khả năng tiềm tàng của mình cũng như những điều kiện mà xã hội dành cho danh nghĩa hay danh hiệu ấy mà vươn lên những tầm cao mới, có nhiều đóng góp to lớn hơn.

– *Xác định thái độ*

Người viết cần nhận thức và phê phán hiện tượng hữu danh vô thực trong xã hội hiện nay. Tình trạng danh giả lợi thực dẫn đến lối sống cầu danh, vị danh, háo danh, danh hão làm nhiều loạn các giá trị trong xã hội, có nguy cơ làm tha hoá con người.

Tuy nhiên, phấn đấu đạt được danh vị chân chính bằng thực lực là một động cơ chính đáng của con người. Vì thế, cần có thái độ trân trọng với những người có

danh vị chân chính và bản thân cũng cần nỗ lực phấn đấu hoàn thiện tài đức để có được danh vị xứng đáng.

2. Là dạng đề mở, nên người đánh giá cũng cần có cái nhìn "mở". Nghĩa là cần đón nhận nhiều quan điểm khác nhau, nhiều lối nghĩ khác nhau, nhiều lối viết khác nhau, nhiều thể loại và văn phong khác nhau... Không nên câu nệ trong đánh giá.

Câu 2.

1. Đây là dạng đề tương đối mở. Người viết có quyền triển khai bài làm của mình theo những hướng và các cách khác nhau. Tuy nhiên, về hình thức và nội dung của bài làm, cần đạt được một số yêu cầu căn bản sau đây:

a) Về hình thức

Người viết cần xác định đây là kiểu bài nghị luận văn học để triển khai bài làm đúng kiểu văn bản. Cần phát huy năng lực phân tích tác phẩm, đặc biệt là các kĩ năng so sánh văn học để giải quyết vấn đề.

b) Về nội dung

Bài làm cần đạt được ba nội dung cơ bản sau:

– *Về hiện tượng người phụ nữ làm thơ tình yêu*

Trước nay, trong văn học Việt Nam, viết về tình yêu vẫn là một thứ đặc quyền của đàn ông. Do đó, tình yêu chủ yếu được nhìn qua con mắt của nam giới. Trong bối cảnh này, sự chủ động bộc lộ tình yêu và nhìn nhận tình yêu từ góc nhìn nữ giới của Hồ Xuân Hương và Xuân Quỳnh là một hiện tượng cần được đặc biệt trân trọng.

– *Nét chung*

Cần phân tích từ các yếu tố hình thức của hai tác phẩm để làm nổi bật các nội dung sau:

+ *Tâm thế trữ tình.* Cả hai tác giả đều chủ động, bộc trực trong việc giãi bày tâm sự tình yêu của chính mình. Không chút mặc cảm khi bộc bạch cả những tình ý thâm kín, những khát khao tế nhị trong cõi lòng người phụ nữ.

+ *Nội dung trữ tình.* Cả hai đều bộc lộ khát vọng được chung tình, được sống trong một tình yêu và hạnh phúc trọn vẹn.

– *Nét riêng*

Cần phân tích từ các yếu tố hình thức của hai tác phẩm để làm nổi bật các nội dung sau:

+ *Tâm thế trữ tình.* Người phụ nữ trong bài *Tự tình* lẻ loi giữa đêm vắng, nếm trải nỗi bất hạnh của phận đàn bà lẻ mọn mà nói lên nỗi lòng đầy chua chát, ngán ngẩm của mình về thứ tình cón con, bất xứng. Còn người phụ nữ trong bài *Sóng* lại một mình trước biển lớn để bộc lộ những khao khát về một tình yêu lớn lao, vĩnh cửu.

+ *Nội dung cảm xúc.* Nếu như Hồ Xuân Hương khao khát được tận hưởng một tình yêu đủ đầy, trọn vẹn, thiết thực mà một phụ nữ bình thường có quyền hưởng, thì Xuân Quỳnh lại khao khát được dâng hiến, được sống hết mình cho một tình yêu lí tưởng.

+ *Giọng điệu.* Giọng điệu trong bài *Tự tình* nghiêng về bi phẫn với các sắc thái chính: uất ức, chua chát. Còn giọng điệu trong bài *Sóng* lại nghiêng về đắm say với các sắc thái chính: sôi nổi, thiết tha. Tuy nhiên, đó chỉ là những cách biểu hiện khác nhau của cùng một khát khao mãnh liệt về tình yêu và hạnh phúc.

+ *Thân phận và thời đại.* Hồ Xuân Hương sống trong thời đại của chế độ đa thê, bất bình đẳng nam nữ, quyền sống của người phụ nữ chưa được tôn trọng; bản thân bà cũng nhiều lần phải chịu cảnh lẻ mọn nên thấm thía hơn ai hết nỗi bất công, thiết tha. Còn Xuân Quỳnh lại sống trong thời đại mới, người phụ nữ đã được giải phóng, nam nữ bình quyền; khi viết bài thơ *Sóng*, nhà thơ đang sống hạnh phúc trong tình yêu, nên lòng chan chứa niềm tin vào tình yêu và hạnh phúc lứa đôi.

2. Có thể chấp nhận cả những bài làm có cách nhìn nhận vấn đề theo quan điểm riêng và có hệ thống ý riêng không giống với định hướng đã nêu, với điều kiện phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.

BÀI LÀM SỐ 1

Câu 1.

Cuộc sống xung quanh ta ẩn chứa nhiều điều phức tạp, mà có người đã gọi nó là cuộc sống đa chiều. Con người tồn tại trong nhiều mối quan hệ khác nhau: có quan hệ tình và tài, có quan hệ thân và sơ... có quan hệ giữa cái danh và cái thực.

Cái danh và cái thực luôn là vấn đề được mọi thời đại quan tâm. Ngay từ khi xã hội hình thành nhà nước, gồm những thể chế khác nhau, thì cái danh và cái thực đã được con người để tâm đến. Đặc biệt, đối với xã hội phong kiến, vấn đề danh và thực luôn được các nho gia luận bàn, như: Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương... Khi xã hội bước sang một hình thái mới – hình thái xã hội chủ nghĩa, danh và thực vẫn luôn là điều khiến người ta băn khoăn, trăn trở.

Vậy thế nào là danh? *Danh* là một từ Hán Việt, có thể hiểu là “tên”. Nó ẩn chứa ý nghĩa chỉ hình thức bên ngoài, vẻ bề ngoài. Trong xã hội, danh được hiểu là địa vị, công danh, là vị trí hiện có của mỗi người. *Danh* là cách để gắn, để gọi cụ thể vị trí xã hội của một đối tượng nào đó. Trong thực tế, người có “danh” là người được mọi người biết đến, vì có chức tước, có địa vị xã hội, có công danh, hoặc vì có danh tiếng. *Danh* chính là cách để khẳng định vị trí của một cá nhân giữa một tập thể, đó là một cách cá nhân đánh dấu cho chính bản thân mình, là cách khẳng định bản thân mình. Trong xã hội, người ta thấy, sẽ tồn tại những “cái danh” tốt và những “cái danh” xấu. Có người được tôn vinh, được ngợi ca như một anh hùng, nhưng cũng có người được nhắc đến như một bài học cho sự sai lầm khiến người khác phải né tránh. Trong lịch sử Việt Nam nếu có những ông vua được nói đến như một niềm tự hào dân tộc như Ngô Quyền, Trần Nhân Tông, Lê Thánh Tông, Quang Trung... thì lại xuất hiện những vị vua được ghi danh như một vết nhơ khôn rửa: Nguyễn Ánh, Khải Định... Ngày nay, trong tầng lớp thanh niên, bên cạnh những tấm gương học tập đáng ngợi ca lại có những con người hư hỏng, ă chơi, sa đọa đáng chê, đáng phê. Bởi vậy, mỗi người có những cách khác nhau để ghi danh, tuy nhiên, có người chọn danh tốt, có người chọn danh xấu mà thôi.

Nếu chỉ dừng lại ở “danh” thì có lẽ cuộc sống sẽ đơn giản. Người ta vẫn có thể phấn đấu, rèn luyện mình, hướng đến con đường ghi danh tốt đẹp. Thực tế cuộc sống không bằng phẳng. Ở đời, ta vẫn thường nghe câu “hữu danh vô thực”. Bởi vậy, con người vẫn băn khoăn: “cái thực” kia là gì? “Cái thực” và “cái danh” có mối quan hệ với nhau chăng? “Thực” muốn nói tới bản chất của mỗi người. “Thực” là thật, là những gì có thật trong mỗi con người. Nó thuộc về phẩm chất, tâm hồn, những giá trị tinh thần bên trong mỗi người, nếu như danh thuộc về cái bên ngoài.

“Danh” và “thực” có mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại trong cuộc sống. Đôi khi “danh” và “thực” thống nhất với nhau. Điều đó trong xã hội ngày nay có rất nhiều. Xã hội dân chủ, con người được quyền tự do phát triển, chính vì vậy, tôi có năng lực, tôi học tập tốt, tôi sẽ tìm được cho mình một địa vị xứng đáng. Một sinh viên có tấm bằng tốt nghiệp loại ưu, đương nhiên sẽ được nhận vào một chỗ làm ưng ý với mức lương cao. Ngược lại, một người không có học thức, phẩm chất đạo đức kém sẽ không thể được ngồi vào những cơ quan Nhà nước hay những công việc cần sử dụng đến trí tuệ, sự ứng xử, giao tiếp. Tuy nhiên, do “danh” và “thực” có mối quan hệ hữu cơ nên đôi khi nó mâu thuẫn nhau. Câu *hữu danh vô thực* là để chỉ điều đó. Trong xã hội phong kiến, nhà thơ Nguyễn Khuyến đã phải thốt lên rằng *Tưởng rằng đồ thật hoá đồ chơi (Tiến sĩ giấy)* chính là đề cập đến vấn đề “danh” và “thực”. Sự mâu thuẫn ấy có thể là tình trạng mua quan bán tước mà bất cứ một xã hội nào cũng có. Vì chạy theo cái hào nhoáng bên ngoài, vì muốn ghi danh, muốn

nâng cao giá trị của bản thân mà nhiều người sẵn sàng bỏ ra những món tiền để mua cho mình một chỗ ngồi ưng ý. Bởi vậy, ngày nay ta thấy xuất hiện hàng loạt những ông giám đốc của những công ty trách nhiệm hữu hạn A, B, C... nào đó không có trình độ, không có bằng cấp... dẫn đến sự thiếu hiểu biết trong kinh doanh, làm ăn thua lỗ, có khi phải trả cái giá quá đắt, bằng việc ra đúng “vành móng ngựa”. Tuy nhiên, cũng có trường hợp, người tài giỏi, có năng lực lại không có công danh, không có địa vị xã hội xứng đáng.

Hiện trạng trên khiến ta băn khoăn: tại sao giữa “cái danh” và “cái thực” lại có mối quan hệ như vậy? Sở dĩ, chúng thống nhất nhau vì con người và xã hội ý thức được bản chất giữa chúng. Người ta nhận ra, tác hại của việc: có danh mà không thực, hoặc ngược lại. Một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh là một xã hội dung hoà được hai vấn đề đó. Tuy nhiên, ta cũng phải nhìn thẳng vào sự thật, rằng: xã hội nào cũng ẩn chứa những mặt trái. Ai đó đã nói rằng: *Khi con người ta sống vì bản thân mình thì trở thành thù địch đối với những người khác*. Chính sự thừa thãi ấy đã lan toả ra toàn xã hội. Lòng vị kỉ đã thúc đẩy bản năng xấu, khiến con người chỉ nghĩ cho mình mà không quan tâm đến lợi ích của cộng đồng, tập thể. Tình trạng *hữu danh vô thực* hay ngược lại còn do về phía tập thể, xã hội chưa nhận thức được hết giá trị, khả năng của con người. Nó xuất phát từ thói làm việc tắc trách, quan liêu, nguyên tắc... của những người có thẩm quyền. Điều này sẽ làm gia tăng tệ tham nhũng trong xã hội, làm xã hội khủng hoảng, trước hết là kinh tế, sau là chính trị.

Vấn đề danh và thực là một vấn đề cấp thiết trong xã hội. Nó sẽ dẫn đến nhiều mối quan hệ trong cuộc sống và kéo theo những hệ quả về sau. Nếu biết thống nhất, hài hoà thì xã hội sẽ phát triển, đất nước sẽ đi lên. Nếu không biết thống nhất chúng mà tách rời, nhận thức không đúng đắn, khiến chúng trái ngược nhau thì con người sẽ không được sống thật, cuộc sống sẽ vô nghĩa, đất nước sẽ tụt hậu. Ngày nay có những người không hiểu chính xác, thậm chí sai lệch về danh và thực. Ta cần nghiêm khắc phê phán những ai chỉ coi trọng cái danh bên ngoài mà không xem xét kĩ lưỡng cái thực bên trong; hoặc có người không coi trọng cái danh, tự bao biện cho mình bởi bản chất, vì vậy sống khép kín, không có ý chí. Cần phải hiểu, dù ở thái cực nào thì nó cũng trở nên cực đoan. Ta cũng cần lên án hiện tượng *hữu danh vô thực*, mua quan bán tước, mỗi người, mỗi tập thể vì vậy cần phải rèn luyện, tránh mình khỏi những cám dỗ vật chất, vinh hoa không đáng có.

Trong cuộc sống, con người cần phải thống nhất giữa danh và thực. Coi trọng cái thực như phẩm chất, như bản chất con người bên trong mà ta cần trân trọng, nâng niu nó, đồng thời phải biết điểm tô bằng cái danh, làm đẹp cho chính mình, để khẳng định mình giữa cuộc đời này.

Cuộc sống đa dạng, bởi vậy đừng bao giờ ta sống mờ nhạt. Hãy biến cái thực của mình thành cái danh để mọi người biết đến: *Hãy sống như thể trái đất này là thiên đường của bạn!*

Câu 2.

Một nửa thế giới là phụ nữ. Song, chưa chắc nửa còn lại đã thấu hiểu được những điều phụ nữ băn khoăn và trăn trở. Bên cạnh những gánh nặng, lo toan bộn bề trong cuộc sống, người phụ nữ cũng mang trong mình con người bản năng, trong trái tim họ cũng có những khao khát, những ý thức về tình yêu và hạnh phúc của mình. Trong văn học, thơ ca về tình yêu quá rất nhiều, song có mấy tâm sự của người phụ nữ nào chân thành, tha thiết như Hồ Xuân Hương và Xuân Quỳnh? Hai nhà thơ, hai thời đại, nhưng đều góp chung một tiếng nói: thơ nữ viết về tình yêu thường thể hiện sâu sắc bản lĩnh và ý thức về hạnh phúc của chính người phụ nữ.

Đề tài người phụ nữ là một đề tài muôn thuở trong thi ca. Mỗi thời đại, người phụ nữ bước vào văn chương với những dáng vẻ, những phẩm chất, tinh thần riêng. Trong ca dao, họ hiện lên qua hình ảnh của *cái cò lặn lội bờ sông*, cái kiến, con ong ngày đêm tần tảo. Tiếng nói của họ dường như là những lời than thân, trách phận nhưng đành cam chịu với nỗi khổ của mình. Đến văn học trung đại, người phụ nữ hầu như trở thành đối tượng để xót thương. Trong thơ của Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Gia Thiều, Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương... người phụ nữ đều là nạn nhân của hoàn cảnh. Xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ, đặc biệt kiểm soát con người cá nhân khiến cho thân phận người phụ nữ bị coi nhẹ, rẻ rúng. Trong quan niệm về cái chết, người ta coi sự ra đi của con người nhẹ nhàng, như nằm trong quy luật sinh tử, luân hồi tất yếu của tạo hoá, bởi vậy số phận người phụ nữ cũng không được coi trọng, cái chết của họ chỉ là sự minh chứng cho tấm lòng trong sạch và sự trinh tiết mà thôi. Tuy nhiên, ở thời hiện đại, quan niệm về con người cũng khác, người phụ nữ được coi trọng hơn. Con người không còn nằm trong tương quan với vũ trụ, ngũ hành, bốn phương, tám hướng như trong thời trung đại nữa mà họ là những người làm chủ thiên nhiên. Hình ảnh người phụ nữ trong thơ Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi... bởi vậy cũng hiện ngang bất khuất giữa trời Tổ quốc như những anh hùng. Còn trong thơ Phan Thị Thanh Nhân, Đoàn Thị Lam Luyến hay Xuân Quỳnh... bên cạnh sự mạnh mẽ, mãnh liệt với tình yêu thì những người phụ nữ lại nồng nàn và đầy nữ tính.

Cần phải thừa nhận: xã hội Việt Nam là xã hội nam quyền. Tuy nhiên, những sự trỗi dậy của nữ quyền vẫn tồn tại. Không riêng gì xã hội hiện đại, mà ngay trong xã hội trung đại, ở một số cá tính mạnh mẽ, biểu hiện của nữ quyền đã manh nha. Trong văn học trung đại, Hồ Xuân Hương là một trong số ít những nhà thơ nữ. Nếu

như cùng thời, Bà Huyện Thanh Quan đài các, hoài cổ thì Hồ Xuân Hương phá cách ở hiện tại. Sự phá cách ấy thể hiện ở tâm sự tình yêu của một người phụ nữ trong cái xã hội mà người ta “tiết dục”, “diệt dục”, chủ trương kiểm chế cảm xúc. Sau này, nữ sĩ Xuân Quỳnh dường như có một sự gặp gỡ. Sợi dây tri âm mang tên “nữ quyền” đã gắn kết hai nhà thơ, để họ cùng nhau cất lên tiếng nói sâu sắc khẳng định bản lĩnh và tìm đến hạnh phúc cho bản thân mình. Một bên đại diện cho thơ trung đại, một bên đại diện cho thơ hiện đại nhưng họ đã cùng nhau tìm thấy những tâm sự thầm kín trong trái tim mình. Con người bản năng trong họ được tìm thấy: là con người, chẳng ai không có nhu cầu thể hiện tình cảm của mình, chẳng ai muốn cất giấu nỗi lòng thầm kín, riêng tư. Điểm tương đồng ở *Tự tình* và *Sóng* là ở chỗ trong xã hội đương thời, người ta chủ trương kìm nén cảm xúc cá nhân, thậm chí những tình cảm riêng tư còn bị phản đối thì Hồ Xuân Hương và Xuân Quỳnh đã dũng cảm lên tiếng bênh vực và nói lên khát vọng của người phụ nữ. Hai bài thơ như một lời tự tình, tự hát, một lời tâm sự đáng yêu, dễ mến đã đi sâu vào khám phá thế giới tình cảm bên trong của người phụ nữ. Hai nhà thơ đã khẳng định bản lĩnh và khao khát hạnh phúc chính đáng của mình. Cả *Tự tình* và *Sóng* đều hướng đến nhân vật trữ tình là người phụ nữ. Song, nếu như người phụ nữ ấy được nhìn dưới con mắt của người ngoài với niềm cảm thương, xót xa vô hạn như Nguyễn Gia Thiều thương người cung nữ năm nào, như Nguyễn Du tri âm với Tiểu Thanh, đau đớn với Thúy Kiều thuở ấy... thì *Tự tình* và *Sóng* lại trở nên quen thuộc. Điểm độc đáo ở hai bài thơ là Xuân Hương và Xuân Quỳnh đã “tự hát” lên những tâm sự, cảm xúc, cất lên tâm sự của mình bằng thủ pháp độc thoại nội tâm. Nhà thơ độc thoại mà như đối thoại với người đời. Đó là giá trị cao quý của văn chương: tác phẩm như một kết cấu “mời gọi”, gọi mở ra trước mắt người đọc bao suy ngẫm về nhân sinh. Bên cạnh đó, hai bài thơ đều xuất hiện cảnh vật, thiên nhiên. Bởi, “thiên nhiên trong thơ như một nhân vật”:

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.*

(Nguyễn Du)

Thiên nhiên là yếu tố rất lớn góp phần thể hiện tình cảm con người. Xuân Diệu đã từng nhận định: tác phẩm văn học là sự “cưới xin” giữa ngoại vật và tâm sự của nhà văn. Sự “cưới xin” ấy như một niềm an ủi, đồng cảm, sẻ chia mà Xuân Hương và Xuân Quỳnh đã tự nguyện gắn tình cảm, tâm sự tình yêu của chính mình.

Tự tình và *Sóng* có sự gặp gỡ nhau kì lạ như thế “thiên duyên”. Song, nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo; mỗi nhà thơ lại tự tìm cho mình một cách thể hiện tâm sự tình yêu rất riêng!

“Tâm sự tình yêu” là những tình cảm, cung bậc rất riêng, thâm kín, sâu sắc về tình yêu của mỗi con người. Xuân Diệu chẳng đã viết:

*Làm sao sống được mà không yêu
Không nhớ không thương một kẻ nào.*

Tuy nhiên, cuộc sống là một bức tranh muôn màu, muôn vẻ mà mỗi người lại làm nên một mảnh ghép của bức tranh ấy. Tình yêu có muôn vàn màu sắc. Bởi vậy, tâm sự tình yêu của mỗi người sao có thể giống nhau đây.

Trong bài thơ *Tự tình*, Hồ Xuân Hương đã cất lên tiếng nói của tình cảm, một tâm sự tình yêu thật nữ tính nhưng cũng đầy khắc khoải, thổi vào văn học trung đại lúc bấy giờ một tiếng nói mới. Vì sao vậy?

Thể hiện tình cảm, nỗi niềm của con người không phải đến Xuân Hương mới có. Khi xưa Nguyễn Trãi, Trần Nhân Tông hay ngay cả Nguyễn Du đã thể hiện sâu sắc những cảm xúc bên trong con người... Song, họ mới chỉ dừng lại ở việc “ẩn nấp” sau cảnh vật mà thôi. Đến Hồ Xuân Hương, bà đã trực tiếp nói lên tâm sự tình yêu của chính mình. Nếu Tiểu Thanh, Đạm Tiên, Thúy Kiều phải nhờ Nguyễn Du nói hộ thì Xuân Hương tự tình cho Xuân Hương. Thật độc đáo! Tuy nhiên, trong bài thơ *Tự tình*, nhà thơ không mạnh bạo, không “lên gân” như trong các bài thơ khác. Trong *Tự tình* ta không còn thấy một Xuân Hương mạnh mẽ với *chém cha cái kiếp lấy chồng chung* nữa, mà tâm sự của bà là nỗi niềm khắc khoải, oán trách, đốn đau. Hồ Xuân Hương cất tiếng thương cho bản thân mình:

*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,
Trơ cái hồng nhan với nước non.*

Câu thơ sao chua chát, bi phẫn đến thế! Trong không gian đêm khuya vắng lặng, người phụ nữ “tự tình”, đau đớn cất lên tâm sự. Nhân vật trữ tình dường như sống một cuộc sống giày vò, không hạnh phúc.

*Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.
Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.*

Cảnh vật trong thơ đều là những gì nhỏ bé, chia lìa, tan vỡ. Thiên nhiên thể hiện sâu sắc tâm trạng đau khổ của người phụ nữ. Nhân vật trữ tình khắc khoải ê chề trong cõi ảo, cõi mộng, chìm đắm lúc tỉnh lúc say. Người say vì rượu hay người say vì tình? Tỉnh say vì tình mặn nồng hay tình dang dở? Những câu hỏi liên tiếp đặt ra trong tâm trí người đọc. Hai câu luận cất lên đầy phẫn uất, khổ đau. Cảnh vật bị

cắt xé, chia lìa. Những động từ mạnh càng thể hiện rõ nỗi niềm của nhà thơ trong cơn đau đớn, tuyệt vọng, để khi trở về với chính mình, người phụ nữ dành than vãn:

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con!

Hai câu thơ kết là sự bộc lộ trực tiếp tâm sự của Hồ Xuân Hương. Nếu những câu trên khẳng định bản lĩnh của một người phụ nữ thì hai câu thơ này thể hiện sự ý thức về hạnh phúc của chủ thể trữ tình. Đó là sự ý thức về thân phận làm lẽ, phải san sẻ tình cảm cho người khác. Dường như trong đó ẩn chứa sự cam chịu, “dành phận” của người phụ nữ. Đặt trong hoàn cảnh xã hội đương thời, điều đó như một bi kịch, một định mệnh của người phụ nữ:

Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

(Nguyễn Du)

Hồ Xuân Hương chọn cách “tự tình” qua những hình ảnh thơ ước lệ quen thuộc với một không gian, thời gian hữu hạn. Người phụ nữ được đặt trong thời gian canh khuya nên càng trở nên cô đơn, vô vọng. Thể thơ Nôm Đường luật với nhịp 4/3 truyền thống và giọng thơ buồn trĩu nặng tâm sự, nỗi niềm như oán trách đã giúp nữ sĩ “tự tình” đầy chân thành, sâu sắc.

Cách Hồ Xuân Hương mấy trăm năm, Xuân Quỳnh một lần nữa tìm đến tình yêu để thể hiện những khát khao, thể hiện bản lĩnh và ý thức của mình. Khác *Tự tình*, *Sóng* với nhan đề ngắn gọn, không hé mở tình cảm nhưng lại gợi rõ tâm thế của một người phụ nữ đứng trước biển, chứa đầy tâm sự, hướng mắt về không gian bao la, vô hạn, đầy bí ẩn. Nếu tâm sự tình yêu chủ đạo trong bài thơ *Tự tình* là nỗi cô đơn, đau đớn, là bi kịch tình yêu khắc khoải của người phụ nữ thì *Sóng* như một bài hát tình yêu nhiều cung bậc phong phú, đa dạng. *Sóng* cất lên tiếng nói khát vọng tình yêu như một chân lí: trái tim còn khao khát thì trái tim ấy còn yêu.

Dữ dội và dịu êm

Ồn ào và lặng lẽ

Sông không hiểu nổi mình

Sóng tìm ra tận bể

Điều độc đáo của Xuân Quỳnh trong bài *Sóng* là đã sử dụng thành công hình tượng sóng. Sóng và em cứ chuyển hoá cho nhau tạo nên một cặp đối xứng với trục duy nhất là sự khát khao! Trong bài thơ *Sóng*, cảnh và tình hoà hợp nhưng dường như, hình tượng sóng được con người gán cho những cung bậc tình cảm. Nếu thơ

trung đại, thiên nhiên là chủ thể thì ở thơ hiện đại, thiên nhiên là khách thể, con người là trung tâm. Nhà thơ Xuân Quỳnh đã nhân hoá "con sóng nhớ bờ", khiến nó cũng mang những cung bậc tình cảm như con người. Dạt dào theo những con sóng giữa "biển tình yêu", nữ thi sĩ tìm trên đó những cảm xúc của trái tim đang yêu:

*Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ.*

Tâm sự tình yêu của Xuân Quỳnh đa dạng, phong phú bởi con người hiện đại vốn đa chiều, phức tạp. Trong khi con người trung đại là con người chức năng. Sóng thể hiện những đối cực trong tình yêu, những khao khát yêu thương, để rồi đi tìm những nguyên nhân của tình yêu. Sóng mang cung bậc của nỗi nhớ, của lòng thủy chung, của nỗi lo âu, dự cảm và cuối cùng là khát khao mãnh liệt về tình yêu:

*Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.*

Xuân Quỳnh là thế đấy! Luôn nồng nàn, tha thiết, luôn khát khao yêu và được người yêu:

*Em trở về đúng nghĩa trái tim em
Biết khao khát những điều anh mơ ước.*

Tuy nhiên, càng khát khao bao nhiêu, nhà thơ lại càng lo âu bấy nhiêu:

*Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa*

Để khi chiêm nghiệm được rằng:

*Nhật chi còn ốc vàng
Sóng xô vào bờ bãi
Nhưng cái gì dễ dãi
Có bao giờ bền lâu*

Không như chàng thi sĩ Xuân Diệu ấp ôm, khao khát "làm biển xanh", không như Trịnh Thanh Sơn nuối tiếc:

*Một cộng với một thành đôi
Anh cộng cô đơn thành biển
Nắng tắt mà người không đến
Anh ngồi rớt biển vào chai.*

Xuân Quỳnh cũng hướng về biển nhưng lại gọi sóng ủa vào lòng người đọc.

Khác với *Tự tình*, *Sóng* chỉ chọn hai hình tượng là sóng và em. *Sóng* nhẹ nhàng, sử dụng chủ yếu là tính từ nhưng lại cất lên khát vọng tình yêu sâu sắc. Xuân Quỳnh tìm đến không gian lớn với thời gian vô hạn: “ngàn năm” và thể thơ ngũ ngôn với nhịp thơ ngắn, giọng thơ rạo rức, sôi trào, nhà thơ đã thể hiện độc đáo tâm sự tình yêu của mình.

Một *Tự tình* khắc khoải, một *Sóng* thiết tha, Hồ Xuân Hương và Xuân Quỳnh đã gặp nhau cùng cất lên tiếng nói thấu hiểu những tâm tư, tình cảm của chính mình, tiếng nói của nữ quyền trong xã hội nam quyền. Họ đã khơi dậy ở mỗi người không chỉ là sự cảm thương, tấm lòng tri âm mà còn là lời thúc giục đấu tranh cho hạnh phúc, thể hiện bản lĩnh của người phụ nữ trong xã hội. Tuy nhiên, do hoàn cảnh thời đại, xã hội mà mỗi nhà thơ lại có cách thể hiện riêng. Hồ Xuân Hương ít nhiều vẫn bị đạo Nho – xã hội phong kiến kiềm toả nên chỉ dừng lại ở nỗi xót xa, ở sự bế tắc trước bi kịch của mình, còn Xuân Quỳnh sống trong xã hội hiện đại, được tự do thể hiện tình cảm, có thể nói lên khát vọng và con đường đi tìm hạnh phúc: *sông tìm ra tận bể*. Bên cạnh đó, Hồ Xuân Hương và Xuân Quỳnh đều là hai nhà thơ nữ, có cá tính sáng tạo độc đáo, có phong cách nghệ thuật riêng. Xuân Hương mạnh mẽ, Xuân Quỳnh dịu dàng; Xuân Hương phá cách, Xuân Quỳnh đậm thắm.

Thơ đối với cuộc sống như người phụ nữ đối với gia đình. Cái để làm quen ban đầu là nhan sắc, nhưng cái để sống với nhau lâu dài là đức hạnh. *Tự tình* (Hồ Xuân Hương) và *Sóng* (Xuân Quỳnh), thơ của hai người phụ nữ ở hai thời đại khác nhau, đích thực là một thứ thơ vừa có nhan sắc, vừa có đức hạnh luôn tìm được sự đồng cảm mãnh liệt của người đời.

(Bài đoạt giải Nhất – 18,5/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng khá tốt những yêu cầu cơ bản đặt ra ở đề bài. Văn viết chắc tay, diễn đạt lưu loát, ít nhiều mang giọng điệu riêng.

Ở câu 1, suy nghĩ của người viết có vẻ “chín” hơn, “già” hơn so với lứa tuổi học sinh THPT. Cách luận bàn sâu sắc, nhiều chiều về mối quan hệ giữa cái danh và cái

thực đã thuyết phục người đọc. Tuy nhiên, văn viết tinh táo, uyên bác nên có phần thiếu hình ảnh và xúc cảm.

Câu 2 khai mở bài viết khá khéo léo. Qua việc cảm thụ bài thơ *Tự tình* (bài II) của Hồ Xuân Hương và *Sóng* của Xuân Quỳnh trong thế đối sánh, người viết đã làm rõ nét chung và nét riêng trong tâm sự tình yêu của hai nữ tác giả ở hai thời đại khác nhau, đồng thời làm sáng tỏ luận đề được đưa ra ở đề bài: *Thơ nữ viết về tình yêu thường thể hiện sâu sắc bản lĩnh và ý thức về hạnh phúc của chính người phụ nữ.* Phần đánh giá và lí giải điểm gặp gỡ và nét khác biệt viết trúng và súc tích. Tuy nhiên, cần giới thuyết rõ để bàn sâu về vấn đề đặt ra: *Trước nay, trong văn học Việt Nam, viết về tình yêu vẫn là một thú đặc quyền của đàn ông. Do đó, tình yêu chủ yếu được nhìn qua con mắt của nam giới. Trong bối cảnh này, sự chủ động bộc lộ tình yêu và nhìn nhận tình yêu từ góc nhìn nữ giới của Hồ Xuân Hương và Xuân Quỳnh là một hiện tượng cần được đặc biệt trân trọng.* Bên cạnh đó, phần cảm thụ bài *Sóng* của Xuân Quỳnh có chỗ chưa tới.

BÀI LÀM SỐ 2

Câu 1.

Đã bao lần tôi băn khoăn tự hỏi: Thành công là gì mà bao nhiêu người theo đuổi? Và cũng đã rất nhiều lần tôi nghĩ ngợi thật lâu trước những vấn đề nhân sinh mà con người đối mặt trong cuộc sống. Tự ngẫm suy rồi cũng tự tìm thấy câu trả lời qua những va chạm thường ngày của cuộc sống, tôi thấy mình trưởng thành lên thật nhiều. Thế nhưng, tôi buộc phải dừng lại thật lâu trước câu hỏi “Suy nghĩ của bạn về cái danh và cái thực của con người trong cuộc sống?”. Bản khoăn mãi, tôi vẫn chưa thật hài lòng với suy nghĩ của mình. Vậy nên, xin được chia sẻ những tâm tư của mình trên trang giấy về vấn đề nhân sinh thú vị này.

Con người – một sinh thể kì diệu trong cuộc đời. Tạo hoá đã thật ưu ái khi ban tặng cho sinh thể ấy những phẩm chất kì diệu mà không phải sinh thể nào có linh hồn đều có được. Thế nhưng, giữa cái bộn bề tấp nập của phiên chợ “cuộc đời” nhiều người đã chọn cho mình một lối rẽ riêng. Lối rẽ ấy có thể đem lại niềm vui, hạnh phúc. Tuy nhiên cũng không ít những ngã rẽ cuộc đời với biết bao đau thương, buồn khổ.

Bản chất cuộc sống là thế. Nó đem đến cho ta quyền lựa chọn cuộc đời cho mỗi con người để rồi người đó tự bước đi trên chính con đường mà mình đã chọn. Có

người thành công, có người thất bại để rồi một ngày mọi người đều nhận ra giá trị đích thực của cuộc sống. Và giá trị ấy – giá trị đích thực và đáng nói nhất chính là “danh” và “thực” trong cuộc sống của mỗi cá nhân, mỗi tập thể và kể cả một xã hội.

“Danh” là một mĩ từ để thể diện danh dự của một con người. Rộng hơn, “danh” còn là một khái niệm mà con người dùng để đánh giá tài năng, phẩm chất của một cá nhân, tập thể nào đó. “Danh” là đích đến của những tâm hồn khao khát được vươn cao, bay xa, muốn được chứng tỏ tài năng, phẩm chất của mình. Tuy nhiên, “danh” ấy cũng sẽ được hiểu theo cái nghĩa bình thường nhất của những con người cũng bình thường và giản dị nhất, đó là một sự đánh giá mình sao cho thật đúng, không phụ những gian khó, nỗ lực mà mình phấn đấu, dày công rèn luyện.

Nôm na rằng “cái danh” chỉ là từ ngữ để người này bình phẩm cho người kia. “Cái danh” là thế, vậy còn “cái thực” trong cuộc đời của mỗi con người thì như thế nào?

“Cái thực” – một từ ngữ đã nêu lên khái niệm của chính nó ngay từ cái cách gọi tên. “Thực” là những gì tồn tại bên trong. Ta bắt gặp thật nhiều những khái niệm để phân biệt: vàng giả, đồ giả... Thế nhưng, nghĩa của “thực” không đơn thuần là như thế. “Cái thực”, là những gì chân khiết, cao quý ẩn sâu trong tâm hồn của con người, khó có ai nhìn thấu, kiểm tra và nhìn thấy bằng những giác quan bình thường được. Trái với “cái danh”, “cái thực” là một khoảng không để con người tự bình phẩm, không ai đánh giá, phê bình. Đó là một khoảng của tâm hồn con người, là cái bên trong, thâm kín, sâu sắc của mỗi cá nhân.

Vậy, “cái danh” và “cái thực” có thực sự đối chọi với nhau gay gắt để tranh giành phần thắng trong tâm tư, suy ngẫm của con người?

Bản thân tôi tâm niệm, “cái danh” và “cái thực” bổ sung cho nhau, tôn trọng lẫn nhau. Cả “danh” và “thực” đều tôn con người lên với những ý nghĩa nhân bản nhất.

Con người trước những va chạm cuộc sống thường bộc lộ bản thân mình. “Danh” và “thực” chỉ là một sự suy tư để giúp cho mỗi người sống tốt hơn, sống đúng đắn hơn mà thôi. Một con người thực tài, với tâm hồn trong sáng, thanh sạch thì sẽ được xã hội thừa nhận. Đó chính là “cái danh” mà một con người với “cái thực” vươn đến, hướng đến, muốn đạt được. Mặt khác, một cá nhân, tập thể khi đã được xã hội hay cá nhân khác, tập thể khác công nhận “cái danh” của mình thì sẽ luôn hướng đến, làm toàn diện hơn “cái thực tại của mình”. Đó là một chiều hướng tốt. Nhờ “cái danh”, “cái thực” mà mỗi con người phấn đấu, hoàn thiện bản thân mình để sống sao cho đáng sống, sống đẹp, sống vui vẻ và đầy ý nghĩa.

Thế nhưng, như tôi đã nói, con người đứng trước quá nhiều ngã rẽ cuộc đời đôi lúc sẽ chọn sai con đường. Và một trong những con đường sai trái đó có lẽ nhiều người mắc phải, con đường “hữu danh vô thực”.

“Hữu danh vô thực” là một con đường sai trái đã đành, tuy nhiên đó còn là một “căn bệnh xã hội” nữa. Đó là một chứng bệnh mà mọi người đều “ham hố”, “vồ vập” cái danh hào, cái danh dự không xứng đáng là của mình, có “danh” mà không sống đúng với bản thân của mình, họ làm cho chính tâm hồn và nhân cách của mình bị tổn thương mà không hề hay biết hoặc có chăng là biết đấy nhưng vẫn muốn chạy theo ráo riết cái danh dự hào huyền đó.

Một câu hỏi đặt ra: Nguyên nhân là vì đâu? Xã hội ư? Lỗi tại con người ư? Hoàn cảnh sống ư? Tất cả, tất cả cứ như một guồng quay quanh những ai sống thiếu bản lĩnh để bản thân không bao giờ được là chính mình cả. Tác động xã hội – vâng, có tác động của xã hội đến con người. Đó là một xã hội trọng tài năng, nhưng là cái tài năng thực sự kia! Xã hội tôn trọng và quý mến tạo ưu đãi để cho chính mỗi con người có “cái thực” vươn đến “cái danh”, đó là sự thúc đẩy tốt. Vậy là vì con người ư? Vì con người ham danh lợi, phồn vinh muốn nhanh bước đến đài vinh quang mà không phải tốn một giọt mồ hôi, nước mắt, tâm tư, nguyện vọng ư? Có thể lắm chứ.

Hoàn cảnh xã hội – môi trường hình thành nên nhân cách của con người. Tuy nhiên hoàn cảnh xã hội cũng không ngăn được những “đôi chân giả” leo lên nấc thang vinh dự được. Chính những con người thiếu nghị lực, tài năng, phẩm chất và thiếu tự trọng đã muốn “đi nhanh”, đi trên “đôi chân giả”, đôi chân chỉ dùng để chạy chọt, van nài. Đôi chân ấy thật nham hiểm và đáng khinh bỉ biết bao.

Ta không còn bất ngờ trước những hiện tượng “học giả, bằng thật” hay “ngồi lộn chỗ” và thậm chí là “bệnh thành tích”. Xã hội đang lên án – một xã hội văn minh, dân chủ sẽ không bao giờ chấp nhận những “cái danh” hào như thế. Rồi cũng sẽ có lúc, với những “phấn đấu không biết mệt mỏi để trèo cao mà không có thực tài, phẩm chất” ấy sẽ phải trả giá cho lựa chọn lầm lạc của mình. Họ sẽ bị gì? Bị lên án ư? Bị dư luận xã hội lên tiếng ư? Không, những bản án ấy làm sao nặng nề bằng chính sự dằn vặt, trăn trở, day dứt, khổ đau và sự tủi nhục ghê gớm đang mãi dằn vặt họ trong chính thâm tâm được. Tôi nghĩ, đấy có lẽ là một kết cục bi đát nhất dành cho những ai “hữu danh vô thực” nếu như trong họ còn chút lòng tự trọng cơ bản nhất của con người.

Hiểu được điều đó, mỗi con người chúng ta càng thêm quý trọng những con người thực tài, có tâm, có phẩm chất. Mỗi cá nhân đều luôn cố gắng và tạo dựng cho mình một “cái thực” làm nền tảng cho sự phát triển nhân cách. Ai rồi cũng sẽ

có lúc được bay cao, bay xa nếu luôn phấn đấu, cố gắng hoàn thiện mình về nhân cách cũng như tài năng. Đó là quy luật của cuộc sống.

Một xã hội văn minh và tiến bộ sẽ luôn tạo mọi điều kiện để nâng đỡ và chấp cánh cho mỗi con người có tài và có tâm bay cao, bay xa. Thấm được ý nghĩa ấy, chúng ta càng thêm cố gắng hoàn thiện mình, vượt qua những gian khổ trước mắt, bản lĩnh và nghị lực cho những công trình ước mơ của mình.

Viết những dòng tâm sự của mình lên trang giấy, tôi bỗng nhận ra cuộc sống còn nhiều thật nhiều những điều mà mình chưa biết và còn đầy thật đầy những ước mơ và khao khát. Tuy nhiên, con người với lối sống đẹp, sống không có nghĩa là tồn tại thì luôn cần xác định cho mình cái ranh giới giữa “danh” và “thực” trong cuộc sống. Một khi con người xé toạc cái ranh giới để trở nên “hữu danh vô thực” ấy thì chắc chắn người đó sẽ bị thất bại và ôm đầy cay đắng. Vậy nên, chúng ta luôn luôn cần thật bản lĩnh, tự tin, tự trọng trước những ngã rẽ lớn của cuộc đời. Để đừng mãi ân hận trước những điều mà mình đã làm trong quá khứ. Bin Cờ-lin-ton đã từng trò chuyện với các sinh viên ở Mĩ : *Sống gần một cuộc đời, tôi mới thấy cuộc sống mình đầy ý nghĩa. Qua phong ba, tôi nhận ra mình có quá khứ dài hơn tương lai. Đến khi già, bạn sẽ không phải buồn sầu, trách móc. Sao mình lại như thế này? Sao mình không kiếm nhiều tiền khi còn trẻ? Lúc đó bạn sẽ luôn an nhàn và được an ủi bởi bạn đã sống một cuộc sống đẹp với những ước mơ, lí tưởng của mình. (Hạt giống tâm hồn – Điểm tựa của niềm tin).*

Vậy đấy, cuộc đời của một con người luôn có biến đổi và vì thế con người khẳng định mình, chứng tỏ mình. Thà vui vẻ, thanh nhàn còn hơn giàu sang, danh vọng mà mãi luôn dằn vặt, khổ đau. Tôi nghĩ đây có lẽ là ý nghĩa đơn giản và bình dị nhất của “cái danh” và “cái thực” trong cuộc sống. Tôi cũng đã đôi lần phải lựa chọn giữa những bờ biến giới ấy mỗi khi tôi không tự chủ và thiếu niềm tin, bản lĩnh, chỉ đơn giản là không học mà muốn điểm cao hay giỏi tài liệu... đó là những lúc tôi thật tệ và thiếu tự trọng. Nhưng sau những lúc ấy, tôi đã quyết tâm và không bao giờ lặp lại nữa. Và tôi đã đúng. Hi vọng với những hiểu biết hạn hẹp cùng những kinh nghiệm ít ỏi của tôi sẽ góp thêm một cách nhìn mới về “cái danh và cái thực của con người trong cuộc sống”.

Câu 2:

Tình yêu muôn đời là cảm hứng dạt dào của thi ca. Ở đó ta bắt gặp những “tình yêu đầu đời”, những “tình yêu đau khổ”,... nhưng với sự thể hiện của nhiều thi nhân, đề tài tình yêu mãi phong phú, lôi cuốn tâm hồn bạn đọc. Đã rất nhiều nhà thơ nổi tiếng trong đề tài tình yêu, ông hoàng thơ tình Xuân Diệu, bà chúa thơ Nôm

Hồ Xuân Hương. Đó là một minh chứng cho sự thống trị của đề tài tình yêu trong thi ca. Thế nhưng mỗi chúng ta lại như đồng cảm hơn, tha thiết hơn với những vần thơ của các nữ sĩ. Có ý kiến cho rằng “Thơ nữ viết về tình yêu thường thể hiện sâu sắc bản lĩnh và ý thức về hạnh phúc của chính người phụ nữ”. Thực tế văn học đã chứng minh điều đó. Cùng tìm hiểu, so sánh bài thơ *Tự tình* (Bài II) của Hồ Xuân Hương và *Sóng* của Xuân Quỳnh ta sẽ thấy rõ nét chung và nét riêng trong tâm sự tình yêu của hai tác giả ở hai thời đại khác nhau để làm sáng tỏ ý kiến về các nhà thơ nữ thể hiện mình trong đề tài tình yêu.

Cùng là những nữ sĩ tài ba, Hồ Xuân Hương và Xuân Quỳnh đều để lại nhiều dấu ấn trong lòng độc giả qua bao thế hệ. Thế nhưng, một nét đặc biệt ở đây mà mỗi chúng ta đều cảm nhận được đó là cuộc đời bất hạnh, nhiều đổ vỡ trong tình yêu đã được hai nữ sĩ thể hiện ở trong thơ. Nhưng đau khổ, đổ vỡ đó lại không bi lụy, đau thương mà trở nên thật “bản lĩnh” và mạnh mẽ biết mấy.

Thơ nữ thường thể hiện “sâu sắc bản lĩnh”, đó là một thứ “bản lĩnh” của con người đặc biệt là phận liễu yếu đào tơ trong chuyện tình cảm. Dễ thấy “sâu sắc bản lĩnh” trong thơ nữ được Hồ Xuân Hương và Xuân Quỳnh thể hiện trong thơ của mình đó là sự tự chủ, sự khao khát “hiểu nổi mình” của các nhân vật trữ tình được nói đến trong thơ. Tuy nhiên, không chỉ thể hiện “sâu sắc bản lĩnh” mà các nhà thơ nữ của chúng ta còn thể hiện rất rõ “ý thức về hạnh phúc của chính người phụ nữ”. Có khi đấy là nỗi cô đơn, trống trải “trơ cái hồng nhan với nước non”; là tâm trạng buồn chán trước “vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn” để rồi “ngán nỗi xuân đi xuân lại lại”... Lại có khi chính là “nỗi khát vọng tình yêu”, mãi luôn “bồi hồi trong ngực trẻ”. Với những thủ pháp nghệ thuật đặc sắc cùng tài năng thơ ca của mỗi thi sĩ, Hồ Xuân Hương và Xuân Quỳnh đã làm cho những lời thơ của mình có sức vang lớn, cứ như là tiếng chuông ngân reo trong lòng bao thế hệ bạn đọc. Thơ của họ đã thực sự thể hiện “sâu sắc bản lĩnh và ý thức về hạnh phúc của chính người phụ nữ”.

Tự tình II đã làm nên một phong cách của Hồ Xuân Hương. Một phong cách mà có lẽ văn học trung đại khó có thể tìm thấy ở một thi nhân nào khác. Bài thơ là cảm xúc ào ạt và tuôn trào mạnh mẽ của một con người khao khát yêu và được yêu. Với đặc điểm thơ này ta lại ngạc nhiên khi một thế hệ sau đó, một thế hệ đại diện cho một nền văn học mới – văn học hiện đại lại có điểm tương đồng. Đó là thơ của Xuân Quỳnh và cụ thể là bài *Sóng* được nhà thơ viết năm 1967 khi đi qua biển Diêm Điền.

Đến với *Tự tình*, ta thấy một Hồ Xuân Hương với nỗi u hoài về tình yêu. Đó là một mối tình lẻ bóng, đơn côi. Nữ sĩ là người phụ nữ gặp nhiều trắc trở trong tình

yêu, đã từng làm vợ lẽ... Thế nên, không khó để nhận ra tâm sự tình yêu nhiều sóng gió gửi gắm trong thơ.

Đêm khuya vắng vắng trống canh dồn

Từ láy “vắng vắng” trong câu thơ đã phần nào thể hiện nỗi u hoài của nữ sĩ trước một không gian cô đơn rợn ngợp. Đó là “đêm khuya” – một khoảng thời gian để con người ta trút bỏ hết những mệt nhọc, phiền muộn trong ngày. Vậy mà ở đây lại nhói lên cảm giác:

Trơ cái hồng nhan với nước non

Từ “trơ” được tác giả dùng thật đắc địa. “Trơ” là một trạng thái vô cảm, hay là một sự vật lẻ loi, chỉ “trơ” lại một mình cùng không gian vũ trụ? Từ sự ý thức sâu sắc về niềm hạnh phúc đơn cô ấy, Hồ Xuân Hương đã khao khát có một tình yêu đậm thắm, yên vui. Đây là một khát khao thường trực ở những người phụ nữ có tâm hồn nhạy cảm và tràn ngập tình yêu.

Xuân Quỳnh cũng thế. Xuân Quỳnh cũng rất mong đợi một tình yêu luôn “bồi hồi”, mới mẻ, đậm thắm và nồng nhiệt. Tình yêu của bà cũng là một nỗi nhớ tức trực.

Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức.

Nỗi khát khao và sự mong đợi được đón nhận một tình yêu mãnh liệt là tiếng nói chung của hai nữ sĩ thiên tài này. Tuy nhiên, thời đại và phong cách đã làm nên những bài thơ khác biệt và mang đậm những dấu ấn riêng. Với hai thời đại khác nhau, số phận cũng có những điểm khác biệt và tính cách không hoàn toàn tương đồng cùng những tâm tư về tình yêu riêng đã để cho Hồ Xuân Hương và Xuân Quỳnh nói lên tiếng nói riêng của mình.

Với *Tự tình II*, Hồ Xuân Hương đã thể hiện nỗi cô đơn rợn ngợp nhưng cũng đã thể hiện cái “sâu sắc bản lĩnh” của mình. Đó là một tiếng kêu cho thân phận những người phụ nữ *Có chồng hờ hững cũng như không* (Tú Xương), mãi cô đơn, mãi “trơ cái hồng nhan với nước non”. Nhưng đến với *Sóng* của Xuân Quỳnh, ta lại thấy một tiếng nói đầy hồ hởi, tin yêu với cuộc sống, với tình yêu:

Ôi con sóng ngày xưa

Và ngày sau vẫn thế

Nỗi khát vọng tình yêu

Bồi hồi trong ngực trẻ.

Với tâm sự u hoài của mình, nhân vật trữ tình trong *Tự tình II* tìm đến rượu như một cách để quên đi nỗi buồn chán, sự cô đơn:

*Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.*

Men rượu làm người ta say nhưng lại làm cho lòng người càng đau, càng ý thức về hạnh phúc “chưa tròn” của mình, về “vầng trăng” đã “xế” bóng và “khuyết” đi. Xuân Quỳnh thì không thế, những trạng thái tình yêu với những cung bậc tình cảm của con người như những lớp sóng “ồn ào” và “dữ dội”, và những lớp sóng đó luôn tìm cho mình một lối đi đầy hứa hẹn hạnh phúc:

*Sông không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể.*

“Sông” quá hẹp chẳng để có thể “hiểu” nổi sóng và sóng sẽ “tìm ra tận bể” để thoả sức “vùng vẫy” trong bến đỗ yêu thương.

Hồ Xuân Hương bày tỏ quan niệm của mình về thời thế, thân phận bằng những ước muốn táo bạo:

*Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.*

Với lối kết cấu đảo ngữ cùng sự phối hợp các động từ mạnh như “xiên ngang”, “đâm toạc”, Hồ Xuân Hương đã để chính những hình ảnh nghệ thuật của mình tự lên tiếng. “Rêu” nhỏ bé, không có tiếng nói lại như “xiên ngang” được mặt đất to lớn; “đá” – “đá mấy hòn” thôi – lại càng nhỏ bé để “đâm toạc” lấy “chân mây”. Đó phải chăng là ước muốn phá cách, là sự “nổi loạn” muốn xé tan cái bức tường phong kiến cũ kĩ đã trói buộc người phụ nữ để họ không được yêu thương hay niềm hạnh phúc không tròn đầy?

Ta lại thấy ở Xuân Quỳnh một hồn thơ với nỗi khát khao cháy bỏng cho tình yêu trọn vẹn:

*Ở ngoài kia đại dương
Trăm ngàn con sóng đó
Con nào chẳng tới bờ
Dù muôn vời cách trở.*

Đó là niềm tin mãnh liệt vào một tình yêu trọn vẹn. “Dù muôn vời cách trở”, dù là khó khăn thì con sóng nào cũng sẽ tới được bờ. Đó là niềm lạc quan vào tương lai tươi sáng hơn. Nếu như Xuân Hương thể hiện một tình yêu tan vỡ, đầy khổ đau thì ở Xuân Quỳnh, niềm yêu thương luôn tràn ngập.

*Sóng bắt đầu từ gió
Gió bắt đầu từ đâu?
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau*

*Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức*

Với lời thơ năm chữ, chia khổ theo cảm xúc, lúc bốn dòng thơ, lúc sáu dòng thơ cùng những ngôn từ dễ hiểu đã làm cho nỗi “nhớ” của nhân vật “em” như thấm sâu vào tâm trí bạn đọc. Đó là một trái tim khát khao yêu thương, một nỗi nhớ đầy tin tưởng chứ không phải là “vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn”.

Với Hồ Xuân Hương, thời gian là một nỗi dày vò trong tâm tưởng để bà:

*Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con!*

Thời gian, đó là một chốn lành, là nơi nhiều người phụ nữ bạc phận nhốt mình, để “mảnh tình” phải “san sẻ” “con con”. Nhưng thời gian trong Xuân Quỳnh lại là thời gian của tương lai, của phía trước.

*Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa*

Thời gian như một quy luật của cuộc sống mà mọi người phải tuân theo, thế nhưng Xuân Quỳnh vẫn luôn ấp ủ một ước mơ không tàn lụi với thời gian:

*Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.*

Đó là sự hiến dâng tình yêu khao khát và cháy bỏng, đó là niềm tin vào sự thủy chung, son sắt của tình yêu.

Nét khác biệt trong hai bài thơ có lẽ cũng là ở chỗ đó. Một Hồ Xuân Hương phá cách nhưng lại phải u uất chấp nhận cái “xuân đi xuân lại lại” để rồi u buồn hoài vọng. Một Xuân Quỳnh với khát khao tình yêu hạnh phúc luôn tràn đầy và mang niềm tin bất diệt.

Chỉ qua hai bài thơ thôi mà chúng ta đã thật sự thấy được cái “sâu sắc bản lĩnh và ý thức về hạnh phúc của chính người phụ nữ”. Qua việc tìm hiểu nét chung và nét riêng trong tâm sự tình yêu của hai nữ tác giả ở hai thời đại khác nhau, ta càng ý thức rõ điều đó. Dù có nét chung nhưng phong cách Xuân Hương và Xuân Quỳnh không hề lẫn lộn. Dù có nhiều điểm khác biệt nhưng nữ sĩ nào cũng bộc lộ đầy những tâm tư. Chính điều đó đã khiến cho hai tác phẩm luôn được đặt cạnh nhau trong đề tài tình yêu được viết bởi nhà thơ nữ. Điều đó càng khiến cho mỗi thế hệ bạn đọc chúng ta càng thêm trân trọng và dày công khám phá.

(Bài đoạt giải Nhì – 17/20 điểm)

NHẬN XÉT

Nhìn một cách bao quát, những yêu cầu cơ bản đặt ra trong đề bài đã được bài làm đáp ứng khá tốt.

Ở câu 1, người viết bàn trúng vấn đề và bộc lộ được cái nhìn toàn diện và sâu sắc về cái danh và cái thực của con người trong cuộc sống. Cách luận bàn lô-gích, khoa học. Từ nhận thức cái danh và cái thực là vấn đề mà mỗi con người cần phấn đấu để hoàn thiện bản thân mình, để sống đẹp và ý nghĩa đến việc đi vào bản sâu hiện tượng “hữu danh vô thực” trong cuộc sống qua những biểu hiện và lí giải nguyên nhân với cái nhìn nhiều chiều. Tuy nhiên, có một vài câu văn diễn đạt còn rối, chẳng hạn đoạn: *Tất cả, tất cả cứ như một guồng quay quanh những ai sống thiếu bản lĩnh để bản thân không bao giờ được là chính mình cả. Tác động xã hội – vâng, có tác động của xã hội đến con người. Đó là một xã hội trọng tài năng, nhưng là cái tài năng thực sự kia! Xã hội tôn trọng và quý mến tạo ưu đãi để cho chính mỗi con người có “cái thực” vươn đến “cái danh” đó là sự thúc đẩy tốt.*

Ở câu 2, người viết hiểu sâu sắc vấn đề được đặt ra trong đề bài và triển khai các luận điểm của bài viết rõ ràng, mạch lạc. Phần giải thích, người viết rất khéo khi biết kết hợp việc giải thích ý kiến nêu ở đề bài gắn với hai thi phẩm của hai nữ sĩ. Nhìn chung, qua việc cảm thụ bài thơ *Tự tình* (Bài II) của Hồ Xuân Hương và *Sóng* của Xuân Quỳnh trong thế đối sánh, người viết đã làm rõ nét chung và nét riêng trong tâm sự tình yêu của hai nữ tác giả ở hai thời đại khác nhau, đồng thời làm sáng tỏ

luận đề được đưa ra ở đề bài: *Thơ nữ viết về tình yêu thường thể hiện sâu sắc bản lĩnh và ý thức về hạnh phúc của chính người phụ nữ.* Tuy nhiên, có những đoạn viết hơi dề dãi, chẳng hạn: *Tự tình II đã làm nên một phong cách của Hồ Xuân Hương. Một phong cách mà có lẽ văn học trung đại khó có thể tìm thấy ở một thi nhân nào khác. Bài thơ là cảm xúc ào ạt và tuôn trào mạnh mẽ của một con người khao khát yêu và được yêu. Với đặc điểm thơ này ta lại ngạc nhiên khi một thế hệ sau đó, một thế hệ đại diện cho một nền văn học mới – văn học hiện đại lại có điểm tương đồng. Đó là thơ của Xuân Quỳnh và cụ thể là bài “Sóng” được nhà thơ viết năm 1967 khi đi qua biển Diêm Điền.*

NĂM 2010

ĐỀ BÀI

Câu 1. (8,0 điểm)

Trong những trang ghi chép cuối cùng của đời mình, nhà văn Nguyễn Minh Châu có kể lại một sự việc ông từng chứng kiến:

...Lúc bấy giờ mới khoảng năm giờ sáng. Sân ga Hàng Cỏ còn mờ mờ tỏ tỏ trong sương nhưng người đã chật ních. Có những dây người xếp hàng ba, hàng tư dài dằng dặc, như rồng rắn. Người nào cũng khoác đầy hành lí trên mình, đang chuẩn bị vào phía trong ga để lên tàu. Chung quanh cái dây người xếp hàng là bạt ngàn những người đang ngồi giữa hàng đống, hàng núi hàng hoá, có lẽ lần đầu tiên tôi chứng kiến một buổi sáng tinh mơ mà khách đi tàu ở sân ga đông đến như thế. Và giữa cảnh đông đúc, chen chúc như vậy có một người đàn bà hãy còn trẻ, y như một kẻ mất trí, một người điên, cứ hét vang cả sân ga: "Các ông các bà có ai thương tôi cứu tôi với". Người đàn bà kêu đến khản cả giọng mà chung quanh chẳng ai đoái hoài. Người ta chỉ quay mặt lại nhìn một cách thờ ơ, vả lại ai cũng chất xung quanh mình hàng đống hành lí, lại mệt đứt hơi, ai cũng chỉ đủ sức lo cho mình.

Thì ra thế này: người đàn bà xuống tàu trong đêm với hai đứa con, đứa ba tuổi, đứa mới nửa tuổi. Mẹ con ngồi chờ sáng. Lúc trời vừa tảng sáng, mẹ bảo con ngồi đây trông em, mẹ đi giặt tã cho em một lúc. Người mẹ đi đến vòi nước gần nhà xí công cộng, cũng khá xa, chen chúc mới giặt giữ được, giặt xong quay về thì mẹ mình chỉ chìa cái bánh đa đã dỗi được đứa con lớn đi theo, chỉ còn đứa nhỏ nửa tuổi nằm giữa sân ga một mình.

Nghe xong chuyện tôi chạy đến trước mặt một đồng chí công an, đề nghị: các đồng chí nói loa đi, yêu cầu hành khách thấy ai khả nghi thì giữ lại, đứa dụ đứa trẻ thế nào cũng có vé khá nghi... Biết đâu nó còn quanh quẩn quanh đây. Yêu cầu mọi người giúp người ta. Đồng chí công an chẳng nói chẳng rằng, chẳng trả lời tôi lấy một lời. Còn hàng ngàn con người thì vẫn đứng đung trong một vé ngái ngủ hoặc sợ mất cắp. Người đàn bà vẫn kêu gào giữa sân ga Hàng Cỏ như kêu gào giữa sa mạc.

(Rút từ tập *Trang giấy trước đèn*, NXB Khoa học xã hội, 1994, tr. 140 – 141)

Câu chuyện trên gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì về lòng nhân ái và sự vô cảm của con người trong cuộc sống?

Câu 2. (12,0 điểm)

Tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo.

Bằng việc phân tích một tác phẩm đã học, anh (chị) hãy bình luận nhận định trên.

YÊU CẦU LÀM BÀI

Câu 1.

Người viết có quyền tự do trình bày suy nghĩ của mình theo những hướng khác nhau. Tuy nhiên, cần đạt được một số yêu cầu cơ bản sau:

a) *Về hình thức và kĩ năng*

Trước hết, cần phải xác định đây là đề nghị luận xã hội. Dạng đề này cho phép người viết tự do lựa chọn các kiểu bài và thao tác tạo lập văn bản khác nhau, nhưng phải phù hợp và nhuần nhuyễn. Đồng thời, người làm cũng được tự do huy động các chất liệu khác nhau như: chất liệu thuộc tri thức sách vở, tri thức đời sống và những trải nghiệm của riêng mình về lòng nhân ái và sự vô cảm. Tuy nhiên, vẫn phải xác định rõ vấn đề ở câu này thuộc về thực tế đời sống chứ không phải trong các tác phẩm văn học.

b) *Về nội dung*

Bài làm cần đạt được những nội dung cơ bản sau:

– *Về câu chuyện dẫn trong đề*

Cần xác định rõ câu chuyện được kể lại là một sự việc có thật và không phải ít gặp trong đời sống. Nội dung căn bản của nó nói về tình trạng vô cảm của con người trước cảnh ngộ của đồng loại.

– *Về lòng nhân ái và sự vô cảm*

+ Cần trình bày được nhận thức của mình về các khía cạnh căn bản sau: Lòng nhân ái là gì? Lòng nhân ái có biểu hiện thế nào? Lòng nhân ái có ý nghĩa gì đối với con người và đời sống? Làm thế nào để có được lòng nhân ái cho mình và cho cuộc đời?

+ Cần trình bày được nhận thức của mình về các khía cạnh cơ bản sau: Sự vô cảm là gì? Sự vô cảm có biểu hiện thế nào? Sự vô cảm có nguy hại gì đối với con

người và đời sống xã hội? Làm thế nào để khắc phục sự vô cảm cho mình và cho mọi người trong xã hội?

+ Cần phải thấy đây chỉ là hai mặt của một vấn đề: Khi có lòng nhân ái thì con người mới có tinh thần vị tha (biết đồng cảm, quan tâm, chia sẻ, cứu giúp đồng loại), còn khi lòng nhân ái bị xói mòn thì sinh ra vô cảm (vô tâm, vô tình, vô trách nhiệm với đồng loại, thờ ơ trước cái xấu và cái ác).

- *Xác định thái độ*

Cần phải xác định được một tâm thế đúng đắn là tâm thế của người trong cuộc. Làm bài không chỉ đơn thuần là việc giải một đề thi văn, mà quan trọng hơn, cần xem làm bài là một dịp đối diện với bản thân mình. Không phải chỉ nghị luận cho người khác, về người khác, mà trước hết, cần phải thấy đây là chuyện của mình, phải nói từ mình, nói cho mình. Từ đó mới có thái độ cầu thị, cầu tiến.

Câu 2.

Đây là dạng đề tương đối mở. Người viết có quyền triển khai bài làm của mình theo những hướng và các cách khác nhau. Tuy nhiên, bài làm cần đạt được một số yêu cầu cơ bản sau:

a) *Về hình thức và kỹ năng*

Cần xác định đây là kiểu bài nghị luận văn học để triển khai bài làm đúng kiểu văn bản. Cần phát huy đồng thời hai năng lực: nắm bắt và bình luận một vấn đề lí luận văn học, cụ thể là lí luận về tác phẩm; cảm nhận và phân tích các giá trị thuộc tư tưởng và nghệ thuật trong một tác phẩm văn học cụ thể.

b) *Về nội dung*

Bài làm cần đạt được hai nội dung căn bản sau:

- *Bình luận*

+ Cần xác định được: về thực chất, nhận định dẫn trong đề nói đến tính chính thể của một tác phẩm văn học chân chính. Trong đó, nội dung và hình thức hoà hợp với nhau để tạo nên một chính thể sống động.

+ Cần xác định được điểm nhấn của nhận định là ở về thứ nhất "sự tôn vinh con người". Nghĩa là mỗi tác phẩm nghệ thuật chân chính bao giờ cũng là một sự tôn vinh con người. Tuy nhiên, cũng cần thấy quan hệ biện chứng ở đây: sự tôn vinh được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật độc đáo; và, những "hình thức nghệ thuật độc đáo" được sáng tạo ra bao giờ cũng nhằm mục đích cốt yếu là "tôn vinh con người".

người và đời sống xã hội? Làm thế nào để khắc phục sự vô cảm cho mình và cho mọi người trong xã hội?

+ Cần phải thấy đây chỉ là hai mặt của một vấn đề: Khi có lòng nhân ái thì con người mới có tinh thần vị tha (biết đồng cảm, quan tâm, chia sẻ, cứu giúp đồng loại), còn khi lòng nhân ái bị xói mòn thì sinh ra vô cảm (vô tâm, vô tình, vô trách nhiệm với đồng loại, thờ ơ trước cái xấu và cái ác).

– *Xác định thái độ*

Cần phải xác định được một tâm thế đúng đắn là tâm thế của người trong cuộc. Làm bài không chỉ đơn thuần là việc giải một đề thi văn, mà quan trọng hơn, cần xem làm bài là một dịp đối diện với bản thân mình. Không phải chỉ nghị luận cho người khác, về người khác, mà trước hết, cần phải thấy đây là chuyện của mình, phải nói từ mình, nói cho mình. Từ đó mới có thái độ cầu thị, cầu tiến.

Câu 2.

Đây là dạng đề tương đối mở. Người viết có quyền triển khai bài làm của mình theo những hướng và các cách khác nhau. Tuy nhiên, bài làm cần đạt được một số yêu cầu cơ bản sau:

a) *Về hình thức và kĩ năng*

Cần xác định đây là kiểu bài nghị luận văn học để triển khai bài làm đúng kiểu văn bản. Cần phát huy đồng thời hai năng lực: nắm bắt và bình luận một vấn đề lí luận văn học, cụ thể là lí luận về tác phẩm; cảm nhận và phân tích các giá trị thuộc tư tưởng và nghệ thuật trong một tác phẩm văn học cụ thể.

b) *Về nội dung*

Bài làm cần đạt được hai nội dung căn bản sau:

– *Bình luận*

+ Cần xác định được: về thực chất, nhận định dẫn trong đề nói đến tính chính thể của một tác phẩm văn học chân chính. Trong đó, nội dung và hình thức hoà hợp với nhau để tạo nên một chính thể sống động.

+ Cần xác định được điểm nhấn của nhận định là ở về thứ nhất "sự tôn vinh con người". Nghĩa là mỗi tác phẩm nghệ thuật chân chính bao giờ cũng là một sự tôn vinh con người. Tuy nhiên, cũng cần thấy quan hệ biện chứng ở đây: sự tôn vinh được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật độc đáo; và, những "hình thức nghệ thuật độc đáo" được sáng tạo ra bao giờ cũng nhằm mục đích cốt yếu là "tôn vinh con người".

+ Người viết cần thấy được ý nghĩa phong phú của cụm từ "tôn vinh con người".

* Tôn vinh: về thái độ, tôn vinh gồm cả ngợi ca cái tích cực lẫn phê phán cái tiêu cực; về cách thức, tôn vinh gồm cả trực tiếp lẫn gián tiếp...

* Con người ở nhiều bình diện và phạm vi, gồm cả con người xã hội lẫn con người tự nhiên; cả con người thể chất lẫn con người tinh thần...

* Tựu trung lại: "tôn vinh con người" là tôn vinh những giá trị người (giá trị nhân văn, giá trị nhân đạo).

– *Phân tích tác phẩm*

+ Người viết có quyền tự do trong việc lựa chọn tác phẩm để phân tích. Không hạn định về thể loại, về thời đại, trong nước hay nước ngoài... miễn là tác phẩm đã được học trong chương trình.

+ Cần phải phân tích được những khía cạnh cụ thể của con người mà tác phẩm ấy đề cập, qua đó làm bật lên những giá trị người mà tác phẩm tôn vinh.

+ Ngoài ra, còn phải phân tích được những hình thức nghệ thuật đặc sắc, độc đáo mà tác giả sáng tạo ra để làm nổi bật những khía cạnh con người, những giá trị người đó.

BÀI LÀM SỐ 1

Câu 1.

Buổi sáng thức giấc muộn, tôi vội vã đạp xe đến trường. Buổi trưa giữa cái nắng đỏ gay gắt, tôi thật nhanh phóng xe về nhà. Tối đến, tôi trở về bên mâm cơm, bên ánh đèn bàn học rồi đi ngủ. Một ngày diễn ra thật nhanh, thật vội. Tôi bỗng thấy hình như hôm nay mình đã quên lắng nghe tiếng một đứa trẻ ăn xin bám áo xin chút lòng thương; đã bỏ ngoài tai tiếng của ai đó đang kêu lên giữa đường đòi nhờ giúp đỡ và tôi cũng đã lờ đi lời khẩn nài của bà cụ già yếu bên hàng xóm. Tôi đã muốn quên đi tất cả sự thờ ơ của mình để tự nhủ mình vẫn sống thật tốt. Nhưng hôm nay đọc những trang ghi chép cuối cùng của nhà văn Nguyễn Minh Châu kể lại sự việc ông đã chứng kiến, tôi bỗng giật mình nhìn lại về lòng nhân ái và sự vô cảm của chính mình và của cả con người trong cuộc sống.

Chuyện kể lại sự việc tại một nhà ga, một người mẹ bị lạc mất đứa con đang *hét vang cả sân ga*: "*Các ông các bà có ai thương tôi cứu tôi với*". Người đàn bà cứ kêu khẩn cả giọng mà chung quanh chẳng ai đoái hoài. Trước nỗi đau mất con, người đàn bà chẳng được giúp đỡ gì. Câu chuyện kết thúc bằng dòng văn: *Người đàn bà*

vấn kêu gào giữa sân ga Hàng Cỏ như kêu gào giữa sa mạc. Có ai đã là người đọc đến đây và bỗng giật mình nghĩ lại xem mình có phải là người trên sân ga hôm ấy không? Tôi cũng đã tự hỏi: Đã bao lần trong những sân ga chật chội đông người như thế, tôi đã bỏ ngoài tai lời gào thét kêu van của những người xung quanh? Mọi người hãy nhìn cảnh đau thương ấy và thử hỏi lại xem: trong câu chuyện của Nguyễn Minh Châu ghi lại đâu là bóng dáng của những bàn tay che chở yêu thương?

Lòng nhân ái vốn là một truyền thống của người dân đất Việt. Từ những mái nhà tre, những đêm tắt lửa tối đèn có nhau, người quê ngày xưa giàu lòng quan tâm biết mấy. Tôi lại nhớ đến câu chuyện *Đôi mắt* của Nam Cao, khi anh Hoàng nói về sự tọc mạch của người nông dân. Làng quê ngày xưa rất quan tâm đến mỗi người trong làng của mình, dù bạn là người đi xa mới về thì hãy nhớ là gặp người lạ cũng phải chào. Đấy không phải là tọc mạch. Người thành phố chê người nông dân lắm chuyện, nhưng người thành phố thì hình như lại "ít chuyện" quá. Con người bắt đầu tách nhau ra, đi theo một nền văn minh mới. Nhà cửa xa nhau, phố xá rộng quá, người quen cũng xa nhau và bắt đầu cuộc hành trình xa cách của những tấm lòng. Chưa bao giờ như bây giờ ta được nghe mọi người nhắc nhiều đến bệnh vô cảm đến thế. Trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11, có đề văn: "Suy nghĩ của em về bệnh vô cảm", tôi cứ tưởng nó xa xôi quá, ở những nước tư bản cơ, nhưng đôi khi nhận ra có lúc chính mình cũng vô cảm và những người xung quanh đôi khi lạnh lẽo với nhau. Đọc những dòng ghi chép của Nguyễn Minh Châu tôi mới nhận rõ cái nỗi niềm đau đớn của một bà mẹ mất con. Giữa cái nhộn nhạo ấy, bà mẹ không những đau xót về đứa con của mình mà còn đau xót khi những lời kêu than của mình cứ lặn vào thình không. Những người ở sân ga hôm ấy đã ngoảnh mặt đi giữa sự đau đớn quằn quại của một con người.

Vô cảm là đã không còn tình cảm, không còn xúc cảm đối với cuộc sống đang diễn ra xung quanh mình. Nhìn thấy một cảnh đau lòng ta sẽ dễ rơi nước mắt; nhưng vô cảm là khi ta không còn thấy bất kì một sợi dây nào đang rung lên ở bên trong, ta lạnh nhạt bước đi mà không thương xót. Buổi sáng đi qua đèn đỏ ngã tư, một đứa bé trần truồng xám ngắt bị bỏ lại bên đường, bên cạnh có chiếc ống bơ xin tiền, những ai vô cảm sẽ đi qua mà không chút động lòng. Con người trong xã hội ngày nay đang dần dần chấp nhận sự vô cảm trong đời sống. Bước ra khỏi lũy tre làng, ta dần lãng quên câu "tối lửa tắt đèn". Bắt đầu cuộc sống phồn hoa đô thị, lòng người bắt đầu đóng khép. Trong một xã hội lấy khoa học làm hàng đầu, đi sâu tìm hiểu những hạt vật chất li ti, chế nhỏ trái đất ra để khám phá, người ta dễ vì bận bịu công việc của mình mà quên đi người khác, mà để ngoài tai tất cả âm thanh của cuộc sống. Ấy chính là lúc con người vụt nhiên mất đi cái nhìn về tổng thể, về sự

dây vị tha ràng buộc với cuộc đời để nghiêng hẳn về phía cá nhân vị kỉ, hẹp hòi và bỗng trở thành ích kỉ, vô cảm, vô nhân tính mà không hề biết. Lời lí giải duy nhất Nguyễn Minh Châu đã nói cho sự thờ ơ của đám người trên sân ga với nỗi đau của người phụ nữ kia là: "ai cũng chất quanh mình hàng đống hành lí, lại mệt đứt hơi, ai cũng chỉ đủ sức lo cho mình". Đối lập với tiếng kêu gào thảm thiết của bà mẹ là sự "dửng dưng trong một vẻ ngái ngủ hoặc sợ mất cắp" của mọi hành khách trên sân ga. Đó là gì nếu không phải là tính ích kỉ đang xô đẩy lòng vị tha và sự vô cảm đang phủ lấp lòng nhân ái của con người?

Nghe câu chuyện Nguyễn Minh Châu thuật kể, ta quả có lí do để nghi ngại khi nghĩ về một thế giới không còn tình thương. Nhưng may thay, trong cõi nhân sinh giá băng của sáng mùa đông trên sân ga lạnh vắng tình người hôm ấy vẫn có ánh lửa của lòng nhân ái. Ánh lửa ấy tuy bằng bạc, ít ỏi nhưng vẫn loé lên giữa đám người vô cảm kia và làm cho ta có được chút ấm áp trong lòng. Đó là hình ảnh của nhân vật "tôi" thương xót cho hai mẹ con và tìm mọi cách để giúp đỡ. Vậy là giữa cái vụt qua nhanh chóng của dòng người vô cảm cứ tiến về phía trước mà không để tâm đến xung quanh, vẫn có những con người chưa nguôi lạnh lòng nhân ái. Lòng nhân ái là yêu thương, trù mến, là sự cảm thông, sẵn sàng chia sẻ và thái độ quý trọng con người. Và đây, trong cuộc đời ngổn ngang, bẽ bộn quanh ta, vẫn có những người cứ sáng chủ nhật lại đến làng trẻ em mồ côi để lau dọn nhà, để giúp các em biết đọc thông viết thạo. Vẫn có những người dù vội đi làm nhưng vẫn dành ra mấy giây để dừng lại nhật hộ cụ già chiếc mũ, vài phút thôi để đưa một bà lão sang đường hay giúp một người đi đường chẳng may ngã xe. Trong cuộc sống bên cạnh cái bão táp cuốn con người vào vòng xoáy bộn bề vẫn có những người bám trụ lại bên con người bằng lòng nhân ái, bằng tình yêu con người thực sự sâu sắc. Hãy dành ra trong những thanh âm bộn bề của cuộc sống một khoảng bình yên để lắng nghe tiếng ai đó đang cần bạn giúp đỡ. Và ta bỗng thấy yên lòng khi vẫn có người chờ đợi hoa cúc nở, khi ai đó trót vấp ngã vẫn có vô số những bàn tay sẵn sàng giơ ra.

Cuộc sống dần đã đổi thay, con người từ luỹ tre làng bình yên hướng đến đại dương đầy sóng gió. Dù bạn đang trên chiếc thuyền băng băng tiến ra ngoài khơi ấy thì hãy đừng chỉ sống bằng ý chí của cái đầu lạnh mà hãy dành thời gian lắng nghe tiếng đập của trái tim mình. Hãy nhớ rằng: *Nơi lạnh nhất không phải là Bắc cực mà là nơi không có tình thương.* Vô cảm không chỉ là bỏ ngoài tai tiếng thương của đồng loại mà là không biết cảm nhận những thanh âm thiên nhiên trong trẻo vô ngần của cuộc sống. Không biết lắng nghe một tiếng chim hót, không biết ngắm một giọt sương khê đậu trên lá hay không biết đến cả những phút giây đếm sao trời của đêm trăng sáng ấy là khi ta đang lạc bước vào vô cảm. Hãy để những hình ảnh

của cuộc sống căng đầy vỗ vào trái tim mình. Hãy yêu thương ai đó cho đến khi cuộc sống không còn.

Tôi bỗng nhớ một bài thơ của Gar-xi-a Lor-ca, bài thơ *Tạm biệt*:

*Nếu tôi chết đi
Xin cứ để ban công rộng mở
Em nhỏ đang ăn trái cam
Từ trên ban công tôi còn được thấy
Những người gặt mùa đi gặt lúa mì
Từ trên ban công tôi còn được nghe
Nếu mai tôi chết đi
Xin cứ để ban công rộng mở.*

Lòng yêu thương trang trọng vô ngần với cuộc sống sẽ khiến bạn yêu biết mấy những khung cảnh tưởng như bình dị. Hãy thoát khỏi cái kén dày vô cảm để cất cánh ra ngoài cuộc sống đầy yêu thương này.

Có lần tôi đã xem một bộ phim truyện ngắn của nước Mĩ nói về một người mẹ đã dùng cảm một mình đi tìm kiếm đứa con gái của mình trên một chiếc máy bay rất lớn. Không một ai giúp đỡ và còn coi cô ta bị điên. Nhưng kết thúc phim là hình ảnh bà mẹ bế đứa con bị đánh thuốc mê trên tay đi xuống sân ga. Tất cả đều tủi hổ với lời nói: *Chúng tôi thật sự xin lỗi*. Cuộc sống dần hiện đại, dùng đóng khép trái tim quá vội, dùng sống ích kỉ, bạc nhược một cách vô cảm. Câu chuyện của Nguyễn Minh Châu chính là những dòng thức tỉnh các lương tri còn quá vô cảm trên cuộc sống này.

Hôm nay tôi sẽ lắng nghe lời của cuộc sống gõ vào trái tim tôi. Tôi sẽ chia tay ra cho những em thơ bơ vơ đói khổ, cho em vài đồng mình dành dụm được. Tôi sẽ vịn nhỏ dài đi hơn nữa trong đêm khuya để khỏi làm ảnh hưởng tới mọi người. Tôi cũng sẽ bình lặng lắng nghe chính mình để ước ao sao lòng nhân ái sẽ vượt lên tất cả nỗi vô cảm đáng sợ kia. Và, ngay lúc này đây, nếu có thể quay ngược được thời gian, chúng ta hãy cùng nhau chạy mau ra sân ga Hàng Cỏ để được giúp đỡ bà mẹ đau khổ đang kêu gào thảm thiết kia!

Câu 2.

Cuộc sống mở ra với muôn vàn vị ngọt của âm thanh, hình ảnh và thu lắng mình vào trang văn của bao nghệ sĩ. Văn học ưu ái một chú chim hót vang mừng sáng, thiết tha một cánh hồng phả hương vào buổi sớm; nhưng bao giờ cũng thế, văn học luôn lấy con người làm tâm điểm phản ánh và vẽ đẹp con người kết tinh

nên tác phẩm hay. Phải chăng vì thế mà có ý kiến cho rằng: *Tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo?*

*Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi đến của văn học (Tố Hữu). Văn học từ cuộc sống mà ra và làm cho cuộc sống thêm phần đẹp tươi. Dích dến của cuộc hành trình văn chương muôn đời chính là cuộc sống của con người. Có ai đã từng nói: Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm, trong đó tâm điểm chính là con người. Thoát thai từ đời sống, văn chương chân chính mang thiên chức lớn lao cao cả – đó là trở về bồi đắp thêm phần phù sa màu mỡ cho cuộc đời, làm đẹp thêm con người. Văn học bồi đắp cho cuộc sống hay văn học phải tìm ra nhân tố quan trọng nhất là con người để bằng văn chương làm đẹp con người. Ta hiểu vì sao *tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo*. Đòi hỏi hay yêu cầu cho ra đời một tác phẩm là phải đi từ huyết quản của cuộc đời, mang trong dòng chữ của mình một hình ảnh con người. Nguyên Ngọc đã nhận xét rất thấu đáo: *Văn học là phương thức tồn tại của con người, giữ cho con người mãi mãi là con người, không sa xuống thành con vật, hay thành ông Thánh vô duyên, vô bổ. Văn học là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người. Cái cốt lõi của văn học là tính nhân đạo*. Chúng ta cũng sẽ chỉ lưu giữ trong ngân kéo của nhân loại những tác phẩm nâng đỡ con người lên bằng tình yêu thương và niềm tin tưởng của người viết. Một tác phẩm văn học có thể nói về núi sông cây cỏ, ca ngợi vẻ đẹp của đám mây bay hay bầu trời nhưng một tác phẩm chỉ được coi là chân chính khi người nghệ sĩ biết lấy núi sông cây cỏ kia làm đẹp cho không gian sống của con người, biết lấy trái tim yêu thương của mình nâng đỡ lên bao số phận cuộc sống. Ta thấy *An-na Ka-rê-ni-na* còn sống mãi bởi vẻ đẹp của con người, dù bị kịch nhưng sáng mãi. Ta thấy *Những người khốn khổ* của Vích-to Huy-gô vượt qua che phủ của thời gian vẫn đầy giá trị vì thiên tác phẩm vĩ đại ấy đã cho người đọc biết rằng: Bao nhiêu con người khốn khổ kia đang kêu đòi một cuộc sống tốt đẹp hơn, dù khốn khổ nhưng họ vẫn khát khao được sống lương thiện, được cứu giúp người khác. Chẳng phải Vích-to Huy-gô đã nâng con người lên khỏi những nghèo đói tăm tối để thấp sáng cho họ tình yêu thương cao cả sao? Đến với văn học phương Đông, ta đau cùng thánh thơ Đỗ Phủ nỗi đau cao cả trong *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá*. Tuy có nỗi đau cho riêng mình vì nhà mình bị gió thu tốc mái, mình cùng vợ con phải chịu cảnh mưa lạnh suốt đêm trường nhưng trên tất cả là nỗi đau vì người khác. Nhà thơ dân đen ấy từ nỗi đau riêng đau niềm đau chung, quên đi nỗi đau riêng mình để sẻ chia với nỗi đau của muôn người thời đời khổ. Và chính trái tim đồng cảm vĩ đại này đã làm nên một ao ước vĩ đại mà ngàn đời trân trọng: ước có ngôi nhà chắc chắn ngàn vạn gian để không chỉ cho riêng ta*

mà cho tất cả người dân đều không phải chịu cảnh đói rét. Mang hình thức tự sự của một câu chuyện kể, chuyện kể lại rất đời đời thường, thơ viết ra không nhiều câu chữ nhưng quả là một sáng tạo độc đáo trong sự tôn vinh đến tột bậc vẻ đẹp của lòng vị tha, của tinh thần nhân đạo trong trái tim người viết, trong cuộc sống con người. Trở về Việt Nam, ta thêm một lần kính yêu Nguyễn Du, người đã bằng kiệt tác *Truyện Kiều* nâng con người khỏi những ràng buộc khắt khe của lễ giáo phong kiến, khỏi những dây trói vô hình đang ngăn cản con người đến với tình yêu, đặc biệt, đưa con người vượt qua bao đau khổ để làm chói ngời trên trang văn vẻ đẹp của chữ tình, chữ nghĩa, chữ hiếu, chữ nhân, vẻ đẹp của một trái tim nhân đạo lớn, của một nghệ sĩ lớn. Mộng Liên Đường chủ nhân đã nhận xét: *Nếu không có con mắt nhìn thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời thì tài nào có được bút lực ấy.* Tài năng của Nguyễn Du không phải chỉ là miêu tả tuyệt đẹp cảnh gió trăng mây nước, cũng không chỉ ở chỗ phản ánh chân thực những nỗi đau đứt ruột của con người trong cõi trần ai gió bụi mà là yêu thương, sẻ chia, đồng cảm, đồng tình, trân trọng, nâng đỡ, làm đẹp thêm cho tấm lòng Kiều, cho Kim Trọng, cho Từ Hải,... cho con người nói chung. Giá trị vĩnh hằng của tác phẩm nghệ thuật chân chính này là có nguồn cội từ những hình tượng được xây nên từ bàn tay nghệ sĩ bậc thầy và tấm lòng nhân đạo lớn của Nguyễn Du. Đó chính là cốt cách, phẩm chất, hương vị toả ngát để *Truyện Kiều* còn nghìn thu vọng mãi, để tiếng thơ của Nguyễn Du mãi là tiếng thương mãi còn động đất trời.

Chí Phèo là một tác phẩm văn học chân chính mà qua đó Nam Cao đã tôn vinh con người qua hình thức nghệ thuật độc đáo. *Chí Phèo* là một điển hình cho những người nông dân đau khổ sau lũy tre làng Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. Trước Nam Cao, Ngô Tất Tố đã có một chị Dậu khổ vì bán con bán chó, Nguyễn Công Hoan có một anh Pha bị bao tầng lớp dồn ép đến bước đường cùng. *Chí Phèo* của Nam Cao không chỉ bị dồn vào *bước đường cùng*, mà buộc phải bán cả linh hồn và thể xác của mình để trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại, bị cướp cả nhân tính, nhân cách, bị đẩy ra ngoài cộng đồng người, đến tận bờ vực của phi nhân loại. Mở đầu tác phẩm, Nam Cao đã đảo lộn thời gian tuyến tính, không đi từ quá khứ mà xuất phát từ tương lai, đẩy ngay *Chí Phèo* ra giữa sân khấu cuộc đời bằng những tiếng chửi sặc mùi rượu. Hắn giao tiếp với cuộc đời không bằng thanh âm của tiếng người bình thường mà bằng tiếng chửi. Nếu như lúc ấy có anh nông dân nào vì tức mà chửi lại hắn thì hắn còn thấy mình được tính là một con người. Mà giả sử rằng nếu ông trời có tức hắn vì những lời hắn chửi trời mà cho cơn dông sấm sét thì hắn biết hắn nói còn có trời đáp lại. Nhưng đáp lại hắn chỉ là tiếng chó sủa mà thôi, ai cũng lờ hắn đi, coi hắn như chẳng có. Với những dòng kể xen lẫn lời tác giả: *Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không?*, với biện pháp thay đổi điểm nhìn trần

thuật liên tục, tác giả kiến tạo được đoạn văn mở đầu vô cùng gây ấn tượng, vừa khiến độc giả bất ngờ, vừa diễn tả được đầy đủ nỗi đau của Chí Phèo.

Nam Cao bắt đầu thuật lại cuộc đời Chí Phèo. Từ một đứa bé trần truồng xám ngắt đến một tuổi thơ đưa đi bán lại cho nhiều người. Từ một anh canh điền hiền lành chất phác đến một thằng sảng đá, một con quỷ dữ của làng Vũ Đại. Chí Phèo là linh hồn đau khổ của làng Vũ Đại. Đến *Chí Phèo* người ta nhận ra hình ảnh đau khổ nhất, bi kịch lớn nhất của đời người. Chí Phèo sau khi bị đẩy vào tù vì một lí do không ai hay rồi ra tù, trở về làng với nhân dạng méo mó. Nam Cao cứ miêu tả một cách lạnh lùng nhưng đọc kĩ ta thấy: Nam Cao không nói gì đến nguyên nhân Chí Phèo vào tù – cuộc đời người nông dân bị coi rẻ đến mức bị cướp mất quyền tự do mà không biết vì lẽ gì. Con quỷ dữ Chí Phèo ăn vạ, cướp bóc, rạch lên mặt mình vô số những vết mảnh chai, những vết cào đau đớn. Còn gì đau hơn khi chính Chí Phèo đã tự huỷ hoại phần nhân hình của mình? Còn gì đau hơn khi bên trong con người kia phần thú đã chiếm lĩnh, phần người bị đẩy ra, phải "khăn gói ra đi"?

Nhưng, một tác phẩm miêu tả cái buồn, cái khổ mà không có một nhiệm vụ nào khác ngoài việc làm lây sang cho chúng ta nỗi buồn thì đó là điều đáng buồn hơn. Nam Cao còn nói với ta về tình người rất sâu nặng. Nam Cao dân tác phẩm của mình ra và miêu tả vào trong đó một "cuộc tình" Thị Nở – Chí Phèo. Có ai từng nói: Chỉ với năm ngày thôi nhưng Chí Phèo đã sống rồi chết như một con người. Thị Nở xấu ma chê quỷ hờn lại mang trong mình một tình yêu lạ lùng dành cho Chí Phèo – con quỷ làng Vũ Đại. Người ta cứ cho rằng tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét mới là tình yêu. Nhưng sẽ vẫn là tình yêu dẫu cho người đàn ông có là Chí Phèo – từng chỉ biết uống rượu cho say và đập đầu, rạch mặt ăn vạ và dẫu cho người đàn bà có là Thị Nở – vừa xấu ma chê quỷ hờn, vừa xác xơ nghèo lại vốn có dòng máu hủ. Gió trăng vô tình trong đêm hè nơi vườn chuối ven sông kia vẫn đẹp biết bao nhiêu khi đã cùng che chở, đồng tình và trăng làm sáng, gió làm mát cho hai nhân hình đau khổ vừa tìm thấy được nhau.

Chí Phèo dù được sống năm ngày yêu thương nhưng vẫn phải đối mặt với bi kịch của mình. Năm ngày yêu đương kia là một thứ thuốc thử của nhân tính để nhận ra trong Chí Phèo vẫn còn có khát khao làm người lương thiện, vẫn ước mơ: chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải, sống một cuộc đời bình yên. Nhưng rồi Thị Nở cũng nhớ ra mình còn một bà cô trên đời và dừng yêu. Bi kịch tình yêu tan vỡ là chưa đủ, mà đó còn là bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người, bị hất ra khỏi cộng đồng. Chí Phèo không được chấp nhận trở về cuộc sống lương thiện. Quy luật *bước chân đi cấm kì trở lại* của các trò chơi dân gian giờ đối với Chí Phèo lại xót xa biết bao nhiêu. Chí Phèo lại uống rượu nhưng rượu uống mãi không say, chỉ thấy thoang

thoảng hơi cháo hành. Hương cháo hành do Thị Nở tự tay nấu và bón cho Chí trong buổi sáng đầu của chuỗi ngày quán quỵên bên Chí Phèo lúc bấy giờ chính là minh chứng cho sự trở lại làm người. Nhưng Chí Phèo lại bước chân đi và theo thói quen đến nhà Bá Kiến. Một lưỡi dao vung lên, một vũng máu, một cuộc đời đi vào ngõ cụt. Chí Phèo chết trên ngưỡng cửa của sự hoàn lương; xã hội làng Vũ Đại đang đóng chặt lại cánh cửa cuộc đời, không cho Chí Phèo trở lại.

Nguyễn Hồng đã viết về Nam Cao: *Anh đã vất từ những xót xa, quằn quại của mình ra thành những dòng ánh sáng yêu thương và tin tưởng để chứng minh cho sự sống nỗ lực của con người.* Nam Cao không chỉ yêu người nông dân mà còn tin. Với ông lòng nhân đạo không chỉ thể hiện ở tình thương mà còn ở niềm tin. Ông tin người nông dân dù có xuống bùn, thậm chí xuống tới đáy bùn, nhưng từ đáy bùn lầy nước đọng vẫn cháy lên những khát vọng làm người lương thiện. Qua cách xây dựng truyện khá đặc sắc, dù bên ngoài lạnh lùng nhưng bên trong sục sôi tình yêu thương, Nam Cao đã viết nên những trang văn, như người ta đã nói không chỉ được viết bằng mực mà bằng máu của trái tim. Nam Cao đã nâng Chí Phèo lên, tôn vinh sự nỗ lực sống của con người.

Tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo. Lấy con người làm trung tâm hay là mang vào, gây dựng lên bên trong tác phẩm văn học của mình một tinh thần nhân đạo sáng ngời. *Văn học là nhân học (Go-rơ-ki)* hay *Tác phẩm văn học sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả... nếu nó không là tiếng hét khổ đau hay là lời ca tụng hân hoan; nếu nó không đặt ra những câu hỏi và không trả lời những câu hỏi ấy (Bi-ê-lin-ski).* Ý kiến đặt ra yêu cầu của văn học phải khơi sâu vào cuộc sống, rằng nhà văn phải để cuộc đời phả gió vào trái tim mình, đi tìm kiếm những hạt bụi vàng lấp lánh trên cuộc đời này để đúc thành những bông hồng vàng sáng chói. Con người cần được tôn vinh như một thực thể đẹp tuyệt diệu. Tuy nhiên không phải chỉ tôn vinh con người, có những tác phẩm văn học trào phúng, nói đến những điều xấu xa của con người, vạch trần bộ mặt giả dối của một lớp người nhưng đó vẫn là những tác phẩm chân chính của bao đời qua vì đi đến tận cùng, những tác phẩm ấy vẫn hướng cho con người đến cái đẹp, đến chân, thiện, mỹ.

Văn học bao đời ví như người hát rong trên suốt chiều dài cuộc sống. Văn học sẽ vì con người mà cất lên tiếng hát yêu thương, cất lên tiếng hát tôn vinh cho cuộc sống đầy hương hoa của con người.

(Bài đoạt giải Nhất – 18/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng tốt những yêu cầu đặt ra trong đề bài. Người viết ít nhiều bộc lộ năng lực văn chương cũng như tư duy nghiên cứu văn học.

Ở câu 1:

Với vốn tri thức đời sống phong phú và những trải nghiệm sâu sắc của riêng mình về lòng nhân ái và sự vô cảm, người viết đã luận bàn sáng tỏ vấn đề mà đề bài yêu cầu, thuyết phục cả lí trí và trái tim của người đọc.

Bố cục của bài viết khoa học. Hệ thống luận điểm sáng rõ. Từ việc hiểu nội dung của câu chuyện mà Nguyễn Minh Châu kể ở ga Hàng Cỏ, người viết đã bàn sâu về lòng nhân ái và sự vô cảm của con người trong cuộc sống ở nhiều phương diện như biểu hiện, nguyên nhân, ý nghĩa hoặc tác hại. Phần thức nhận của bản thân về lòng nhân ái và sự vô cảm của con người trong cuộc sống được viết sâu sắc và giàu cảm xúc. Mở bài và kết bài viết hay, sáng tạo, để lại nhiều dư ba.

Tuy nhiên, nếu bài viết bàn sâu hơn nữa để thấy rõ lòng nhân ái và sự vô cảm của con người trong cuộc sống là hai mặt của một vấn đề, khi có lòng nhân ái thì con người mới có tinh thần vị tha (biết đồng cảm, quan tâm, chia sẻ, cứu giúp đồng loại), còn khi lòng nhân ái bị xói mòn thì sinh ra vô cảm (vô tâm, vô tình, vô trách nhiệm với đồng loại, thờ ơ trước cái xấu và cái ác) thì có lẽ bài viết sẽ tròn đầy hơn.

Câu 2:

Với vốn kiến thức lí luận văn học khá chắc chắn, người viết về cơ bản đã hiểu đúng lời nhận định: *Tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo.* Người viết cũng nhận thấy quan hệ biện chứng của vấn đề: sự tôn vinh được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật độc đáo; và, những hình thức nghệ thuật độc đáo được sáng tạo ra bao giờ cũng nhằm mục đích cốt yếu là tôn vinh con người. Có những ý văn viết chắc tay như: *Văn học bồi đắp cho cuộc sống hay văn học phải tìm ra nhân tố quan trọng nhất là con người để bằng văn chương làm đẹp con người... Văn học phải khơi sâu vào cuộc sống, rằng nhà văn phải để cuộc đời phả gió vào trái tim mình, đi tìm kiếm những hạt bụi vàng lấp lánh trên cuộc đời này để đúc thành những bông hồng vàng sáng chói. Con người cần được tôn vinh như một thực thể đẹp tuyệt diệu. Tuy nhiên không phải chỉ tôn vinh con người, có những tác phẩm văn học trào phúng, nói đến những điều xấu xa của con người, vạch trần bộ mặt giả dối của một lớp người nhưng đó vẫn là những tác phẩm chân chính của bao đời qua vì đi đến tận cùng, những tác phẩm ấy vẫn hướng cho con người đến cái đẹp, đến chân, thiện, mỹ.*

Tuy nhiên, bài viết sẽ trúng và hay hơn nếu người viết bám sát vào phần kiến thức lí luận về tác phẩm văn học, từ đó luận bàn để thấy về thực chất, nhận định dẫn trong đề nói đến tính chính thể của một tác phẩm văn học chân chính; trong đó, nội dung và hình thức hoà hợp với nhau để tạo nên một chính thể sống động.

Phần cảm thụ tác phẩm để làm sáng tỏ nhận định, người viết tinh tế khi chọn kiệt tác *Chi Phèo* của Nam Cao và tỏ ra sâu sắc khi phân tích được những khía cạnh cụ thể để qua đó làm bật lên những giá trị người được tôn vinh trong tác phẩm. Đồng thời, cũng đã chú trọng phân tích những hình thức nghệ thuật đặc sắc, độc đáo Nam Cao sáng tạo ra để làm nổi bật những khía cạnh đó. Có nhiều ý văn sáng tạo mang vẻ riêng, chứng tỏ bút lực của người viết.

Văn viết có cảm xúc, mượt mà, giàu hình ảnh. Diễn đạt lưu loát và trong sáng.

BÀI LÀM SỐ 2

Câu 1.

Sống vô tư thật tuyệt, phải không bạn? Nhưng có ai mãi vô tư được nhỉ?

Đến khi gặp người vô tâm, vô tính thì thật đáng buồn. Nhưng chẳng ai lại vô tình mãi thế!

Nhưng, nếu sống vô cảm, quên đi lòng nhân ái ngàn đời thì thật đáng sợ! Trong cuộc sống hiện nay, vô cảm đã trở thành một căn bệnh, một hiện tượng khá phổ biến. Nó hiện diện trên từng con phố nơi thành thị xô bồ, trên từng đường làng nơi nông thôn yên ả và biết đâu, hiện diện cả trong mỗi con người đang đối diện với chính mình. Điều đó khiến mỗi chúng ta băn khoăn: Lòng nhân ái cao đẹp đang lẫn khuất nơi đâu?

Đọc câu chuyện của nhà văn Nguyễn Minh Châu tâm sự trong những trang ghi chép cuối cùng của đời mình, tôi bỗng thấy quặn thắt cõi lòng. Câu chuyện đó là những lời gan ruột, tâm huyết nhất được chất lọc và chiêm nghiệm suốt đời sống và đời viết của nhà văn. Bằng trái tim nhạy cảm, con mắt tinh tường, Nguyễn Minh Châu đã đưa ra những lời cảnh tỉnh mỗi con người trước nguy cơ bệnh vô cảm đang lấn át cả lòng nhân ái. Cuối đời rồi mà nhà văn vẫn gửi lại cho đời những chiêm nghiệm đáng trân trọng biết bao!

Câu chuyện mà Nguyễn Minh Châu mang lại kể về một người mẹ mất con trong hoàn cảnh éo le: Không ai thân thích để an ủi giúp đỡ. Lúc này đây, cần biết bao những ánh mắt đồng cảm, những bàn tay che chở và hơn hết là sự giúp đỡ để tìm lại đứa con tội nghiệp kia. Vậy mà, sau những lời kêu gào thảm thiết của người mẹ trẻ là một sự im lặng đáng sợ vọng về từ "sa mạc" tình người. Là người mẹ trẻ, ắt

hắn người phụ nữ đó chưa đủ kinh nghiệm để bình tĩnh giải quyết sự việc, chỉ biết kêu như "kẻ mất trí, một người điên". Chính trong hoàn cảnh này, người bị nạn mới cần sự giúp đỡ hơn lúc nào hết! Nhưng tất cả đều quay lưng lại với chị, thờ ơ và lãnh đạm. Chao ôi! Thật đáng buồn! Đó chỉ là một câu chuyện đau lòng từ những năm 80 của thế kỉ XX mà nhà văn Nguyễn Minh Châu chứng kiến. Còn biết bao điều xảy ra mà những trang văn, trang báo không thể viết hết được?

"Lòng nhân ái" và "sự vô cảm" có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Ngày nay, "lòng nhân ái" bị suy giảm là do "sự vô cảm" đang có cơ hội lộng hành. Bởi vậy, phê phán và chống lại "sự vô cảm" cũng chính là chúng ta đang bảo vệ "lòng nhân ái".

Sống "vô cảm" là sống thờ ơ với thiên nhiên và con người. Con người đang sống giữa bà mẹ thiên nhiên vậy mà đứa con đó đang hỗn hào với người mẹ đáng kính và vĩ đại ấy. Những cánh rừng bị tàn phá một cách vô lối. Những dòng sông Tô Lịch, Thị Vải chỉ là một trong muôn vàn tiếng kêu thảm thiết về nạn ô nhiễm nguồn nước do rác thải sinh hoạt và công nghiệp gây ra... Ngay trong mỗi khu phố, mỗi căn nhà, con người cũng không được tận hưởng bầu không khí xanh – sạch – đẹp. Đối với thiên nhiên đã vậy, con người còn lãnh đạm với cả cộng đồng của mình. Lòng nhân ái – tình yêu thương con người đang bị bào mòn! Thậm chí, họ còn không quan tâm đến chính mình – quá khứ của mình. Điều đó thật đáng báo động.

Biết bao nhiêu sự vụ viết lên mặt báo, mà thực tế đời sống phức tạp hơn rất nhiều. Cán bộ công quyền gây rắc rối cho dân bằng nhiều thủ tục phiền hà vì chưa có tiền đút lót. Thầy thuốc thờ ơ với bệnh nhân nếu thiếu sự "nhiệt tình" của người nhà. Cán bộ các cấp ăn chặn tiền hỗ trợ của nhân dân... Dọc đường, mạnh ai người nấy đi; trong nhà, phận ai người nấy lo. Biết bao việc khác nữa khiến ta "trông thấy" mà không khỏi "đau đớn lòng". Cụ thể, như em Nguyễn Thị Bình ở quận Thanh Xuân – Hà Nội, suốt mười năm bị hành hạ đánh đập mà cả khu dân cư không ai giúp đỡ em thoát khỏi kiếp sống ấy. Ngay cả đến cán bộ phường cũng ngụy biện rằng: "Tại em Bình không đi tố cáo!"... Đợi một người không biết chữ, một người mang thân phận nô lệ đi tố cáo ông bà chủ để đòi quyền sống cho mình sao? Thật phi lí! Chỉ một chuyện ấy thôi, ta cũng đủ thấy căn bệnh vô cảm lan truyền đến đâu rồi. Vậy ta tự hỏi: Tại sao mà căn bệnh vô cảm lại hoành hành đến vậy? Sao nó có đủ sức mạnh để che lấp đi lòng nhân ái-ngàn đời của dân tộc ta?

Phải chăng cuộc sống xô bồ, cạnh tranh trên nhiều mặt của xã hội khiến con người chỉ biết để ý đến nhu cầu cá nhân? Nhìn cảnh ùn tắc giao thông, ta lại ngán ngẩm cho kiếp người bon chen, suốt đời phải sống trong cuộc cạnh tranh khốc liệt ấy! Cái ta một thời chống Mĩ cứu nước đã qua, giờ đây, cái tôi cá nhân càng có cơ hội phát triển! Nhất là ở lứa tuổi thanh thiếu niên. Họ thích khẳng định cá tính, phong cách và đẳng cấp của mình. Đúng là cần tôn trọng sự phát triển của cái tôi cá

nhân; đúng là phải cạnh tranh trong cuộc sống này; đúng là... cuộc sống có nhiều lí lẽ mà khó nói hết được. Song một khi cái tôi cá nhân phát triển đến mức cực đoan, tính ích kỉ được đẩy lên cao thì đó là căn nguyên dẫn đến căn bệnh vô cảm, là liều thuốc độc đối với lòng nhân ái! Ích kỉ đến mức nguy hiểm cho mọi suy nghĩ và hành động của bản thân sẽ khiến vô cảm chuyển sang vô đạo!

Con người mắc bệnh vô cảm sẽ không còn tình thương, lòng nhân ái và sự vị tha. Con người sẽ hành động tàn nhẫn và vô đạo. Con người sẽ chỉ biết đến chữ "lợi" mà quên đi rằng mình còn có lương tâm và trái tim. Bao việc đau lòng đã xảy ra như: con giết cha vì không có tiền chơi game; trò đánh thầy vì không được tự do chơi trong giờ học... Bệnh vô cảm sẽ dẫn dắt con người đi vào con đường tội lỗi, đi trái lại đạo lí và pháp luật. Mọi chuẩn mực đạo đức có thể bị đảo lộn, mọi giá trị bền vững có thể bị lung lay. Căn bệnh HIV chỉ làm suy giảm miễn dịch ở con người thì căn bệnh vô cảm sẽ như liều thuốc độc giết chết con tim đang cháy bỏng tình người.

Là một học sinh học văn, đôi lúc tôi vẫn nhìn đời sống qua lăng kính màu hồng xa rời thực tế. Bởi vậy, thầy cô thường nhắc nhở chúng tôi: Các em nên biết những cái xấu, cái ác ngoài xã hội để thấy rằng những trang văn đẹp biết bao và cả cuộc đời cũng vậy! Tuy vậy, đôi khi thầy cô vẫn than thở rằng: Chúng ta đều là những con người nhỏ bé quá, chỉ như cát bụi thôi, còn những kẻ phạm pháp, vô cảm kia lại là những kẻ lăm lăm, nhiều quyền lực. Ai dám bảo những thứ đó không có sức mạnh ghê gớm? Chúng tôi rất cảm ơn những lời tâm huyết ấy của thầy cô. Xã hội đâu thiếu những kẻ: "Vai mang các bạc kè kè – Nói quấy nói quá người nghe ầm ầm"? Tôi chợt xót xa: Đâu rồi những tùng, cúc, trúc, mai thời văn học trung đại? Nước ta không có Đôn Ki-hô-tê nhưng chẳng lẽ lại không có những hành xử "kiến nghĩa bất vi vô dũng dã" của Lục Vân Tiên? Chữ hèn của trí thức Việt Nam mà người ta vẫn nói là đây sao?

Trên mặt báo vẫn có cụ già hơn hai mươi năm theo kiện với hàng chục ki-lô-gam giấy tờ để chỉ ra, vạch tội sự vô cảm của nhà chức trách. Cuối cùng, ông đã thắng. Lại có những hiệp sĩ đường phố chuyên bắt cướp, không cần tiền thưởng hay huân huy chương. Có lẽ những điều đó sẽ là sự an ủi với linh hồn Nguyễn Minh Châu nơi chín suối. Nguyễn Minh Châu ơi, bệnh vô cảm không phải không có cách chữa trị và "lòng nhân ái" sẽ được bảo vệ thôi!

Hãy xem chuẩn mực "thương người như thể thương thân" của cha ông ta xưa là thước đo đánh giá nhân cách con người. Những kẻ vô cảm kia sẽ thấy vậy, xấu hổ mà từ bỏ lối sống vị kỉ!

Hãy tự bồi đắp tâm hồn của mình và của mọi người xung quanh. Vận động và tuyên truyền sống theo lòng nhân ái.

Luôn bênh vực và bảo vệ những con người dám lên án những thói vô cảm, tham nhũng của con người. Đừng để họ phải cô độc, bị thiệt hại về tiền của, tính mạng, đặc biệt là niềm tin vào xã hội này.

Nhà nước cần trừng phạt thích đáng những kẻ tham ô, hối lộ, vô cảm; cần tuyên dương kịp thời những con người tốt. Và quan trọng hơn cả là những nhà cầm quyền cần nêu gương cho nhân dân học tập.

Trên đây chỉ là những lí thuyết của một học sinh chuyên Văn sau khi đọc câu chuyện của Nguyễn Minh Châu. Những trần trở của nhà văn không chỉ cần tôi quan tâm mà còn cần cả các bạn cùng chung tay xây dựng xã hội, đẩy lùi căn bệnh vô cảm nguy hại kia.

..."Cần có một tấm lòng. Để làm gì, em biết không? Để gió cuốn đi!". Cuộc đời nghiệt ngã vậy sao? Biết rằng như mây bay thôi. Nhưng vẫn cần một tấm lòng... Tấm lòng để yêu thương, trân trọng, đồng cảm với nhau. Đầu xuân, đi thăm Yên Tử, lời ca trong bài hát của cố nhạc sĩ họ Trịnh: *Sống trong đời sống cần có một tấm lòng* cứ ngân vang mãi khiến lòng càng thêm thanh thản, tràn ngập cảm xúc lâng lâng và bỗng thấy cuộc đời sao đáng yêu đến thế!...

Câu 2.

Văn học vì con người mà có, do con người sáng tạo nên. Điều đó tưởng chừng như là một quy luật bất biến. Nhưng, còn có những quy luật khác nghiệt hơn nữa. Câu chuyện văn chương là câu chuyện "thiên cổ sự" như người xưa nói chăng? Thành ra, bàn mãi về văn chương vẫn không cùng, mặc dù, vẫn phải bàn mãi về văn chương!

Có ý kiến cho rằng: *Tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo* phải chăng cũng là một trong muôn vàn quy luật của văn chương? Ý kiến ấy đã đề cập đến nhiệm vụ cao cả, muôn đời của văn chương chân chính. Đó là thứ văn phải biết vì con người, được truyền tải tới người đọc dưới một hình thức độc đáo và hấp dẫn nhất, hài hoà nội dung và hình thức. Văn học và cuộc sống luôn luôn có quan hệ mật thiết với nhau. Nếu văn học không bám sâu vào đời sống thì văn học sẽ như cái cây bị khô héo vì thiếu những mạch nước ngầm. Trước đây, Tố Hữu đã từng khẳng định: *Văn học không chỉ là văn chương mà thực chất là cuộc đời. Văn học sẽ không là gì nếu không vì cuộc đời mà có, từ cuộc đời mà sinh ra. Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học.* Cuộc đời là nơi nuôi dưỡng những gì văn học cần quan tâm, đặc biệt là con người. *Tôn vinh con người* chính là sự đề cao, ngợi ca những vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn ở mỗi người. Không chỉ vậy, ngay cả trong lao khổ, trong những hoàn cảnh

nghiệt ngả nhất, văn học vẫn làm sáng lên vẻ đẹp người. Từ đó, ánh lên niềm tin vào cuộc đời và con người.

Từ văn học trung đại với tiếng kêu thương đứt ruột của *Doạn trường tân thanh* ta đã thấy văn học luôn chuyên chú, quan tâm đến con người: Đó là tiếng kêu xé lòng của Tố Như: *Đau đớn thay phận đàn bà!*. Đâu chỉ Dạm Tiên, đâu chỉ Kiều, mà còn có cả thân phận của Nguyễn Du trong ấy. *Hỡi ôi thân ấy biết là mấy thân?* (Tố Hữu). Đó, phải chăng là *tác phẩm văn học chân chính?*

Khi Nam Cao viết: *Còn gì buồn hơn chính mình lại chán mình*, ấy là nhà văn đã đi sâu vào thế giới tâm hồn của Hộ, nói giúp Hộ những đau đớn tột cùng của cõi lòng. Đó là nhiệm vụ chân chính muôn đời của văn chương.

Và tiếp bước Nam Cao, Nguyễn Minh Châu đã dốc hết tâm lực của mình để *"tôn vinh con người"*. *Chiếc thuyền ngoài xa* là một minh chứng. Nguyễn Minh Châu có hai giai đoạn sáng tác văn học. Trước năm 1975, nhà văn khám phá con người ở phương diện anh hùng lí tưởng. Tác phẩm mang đậm khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Nhà văn khai thác ở những cái tốt đẹp, cái cao cả, cái hùng tráng. Tuy vậy, sau 1975, biết bao biến động của đời sống đã khiến người nghệ sĩ chân chính ấy phải trở trở băn khoăn. Nhà văn không thể đi theo lối mòn của một thời "cả nước cùng chung một khuôn mặt". Người nghệ sĩ không thể phán xét đời sống một cách dễ dãi, xuôi chiều. Có lẽ, bởi thế mà những tác phẩm của ông sau 1975 *tôn vinh con người* ở những phương diện khác. Ngòi bút sắc sảo ấy đi sâu vào hiện thực đời sống, tìm tòi và phản ánh con người ở chiều sâu triết lí, mang đậm chất nhân sinh cao cả. Những *Bến quê*, *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Bức tranh*, *Một lần đối chứng*,... là những tác phẩm được sáng tác theo quan niệm mới này của Nguyễn Minh Châu. Tác phẩm: *Chiếc thuyền ngoài xa* được xem là một bản *tuyên ngôn nghệ thuật* xuất sắc của Nguyễn Minh Châu.

Chiếc thuyền ngoài xa đã đưa lại cho người đọc *sự tự nhận thức* về cuộc sống và con người. Tác phẩm này *tôn vinh con người* không phải bằng cách ca ngợi họ một cách lí tưởng mà quan tâm đến số phận con người tưởng chừng như nhỏ bé, vô danh. Đó mới là sứ mệnh cao cả của văn học. Truyện ngắn tạo ra những tình huống *tự nhận thức*, giúp người đọc từng bước từng bước khám phá hiện thực đa dạng và phức tạp.

Chọn một nhân vật là người chiến sĩ, từng trải qua chiến tranh, mất mát và đau thương, từng chiến thắng kẻ thù xâm lược bảo vệ nền độc lập và sự công bằng cho xã hội đồng thời là một nghệ sĩ có trái tim nhạy cảm, biết rung động trước cái đẹp, xót xa trước nỗi đau, Nguyễn Minh Châu đã đặt nhân vật Phùng trước tình huống nhận thức đầu tiên. Anh là một nhiếp ảnh gia đang đứng trước một cảnh tượng vô cùng đẹp, từ đường nét đến màu sắc, từ hình thức đến nội dung: *Trước mặt tôi là*

một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ. Mũi thuyền in một nét mơ hồ loè nhoè vào bầu trời sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Chao ôi! Đối với người nghệ sĩ, còn hạnh phúc nào hơn khi bắt gặp một nguồn sáng tạo nghệ thuật vô giá? Phùng như thấy có cái gì bóp thắt trái tim. Đang miên man sung sướng, hạnh phúc thì một cảnh tượng bất ngờ xảy ra. Anh chứng kiến một người đàn ông và một người đàn bà bước ra từ con thuyền đó. Họ là vợ chồng! Người chồng đã đánh vợ của mình một cách vũ phu và tàn nhẫn. Từng hành động, từng lời nói như được lập trình sẵn trong đầu người chồng. Những cái *ngheến răng ken két*, những tiếng vút của thắt lưng da cứ thế, cứ thế dội lên đầu người phụ nữ tội nghiệp. Phùng chỉ còn biết *đứng há mồm ra mà nhìn*. Cảnh tượng ấy xảy ra quá bất ngờ, quá nhanh khiến anh không thể không kinh ngạc. Cảnh tượng ấy đến với anh hai lần, cả hai lần anh đều can thiệp nhưng bất lực. Kết quả là anh bị thương, bị thẳng Phác ghét. Một người lính xông pha nơi chiến trường lại bị thua trận ngay trong cuộc sống đời thường. Thế mới biết, cuộc sống phức tạp biết bao. Nó thách thức cả những con người dày dặn kinh nghiệm sống, chiến đấu như Phùng.

Tình huống nhận thức thứ hai càng gây bất ngờ cho người đọc hơn nữa! Phùng phải nhờ đến sự can thiệp của pháp luật. Anh nhờ Đẩu – chánh án toà án huyện. Họ triệu tập người phụ nữ kia. Cả hai giảng giải, phân tích, nào là về quyền bình đẳng giới, quyền sống... Và họ thuyết phục người đàn bà khốn khổ kia bỏ chồng. Phùng và Đẩu đều rất tin vào bài thuyết giảng của mình, tin vào pháp luật và lòng tốt của mình. Nhưng sự thực không phải vậy! *Con lay quý toà... quý toà đừng bắt con bỏ nó; các chú đâu có phải là người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu..., trên thuyền cần có người đàn ông dù nó vũ phu, tàn bạo... bao lí lẽ của người đàn bà dần dần khiến Phùng và Đẩu sáng lòng. Từ chỗ không thể nào hiểu được, không thể nào hiểu được, cả hai đã chợt nhận ra: bây giờ tôi đã hiểu....* Từ vị trí của người chủ động, cả hai đã trở thành người lắng nghe người đàn bà kia, để hiểu thêm hiện thực đời sống phức tạp. Cả nghệ thuật và pháp luật đều không thể can thiệp vào quy luật của đời sống. Nguyễn Minh Châu đã gửi gắm tới người nghệ sĩ nói riêng và con người nói chung: hãy khám phá đời sống không chỉ ở bề ngoài mà cần đi vào bề sâu, bề xa; khám phá ở những mặt đa đoan, phức tạp của con người.

Chiếc thuyền ngoài xa nếu được viết vào giai đoạn trước 1975, có thể chỉ dừng ở chỗ Phùng phát hiện ra vẻ đẹp tuyệt vời của thiên nhiên. Nhưng sau 1975 những nhà văn tỉnh táo chợt nhận ra rằng: Cuộc sống không chỉ có những cái hùng, cái cao cả, cái trác tuyệt mà còn có cái bi, cái thấp hèn, cái đời thường. Con người cũng vậy, *rồng phượng lẫn rắn rết, thiên thần và ác quỷ*, cái tốt và cái xấu không phải lúc nào cũng rạch ròi. Nhiệm vụ của tác phẩm văn học chân chính là phản ánh được sự pha

trộn phức tạp ấy. *Cuộc sống thì đa sự, con người thì đa đoan*, Nguyễn Minh Châu đã từng nói vậy và *Chiếc thuyền ngoài xa* đã thể hiện được tâm huyết ấy của nhà văn.

Tác phẩm văn chương dù có mang một tư tưởng lớn đến đâu nhưng nếu không mang một "hình thức nghệ thuật độc đáo" thì khó có thể đi đến trái tim người đọc. Vì để hấp dẫn, lôi cuốn người đọc, trước hết cần có hình thức độc đáo, sáng tạo, không lặp lại. Mọi quan hệ giữa nội dung và hình thức của một tác phẩm vô cùng chặt chẽ, gắn bó. Hình thức giúp tư tưởng của tác phẩm được truyền đạt một cách sáng rõ, hấp dẫn, lôi cuốn.

Truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* lôi cuốn người đọc là nhờ những tình huống chất chứa đầy nghịch lí. Những sự kiện bất ngờ liên tiếp xảy ra thu hút trí tò mò, thích khám phá của độc giả. Tình huống đã giúp truyện ngắn này tạo ra nhiều lớp vỏ, mỗi lần bóc tách một lớp vỏ là một lần khám phá. Hai lần *phản tỉnh* là hai lần nhà văn sử dụng thuốc thử để tự bản thân hiện thực đời sống bộc lộ ra tất cả. Nhờ đó mà nhà văn càng có cái nhìn khách quan hơn về hiện thực, trước cuộc đời và con người. Tuy nhiên, qua giọng văn lạnh lùng, sắc sảo ấy ta vẫn thấy một trái tim nóng hổi tình người, một sự trân trọng con người.

Tiếp bước Nam Cao, Nguyễn Minh Châu đã đưa thể loại truyện ngắn lên một tầm cao mới, như một bước phát triển về khám phá và *tôn vinh con người*. Nếu như Nam Cao tuyệt vọng về xã hội của mình thì Nguyễn Minh Châu thông qua tác phẩm vẫn thể hiện niềm tin của mình vào con người. Như người phụ nữ kia vẫn thấy hạnh phúc khi đàn con được ăn no, mặc dù chị rất bất hạnh, khổ đau!

Văn chương không chỉ giúp ta nhận thức lại "hiện thực đời sống" mà còn giúp ta "nhận thức lại" chính mình với những lối thể hiện độc đáo. Văn chương đáng thờ là *văn chương chuyên chú ở con người* (Nguyễn Văn Siêu). Văn chương muôn đời là tiếng kêu *đau đớn thay phận đàn bà*. Văn chương đích thực là *tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than* (Nam Cao). Văn chương chân chính là một sự phản tỉnh, cuộc chạy đua ma-ra-tông "săn đuổi chính mình". Văn chương trường tồn là văn chương luôn truy tìm sự thực tâm lí của cõi người, luôn tạo ra sự hài hoà về nội dung và hình thức.

Để làm nên những áng văn chương trên không chỉ cần người nghệ sĩ có tài mà còn cần những người cầm bút dũng cảm, bản lĩnh, trung thực, không vuốt ve mình vô lối, không thoả mãn với chính mình như Nguyễn Minh Châu từng nói: *Suốt đời rút lại là một sự săn đuổi chính mình*.

Cuộc sống phong phú và phức tạp kia đang đón chờ những cây bút khám phá ấy, dám dẫn thân như "Jesus tinh thần" (Lê Ngọc Trà)! Cánh cửa ấy đang rộng mở!...

(Bài đoạt giải Nhất – 17,5/20 điểm)

NHẬN XÉT

Về cơ bản, những yêu cầu đặt ra trong đề bài đã được bài làm đáp ứng khá tốt.

Ở câu 1:

Bằng vốn kiến thức sâu rộng, sự trải nghiệm cuộc sống sâu sắc, người viết đã hiểu và luận bàn trúng, sâu về vấn đề *lòng nhân ái và sự vô cảm của con người trong cuộc sống*. Cách lập luận sáng rõ, lí lẽ sắc sảo, thuyết phục, dẫn chứng sinh động, có chọn lọc, mang âm hưởng của cuộc sống đương đại. Phần luận bàn về sự vô cảm của con người trong cuộc sống được viết dày dặn, công phu và rất thuyết phục.

Tuy nhiên, bài viết còn một nhược điểm cần phải trao đổi thêm. Thứ nhất, vấn đề nghị luận được đưa ra bắt nguồn từ một câu chuyện; trong quá trình nhận thức nội dung, ý nghĩa của câu chuyện người viết đã không tóm lược ngắn gọn những sự kiện chính khiến phần triển khai luận điểm này chưa thực sự sáng rõ. Thứ hai, đề bài yêu cầu luận bàn về *lòng nhân ái và sự vô cảm của con người trong cuộc sống* nhưng người viết bài dường như quá tập trung vào sự vô cảm nên nội dung về lòng nhân ái có vẻ như bị xem nhẹ. Vì thế, mối quan hệ biện chứng của hai vấn đề chưa thực sự được thiết lập và luận bàn thuyết phục trong bài viết.

Ở câu 2:

Người viết về cơ bản đã hiểu đúng lời nhận định: *Tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo*. Đồng thời, thức nhận khá rõ quan hệ biện chứng của vấn đề: *sự tôn vinh được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật độc đáo và những hình thức nghệ thuật độc đáo được sáng tạo ra bao giờ cũng nhằm mục đích cốt yếu là tôn vinh con người*. Người viết khẳng định: *ý kiến đã đề cập đến nhiệm vụ cao cả, muôn đời của văn chương chân chính. Đó là thứ văn phải biết vì con người, được truyền tải tới người đọc dưới một hình thức độc đáo và hấp dẫn nhất, hài hoà nội dung và hình thức... Cuộc đời là nơi nuôi dưỡng những gì văn học cần quan tâm, đặc biệt là con người. Tôn vinh con người chính là sự đề cao, ngợi ca những vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn ở mỗi người. Không chỉ vậy, ngay cả trong lao khổ, trong những hoàn cảnh nghiệt ngã nhất, văn học vẫn làm sáng lên vẻ đẹp người. Từ đó, ánh lên niềm tin vào cuộc đời và con người*.

Tuy nhiên, người viết chưa bám sát vào phần kiến thức lí luận về tác phẩm văn học để luận bàn và làm rõ bản chất của nhận định dẫn trong đề: tính chính thể của một tác phẩm văn học chân chính; trong đó, nội dung và hình thức luôn hoà hợp với nhau.

Phần cảm thụ tác phẩm để làm sáng tỏ nhận định, người viết chọn truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu và tỏ ra khá sâu sắc khi phân tích

được những khía cạnh cụ thể để làm bật lên những giá trị người mà truyện ngắn tôn vinh. Đồng thời, cũng đã phân tích khá tốt những hình thức nghệ thuật đặc sắc, độc đáo mà Nguyễn Minh Châu sáng tạo ra để làm nổi bật những giá trị người trong tác phẩm. Bài viết sẽ toàn diện hơn nếu ở phần lí luận làm rõ vấn đề: *tôn vinh gồm cả ngợi ca cái tích cực lẫn phê phán cái tiêu cực* để từ đó soi chiếu vào truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*.

Diễn đạt lưu loát và trong sáng. Văn viết có cảm xúc, giàu hình ảnh, có giọng điệu. Cần lưu ý, đôi chỗ văn viết có vẻ rời rạc, đứt mạch.

BÀI LÀM SỐ 3

Câu 1.

Cuộc sống từ trong bản chất là do chính con người tạo nên, ấy thế mà con người thực chất lại hiểu rất ít về “đứa con” của mình. Người ta vẫn cứ sống, vẫn cứ chạy, vẫn cứ quay trong vòng đời bất tận và vẫn cứ quên, từng ngày, từng giờ, từng phút, quên đi rằng mình phải khám phá “đứa con” vô hình ấy: Cuộc sống thực chất là gì? Qua những trang ghi chép cuối cùng của đời mình, Nguyễn Minh Châu đã trả lời câu hỏi đó.

Cuộc sống trên bề nổi là cái hối hả, xô bồ, là cái chen chúc bộn bề *có những dây người xếp hàng ba, hàng tư dài dằng dặc, như rồng rắn* trên những sân ga, là cái nhিপ quay cuồng đến chóng mặt và đảo điên của cơ chế thị trường khi con người tung thả mình vào con tàu tốc hành kiếm sống. *Chung quanh cái dây người xếp hàng là bạt ngàn những người đang ngồi giữa hàng đông, hàng núi hàng hoá, cuộc sống ấy là cảnh chung quanh chẳng ai đoái hoài, là cái đứng đưng của những người đang trong một vẻ ngái ngủ hoặc sợ mất cắp* trước nỗi đón đau đến xé ruột vì mất con của một người đàn bà. Vâng, cuộc sống ấy là một *sa mạc*.

Nói cho đúng, cái nắng nóng của sự xô bồ, của gánh nặng đồng tiền trong thời buổi kinh tế thị trường vừa mới chớm đã thiêu đốt đi cái nguồn nước vô giá nhất – tình người, *lòng nhân ái*, để lại sân ga kia và cuộc sống này một sự *vô cảm*:

Con người từ khi còn là một bào thai lớn lên bằng máu mẹ đã được chào đón bằng bao yêu thương, ngóng đợi của những người thân yêu. Đến khi nhìn thấy tia nắng sớm mai của cuộc đời lại được che chở trong những bàn tay ấm áp. Lòng nhân ái mà chính là tình yêu thương còn người đã cất tiếng gọi mỗi chúng ta từ khi còn là một sinh linh bé bỏng. Lòng nhân ái là thứ duy nhất khiến một kẻ thù thành một người bạn.

Lòng nhân ái là thứ tình cảm thiêng liêng bậc nhất, cứu rỗi linh hồn con người và nâng đỡ thế giới này. Cuộc sống thực chất là một biển yêu thương, nơi người ta có thể trao đi mà không cần nhận lại.

Bạn đi tìm lòng nhân ái ở đâu ư? Ở sự chăm sóc ân cần của mẹ cha, hay ở niềm hi vọng trong ánh mắt người thầy? Câu trả lời là ở bất cứ đâu trong cuộc sống, bởi sống là yêu thương!

Thế nhưng, thực tế dường như trái lại. Bước vào sân ga kia, tôi, bạn và Nguyễn Minh Châu cùng hỏi: lòng nhân ái ở đâu? Ở sự dửng dưng và vô cảm của con người? Hay ở sự bỏ mặc đầy lạnh nhạt không chút tình người của những đồng loại kia? Đau đớn mà đành lòng thừa nhận lòng nhân ái đã không còn giữa sa mạc vô tâm.

Cuộc sống trôi đi với những bận bịu, những lo toan, con người ta hoà mình vào dòng chảy mưu sinh mà quên đi rằng cần phải mưu cầu và không bao giờ được phép lãng quên một thứ: lòng nhân ái. Sự khát khao vật chất, sự cầu mong một cuộc sống giàu sang khiến con người ta mù quáng đặt lí trí ở đồng tiền mà đánh rơi trái tim yêu thương vào quên lãng.

Trong một câu chuyện cực ngắn đã đoạt giải Nô-ben, vấn đề tình người, lòng nhân ái cũng đã được nhắc đến. Trên chuyến tàu tốc hành, có một anh thanh niên nhường chỗ cho bà già, bà già ngạc nhiên bàng hoàng đến ngất đi, rồi bà già tỉnh dậy, cảm ơn anh thanh niên. Câu chuyện là một hồi chuông cảnh tỉnh cho mỗi người về lòng nhân ái và sự vô cảm.

Nó giống như tiếng kêu thất thanh của người mẹ bất hạnh kia: *Các ông các bà có ai thương tôi cứu tôi với.* Đó không chỉ là tiếng kêu cứu của một người mẹ mất con mà là tiếng kêu cứu của Nguyễn Minh Châu, của bạn, của tôi, của những người còn biết yêu thương hãy cứu lấy thế giới này, một thế giới đang trở thành sa mạc vì thiếu lòng nhân ái. Cái tiếng kêu đau xót đến cháy lòng kia chính là tiếng kêu cứu chính mình của con người đang sống mà quên đi yêu thương.

Song, nhìn vào sân ga Hàng Cỏ ngày hôm ấy, nhìn vào cuộc sống này, chúng ta vẫn phải lạc quan mỉm cười vì vẫn có một người như Nguyễn Minh Châu, vì vẫn có một Bin Ghét giàu sang dành toàn bộ tài sản của mình làm từ thiện, vẫn có những người biết yêu thương và trao yêu thương. Thì ra cuộc đời này vẫn còn những tình yêu. Bạn vẫn hạnh phúc vì những lời động viên trước khi lên đường đi chinh phục những niềm mơ ước. Bạn vẫn mỉm cười khi nhận được những sự quan tâm. Bởi vậy, bạn vẫn có thể làm cuộc sống này tràn đầy yêu thương và bình tĩnh sau sự mông muội trong những khao khát vật chất.

Thấu hiểu và hành động! Đó mới là biểu hiện cao cả và chân thực nhất của lòng nhân ái. Hãy nghĩ đến những yêu thương còn tồn tại trên trái đất này để lấy đó làm điểm tựa khơi nguồn ngọn lửa tình yêu trong mỗi con người như một nhà bác học nổi tiếng đã từng nói: *Nếu cho tôi một điểm tựa, tôi sẽ nâng cả trái đất lên.*

Câu 2.

Con người từ khi tồn tại và trải qua biết bao lịch sử thăng trầm – đã, đang và sẽ vẫn là thực thể hoàn mĩ nhất và cũng phức tạp nhất. Bởi lẽ đó, sẽ không có gì là đáng ngạc nhiên khi con người luôn hiện diện trong mọi bề mặt của không gian cuộc sống ở vị trí trung tâm, và cũng sẽ là dễ hiểu khi ai đó cho rằng: *Tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo.* Đến với *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu, ta sẽ tìm thấy sự tôn vinh đó, không hiện hình ngay mà mơ hồ, loè nhoè sau màn sương hồng, ẩn hiện...

Xưa nay, người ta vẫn đặt ra câu hỏi *Nghệ thuật hướng đến đối tượng là gì?* và vẫn mãi miết đi tìm câu trả lời bằng những tác phẩm nghệ thuật chân chính nhất. Nếu các nhà mĩ học, duy tâm khách quan cho rằng, nghệ thuật hướng đến cái đẹp của thế giới vĩnh hằng, thế giới của ý niệm tồn tại trước con người thì các nhà mĩ học duy vật chủ quan lại nghĩ rằng đối tượng của nghệ thuật nằm trong chính cái chủ quan bên trong mỗi người nghệ sĩ. Bác bỏ hết những luận điểm phiến diện trên, nhà dân chủ cách mạng Nga Séc-nư-sép-ski phát biểu: *Phạm vi của nghệ thuật là tất cả những gì có trong hiện thực (trong thiên nhiên và trong đời sống) làm con người quan tâm nhưng đó không phải cái quan tâm của một học giả mà là cái quan tâm của con người bình thường.* Văn học cũng như nghệ thuật, luôn hướng đến cái đẹp của đời sống, đến những *bụi vàng* của cuộc đời, nhưng dù đó có là cái đẹp như thế nào, dù những *bụi vàng* ấy có thể được tìm thấy ở bất cứ ngõ cạnh nào, chúng vẫn phải gắn liền và liên quan tới con người. Nếu các ngành khoa học nghiên cứu bản chất con người như một *sinh vật cao cấp* thì văn học nghệ thuật lại tìm đến con người để khám phá mối quan hệ giữa thực thể phức tạp này với môi trường thế giới xung quanh. Điều này đúng ở cả thời kì trung đại, khi mà tính *phi ngã* trở thành một đặc điểm cơ bản chi phối mọi sáng tác thơ văn, khi mà một người con gái đẹp đến *ngiên nước, nghiêng thành* vẫn phải hiện diện qua cái chuẩn mực là thiên nhiên (*Làn thu thủy nét xuân sơn/ Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*). Như nàng Kiều trong *Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du thì con người ấy, cuộc đời mười lăm năm lưu lạc đày đọa ấy vẫn cứ là đối tượng để bậc đại thi hào nhỏ giọt lệ sầu mà than: *Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Trong tập thơ *Khối vuông ru-bíc*, Thanh Thảo đã viết như một quan điểm có tính tranh luận cho bản thân, và có lẽ cũng là cho tất cả những thế hệ cầm bút. *Người ta đã nhìn trái đất từ nhiều hướng nhưng trái đất vẫn chưa được khám phá hết. Người ta đã thăm dò con người bằng nhiều cách nhưng con người vẫn là một khối bí mật. Làm sao anh nói thơ đang chết?* Phải chăng, đấy cũng là lí do chính đáng nhất cho lời phát biểu có phần mạnh mẽ của Xan-tu-khốp Sê-đrin : *Văn học nằm ngoài những định luật của băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết.* Có thể nói, chừng nào con người còn sống, còn biết yêu thương cảm hờn, chừng nào cuộc sống vẫn là một khối ru-bích với những mảnh ghép cuộc đời đầy những gam màu sáng tối quay quanh một trục chính không bao giờ thay đổi là con người, thì chừng ấy, văn học vẫn tồn tại và phát triển. Bởi xét đến cùng, *nghệ thuật là chiếc kính hiển vi để nhà văn soi vào những bí ẩn chung của mọi người* (Pau-xtốp-ski). Cái bí ẩn đó chính là *bản chất nghệ sĩ*, là cái đẹp viên mãn trong mỗi con người mà văn học nghệ thuật phải khám phá, kiếm tìm. Do vậy, *tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo.*

Hoài Thanh đã từng viết trong cuốn *Nam Cao – Những tác phẩm tiêu biểu trước 1945* như sau: *Một người sinh ra với một tâm hồn kì dị, một mối tình cảm nồng nàn thêm trí tưởng tượng vô cùng phong phú. Ngay từ khi còn bé, trong lúc những trẻ em cùng một tuổi chỉ biết nô đùa, có khi, người ta thấy nó ngồi trầm ngâm hàng giờ, hai mắt mơ màng như ở trong một thế giới khác. Hơi gió thoảng, tiếng chim kêu, một người rách rưới lê gót bên vệ đường, bao nhiêu điều người đời không để ý đến đều để lại trong nó những tiếng vang không dứt, những vết thương không bao giờ lành. Nó khóc, nó cười, lắm khi không vì nó, không vì những người chung quanh nó mà vì những người, những cảnh đâu đâu trong trí tưởng tượng. Tâm hồn nó như ngọn núi lửa chỉ chờ dịp tung ra những dòng nước lửa, những tác phẩm bất hủ.*

Nhắc lại ý của M. Go-rơ-ki: *Bản chất mỗi con người đều là nghệ sĩ.* Cái bản chất ấy hoá ra lại là ở cái *khóc*, cái *cười*, ở cái *ngọn núi lửa tâm hồn* Hoài Thanh nhắc đến, mà tôi cho rằng đó là tình người và lòng tin. Bởi như GS. Hoàng Ngọc Hiến đã từng nói: *Tình thương là năng lực nhân tính bất diệt của con người và Lòng tin là trái tim của văn học nghệ thuật*, con người vốn không đơn trị, nhất phiến mà đa trị, đa diện, lưỡng phân. Trong con người lẫn lộn giao tranh bóng tối và ánh sáng, rùng rợn phượng lẫn rắn rết, thiên thần và ác quỷ, cao cả và tầm thường. Sự khám phá một cách toàn vẹn nhất về con người đã được thể hiện khá tiêu biểu qua những sáng tác sau 1975, khi không khí “dân chủ hoá” bao trùm cả thời đại. Phải nhìn nhận con người ở góc độ đó thì mới thấy hết được cái “chân chính” của một tác phẩm thực chất là tình yêu và lòng tin của người nghệ sĩ. Đó cũng chính là lí do tôi chọn *Chiếc*

thuyền ngoài xa – một tác phẩm chứa đầy những nghịch lí trong bản thể con người để làm một minh chứng xác đáng nhất cho *sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo*.

Chiếc thuyền ngoài xa mở đầu là một cái cớ, phóng viên Phùng – theo ý cấp trên về một vùng duyên hải để tìm kiếm, phát hiện và chụp những bức ảnh thật độc đáo và đặc sắc. Cái cớ này thực chất là để bắt đầu một câu chuyện, đầy nghịch lí và cá những nhận thức, vỡ lẽ.

Mũi thuyền in một nét mơ hồ loè nhoè vào bầu sương mù trắng như sữa pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào... Một cảnh tượng toàn bích đến nỗi người phóng viên cảm tưởng như đã khám phá được cái vẻ đẹp đích thực của chân – thiện – mỹ và cái trong sáng vô ngần của tâm hồn con người. Trong lòng nhân vật dậy lên một tình yêu và một niềm hạnh phúc lớn lao vỡ oà trước *cái cảnh trời cho* ấy. Thế nhưng, đằng sau cái cảnh đẹp vĩnh hằng ấy là gì?

Đó là một cảnh tượng hãi hùng mà ngay sau đấy, Phùng được chứng kiến rõ nét, đập thẳng vào mắt Phùng chứ không *mơ hồ* như cảnh *chiếc thuyền ngoài xa*. Cái khoảnh khắc ngắn ngủi ấy đã mở ra cả một chân trời cho người phóng viên khám phá, đó gọi là *một khoảnh khắc mà khi ấy, cuộc sống đậm đặc nhất, có ý nghĩa nhất*, khoảnh khắc đáng giá *một đời người, một đời nhân loại* (Nguyễn Minh Châu). Tình huống nhận thức này đã mở ra biết bao suy tư và vỡ lẽ.

Đằng sau chiếc thuyền ẩn trong làn sương sớm đẹp vô ngần... là cảnh bạo lực gia đình với một người chồng vũ phu hành hạ vợ rất dỗi tàn nhẫn.

Và đằng sau cái tình huống lớn ấy sẽ là một loạt những tình huống nhỏ tiếp theo, một loạt những cái “đằng sau... là...” tiếp nối:

Đằng sau cái khuôn mặt rõ, cái vẻ bề ngoài xấu xí của người đàn bà hàng chài trạc ngoài bốn mươi lại là cái đẹp mà nói như cách của Nguyễn Minh Châu: *Cái hạt ngọc ẩn giấu bên trong tâm hồn con người*. Hạt ngọc ấy toả sáng lấp lánh ở sự cam chịu, ở đức hi sinh của một người phụ nữ mang nặng trên vai cái gánh nặng không cùng – mẹ của một đàn con.

Thì ra, đằng sau cái vô học của một người đàn bà bị chồng đánh *năm ngày một trận nặng, ba ngày một trận nhẹ* ấy lại chính là sự từng trải và thấu hiểu sự đời hơn bao giờ hết, hơn cả anh trí thức đã từng biết đến đạn bom và cái đau khổ đắng cay của cuộc đời người lính: *Các chú đầu có phải là người làm ăn... các chú đầu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc...* Đằng sau câu nói ấy là cái lẽ đời mà người đàn bà hàng chài đã hiểu thấu đến tận xương tủy. Bởi trên chiếc thuyền lênh đênh giữa sóng nước và bão tố đại dương, không thể thiếu một người

đàn ông nắm vững mái chèo. Bởi mang thiên chức là một người mẹ trên cuộc đời này, chị phải *sống cho các con chứ không thể sống cho mình*. Bởi sau cái đau đớn về xác thịt mỗi lần bị đòn chông, chị vẫn thấy niềm hạnh phúc pha lê mong manh ẩn trong ánh mắt lóng lánh khi nhìn những đứa con được ăn no. Phùng, Đẩu và có lẽ cả chúng ta sẽ phải *giật mình*. Giật mình trước sự chín chắn, sâu sắc lẽ đời, luật đời của người phụ nữ. Giật mình trước sự hoán ngôi ngẫu nhiên khi người đàn bà hàng chài trở thành *chánh án cuộc đời*. Giật mình trước hạnh phúc xót xa khi tìm thấy một vẻ đẹp khuất lấp đằng sau bao nhọc nhằn khổ ải của cõi nhân sinh...

Đúng như Thạch Lam đã nói: *Cái đẹp man mác khắp vũ trụ, len lỏi khắp các hang cùng ngõ hẻm, tiềm tàng ở những vật tầm thường. Công việc của nhà văn là hiểu cái đẹp ở chỗ mà không ngờ tới, tìm kiếm cái đẹp kín đáo và che lấp, cho người khác một bài học trông nhìn và thưởng thức. Xoá mờ đi cái mơ hồ, loè nhoè của màn sương hồng sớm mai, chẳng phải Nguyễn Minh Châu đã tìm ra cái đẹp khuất lấp trong thẳm sâu con người, đã tôn vinh con người một cách đầy cảm phục đó sao?*

Chính C. Mác đã khuyên những người nghệ sĩ hãy *thọc tay vào đáy cuộc sống, vào tận sâu cuộc đời*, ở đó, anh sẽ *tóm* được những điều thú vị. Sự cảm thông cho một người chồng từ anh chàng *hiền lành* thành một kẻ vũ phu có lẽ chính là cái thú vị, cái đẹp tiếp theo đằng sau ấy... Người đàn bà vô học đã không chỉ hiểu cái khổ khổ lay lắt đè bẹp bao kiếp người nổi trôi trên sóng cả đại dương, thấm thía cái muối mặn cuộc đời mà còn hiểu và cảm thông cho cả những nạn nhân của đói nghèo và sự tối tăm nhận thức. Người chồng ấy đánh vợ mà như cũng tự hành hạ mình khi ông ta cũng nhăn nhó, cũng đau đớn, cũng rên xiết. Người chồng ấy đánh vợ và coi đó như một lẽ tự nhiên, một điều thường tình mà không một bộ luật nào trong tâm thức y có thể ngăn cản. Cái đói, cái nghèo, cái khổ đã nhấn chìm con người ta trong sự mông muội kéo dài, đã làm lấn át đi cái tình người trong bản chất, đã dày đoạ thể xác và cả tâm hồn của một người đàn ông. Đau đớn mà cam chịu, bởi người đàn bà ấy hiểu, hiểu tất cả và quyết không bỏ chồng.

Lật mở từng tấc đất cuộc đời để nhìn vào cái dòng ngầm trong mỗi con người, ta lại càng *giật mình* trước người phụ nữ ấy. Cái gì đã làm nên sức mạnh phi thường đó, cái gì đã trở thành tấm áo bào che chắn mọi đau thương? Khám phá vĩ đại và bất diệt của Nguyễn Minh Châu, nhà văn *mái miết với cái đẹp* (Tô Hoài) chính là tình yêu – cái “bản tính tốt đẹp của con người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất” mà Nam Cao cũng đã đi tìm cả một đời mình. Kiếm tìm, phát hiện và trình bày cho người ta thấy vẻ đẹp vĩnh hằng của tình yêu thương ngay cả ở chỗ con người không được thương yêu và dường như không có lí do để yêu thương –

Phải chăng đó chính là sự tôn vinh con người trong tác phẩm văn học chân chính: *Chiếc thuyền ngoài xa*?

Trong một truyện ngắn của mình, Nguyễn Huy Thiệp có viết đại ý như sau: Mọi thiết chế xã hội đề ra, đều chật hẹp so với những khát khao nhân bản miên viễn của nhân loại. Cái bi, cái hài có cả ở đấy, mọi sự cao cả giữa chốn trần tục... Nói cho đến cùng, tất cả các tác phẩm chân chính đều là niềm tin, là sự khát khao những cái *nhân bản* đó. Và bằng lòng tin của một nhà văn suốt đời trần trở cho nghệ thuật, Nguyễn Minh Châu đã làm được điều đó khi sinh thành đứa con tinh thần *Chiếc thuyền ngoài xa*.

Song một câu thơ hay với ý tưởng cao cả và sâu sắc cũng sẽ vẫn làm chối tai ta bằng sự méo mó. Mỗi một tác phẩm nghệ thuật đích thực bao giờ cũng là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung. Sự huỷ diệt về hình thức cũng giống như sự huỷ diệt về nội dung và ngược lại (Bi-ê-lin-xki). Những nội dung tu tưởng hết sức nhân bản và cao đẹp của Nguyễn Minh Châu hẳn sẽ trở thành “sự thô bỉ” (Gót-tơ) nếu mang một hình thức khác – không phải – mà Bùi Việt Thắng cho là “cái tinh anh của nhà văn và tinh hoa của tác phẩm” đã cô đặc và chứa đựng trong đó tất cả những gì là cuộc sống được “tinh lọc” qua con mắt Nguyễn Minh Châu, để *Chiếc thuyền ngoài xa* có thể gây một ấn tượng liền mạch duy nhất vào tâm trí và nhận thức của bạn đọc. Bên cạnh đó, sự phát triển và chọn lựa của tình huống nhận thức cũng góp phần quan trọng vào mạch phát triển của câu chuyện – gây ra những hiệu ứng bất ngờ, những vỡ lẽ trong chiều sâu nhận thức, khiến người đọc dần dần được *khai sáng* trong chính những bản tính đẹp đẽ nhất của loài người. Nói tóm lại, sự thống nhất, hoà trộn đến tan biến ở cấp độ nhỏ nhất là chi tiết giữa nội dung và hình thức cũng là cái mà một tác phẩm nghệ thuật luôn phải hướng tới. Bởi *tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo*.

Gót-tơ đã từng nói về Bét-thô-ven như sau: Ông đã có cái ánh sáng dẫn đạo của một thiên tài lỗi lạc, soi sáng ông như một làn chớp. Trong khi đó, chúng ta mò mẫm trong bóng tối và tìm kiếm kẻ hở từ ánh sáng đó.

Không phải nghệ sĩ nào cũng là Bét-thô-ven nhưng mọi tác phẩm chân chính đều ra đời trong “làn chớp” đó – làn chớp của tài năng, tâm huyết của một con người mà thực chất: *Suốt cuộc đời chỉ làm một việc: đem máu thịt và tâm hồn mình vào tác phẩm* (Mạc Ngôn). Nguyễn Minh Châu – người luôn quan niệm khi có sự nhào nặn đến tan nhuyễn giữa triết lí và đời sống là khi nhà văn có thể đem đến cho bạn đọc “một cái gì đó nằm ngoài chữ nghĩa” hẳn đã sáng tác trong làn chớp ấy.

Chiếc thuyền ngoài xa ra đời vào năm 1983, là thời kì mà văn học đã bước sang một chặng đường mới. Đại thắng mùa xuân 1975 đã mang lại độc lập, tự do và thống nhất cho Tổ quốc. Những khó khăn của thời kì hậu chiến, di chứng chiến tranh vẫn còn hiển hiện trong mỗi cuộc đời; *hố bom chiến tranh* đã được lấp bằng nhưng *mảnh đất chiến tranh* vẫn chưa thôi rỉ máu đau đớn trong tâm hồn, con người đã phải quày quả kiếm tiền, đối mặt với cơ chế thị trường hấp dẫn quyến rũ mà khắt khe nghiêm ngặt. Đối mặt với tất cả và với chính mình. Cuộc sống hiện tại bao ngổn ngang bề bộn đã kéo văn học từ khuynh hướng *sử thi* (thời kì 1945 – 1975) xuống gần hơn với đời sống *thế sự*, để nhìn kĩ hơn vào con người thật từ những tầng diện phong phú nhất. Sự khám phá và tìm kiếm những *hạt bụi vàng* còn sót lại đằng sau cái bề ngoài dị nghịch trong nhân vật người đàn bà của Nguyễn Minh Châu xuất phát từ môi trường đó. Với tôi, một *tác phẩm văn học chân chính* không thể chỉ đơn giản là *tôn vinh* con người bằng những hình thức nghệ thuật độc đáo, ở những vẻ đẹp hiển hiện rõ ràng mà đó phải là sự *tôn vinh* cái đẹp tiềm tàng và ẩn khuất giữa những xấu xa, cặn bã, là sự *tôn vinh* hàm chứa niềm thương và lòng tin. Đó chính là sự *tôn vinh* chân chính và cao cả nhất.

Một người bạn đã từng nói với tôi rằng: *Tớ hiểu và tớ biết rằng văn học cho tớ sự chín chắn, trải nghiệm và con mắt tươi đẹp, lạc quan trước cuộc đời, con người và tớ trân trọng điều đó hơn bất cứ thứ vật chất nào.* Mỗi lần đến với một tác phẩm văn học chân chính như *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu, tôi lại nghĩ đến và suy nghĩ về lời nói đó.

(Bài đoạt giải Nhất – 17/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng cơ bản những yêu cầu đặt ra trong đề bài.

Ở câu 1:

Bài viết đã cơ bản luận bàn về lòng nhân ái và sự vô cảm của con người trong cuộc sống ở nhiều phương diện như biểu hiện, nguyên nhân, ý nghĩa hoặc tác hại. Đáng khen ở chỗ dù là văn nghị luận xã hội nhưng bài viết không khô khan mà giàu hình ảnh và cảm xúc. Có những đoạn viết khá sắc, như: *Cuộc sống trên bề nổi là cái hối hả, xô bồ, là cái chen chúc bộn bề có những dây người xếp hàng ba, hàng tư dài dằng dặc, như rồng rắn trên những sân ga, là cái nhịp quay cuồng đến chóng mặt và đảo điên của cơ chế thị trường khi con người tung thả mình vào con tàu tốc hành kiếm sống...*

Tuy nhiên, bài viết còn một vài điểm yếu khá rõ. Vấn đề nghị luận được đưa ra bắt nguồn từ một câu chuyện, người viết trong quá trình nhận thức đã không tóm lược ngắn gọn những sự kiện chính của câu chuyện khiến việc triển khai luận điểm chưa thực sự sáng rõ. Văn có màu sắc riêng nhưng nhìn chung toàn bài ý còn sơ sài. Tiếc thay.

Câu 2 viết tốt hơn câu 1. Người viết có kiến thức lí luận văn học sâu và rộng, biết vận dụng một cách linh hoạt trong việc cắt nghĩa và bàn luận về lời nhận định được nêu ở đề bài cũng như việc kết hợp với phần cảm thụ tác phẩm để minh chứng cho vấn đề, thể hiện một lối viết riêng, đậm đà chất văn.

Người viết cơ bản đã hiểu đúng lời nhận định: *Tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo.* Người viết cũng nhận thấy quan hệ biện chứng của vấn đề: sự tôn vinh được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật độc đáo; và, những *hình thức nghệ thuật độc đáo* được sáng tạo ra bao giờ cũng nhằm mục đích cốt yếu là *tôn vinh con người.* Người viết cũng đã có ý thức bám sát vào phần kiến thức lí luận về tác phẩm văn học, từ đó luận bàn đến tính chỉnh thể của một tác phẩm văn học chân chính. Trong đó, nội dung và hình thức hoà hợp với nhau để tạo nên một chỉnh thể sống động.

Phần cảm thụ tác phẩm để làm sáng tỏ nhận định, người viết khá tinh tế khi chọn truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu và khá sâu sắc khi phân tích, thẩm bình làm nổi bật lên giá trị nhân văn của thiên truyện.

Tuy nhiên, nên tránh tình trạng tham phô kiến thức, dùng chữ cầu kì khiến văn nhạt về ý. Câu văn cuối phần mở bài viết hơi phô: *Đến với "Chiếc thuyền ngoài xa" của Nguyễn Minh Châu, ta sẽ tìm thấy sự tôn vinh đó, không hiện hình ngay mà mờ hồ, loè nhoè sau màn sương hồng, ẩn hiện...*

Diễn đạt lưu loát và linh hoạt, văn viết trí tuệ, thể hiện một giọng điệu riêng đáng trân trọng.

NĂM 2012

ĐỀ BÀI

Câu 1. (8,0 điểm)

Là thanh niên thế hệ hôm nay, anh (chị) hãy suy nghĩ và phác họa một châm ngôn sống cho chính mình.

Câu 2. (12,0 điểm)

Các nhà văn, nhà thơ nhân đạo lớn thường gửi vào sáng tác một cách nhìn sâu sắc về con người, cách nhìn này hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc.

Bằng việc phân tích một vài tác phẩm trung đại và hiện đại đã học, anh (chị) hãy bình luận ý kiến trên.

YÊU CẦU LÀM BÀI

Câu 1.

1. Là dạng đề mở, nên người viết bài cần có cái nhìn "mở", nghĩa là không bó hẹp ở quan điểm cá nhân mà cần đưa ra quan điểm chung; lối viết và văn phong cũng có thể đa dạng, không câu nệ theo khuôn khổ nhất định. Tuy nhiên, bài làm cần đạt được một số yêu cầu cơ bản sau:

a) Về hình thức và kĩ năng

Dạng đề này cho phép người viết có thể lựa chọn các cách thể hiện và thao tác tạo lập văn bản khác nhau, nhưng phải phù hợp và thuyết phục. Đồng thời, người viết cũng được tự do huy động các nguồn khác nhau như: nguồn tri thức sách vở, tri thức đời sống, những quan sát, trải nghiệm và suy nghĩ của riêng mình về chỗ đứng và cách sống của thanh niên hiện nay.

Điều cần lưu ý là phải xác định rõ đây là đề nghị luận xã hội, yêu cầu trình bày những hiểu biết về thực tế đời sống xã hội và những quan niệm, trải nghiệm của bản thân chứ không phải đề nghị luận văn học; do đó, những kiến thức về văn

chương nghệ thuật có thể được huy động nhưng chỉ là sự tham bác cần thiết với ý nghĩa phụ trợ; người viết không được trình bày bài viết dưới dạng bài nghị luận văn học, thuần túy bàn bạc về một vấn đề của văn chương nghệ thuật.

Người viết cần xác định được một tâm thế đúng đắn của người trong cuộc, tâm thế của một thành viên thuộc thế hệ thanh niên thời hiện đại trên hành trình đi tìm chân ngôn sống, xác định lẽ sống cho chính mình. Việc viết bài, vì thế, không chỉ đơn thuần là giải một đề thi mà trước hết là một dịp đối diện với cuộc sống xã hội đương đại và bản thân. Do đó, cần phải xuất phát từ điểm nhìn cá nhân và phải luôn ý thức rõ ở đây không phải chỉ nghị luận cho người khác, về người khác, mà trước hết là chuyện của mình, nói từ mình và cho mình. Nghĩa là cần phải trình bày những suy nghĩ mang tính cá thể, in đậm dấu ấn của bản thân về mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, từ đó xác định được chỗ đứng và cách sống đúng đắn cho mỗi người. Ở đây, cùng với nhận thức đời sống còn là quá trình tự nhận thức để vươn tới hoàn thiện nhân cách cá nhân.

b) Về nội dung

– *Giải thích*: Giải thích ngắn gọn khái niệm “châm ngôn” và “châm ngôn sống”.

+ *Châm ngôn* là câu nói ngắn gọn, hàm súc, đúc kết một vấn đề mang tính chân lí, có vai trò hướng dẫn về đạo đức, về cách sống, về hành vi ứng xử trong cuộc sống...

+ *Châm ngôn sống* là một tư tưởng, quan niệm sống được đúc kết, có tác động sâu sắc đến việc lựa chọn các giá trị sống của mỗi người.

– *Suy nghĩ cá nhân*:

+ Suy nghĩ về đặc điểm của thế hệ thanh niên thời hiện tại với nét nổi bật là xu thế, bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế.

+ Suy nghĩ về sự cần thiết và ý nghĩa của việc xác định châm ngôn sống của một thanh niên trong thời đại hiện nay.

+ Phác họa được châm ngôn sống cho bản thân.

+ Định hướng về sự lựa chọn cách sống, cách suy nghĩ và hành động của bản thân từ việc xác định châm ngôn sống.

Câu 2.

1. Người viết có quyền triển khai bài làm của mình theo các cách thức khác nhau và lựa chọn những dẫn liệu khác nhau. Tuy nhiên, bài làm cần đạt được một số yêu cầu cơ bản sau:

a) Về hình thức và kỹ năng

Cần xác định đây là kiểu bài nghị luận văn học để làm bài theo đúng kiểu văn bản và văn phong phù hợp. Cần phát huy đồng thời hai năng lực: nắm bắt và làm sáng tỏ một vấn đề lí luận văn học, cụ thể là quan niệm nghệ thuật về con người; hiểu và cảm thụ, phân tích ý nghĩa của việc khám phá đời sống nội tâm và cảm xúc như một cách nhìn toàn diện và sâu sắc về con người. Lưu ý: sự quan tâm đến con người không chỉ dừng lại ở việc nhìn nhận, đánh giá diện mạo, ngôn ngữ, hành động mà đặc biệt còn phải thấu hiểu đời sống nội tâm sâu kín, cảm xúc phong phú, tinh vi của con người; đời sống nội tâm và cảm xúc của con người trong tác phẩm trước hết là vấn đề thuộc về nội dung nhưng không chỉ đơn thuần là nội dung mà còn là biểu hiện của trình độ sáng tạo nghệ thuật.

b) Về nội dung

– *Làm rõ nội dung, ý nghĩa của nhận định*

+ Cần xác định được thế nào là nhà nhân đạo lớn trong sáng tác văn học.

+ Cần hiểu được nhận định nêu trong đề bài nhấn mạnh đến một cách nhìn về con người, bao hàm việc đặc biệt chú trọng đến đời sống nội tâm và cảm xúc. Đây chính là một biểu hiện độc đáo và sâu sắc của tư tưởng nhân đạo trong văn học và cũng là một phương diện của hình thức nghệ thuật sáng tạo, đặc sắc.

+ Cần thấy đây là một nhận định đúng đắn vì đã chú ý đến đời sống nội tâm và cảm xúc như một yếu tố quan trọng làm nên chiều sâu nhân bản và cả hình thức đặc sắc của tác phẩm văn học; đồng thời là một định hướng cần thiết để tiếp nhận sâu sắc hơn giá trị của văn chương nghệ thuật.

+ Nhận định này nhấn mạnh đến ý nghĩa của việc khám phá, phát hiện đúng đắn và sâu sắc về con người trong sáng tạo nghệ thuật; thể hiện thái độ trân trọng quyền được biểu hiện thế giới bên trong của con người.

– *Phân tích một số tác phẩm văn, thơ tiêu biểu:*

+ Cần lựa chọn được một số tác phẩm văn, thơ tiêu biểu của văn học trung đại và hiện đại, không hạn định về thể loại, tác phẩm trong nước hay nước ngoài.

+ Đối với văn xuôi, cần phân tích và nêu được ý nghĩa của việc thể hiện đời sống nội tâm nhân vật như một phương tiện nhìn nhận, thấu hiểu sâu hơn tính cách, số phận và phẩm giá của con người.

+ Đối với thơ ca, cần phân tích và nêu được ý nghĩa của việc thể hiện những rung động, cảm xúc riêng tư, tinh tế... như một sự phát hiện, trân trọng nhu cầu bộc lộ phong phú và mãnh liệt chiều sâu tâm hồn của con người.

+ Cần nêu bật những đặc sắc nghệ thuật trong việc thể hiện đời sống nội tâm, cảm xúc ở mỗi hình tượng nhân vật (văn xuôi) và nhân vật trữ tình (thơ ca) mà mình lựa chọn phân tích.

2. Có thể chấp nhận cách nhìn nhận vấn đề theo quan điểm riêng và cách trình bày theo hệ thống ý riêng nhưng với điều kiện phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.

BÀI LÀM SỐ 1

Câu 1.

Mỗi con người chúng ta đều được ôm trùm và bao bọc bởi thời gian. Đất nước tồn tại trong quá khứ, hiện tại, tương lai. Bởi thế, ai ai cũng sống với hôm qua, hôm nay, ngày mai. Thế hệ thanh niên chính là ngày mai của dân tộc, là tương lai của Tổ quốc. Thanh niên là sức mạnh của tuổi trẻ, chứa chan hi vọng, tiếp bước các bậc tiền nhân, hằng mong phát triển và bồi đắp cho mảnh đất giàu đẹp hình chữ S này thêm phần vinh, hạnh phúc. Muốn vậy, thế hệ thanh niên chúng ta không thể không có cách sống, chăm ngôn sống đúng đắn. Vậy chăm ngôn đó là gì? Theo tôi, với trọng trách đè nặng trên vai, đứng trước chặng đường lịch sử hôm nay, mỗi chúng ta hãy sống, hãy tâm niệm được “sống trong bản hoà ca của xưa và nay”.

Nói đến hiện tại, nếu không nhắc đến quá khứ, sao tôi cứ cảm thấy có điều gì thật sơ sót. Biết đâu chăm ngôn sống trên đây cũng đã từng là điều tâm niệm của bao thế hệ thanh niên ngày trước? Biết đâu, đấy là điều chẳng có gì riêng biệt với mỗi người trong thời khắc hiện đại đang chảy trôi mà là quan niệm sống đúng với mọi thời? Nếu ý kiến trên đây của tôi có đúng với mọi thời thì cũng đáng là một niềm hạnh phúc nhưng có ai chắc rằng ý nghĩa của nó không lặp lại người xưa và bản thân nó chỉ là một cú pháp chủ – vị tầm thường, sơ sài, nông cạn nếu đem so sánh với bao danh ngôn kì thú của bao vĩ nhân đỉnh cao trí tuệ loài người? Vậy, ta hãy quay ngược thời gian xem người xưa đã sống, đã yêu và đã ghét ra sao.

Người xưa, dù là ai đi chăng nữa, đều đã từng có một thời tuổi trẻ với trái tim cuồng tráng rộn ràng sinh lực, với bao hoài bão ước mơ. Nhưng quan niệm thời trung đại chỉ cho phép họ ước mong “trí quân”, “trạch dân”, mơ về một thời “Nghịêu Thuấn”... Những mơ mộng trở thành trượng phu quân tử không chỉ là của riêng lứa thanh niên mà là khát vọng cao cả của chung mọi lứa tuổi không kể trẻ già, miễn họ là nho giả, tám mốt đạo thánh hiền, châu chực chốn sân Trình cửa Khổng. Còn viễn cảnh “võng anh đi trước, võng nàng theo sau” bị coi là vị kỉ, vụ lợi,

nhỏ nhất, chỉ nằm trong đám “đàn bà, trẻ con” chứ không ai dám nói ra. Thanh niên thuở trước sống vì đạo, vì cộng đồng chung, vì xã hội, nghĩa là vì những nghĩa vụ cao cả, lớn lao nên rất chóng thành các “ông già” về suy nghĩ. Mà phái già thực vì xã hội xưa ít coi trọng người trẻ mà coi trọng người già; xem thường người trẻ vì tuổi trẻ bông bột, thiếu chín chắn, hay tự mãn; trân trọng người già vì tuổi già gắn liền với kinh nghiệm, uy tín, đạo đức. Do đó, dân ta rất nhớ ngày mất mà ít nhớ ngày sinh, mừng lên lão chứ không mừng thêm tuổi, trong làng trong xã có Hội đồng kì lão quyết định mọi sự còn bọn trai trẻ chỉ là chân chạy ngoài, sai vật. Trong *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hồ từng kể lại chuyện trong kì thi Hương, hai bài cùng đáng đỗ đầu nhưng một quyển của “lão sư túc nho” nên được đề lên trước, quyển kia hoá ra kém hạng. Phi lí như vậy nhưng ông Phạm cũng ngợi ca tập tục trước đời Cảnh Hưng (1740 – 1787), rằng có việc lớn thì người già chỉ đạo, thanh niên chỉ ngồi khoanh tay tuân mệnh, không dám tỏ bày ý kiến. Bùi Giáng bình *Truyện Kiều*, thấy suốt 3254 câu không xuất hiện một bóng trẻ mà ai cũng già cả, thạo đời. Thanh niên thời xưa là vậy, sống tuân phục theo khuôn mẫu nên nếp và đa phần an phận thủ thường.

Nói về thời xưa, tôi muốn đối sánh với hôm nay: thời thế đã khác, lẽ tất nhiên quan niệm sống cũng đổi thay. Chúng ta đang sống trong thời đại đất nước mở cửa. Thanh niên như ở trong ngôi nhà lộng gió từ khắp bốn phương, gió thổi từ châu Âu, châu Mĩ... hoà vào khí thế hùng hục của dân tộc đi lên trên con đường phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đời sống thay đổi căn bản cả về vật chất và tinh thần, lối sống hiện đại nhuần thấm, đi vào tận chỗ sâu nhất của hồn ta. Cách nghĩ, cách cảm và nói chung là quan niệm của thanh niên Việt Nam hiện nay cố nhiên cũng phải thay đổi. Xã hội đòi hỏi ở thanh niên cũng nhiều điểm khác xưa. Việc tìm cho mình một cách sống mới thật sự cần thiết, nhất là ở lứa tuổi chúng tôi, sắp tạm biệt tuổi học trò hồn nhiên cùng phấn trắng, bảng đen, phượng hồng để bước vào cuộc đời với bao bề bộn, lo toan cùng bao cơ hội và thách thức. Đó là lí do khiến tôi đề xuất châm ngôn sống cho riêng mình: “Hãy sống trong bản hoà ca của xưa và nay”.

Thanh niên thời nay cần phải sống trước hết cho mình, trước tiên vì mình; mình phải là người có ích cho mình rồi sau đó mới là hữu ích cho gia đình, xã hội. Lối sống hiện đại gắn liền với tinh thần cá nhân, quyền cá nhân và đó cũng là đích đến của bao cuộc cách mạng. Thanh niên có quyền mưu cầu lợi ích vật chất và tinh thần cho mình, thanh niên có quyền khẳng định mình, không phải lo ngại tỏ bày ý kiến, suy nghĩ. Nhờ đó, bản lĩnh sống của thanh niên được phô bày trong cuộc cạnh tranh khốc liệt của toàn nhân loại, để đưa chính mình và toàn nhân loại phát triển.

phải sống đã đầy, phải sống hết mình, sống thật với mình, quyết đoán, bạo dạn, mạnh mẽ, thanh niên mới có thể nhận thức tài năng, ý chí, mở rộng biên giới tâm hồn mình mang sức mạnh của tuổi trẻ và sức sống trào sôi đánh bại sự khác khổ, tụt hậu và chậm tiến. Chỉ với cách sống đó, thanh niên mới xứng đáng với trọng trách của thời đại. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lần dạy chúng ta về điều này:

*Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên.*

Nhưng ngày hôm nay không thể không tạo dựng từ ngày hôm qua. Có những điều hôm qua là chân lí nhưng hôm nay đã sai lầm, đáng bị đào thải nhưng lại có những điều còn đúng cho cả ngày nay và cho mọi thời. Đó chính là phong tục tập quán đẹp đẽ của đạo đức cha ông bao đời gìn giữ, đó chính là phong thái sống hào hoa, thanh nhã của quá khứ đang chảy trôi trong lòng hiện tại. Chúng ta phải tiếp tục gìn giữ và bồi đắp cho đẹp đẽ thêm lên. Cho dù trong tâm hồn ta đang diễn ra cuộc giao tranh quyết liệt giữa cái cũ và cái mới thì mãi mãi, ta vẫn phải sống với đạo đức thuần phong mỹ tục của cha ông, mãi mãi ta vẫn thuộc về xứ sở này. Sống với ngày xưa là sống với nhân cách tiên nhân, dù trải bao phong ba vẫn cứ nghĩa tình, son sắt, thủy chung, vẫn cứ hướng đến cái tốt, cái đẹp ở đời.

Sống với xưa và nay là cách sống dung hoà giá trị tinh hoa của muôn đời, sống với những giá trị người bền vững. Tôi tin đó là cách sống đúng đắn vừa giúp thanh niên kịp tiến bước trên đường phát triển vừa lưu giữ trong mình nét đẹp của đạo lí muôn đời để thực sự là “kẻ sĩ hiện đại” như lời học giả Nguyễn Khắc Viện. Tuy nhiên, sống được như vậy hay không còn phụ thuộc vào bản lĩnh của mỗi người. Thực tế cho thấy, có nhiều thanh niên đã chọn cho mình cách sống sai lầm, hoặc chạy theo những thú vui vật chất của thời hiện đại mà coi thường giá trị văn hoá của cha ông, cho là bảo thủ, hoặc sống quá nặng lòng với quá khứ mà trở nên rụt rè, nhút nhát, không dám nắm bắt cơ hội của riêng mình. Theo tôi, sống theo quan niệm đó chẳng chóng thì chầy sẽ sa vào tầm thường, nhỏ nhặt, không thể giúp thanh niên xứng với vai trò cần có của mình đối với việc phát triển của đất nước trong cả hiện tại và tương lai.

Câu châm ngôn mà tôi đề xuất chỉ là một cách sống trong muôn vàn cách sống của thanh niên hiện thời. Châm ngôn thì vô vàn, nhưng đích đến của cuộc sống chỉ có một: cái thiện, cái đẹp ở đời. Mong sao ai cũng phấn đấu sống tốt đẹp hơn, lành mạnh hơn để mãi mãi xứng với danh hiệu Con Người.

Câu 2.

Trái tim con người có sức mạnh phi thường và kì diệu. Ngạn ngữ Pháp có câu: *Mọi điều xuất phát từ trái tim*. Điều này quả là minh xác đối với mọi phương diện đời sống và càng chuẩn xác hơn trong sáng tác văn chương nghệ thuật. Trước khi rỏ từng giọt tâm hồn ra ngòi bút để viết nên những câu chữ đẹp đẽ tinh khôi, mỗi nhà văn đều để dòng tư tưởng thấm xuyên qua con tim thổn thức để từ đó, thể hiện cái nhìn sâu sắc về con người mà gửi vào trong sáng tác. Cái nhìn nghệ sĩ luôn đau đáu khôn nguôi hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc, để dựng lên tượng đài cao đẹp và hùng vĩ của con người trong văn chương muôn thuở, trong tình nhân đạo dạt dào.

Chắc hẳn ai cũng hiểu thấu câu nói quen thuộc: *Văn học là tấm gương phản ánh hiện thực đời sống*. Đúng như vậy, không chỉ văn học mà tất cả mọi phát minh được con người sáng tạo ra đều bắt đầu từ thực tại đời sống của con người và sau đó quay lại phục vụ con người. Nhưng văn học khác với các phát kiến khác ở chỗ bồi đắp cho con người chủ yếu ở phương diện tinh thần. Nhà văn viết một tác phẩm để gửi gắm vào đó một cách nhìn sâu sắc về con người – đối tượng của văn học – nghĩa là một phát hiện khám phá mới mẻ, độc đáo, đầy ý nghĩa của riêng nhà văn về thế giới nhân sinh. Cách nhìn ấy, phát hiện ấy trước hết là cách cảm về con người trong nỗi khổ, niềm vui và cái đẹp. Bày tỏ tình thương, lòng trắc ẩn trước đấm đau của cuộc đời và ca ngợi cái đẹp trong cuộc sống, đó là thiên chức của nhà văn. Thật không thể tin được có người tự nhận lấy danh hiệu Nhà văn cao quý trong khi trái tim chai sạn trước tiếng rên rỉ, nức nở của một số phận và lạnh lùng, vô cảm khi nhìn thấy vẻ tinh khôi của bông hồng buổi sớm dẫm sương đêm. Có thể nói, nhà văn phải gửi gắm được vào trong tác phẩm của mình một cái tâm tận thiện tận mĩ. Mỗi phút giây rung động trong tâm hồn là một lần ta sống thật với lòng mình, sống với tất cả bản chất người của mình. Con người hiện lên hoàn toàn nhất trong nội tâm và cảm xúc. Cố gắng nắm bắt tài tình được đời sống bên trong của mỗi người, nhà văn mới có thể nói là *đắc nhân tâm*, hiểu sâu sắc và có cái nhìn đúng đắn với nhân loại đông đúc này. Đó chính là phẩm chất cần thiết của một nhà văn chân chính và cũng là “nhà nhân đạo từ trong cốt tuỷ” (Sê-khốp). Một nhà văn đích thực phải đồng thời là một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn và phải luôn đặt cái tâm của mình lên trang giấy. Thiếu lòng yêu thương, tác phẩm văn học chỉ còn là một cái hồ chết, tù hãm và đầy bùn lầy nước đọng.

Tại sao chúng ta lại có thể khẳng định như vậy? Vì, như đã nói, đối tượng chính của văn học chính là con người. Truyện ngụ ngôn mượn hình ảnh con vật chẳng qua cũng là để chỉ con người. Văn học tái hiện chân thực hình ảnh con người, văn

học đưc bỏ khỏi con người những gì không thuộc về nó. Đặc biệt, không chỉ biểu hiện ngoại hình nhân vật, văn học còn thâm nhập để khám phá được bí ẩn giấu kín đằng sau cánh cửa thế giới tâm hồn, tức đời sống nội tâm bên trong. Niềm hân hoan, vui sướng, nỗi phẫn uất, đau thương, sự căm hờn, nhỏ nhen len lỏi trong mọi ngõ ngách sâu thẳm và cả bao nghịch lí chua chát, mâu thuẫn đáng cay cuộn cuộn chảy trong dòng cảm xúc, tất cả đều không thoát khỏi đôi mắt tinh tường của người nghệ sĩ. Nhà văn giống như nhà giải phẫu tâm hồn đầy tài năng, mỗi trang văn, trang thơ đều là trang lòng trải trên mặt giấy. Do vậy, sáng tác về con người, nhà văn không thể không quan tâm đến đời sống nội tâm và cảm xúc. Nắm bắt được điều ấy là yêu cầu cao nhất mà cũng là bản lĩnh, tài năng và sự tinh tế của nhà văn.

Hiểu về con người với toàn bộ dáng vóc nội tâm cũng là cách nhà văn bày tỏ suy nghĩ sâu sắc về thế giới và nhân sinh. Ai đó đã nói, có một thước đo để đánh giá một nhà văn lớn, ấy là anh ta đã đem đến thế giới này cách nhìn mới mẻ và sâu sắc như thế nào về cuộc đời con người. Mỗi sáng tác là mỗi con mắt soi chiếu thế giới này, cảm nhận về đẹp khuất lấp đâu đó và tha thiết giải bày tình thương đối với con người. Một lần sáng tác là một lần nghệ sĩ lặn lội với đời bằng cả tấm lòng tha thiết, hết sức trẻ trung trong cách cảm nhận và hết sức già dặn trong suy tư, triết lí về cuộc sống này. Mỗi sáng tác là mỗi cơ hội để nhà văn giải tỏ một điều gì đó mà kì lạ thay, cả cuộc đời nhà văn chỉ muốn nói điều ấy mà thôi. Đấy chính là cách nhìn, cách cảm riêng, độc đáo và sâu sắc của họ. Nhưng dù thế nào, thì tất cả đều giống nhau ở một điểm, ấy chính là phải thể hiện trong tác phẩm tinh thần nhân đạo. Hướng về con người, văn học không thể không nói đến cái xấu, cái chưa tốt nhưng trước hết và chủ yếu phải thể hiện cái đẹp, cái thiện của con người qua đời sống nội tâm. Đó chính là lòng nhân đạo. Hướng về con người, văn học thốt lên tiếng nói cảm thông với nỗi khổ đau, những mảnh đời lầm lạc hay mạnh mẽ hơn là tiếng nói tố cáo, phản kháng mạnh mẽ bao thế lực chà đạp lên cái tốt, cái đẹp và chà đạp lên số phận con người. Hướng về con người, dù thế nào đi chăng nữa, văn học vẫn luôn bày tỏ niềm tin son sắt, da diết vào chính nghĩa tất thắng, bày tỏ niềm tin vào bản chất tốt đẹp của con người thông qua đời sống nội tâm. Ngợi ca, cảm thông, tố cáo, tin tưởng, đó là những gì nhà văn muốn gửi gắm qua cách nhìn riêng của mình. Đó cũng là lí do vì sao mỗi tác phẩm đều là mỗi bậc thang đưa con người tiến đến gần hơn với chân – thiện – mĩ.

Nguyễn Du, người nghệ sĩ thiên tài với trái tim lớn bao la của văn học Việt Nam là một nghệ sĩ như thế. Sáng tác của ông, dù là chữ Hán hay chữ Nôm, đều được viết bằng cả tấm lòng khổ đau và yêu thương, của tinh thần nhân đạo dạt dào, bày tỏ cái nhìn sâu sắc của Tố Như về những kiếp tài hoa. Thi phẩm *Độc Tiểu Thanh kí* của ông là minh chứng rõ nét cho điều đó.

Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khư

Độc điều song tiền nhất chỉ thư

Câu thơ đầu tả cảnh mà chất chứa bao cảm xúc: có chút gì đó ngậm ngùi, chua xót lại có chút gì nuối tiếc, thở than. Một triết lí được nêu ra: hình như cái gì đẹp, cái gì tài hoa trên thế gian này đều là những cái chóng tàn, chóng lụi. Bãi bể nương dâu, thời gian và thế sự có sức huỷ hoại khủng khiếp, vườn hoa thanh nhã của Tây Hồ nổi tiếng nay thành ra gò hoang tàn tạ, cô liêu. Ngay từ đây, cái nhìn sâu sắc của Nguyễn Du đã bộc lộ thật rõ nét, hướng đến tâm trạng ngậm ngùi của mình cũng là cách ông thốt lên lời than não nề cho sự vô tình của tạo vật với cái đẹp trên đời. Và biết đâu, “hoa uyển” kia không chỉ là một vườn hoa vắng lặng mà để chỉ những con người “thác là thể phách, còn là tinh anh” như Tiểu Thanh, cô Cầm, Từ Hải... một thời rạng rỡ về tài hoa thiên phú mà sau bao biến động chỉ còn lại một nắm mồ mả mịt cỏ xanh? Chẳng còn ai nhớ đến họ, chỉ còn mình ta viếng Tiểu Thanh, viếng tất cả các kiếp tài hoa trên đời bằng một trang giấy trước cửa sổ – sơ sài và lạnh lẽo, đậm bạc biết bao! Người đẹp, người tài là của báu đất trời mà thế gian thực vô tình với họ, bạc bẽo quá, phũ phàng quá:

Sống làm vợ khắp người ta

Hại thay thác xuống làm ma không chồng.

Cảm thông với những người ấy, Nguyễn Du đồng thời cũng bày tỏ niềm phẫn uất, lên án những thế lực chà đạp lên cái đẹp trên đời. Ông thác lời “son phấn hữu thân” để nói về nỗi hận dưới sâu ba tấc đất. Ông ai oán, cảm cảnh cho văn chương như gấm như vóc vô tội mà cũng bị đốt dở dang số kiếp con người. Từ đó, ông hạ bút hai câu thơ vô tiền khoáng hậu, hai câu thơ đủ sức rung động mọi con tim:

Cổ kim hận sự thiên nan vấn

Phong vận kì oan ngã tự cư.

Ở tít cao xanh, trời già vẫn hay giả điếc, giả ngơ lơ đi mọi tiếng kêu phẫn uất của những kiếp hận xưa và nay. Nhưng điều đáng nói ở đây là vẫn có một người khách cùng hội cùng thuyền với kiếp tài hoa bạc mệnh tỏ lòng tri kỉ, tỏ nỗi tri âm. Chia sẻ với những nỗi oan lạ lùng, người ấy lắng nghe người, khóc cho người rồi khóc cho chính mình. Ấy là Nguyễn Du. Nguyễn khóc cho Tiểu Thanh, thương cảm cho số kiếp của nàng dẫu cách biệt ba trăm năm lẻ và hai thế giới. Tiếng khóc thương ấy chính là tinh thần nhân đạo da diết bộc lộ từ đáy sâu tâm trạng để rồi:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

Hôm nay, cất tiếng khóc Tiểu Thanh; vậy ba trăm năm sau, ai sẽ là người khóc Tố Như? Thương cho người và thương cho mình cũng là câu thêm cho đời nhiều tri kỉ. Dẫu chỉ là một tiếng khóc thầm, “khấp” thôi cũng đã là mãn nguyện rồi. Hối tức là còn mong mỏi, còn đợi chờ, lòng Nguyễn Du chưa nguôi lạnh tình đời, tình người. Qua câu hỏi cuối, Nguyễn Du bày tỏ niềm tin vào lòng thương trong cuộc sống, tin vào con người. Đó chính là căn cốt tích cực của cái nhìn tác giả trong bài thơ. Mấy câu thơ thấm đẫm cảm xúc nội tâm vì thế có bi nhưng không lụy, chất chứa buồn giận, hận sâu mà không ai oán, mà đủ đầy niềm tin vào chân – thiện – mỹ trong cuộc sống.

Nhà văn Nguyễn Khải trong tác phẩm *Một người Hà Nội* cũng bày tỏ niềm tin, tình yêu vào vẻ đẹp hào hoa của Hà Nội và người Hà Nội. Bà Hiền, là hình tượng trung tâm của truyện, được tác giả dày công xây dựng, kết tinh nhiều vẻ đẹp của con người, qua đó bộc lộ nhiều cách nhìn độc đáo của nhà văn với đời sống. Đó là điều gần như tất yếu. Ở đây tôi muốn dành mối quan tâm đến những nhân vật phụ nhưng không kém phần cao đẹp: Dũng, Tuất – bạn Dũng và bà mẹ Dũng. Ra đi đánh giặc vì lòng yêu nước gắn với tinh thần trách nhiệm, Dũng để lại cho ta ấn tượng sâu sắc về người Hà Nội hào hoa yêu nước. Nhưng vẻ đẹp của Dũng còn cao hơn trong tình thương và sự quan tâm đến nỗi đau con người. Tuất mất trước ngày giải phóng mấy ngày, Dũng thấy mình tội lỗi, biết nói sao với mẹ Tuất, bà mẹ mất con trong khi “bạn nó còn sống, sống đến tận bây giờ”. Nhân cách người lính không cho phép Dũng im lặng, anh phải đi và phải làm cái việc tưởng chừng không thể làm nổi đó. Nhưng thật kì lạ, người tưởng phải an ủi hoá ra lại là người được an ủi: mẹ Tuất không khóc mà chỉ “run run” trước Dũng đang khóc oà như trẻ con rồi dỗ dành Dũng như dỗ con trẻ: “Dũng, nín đi con! Cô biết cả rồi”. Đó chính là vẻ đẹp hào hoa của người Hà Nội: biết để nước mắt chảy ngược, bình thản trước hi sinh, luôn quan tâm đến người xung quanh. Đó là cách nhìn ca ngợi và đầy cảm thông của nhà văn qua đời sống nội tâm nhân vật và đã tìm được đường vào mãi mãi.

Sáng tác, gửi gắm cách nhìn riêng của mình qua đời sống nội tâm, đó là cách nhà văn trở thành bất tử.

(Bài đoạt giải Nhất – 17/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng cơ bản những yêu cầu đặt ra trong đề bài. Văn viết chắc tay, có cảm xúc và giọng điệu riêng. Diễn đạt lưu loát và trong sáng.

Ở câu 1:

Với vốn kiến thức sâu rộng, sự trải nghiệm cuộc sống sâu sắc, người viết đã chọn cho mình một chủ đề sống hay và có ý nghĩa: *Hãy sống trong bản hoà ca của xưa và nay*. Bố cục bài viết khoa học, hệ thống lập luận giàu sức thuyết phục. Sử dụng thao tác nghị luận đối sánh để luận bàn về quan niệm sống của con người Việt Nam trong xã hội xưa (trung đại) và nay để làm cơ sở lí giải nguyên nhân lựa chọn chủ đề sống khá cụ thể và sâu sắc.

Trong khi bàn luận về vấn đề, người viết biết nhìn nhận vấn đề nhiều chiều, dám nói thật những suy nghĩ của mình, chẳng hạn như đoạn: *Thanh niên trước sống vì đạo, vì cộng đồng chung, vì xã hội, nghĩa là vì những nghĩa vụ cao cả, lớn lao nên rất chóng thành các “ông già” về suy nghĩ*. Hay: *Thanh niên thời nay cần phải sống trước hết cho mình, trước tiên vì mình; mình phải là người có ích cho mình rồi sau đó mới là hữu ích cho gia đình, xã hội... Thanh niên có quyền mưu cầu lợi ích vật chất và tinh thần cho mình, thanh niên có quyền khẳng định mình, không phải lo ngại tỏ bày ý kiến, suy nghĩ... Phải sống đã đầy, phải sống hết mình, sống thật với mình, quyết đoán, bạo dạn, mạnh mẽ, thanh niên mới có thể nhận thức tài năng, ý chí, mở rộng biên giới tâm hồn mình mang sức mạnh của tuổi trẻ và sức sống trào sôi đánh bại sự khắc khổ, tụt hậu và chậm tiến*. Phần kết bài viết hay.

Tuy nhiên, cái nhìn về lối sống của người xưa có phần chưa chín.

Ở câu 2:

Cơ bản hiểu rõ vấn đề được đặt ra trong đề bài: *Các nhà văn, nhà thơ nhân đạo lớn thường gửi vào sáng tác một cách nhìn sâu sắc về con người, cách nhìn này hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc*. Với vốn kiến thức lí luận văn học khá chắc chắn, nêu ra được những ý xác đáng: *Cố gắng nắm bắt tài tình được đời sống bên trong của mỗi người, nhà văn mới có thể nói là “đắc nhân tâm”, hiểu sâu sắc và có cái nhìn đúng đắn với nhân loại đông đúc này. Đó chính là phẩm chất cần thiết của một nhà văn chân chính và cũng là “nhà nhân đạo từ trong cốt tuỷ” (Sê-khốp)*. Một nhà văn đích thực phải đồng thời là một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn và phải luôn đặt cái tâm của mình lên trang giấy. Cũng vậy, cách thức đưa ra hai cơ sở để lí giải cho vấn đề tỏ ra hợp lý: thứ nhất là do: *Đối tượng chính của văn học chính là con người*; thứ hai là bởi: *Hiểu về con người với toàn bộ dáng vóc nội tâm cũng là cách nhà văn bày tỏ suy nghĩ sâu sắc về thế giới và nhân sinh*.

Chọn hai tác phẩm *Độc Tiểu Thanh kí* của Nguyễn Du và *Một người Hà Nội* của Nguyễn Khải để làm sáng tỏ vấn đề, phần cảm thụ viết sâu sắc, đi đúng trọng tâm, bám sát ý kiến được nêu ở đề bài.

Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề cần trao đổi với người viết. Ở phần lí luận, người viết chưa chỉ rõ được *cách nhìn sâu sắc về con người... hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc* như một yếu tố quan trọng làm nên chiều sâu nhân bản và cá hình thức đặc sắc của tác phẩm văn học; đồng thời là một định hướng cần thiết để tiếp nhận sâu sắc hơn giá trị văn chương nghệ thuật. Phần cảm thụ tác phẩm *Một người Hà Nội* của Nguyễn Khải để chứng minh cho ý kiến nêu ở đề bài chưa cân xứng với phần cảm thụ bài *Độc Tiểu Thanh kí* của Nguyễn Du. Kết thúc bài hơi vội khiến người đọc cảm thấy hụt hẫng.

BÀI LÀM SỐ 2

Câu 2.

*Thời gian qua kẽ tay
Làm khô những chiếc lá
Riêng những câu thơ còn xanh
Riêng những bài hát còn xanh*

Văn Cao đã có những lời thơ thật đẹp khẳng định mạnh mẽ sức sống bất diệt của nghệ thuật. Tôi tự hỏi điều gì đã làm nên sự kì diệu của thơ văn, điều gì khiến ta mở trang sách ra, đắm mình vào thế giới nghệ thuật của nghệ sĩ để rồi không thôi xúc động bồi hồi? Phải chăng đó là nhờ tấm lòng yêu thương con người, nhờ vào đôi mắt, vào cách nhìn mới mẻ của người nghệ sĩ? Vâng, *các nhà văn, nhà thơ nhân đạo lớn thường gửi vào sáng tác một cách nhìn sâu sắc về con người, cách nhìn này hướng tới đời sống nội tâm và cảm xúc*. Lắng hồn mình lại, cảm nhận thật sâu những tác phẩm bất hủ của dân tộc, ta sẽ nhận ra điều đó thật rõ ràng.

Từ bao giờ cho tới bây giờ, từ Kinh Thi cho tới ca dao Việt Nam..., con người vẫn là đối tượng muôn đời của văn học. Bao yêu ghét hờn giận, bao hạnh phúc khổ đau, bao thành công thất bại của con người luôn là niềm trăn trở, day dứt khôn nguôi đối với tâm hồn nghệ sĩ. Có thể nói tình yêu thương con người là động lực thôi thúc trái tim nghệ sĩ rung động để rồi tiếng lòng thiết tha của tác giả theo ngòi bút tràn ra trang giấy. Bởi vậy mà Sê-khốp đã quá quyết: *Nhà văn lớn phải là nhà nhân đạo từ trong cốt tuỷ* và một nữ văn sĩ nổi tiếng khác lại phát biểu một cách hàm súc và đầy ẩn tượng: *Nhà văn là người cho máu*, nghĩa là trong tình yêu thương của tác giả có cả sự hi sinh. Người nghệ sĩ chân chính muôn đời đều muốn cất lên tiếng lòng thấm đẫm tình thương, niềm trân trọng ngợi ca con người mỗi khi hồn mình rung lên

những tiếng tơ lòng như một nhà văn Xô viết từng tâm sự: *Khi tôi viết nghĩa là tôi thấy đau ở đâu đó.*

Nhà văn sáng tạo nên tác phẩm – đưa con đẻ tinh thần – và không thể không gửi vào đó một cách nhìn, cách nghĩ sâu sắc về con người. Đó là biểu hiện của một tấm lòng, một nhân cách, một phong cách nghệ thuật. *Văn học và cuộc sống là hai đường tròn đồng tâm mà tâm điểm chính là con người* (Nguyễn Minh Châu). Bởi thế nên, trái tim nhạy cảm và tinh tế không cho phép người nghệ sĩ sống như một bông hoa diếc giữa đời, không đưa đến một quan niệm, nhận thức sâu sắc nào về con người. Mỗi nghệ sĩ cần một đôi mắt riêng để khám phá và phát hiện con người, để nhìn thấu được những tâm tư tình cảm, những khao khát đắm say và cả những âu lo, trăn trở của con người. Cách nhìn của anh ta phải *hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc*. Nguyễn Minh Châu đã từng phát biểu, đại ý: nói gì thì nói rồi thì niềm sung sướng và hạnh phúc nhất của người nghệ sĩ là được đi sâu khám phá thế giới tâm hồn ẩn tàng trong mỗi con người. Nhà văn đã đắm hồn mình rất sâu vào cuộc sống để “thấu thị” tâm tư xúc cảm của loài người và gửi gắm cách nhìn tinh tế và sáng tạo qua hình tượng nghệ thuật độc đáo. Cái nhìn về con người của anh sâu sắc và mới mẻ bao nhiêu thì nhân cách – phẩm giá và bản lĩnh của anh được đánh giá cao bấy nhiêu. Chính điều đó mang đến cho văn học khả năng nhân đạo hoá con người một cách tuyệt diệu, khiến người đọc khi tiếp nhận tác phẩm có cảm tưởng như được trò chuyện với người bạn hết sức thông minh, trải đời và thấu hiểu nhân tình.

Nếu quả thực một nghệ sĩ là một nhà nhân đạo lớn với đôi mắt nhìn sắc sảo thì có lẽ Nguyễn Du xứng đáng là đại thi hào không chỉ của Việt Nam mà cả thế giới. Nếu được tạc tượng Nguyễn Du, tôi sẽ tạc một con người với đôi mắt có thị giác bén nhạy để nhìn và một đôi tai có thính giác tinh tế để cảm nghe được mọi nỗi buồn vui của loài người. Với tôi, sự nghiệp văn học của đại thi hào dân tộc là một kim tự tháp sừng sững mà mặt chính diện lấp lánh sắc màu những trang Kiều. Bằng *con mắt trông thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời* (Mộng Liên Đường chủ nhân), Nguyễn đã gửi vào kiệt tác của mình những hiểu biết sâu sắc về con người để rồi tất cả hội tụ, toả sáng qua nhân vật bất hủ của lịch sử văn học Việt Nam: Thuý Kiều. Văn học dân gian và trung đại thường xây dựng những con người nguyên phiến không đổi thay, đó là một Thạch Sanh giàu nghĩa khí, tài năng, một Lí Thông gian xảo, độc ác, một Vũ Nương hiền thảo, thủy chung hay Lục Vân Tiên trọng nghĩa khinh tài. Nhân vật của Tố Như thì không như thế. Ông nhìn con người như một thực thể sinh động và biến đổi theo hoàn cảnh. Thuý Kiều sắc sảo mặn mà ở chỗ nhân hậu thật đấy nhưng cũng đến điều khi day nghiêng hay mỉa mai:

*Vợ chàng quý quý tình ma
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau.*

Trên trang thơ Nguyễn, Thuý Kiều là con người rất thực, thực hơn cả con người thực ngoài đời. Nàng đã bước ra khỏi giới hạn của thi ca và sống giữa cuộc đời đầy sóng gió để một bà cụ nông dân phải thốt lên: “*Nước Việt ta đẹp nhất cũng là con Kiều, khổ nhất cũng là con Kiều. Thương nó quá*”. Cái nhìn hết sức tinh táo và trung thực của Nguyễn Du đã giúp ông nói gian thi pháp văn học trung đại đến tận cùng, đến độ căng nhất, khiến độc giả muôn đời phải trầm trồ thán phục. Nhưng điều quan trọng nhất chính là ở chỗ, ta yêu Kiều, thương Kiều bởi vì con người nàng luôn sục sôi một đời sống nội tâm phong phú, phức tạp:

*Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang!
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!*

Câu thơ sáu chữ được ngắt nhịp 3/3 rất bất thường đã bộc lộ nỗi đau đớn của người con gái tài hoa bạc mệnh. Sau khi trao duyên cho Vân, trái tim Kiều tan nát, nỗi đau trường làm sao kể hết. Ngôn ngữ đối thoại nhưng thực chất là độc thoại. Các nhân vật của văn học trung đại thường rất hiếm khi được miêu tả trực tiếp đời sống nội tâm. Kiều Nguyệt Nga chẳng hạn, trước khi tự tử chỉ *nhắm dòng nước chảy vội vàng nháy ngay*, không thấy bộc lộ bất cứ nghĩ suy gì. Ấy vậy mà Nguyễn Du lại nhập thân vào nhân vật, không bắt Kiều cất lên những lời thoại kiểu “sắm vai” mà để nàng bộc bạch nỗi lòng chân thực của mình. Các nhà nho xưa vì chịu ảnh hưởng của hệ thống giáo điều “thiên kinh địa nghĩa” mà luôn giữ tình cảm, cảm xúc trung hoà, trung tính rất đối chùng mực. Nhưng Thuý Kiều lại được Nguyễn Du miêu tả với những cung bậc cảm xúc phong phú và thành thực nhất. Bán mình chuộc cha, trao duyên lại cho em gái, sa chân vào chốn xa ngái mịt mờ, đời nàng từ đây tan nát, tiếng kêu than nào nê tuyệt vọng của nàng khiến tim ta thất lại xót xa. Nguyễn Du viết bằng thân phận của mình, bằng nỗi đau đời của mình. Ông đã rỏ bao nhiêu nước mắt khóc thương cho nhân vật, nào ai biết được? Con người trong thơ trung đại xưa chỉ là con người cộng đồng với cảm xúc của cộng đồng ấy vậy mà Kiều lại hiển hiện trước mắt ta với xúc cảm cá nhân. Nguyễn Du không chỉ thần diệu trong việc sử dụng ngôn ngữ, xây dựng không gian, thời gian nghệ thuật mà còn có cách nhìn sâu sắc, toàn diện về con người, đặc biệt là về thế giới tâm hồn sâu thẳm của con người. “Cái hộp đen” bí ẩn của nhân vật đã được Tố Như khơi mở với tất cả tình yêu thương, trân trọng sâu xa.

Theo dòng thời gian, ta đến với thế giới nghệ thuật của Nam Cao – nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn của thế kỉ XX để tiếp tục được khai nhãn, khai tâm, khai trí với quan niệm mới mẻ của tác giả về con người. Với đôi mắt thẩm dâm tình yêu

thương, nhà văn đã phát hiện, chất chiu đóm sáng lương tri trong tâm hồn con quý dũ của làng Vũ Đại – Chí Phèo. Nam Cao đã nhìn con người thật toàn diện và sâu sắc với *đôi mắt luôn cố tìm mà hiểu họ*. Qua đôi mắt ấy, ông đã nhìn nhận nhân vật không hề nguyên phiến mà biến đổi theo hoàn cảnh và nhìn ở cả phần thân lẫn phần tâm. Đó chính là điểm độc đáo để Nam Cao khắc tên mình thật đậm trên bản đồ văn học Việt Nam.

Quả là như thế. Trước khi Nam Cao hiện diện trên văn đàn, đề tài nông thôn và nông dân là mảnh đất bao người xói xáo với bao đỉnh cao sáng tác như *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan, *Giông tố* và *Vỡ đê* của Vũ Trọng Phụng. Nam Cao là người đến muộn nhưng đã cày được những đường cày tuyệt diệu. Ánh mắt của Nam Cao đã dõi theo Chí Phèo từ khi hắn còn là anh nông dân hiền lành, lương thiện cho đến lúc biến thành con quý dũ. Trong tâm hồn Chí có cả rỗng phượng lẫn rắn rết, có cả bản năng và lương tri, say và tỉnh... Tất cả các khía cạnh đan xen, tranh đấu với nhau trong tâm hồn của Chí. Ai dám bảo Chí Phèo là người tốt khi mà hắn đã phá tan hoang bao nhiêu cửa nhà, đập đổ bao mái ấm hạnh phúc? Nhưng có ai lại dám bảo hắn là kẻ xấu xa hoàn toàn mất hết nhân tính khi trong con vật vĩa giữa kiếp người và kiếp quý, Chí vẫn luôn âm ỉ một tấm lòng, một nỗi khát khao hướng về cuộc sống lương thiện? Được tình người tỏ thức, Chí đã lại khát khao về mơ tưởng xa xăm của ngày xưa lương thiện với: *một ngôi nhà, một mảnh vườn, chồng cày thuê cuốc mướn, vợ dệt vải*. Ta cảm ơn Nam Cao bởi ông đã đi sâu vào hồn nhân vật, phủ lớp bụi đen đã bám chặt lên đó để phát hiện và chất chiu đóm sáng lương tri luôn tiềm tàng. Con người, với Nam Cao, dĩ nhiên không phải là thánh; ông đã tỉnh táo nhìn nhận những sai trái, lầm lạc của nhân vật nhưng điều tuyệt vời hơn là ông đã bày tỏ một niềm tin yêu mạnh mẽ vào sự lương thiện, vào khao khát tốt đẹp của loài người. Đó là nét riêng của Nam Cao, rất Nam Cao. Nhiều khi nhân vật như sống chập chờn giữa quá khứ và hiện tại, mạch truyện quay ngược về thời gian trước rồi lại trở về thì hiện tại, khiến tất cả đồng hiện để nhà văn soi thấu vào tâm hồn nhân vật. Kể cả ngôn ngữ độc thoại nội tâm, lời nói trực tiếp được sử dụng thân tình cũng là biểu hiện của nhân đạo, của cách nhìn người tỉnh táo và thâm đằm yêu thương. Đặc biệt, Nam Cao nhìn con người ở cả thân và tâm. *Truyện Kiều* là tiếng nói thương thân, xót thân. Thúy Kiều là con người đã ý thức về mình thật cay đắng: *giật mình, mình lại thương mình xót xa*. Đến với nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn của thế kỉ XX, chữ “thân” lại được tiếp tục khai thác và thể hiện. Cũng như Nguyễn Du, với Nam Cao, “thân” là một phạm trù giá trị. Có thân mới có người, có vui sướng, khổ đau và ý thức về thân là ý thức về phần riêng tư nhất, hữu hạn và dễ hư nát nhất của con người. Trong quan niệm của Nam Cao, bản năng – một phần

của “thân” gắn liền với văn hoá, với tình yêu. Và không gì khác, chính bản năng sẽ là cái nguyên có đầu tiên vậy gọi lương tri trở về; tất nhiên lương tri trở về với Chí Phèo chủ yếu là do sự thức tỉnh của tình yêu thương chân thành, mộc mạc có phần thô thiển gần như bản năng của Thị Nở. Nhà văn Nam Cao đã trân trọng biết bao khi xây dựng không gian trữ tình để Chí Phèo và Thị Nở gặp nhau và cái đêm trăng ấy bên bờ sông thật đẹp, thật hữu tình: *tàu chèo uồn giữa, giấy đàn dạch như hứng tình* dưới ánh trăng *chảy trắng tinh*. Nhà văn nhân đạo phải là người biết trân trọng bản năng tự nhiên của con người và quả thực Nam Cao đã làm được điều đó. Nếu không có cuộc gặp gỡ với Thị Nở bên bờ sông, liệu nhân tính của Chí Phèo có thể được thức dậy sau bao năm bị chôn vùi? Nam Cao đã phát hiện ra những khát khao âm thầm và chính đáng của hai con người kì dị bị gạt ra khỏi làng Vũ Đại. Cái nhìn về con người của ông khiến ta phải soi xét lại bản thân, có khi nào ta mở rộng tấm lòng để thấu hiểu đời sống nội tâm, cảm xúc của những con người xấu xí tưởng chừng chẳng còn sót lại chút vẻ đẹp lương tri đáng trân trọng? Ta cảm tưởng như đôi mắt Nam Cao đã soi thấu vào góc khuất tâm hồn ta, khiến ta ngượng ngùng xấu hổ. Mãi mãi về sau, ta cũng không thể quên một Chí Phèo – một con quỷ dữ nhưng lại có những giây phút lắng nghe *tiếng đời lăn náo nức* – giây phút mà con người nghệ sĩ trong Chí lên tiếng đòi quyền làm chủ; cũng không thể quên một Nam Cao với đôi mắt nhìn người sâu sắc và độc đáo.

Nguyễn Du và Nam Cao đã để lại khuôn mặt, dáng hình, tâm tình rất rõ trong lịch sử văn học Việt Nam. Bằng tấm lòng nhân đạo vị tha sâu sắc và cách nhìn người hướng đến đời sống nội tâm cảm xúc, những người nghệ sĩ vĩ đại ấy đã để lại bài học quý giá cho người đời. Người làm nghệ thuật không thể không có một tấm lòng, một chữ tình đậm sâu và đáng quý. Và cũng càng không thể không có một đôi mắt của riêng mình để phát hiện phẩm chất người, để đi sâu khám phá đời sống nội tâm và cảm xúc. Người nghệ sĩ với sự tinh nhạy và sâu sắc đặc biệt sẽ luôn đem đến cho người đọc *bài học trông nhìn và thưởng thức, giúp con người nhìn đời và nhìn người tinh tế hơn*. Dĩ nhiên để làm được điều đó, nhà thơ, nhà văn cần trau dồi phẩm chất và tài năng để làm cách nhìn, cách cảm nhận của mình hiện hình, lên dáng, lên hương qua những hình thức nghệ thuật độc đáo.

Văn học nghệ thuật có khả năng kì diệu là nhân đạo hoá con người. Nhưng nó còn phải tuỳ thuộc vào trình độ tiếp nhận của độc giả. Những tác phẩm âm nhạc lớn cũng trở thành vô nghĩa với lỗ tai của người không hiểu gì về âm học. Bởi vậy, văn chương cần lắng ở độc giả sự tri âm, sự nâng tâm đón nhận để cảm hiểu sự mới mẻ, sáng tạo và sâu sắc của tác phẩm.

Không gì khác, chính văn học nghệ thuật sẽ soi sáng, bồi đắp cho tâm hồn ta sạch trong, cao rộng. Ta biết cách nhìn người, biết thấu hiểu, biết hướng tới chân – thiện – mỹ. Vì lẽ đó, chừng nào con người còn tồn tại, chừng đó nghệ thuật sẽ còn là người bạn đồng hành tin cậy. Phải chăng, đó chính là lí do để Xan-tu-cốp Sê-đin quả quyết: *Văn học nằm ngoài quy luật của sự băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết?*

Câu 1.

Tôi ấn tượng mãi về câu thơ của Nguyễn Công Trứ:

Đã mang tiếng ở trong trời đất

Phải có danh gì với núi sông.

Người quân tử xưa kia phải đầu đội trời, chân đạp đất, phải là *trị quốc, bình thiên hạ*. Thời gian qua đi, những chuẩn mực đạo đức và thước đo giá trị cũng đổi khác nhưng bao giờ cũng vậy, thế hệ trẻ luôn mang trong mình trách nhiệm lớn lao với quê hương, đất nước. Để làm được điều đó, mỗi thanh niên không thể không vạch sẵn cho mình lí tưởng và phương châm để sống và cống hiến. Với bạn, đó là gì? Bạn có băn khoăn và lo lắng vì phải tìm cho mình lối đi đúng đắn? Còn tôi, không cần đắn đo, do dự, nếu có ai hỏi: *“Phương châm sống của bạn là gì?”*, tôi sẽ đồng dục: *“Sống là hành động”*.

Tôi đang sống giữa thế kỉ XXI với bao nhiêu cơ hội và thách thức. Cuộc đời là một môi trường để mỗi người vượt lên và thành công. Ai lại chẳng đặt ra cho mình những mục tiêu và vạch sẵn con đường để đi tới đích? Tôi cũng vậy. Để sống được trên đời, con người không chỉ cần những nhu cầu vật chất bình thường mà còn cần có lí tưởng, khát khao để tô điểm cho cuộc sống thêm nhiều sắc màu phong phú. Đối với tôi, không phải cứ là con hổ giữa rừng xanh mới là sống, cũng không nhất thiết phải là con đại bàng bay một lần chín vạn dặm mới là sống. Sự sống có khi âm thầm trôi chảy. Có thể sục sôi, có thể trầm lắng nhưng bao giờ là dừng lại. Sống là luôn vận động. Nói cách khác, với bản thân tôi: *Sống là hành động*.

Tôi tin chắc hầu hết chúng ta đều ấp ủ những khát khao và ước vọng, nhưng điều quan trọng là có dám thực hiện chúng, dũng cảm bước chân lên con đường mà mình đã chọn hay không. Tôi đã nghe ai đó nói một câu thật giản dị, nhưng cứ âm ảnh và thôi thúc tôi mãi: *Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động*. Ước mơ của bạn thật đẹp nhưng lại chỉ mãi là viễn vông, kế hoạch của anh rất khả thi nhưng cuối cùng cũng chỉ dừng lại trên trang giấy cũ. Hành động, hành động và hành động, chỉ có như thế tôi và tất cả chúng ta mới có thể cải biến mọi vật, mọi việc xung quanh mình.

Ngày xưa, đã có thời ta quan niệm chỉ có cầm súng lên đường đánh giặc mới là yêu nước, còn những người ở lại sáng tác thơ văn là yếu về tinh thần dân tộc. Lịch sử đã chứng minh đó không phải là cách nhìn nhận công bằng. Chỉ cần anh luôn trăn trở, luôn tự hào, luôn đau đáu về quê hương và có những hành động thiết thực, dù là trong lĩnh vực chính trị, quân sự hay xã hội thì đều được công nhận là yêu nước. Sống là hành động! Hoàn cảnh xã hội đổi khác, thế hệ trẻ ngày nay không phải cầm súng đạn ra chiến trường nhưng vẫn tiếp tục cuộc chiến khác gay go và ác liệt không kém: cuộc chiến với đói nghèo và lạc hậu.

Tôi vẫn mong có ngày học tập thành tài để trở thành con người có ích cho xã hội, để gia đình, bạn bè được tự hào. Tôi đã cố gắng học và luôn cố gắng để thoát khỏi những cám dỗ, ham mê bình thường. Tôi mơ ước sau này được gieo những con chữ, gieo tình yêu văn chương vào tâm hồn những em bé ở nẻo cao, ở miền núi xa xôi. Nhiều trường học miền núi tới tận bây giờ vẫn chưa có điện. Tôi xót xa vì hoàn cảnh thiếu thốn trong sinh hoạt, học tập của các em. Vậy mà, đôi chân muốn vượt qua hàng chục cây số đường rừng vẫn đều đặn đến lớp, bàn tay nhỏ bé bám vào cây cầu treo trong mùa mưa bão vẫn kiên trì cầm giấy bút đến trường. Tôi khát khao được giúp đỡ các em. Đó là lí do mà tôi sẽ đăng kí thi vào ngành sư phạm trong kì thi tuyển sinh đại học sắp tới. Tôi đã và đang hành động để được sống thực với lí tưởng của mình.

Cứ mỗi dịp hè về, tôi lại hăm hở theo bè bạn đến vùng biển Cửa Lò để nhặt rác làm sạch bãi biển Cửa Lò. Miền Trung đầy nắng gió đã bồi đắp cho tâm hồn tôi tình yêu quê hương, yêu sông nước, yêu những thân phận bé nhỏ trên cõi đời. Việt Nam mình đâu đã vắng bóng những thân phận cô cút, những mảnh đời bất hạnh thiếu miếng cơm manh áo. Ta bảo thương nhưng không có hành động giúp đỡ thiết thực thì cũng chỉ là vô nghĩa bởi lẽ:

Tình thương chỉ nói bằng lời

Lấy đâu ra gạo cho người đói no

Cùng cả nước cộng hoà non trẻ chống giặc đói thời kì cách mạng mới thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng *ăn ba bữa, nhịn một bữa* để giúp đỡ đồng bào ta khỏi chết đói. Còn thanh niên ngày nay, theo tôi nghĩ, chỉ cần nhịn vài bữa ăn sáng, tham gia thêm hoạt động tình nguyện là đã có thể góp phần bé nhỏ vào việc đem đến hạnh phúc và no đủ cho những con người bất hạnh.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đang có kế hoạch vận động sinh viên, học sinh tham gia công tác tình nguyện. Tôi sẽ đăng kí tham gia phong trào này để trở thành người có ích đối với cộng đồng ngay từ khi còn đang tuổi học đường. Ở các nước khác, thế hệ trẻ dường như năng động và sáng tạo hơn thanh niên Việt

Nam rất nhiều. Chúng ta “nhập cuộc” muộn hơn nhưng điều đó không có nghĩa chúng ta tỏ ra kém cỏi hơn mà ngay từ bây giờ hãy hành động để thay đổi, nâng cao vị thế của thanh niên Việt Nam trên trường quốc tế.

Ngày nay, ở vùng Sừng châu Phi, mỗi ngày có hàng chục, hàng trăm người chết đói. Thế hệ trẻ chúng ta phải làm sao để không chỉ quê hương mình, dân tộc mình mà cả bảy tỉ người đều được hưởng những quyền lợi tối thiểu của con người. Liên kết để hành động! Hành động để sáng tạo! Để trở nên năng động và tự tin hơn! Tôi tin mình, đã, đang và sẽ làm được điều đó!

Còn bạn thì sao? Nếu bây giờ bạn đang lạc lối (bởi quanh tôi còn bao thanh niên chỉ lo say sưa vũ trường, đua xe trái phép) hãy nhanh chóng thức tỉnh. Hãy hành động dù trên con đường hành động ấy bạn sẽ gặp rất nhiều chông gai, bởi chẳng con đường nào ta *trái bước trên hoa hồng*, nhưng hãy tin, hãy làm, hãy chiến thắng. *Lên đường là cách thức duy nhất để tới nơi.*

(Bài đoạt giải Nhất – 17/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đáp ứng khá tốt những yêu cầu của đề bài. Văn viết có giọng điệu riêng. Diễn đạt lưu loát và trong sáng.

Ở câu 2:

Người viết cơ bản hiểu đúng vấn đề. Với vốn kiến thức lí luận văn học khá phong phú và chắc chắn, người viết đã đưa ra được ý kiến xác đáng, sát với luận đề: *Nhà văn sáng tạo nên tác phẩm – đứa con đẻ tinh thần – và không thể không gửi vào đó một cách nhìn, cách nghĩ về con người. [...] Bởi thế nên, trái tim nhạy cảm và tinh tế không cho phép người nghệ sĩ sống như một bông hoa diệc giữa đời, không đưa đến một quan niệm, nhận thức sâu sắc nào về con người. Mỗi nghệ sĩ cần một đôi mắt riêng để khám phá và phát hiện con người, để nhìn thấu được những tâm tư tình cảm, những khao khát đắm say và cả những âu lo, trăn trở của con người. Cách nhìn của anh ta phải “hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc”. [...] Nhà văn đã đắm hồn mình rất sâu vào cuộc sống để “thấu thị” tâm tư xúc cảm của loài người và gửi gắm cách nhìn tinh tế và sáng tạo qua hình tượng nghệ thuật độc đáo. Cái nhìn về con người của anh sâu sắc và mới mẻ bao nhiêu thì nhân cách – phẩm giá và bản lĩnh của anh được đánh giá cao bấy nhiêu. Chính điều đó mang đến cho văn học khả năng nhân đạo hoá con người một cách tuyệt diệu, khiến người đọc khi tiếp nhận tác*

phẩm có cảm tưởng như được trò chuyện với người bạn hết sức thông minh, trải đời và thấu hiểu nhân tình.

Người viết đã khá tinh tế khi chủ yếu dựa vào bút pháp nghệ thuật của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* trong tương quan với thi pháp văn học trung đại và bút pháp miêu tả nội tâm của Nam Cao trong *Chí Phèo* để làm sáng tỏ vấn đề. Đề cập đến vấn đề thi pháp quả có phần quá sức với học sinh THPT. Nhưng người viết đã phần nào vượt qua cái khó ấy, thể hiện ít bút lực văn chương đáng trân trọng. Có những đoạn viết chắc tay, khá say và thoát bay; chẳng hạn đoạn: *Nếu quả thực một nghệ sĩ là một nhà nhân đạo lớn với đôi mắt nhìn sắc sảo thì có lẽ Nguyễn Du xứng đáng là đại thi hào không chỉ của Việt Nam mà cả thế giới. Nếu được tạc tượng Nguyễn Du, tôi sẽ tạc một con người với đôi mắt có thị giác bén nhạy để nhìn và một đôi tai có thính giác tinh tế để cảm nghe được mọi nỗi buồn vui của loài người. Với tôi, sự nghiệp văn học của đại thi hào dân tộc là một kim tự tháp sừng sững mà mặt chính diện lấp lánh sắc màu những trang Kiều. Bằng "con mắt trông thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời" (Mộng Liên Đường chủ nhân), Nguyễn đã gửi vào kiệt tác của mình những hiểu biết sâu sắc về con người để rồi tất cả hội tụ, toả sáng qua nhân vật bất hủ của lịch sử văn học Việt Nam: Thúy Kiều.*

Tuy nhiên, phần nói về Nam Cao và *Chí Phèo* có vẻ còn sơ khoáng, chưa cân xứng khiến người đọc chưa thật hài lòng.

Với câu 1, người viết tỏ ra hợp lí khi so sánh quan niệm sống của con người Việt Nam xưa và nay làm cơ sở lí giải việc lựa chọn châm ngôn sống cho bản thân.

Trong luận giải, biết nhìn nhận vấn đề nhiều chiều và dám nói thật những suy nghĩ của mình, chẳng hạn như đoạn: *Thời gian qua đi, những chuẩn mực đạo đức và thước đo giá trị cũng đổi khác nhưng bao giờ cũng vậy, thế hệ trẻ luôn mang trong mình trách nhiệm lớn lao với quê hương, đất nước. Để làm được điều đó, mỗi thanh niên không thể không vạch sẵn cho mình lí tưởng và phương châm để sống và cống hiến. Với bạn, đó là gì? Bạn có băn khoăn và lúng lo vì phải tìm cho mình lối đi đúng đắn? Còn tôi, không cần đắn đo, do dự, nếu có ai hỏi: "Phương châm sống của bạn là gì?", tôi sẽ đồng ý: "Sống là hành động".* Hoặc đoạn *Cứ mỗi dịp hè về, tôi lại hăm hở theo bè bạn đến vùng biển Cửa Lò để nhặt rác làm sạch bãi biển Cửa Lò. Miền Trung đầy nắng gió đã bồi đắp cho tâm hồn tôi tình yêu quê hương, yêu sông nước, yêu những thân phận bé nhỏ trên cõi đời. Việt Nam mình đâu đã vắng bóng những thân phận cõi cút, những mảnh đời bất hạnh thiếu miếng cơm manh áo. Ta bảo thương nhưng không có hành động giúp đỡ thiết thực thì cũng chỉ là vô nghĩa...*

Tuy nhiên, điều đáng tiếc là có lẽ do áp lực thời gian nên viết vội, nói chưa đủ, chưa hết và do đó chưa thật lôi cuốn.

BÀI LÀM SỐ 3

Câu 2.

May mắn thay, cuộc sống của chúng ta được tô thắm thêm bởi vẻ đẹp của văn chương khi có các nhà văn, nhà thơ giúp ta nói hộ lòng mình. Bởi văn chương xưa nay luôn lấy con người, đặc biệt là đời sống nội tâm phong phú của thực thể toàn mĩ này làm đối tượng trung tâm. Có ý kiến cho rằng: “Các nhà văn, nhà thơ nhân đạo lớn thường gửi vào sáng tác một cách nhìn sâu sắc về con người, cách nhìn này hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc.”

Nhà văn Trung Quốc Lâm Ngữ Đường từng khẳng định: “Văn chương bất hủ cổ kim đều viết bằng huyết lệ”. Quả là như vậy, chỉ có “huyết lệ” của người nghệ sĩ mới đủ sức thổi vào tác phẩm một sức sống lâu bền. Ý kiến này đã khẳng định vai trò của tình cảm nhân đạo trong sáng tác. Đó cũng là yếu tố góp phần tạo nên giá trị nhân đạo cho văn chương. Văn chương sinh ra để làm gì nếu không phải để hướng người ta đến cái đẹp, đến chân – thiện – mĩ? Hướng đến những giá trị nhân bản chính là mục đích của văn chương chân chính muôn đời.

Sê-khốp đã từng phát biểu: “Nhà văn chân chính là những nhà nhân đạo từ trong cốt tuỷ”. Vậy tư tưởng nhân đạo ấy được thể hiện ở đâu? Ý kiến trên đã giúp ta có câu trả lời. Nó nằm ở “cách nhìn sâu sắc về con người, cách nhìn này hướng đến nội tâm và cảm xúc”. Có thể nói quan niệm nghệ thuật cốt lõi của người nghệ sĩ là quan niệm nghệ thuật về con người mà biểu hiện chính là cách nhìn của nhà văn. Văn chương có nhiệm vụ không phải tái hiện thế giới mà thể hiện khát vọng của con người. Xét cho cùng thể hiện đời sống nội tâm, cảm xúc của con người chính là cách nhà văn đưa tác phẩm của mình đến bến bờ nhân đạo.

Con người là sự tổng hoà của vật chất và tinh thần, bản năng và ý thức... Nhìn con người, nếu người nghệ sĩ chỉ thấy được vẻ bề ngoài thì đó chưa thể là nhà văn chân chính, điều cốt yếu là thể hiện cho được đời sống nội tâm phong phú của họ. Để nhìn thấy được thế giới bên trong sâu kín ấy, các nhà văn, nhà thơ cần phải có một tấm lòng nhân đạo sâu sắc. Bởi, như Nam Cao đã từng nói trong tác phẩm của mình: nếu chỉ dừng lại bên ngoài có khi ta chỉ thấy họ “gần đở, ngu ngốc... toàn những cơ để ta tàn nhẫn... không bao giờ ta thương”. Đời sống nội tâm và cảm xúc của con người là toàn bộ thế giới tâm hồn – một thế giới không thể nhìn bằng mắt mà phải bằng cả tâm hồn. Như vậy, ý kiến trên còn đặt ra yêu cầu cho nghệ sĩ muôn đời: hãy biết đi vào nội tâm con người, “tóm” cho được những gì sâu kín nhất và thể hiện lên trang viết.

Mọi dòng sông đều đổ ra đại dương, mọi sáng tác của người nghệ sĩ chân chính đều chung mục đích là đổ ra dòng sông nhân bản. Nguyễn Minh Châu đã phát biểu: "Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm chính là con người". Nương theo ý kiến của nhà văn, tôi nghĩ rằng cái tâm điểm của tâm điểm ấy chính là đời sống nội tâm và cảm xúc. Văn học không chỉ phản ánh thế giới khách quan bên ngoài mà còn, quan trọng hơn, cần thiết hơn là hướng vào thế giới chủ quan bên trong con người. Những tác phẩm sống mãi với thời gian là những bức tranh về đời sống tâm hồn con người qua các thời kì; bởi, xét cho cùng lịch sử văn học chính là lịch sử tâm hồn con người.

Rõ ràng là, ý kiến trên đã đưa ra một nhận định về quy luật muôn đời của văn chương, đồng thời cũng gợi ra yêu cầu cho người sáng tác: biết đi tìm những "tâm tình ở đằng sau tâm tình".

Có thể nói tư tưởng nhân đạo là sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam, từ những câu hát than thân, những câu ca dao yêu thương tình nghĩa đến những sáng tác của Nho gia thời trung đại hay các tác giả hiện đại sau này... Và quả thật "các nhà văn, nhà thơ nhân đạo lớn thường gửi vào sáng tác một cách nhìn sâu sắc về con người, cách nhìn này hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc". Nhìn lại một số tác phẩm văn học từ thời trung đại đến hiện đại ta sẽ thấy rõ hơn điều này. Từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đến *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam, ta đều thấy ẩn chứa một cái nhìn sâu sắc đầy tính nhân bản về con người.

Trong lịch sử văn học Việt Nam, Nguyễn Du được xem là một trong những nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. Đại thi hào dân tộc luôn có được sự cảm thông sâu sắc với con người dù tầng lớp trên hay dưới đáy xã hội, dù sống trong vinh hoa hay ở trong chốn lầu xanh như nhuộm... *Truyện Kiều* đã thể hiện rõ cái nhìn sâu sắc của Nguyễn Du về con người. Trong đó, trích đoạn *Nỗi thương mình* là một biểu thị tiêu biểu cho ngòi bút nhân đạo của ông. Nguyễn Du đã nhìn sâu vào đời sống nội tâm, cảm xúc của Kiều, và có thể nói gần như nhập thân vào nhân vật để giúp nàng nói lên tâm trạng đau đớn của người con gái tài sắc tuyệt vời mà lại bị giày đạp trong một xã hội quá vô tình:

*Biết bao bướm lá ong lơ lơi,
Cuộc say đầy tháng trận cười suốt đêm.
Đập diu lá gió cành chim,
Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Trường Khanh.*

Nghệ thuật trùng điệp với những hình ảnh tượng trưng đã nói lên tâm trạng ê chề đau đớn của Kiều bởi cuộc sống lầu xanh đàng điếm, như nhóp triển miền ngày này sang ngày khác.

Nguyễn Du đã nhìn Kiều bằng con mắt nhân đạo sâu sắc để không chỉ thấy cuộc sống khổ ải ê chề ấy mà chủ yếu khắc họa tâm trạng đốn đau, tủi hổ của người phụ nữ vốn dòng trâm anh giữa chốn lầu xanh.

Giật mình mình lại thương mình xót xa.

Có thể nói ba chữ “mình” trong một câu thơ đã diễn tả tinh tế tâm trạng Kiều. Không một chữ cô đơn, không một từ đau xót mà vẫn thấy Kiều đơn côi, lạc lõng, bẽ bàng, tủi hổ để xót xa thương mình trong cảm nhận về sự đối lập nghiệt ngã giữa quá khứ tươi đẹp và hiện tại héo mòn:

Khi sao phong gấm rủ là,

Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.

Mặt sao dày gió dạn sương,

Thân sao bướm chán ong chường bấy thân!

Có thể nói chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du đã có một bước tiến thật xa so với các nhà nho đương thời. Ông không chỉ *trông thấy*, cảm nhận được tâm trạng của một cô gái lầu xanh mà còn biết *đau đốn lòng* trước cảnh ngộ tẩm thân ngà ngọc bị nhỡ nhuốc trong những cuộc hoan lạc của bao kẻ đàng điếm. Nếu những nhà nho xưa tránh nói đến thân xác vì cho đó là dung tục, tầm thường thì Nguyễn Du lại coi thân xác như một phạm trù giá trị. Ông ca ngợi vẻ đẹp của thân xác và từ thương thân, xót thân ông đòi quyền sống, quyền công bằng thực sự cho thân. Đây là một ý thức rất sâu sắc và toàn diện về con người, Kiều thương thân mình, Kiều tự ý thức về thân mình cũng chính là niềm thương cảm vô biên của Nguyễn Du không chỉ dành cho Kiều mà cho bao thân kiếp đàn bà trong cõi đời gió bụi.

Nhưng không chỉ thương thân, Kiều còn thương cho hồn mình lẻ loi, cô đơn, không người tri kỉ:

Mặc người mua Sở mây Tần,

Những mình nào biết có xuân là gì.

Đây quả là một ý thức sâu sắc về nhân phẩm, tiết hạnh hiếm hoi của những thân gái phải đắm mình trong chốn lầu xanh. Và phải chăng Kiều càng thương thân thì tâm nàng càng đáng trọng? Xung quanh mãi mê truy hoan chỉ mình nàng chẳng “biết có xuân là gì?”; xung quanh vui riêng nàng sầu, xung quanh thản nhiên đánh mắt mình chỉ nàng xót xa, tủi hổ... Có thể nói, Nguyễn Du đã soi thấu đến từng ngõ ngách khuất lấp của tâm hồn Kiều để nói lên nỗi niềm xót xa của nàng. Quá thật, như GS. Trần Đình Sử đã nhận định “con người trong *Truyện Kiều* không phải con người tỏ lòng mà là con người của tấm lòng”. Nếu không có con mắt nhìn sâu sắc

thấm đẫm tình yêu thương thì hỏi làm sao và đến bao giờ Nguyễn có được cái bút lực ấy!

Dồi phen gió tựa hoa kè,

...

Dồi phen nét vẽ câu thơ.

Cuộc sống ở lầu xanh cũng mang dáng phong lưu, cũng đủ cảm, kì, thi, hoạ nhưng Kiều vẫn buồn sầu, thậm chí còn đau đớn hơn bởi làm sao con người hiếu nghĩa đủ đường ấy lại hoà đồng được với thứ hoan lạc bán mua, phong lưu giá dạng, đái đàng nguyệt hoa ấy?

Thấu hiểu tâm trạng Kiều, Nguyễn Du còn phát biểu một quy luật muôn đời của tâm hồn, cảm xúc:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?

Người buồn con mắt nhìn ra cảnh, cảnh cũng lây buồn. Và, nếu người có tri âm thì cảnh cũng thành bầu bạn và lẽ dĩ nhiên nếu thiếu đi sự đồng cảm thì giữa chốn đông người vẫn hoá cô đơn.

Vui là vui gượng kéo là,

Ai tri âm đó mặn mà với ai?

Đại thi hào Nguyễn Du đã sẻ nửa yêu thương của mình cho Kiều bằng cách nói lên những nỗi niềm chua xót của nàng trong trang viết đầy nước mắt. Các nhà nho xưa thường chỉ bộc lộ những cảm xúc bản khoản xao xuyến vì lo cho dân cho nước; Nguyễn Du ngoài cảm xúc ưu thời mẫn thế ấy còn dành sự chú ý đến cả những xúc cảm nhân sinh rất đời thường, thậm chí bị coi là tầm thường. Hiểu được điều đó ta càng thêm trân trọng tấm lòng nhân đạo của đại thi hào dân tộc Việt Nam.

Tiếp nối truyền thống nhân đạo trong văn học dân tộc, Thạch Lam đã đóng góp một tiếng nói nhỏ nhẹ trữ tình nhưng sâu lắng và đầy ám ảnh. Truyện ngắn *Hai đứa trẻ* đã thể hiện rõ tư tưởng nhân đạo của người nghệ sĩ trên con đường hướng đến “đời sống nội tâm và cảm xúc” của ngòi bút lãng mạn giàu chất nhân văn này.

Truyện ngắn mở ra bởi không gian buổi chiều buồn nơi phố huyện – cái không gian tù túng đã ám ảnh trong nhiều sáng tác của Thạch Lam. Nhưng nhà văn không miêu tả quang cảnh này chỉ để thể hiện cái đói, cái nghèo mà chủ yếu muốn thể hiện cuộc sống quẩn quanh bế tắc của cư dân nơi đây. Toàn bộ tác phẩm là những suy nghĩ, cảm nhận của Liên. Thạch Lam đã sử dụng kiểu tình huống tâm trạng, từ đó mà xây dựng nên hình tượng trung tâm cô bé Liên – “kiểu nhân vật hành động

bên trong” (theo nhà lí luận Nga Pô-xpê-lốp). Cũng chính vì thế mà đời sống nội tâm của Liên hiện lên thật rõ nét.

Những câu văn miêu tả tâm trạng Liên cứ nhẹ nhàng như chính nỗi buồn man mác trong tâm hồn nhân vật: *đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và nỗi buồn của buổi chiều quê thấm vào tâm hồn ngây thơ của chị*. Đây là những cảm xúc rất tinh tế và càng đáng trân trọng hơn khi ta biết Liên mới chỉ là một cô bé mười ba tuổi. Trên trang văn Thạch Lam, Liên hiện lên với một tâm hồn nhạy cảm và một tấm lòng nhân ái bao la. Cách Liên nhìn những đứa trẻ nhặt rác, cách Liên đứng sững lại trước bóng bà cụ Thi hơi điên đang khuất dần về phía làng để lại trong ta bao suy ngẫm. Rồi cách cảm nhận về những mùi hương quen thuộc của phố huyện bốc lên như “mùi của đất của quê hương này” nữa. Người ta cứ nghĩ trẻ con chỉ quen nhìn bằng mắt, nhưng ở đây hoá ra Liên đã nhìn bằng cả tâm hồn mình.

Thạch Lam đã dùng con mắt yêu thương của mình để thấu hiểu tâm trạng của Liên, để nói lên những rung động, những cảm xúc đặc biệt của cô bé trong cái thời đoạn giàu ý nghĩa nhất của tâm hồn: chờ chuyến tàu đêm từ Hà Nội chạy qua phố huyện. Chuyến tàu đem đến cho Liên, cho cư dân phố huyện một chút thế giới khác để họ có thêm niềm tin, thêm hi vọng để sống. Chuyến tàu đến rồi đi qua khiến Liên “lặng theo mơ tưởng”, Liên nghĩ về Hà Nội, một Hà Nội “sáng rực vui vẻ và huyên náo”. Liên nghĩ về những tháng ngày đã qua, những tháng ngày tuổi thơ đẹp như cổ tích. Có thể nói đó là những chấm xanh mát lành trong tâm hồn thơ bé đang bị bó buộc trong cuộc sống tù đọng cõi trần.

Hướng ngòi bút của mình vào đời sống nội tâm nhân vật, để diễn biến đi theo dòng cảm xúc, Thạch Lam đã thể hiện một cái nhìn đầy nhân bản. Rõ ràng, ở đây sự quan tâm đến con người của nhà văn không chỉ là quan tâm đến cuộc sống vật chất mà trước hết và trên hết là đời sống tinh thần. Con người cần được sống, được buồn vui, hi vọng, được mơ ước và cũng rất cần được chăm sóc, yêu thương, cảm thông, chia sẻ,... Cũng vì thế, xét trên phương diện nghệ thuật thể hiện, truyện ngắn của Thạch Lam rất gần với truyện ngắn hiện đại: tình huống được xây dựng cốt để thể hiện và xoay quanh những tâm tư tình cảm của con người.

Không chỉ *Nỗi thương mình* của Nguyễn Du hay niềm thương *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam mà còn rất nhiều những tác phẩm chân chính khác đều hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc của con người.

Con người luôn là tâm điểm của văn học. Văn học vì con người mà có và sẽ mãi mãi là tiếng nói tâm hồn con người, mãi lấy nội tâm và cảm xúc con người làm đối tượng thể hiện và khám phá. Đó phải chăng là quy luật mà cũng là yêu cầu tất yếu của văn chương chân chính muôn đời.

Câu 1.

Không khí mùa xuân đang rạo rục đất trời. Mùa xuân – tuổi trẻ, mùa của những ước mơ, hi vọng, của những ý tưởng cao đẹp. Trong không khí tươi trẻ ấy của ngày xuân, tôi chợt thấy lòng mình cũng rạo rục bao cảm xúc về con người, về sự sống tuần hoàn, trôi chảy; và như là một thôi thúc tự nhiên, tôi tìm về chiêm ngôn sống của riêng mình. -

Có lẽ ai trong chúng ta cũng từng một lần băn khoăn những suy nghĩ về lí tưởng sống hay nói cách khác đi tìm một chiêm ngôn sống cho chính mình. Bởi đó là kim chỉ nam, là ngọn đuốc dẫn đường cho chúng ta trên hành trình cuộc sống. Là một thanh niên thế hệ hôm nay, tôi cũng luôn tâm niệm về một lẽ sống: *Sống dũng cảm – không bao giờ bỏ cuộc.*

Báo *Hoa học trò* – một tờ báo cho các bạn trẻ, trẻ tuổi đời và trẻ tấm lòng – từng phát động cuộc thi viết “Sống dũng cảm”. Và tôi nhận ra tầm quan trọng của nó trong cuộc sống của mỗi người. Dũng cảm là phẩm chất của con người dám đối mặt và vượt qua mọi khó khăn thử thách.

Sống dũng cảm sẽ giúp bạn vượt qua những trở ngại trong cuộc sống. Tất nhiên, đôi khi dũng cảm rồi mà vẫn thất bại nhưng chắc chắn dũng cảm sẽ giúp bạn chiến thắng chính mình. Trong cuộc sống luôn có những khó khăn mà bạn không ngờ đến. Đôi khi nó đến với ta bất ngờ, nó đáng sợ làm ta không dám tiến bước. Lòng dũng cảm sẽ thúc đẩy ta đi tới. Sống dũng cảm sẽ giúp ta đi đến tận cùng của con đường không bỏ dở giữa chừng. Và đó chính là ta đã chiến thắng chính mình, Hê-minh-uê đã từng phát biểu: “Con người sinh ra không phải dành cho thất bại, con người có thể bị huỷ diệt chứ không thể bị đánh bại”. Lòng dũng cảm sẽ cho ta niềm tin để đi tới, để không bị kim bước bởi sự hèn nhát hay run sợ.

Trong cuộc sống xã hội ngày nay có biết bao cám dỗ, bao chạm bẫy, lòng dũng cảm sẽ giúp ta vượt qua chúng để vững bước trên con đường tương lai. Với thế hệ trẻ thì lòng dũng cảm càng có một vai trò quan trọng. Bởi con đường trước mắt chúng ta còn quá dài với biết bao cơ hội và thử thách. Không phải chỉ trong chiến tranh ta mới cần đến lòng dũng cảm mà ngay trong thời bình chúng ta cũng cần nó biết bao.

Tôi hiểu rằng xác định phương châm ấy không khó nhưng để làm theo nó thì hoàn toàn không dễ. Dũng cảm không phải là dám xếp bút nghiên theo nghiệp binh đao, như thanh niên trong thời đánh Mĩ. Với tôi cũng như các bạn trẻ hôm nay, dũng cảm được thể hiện trong những việc làm đơn giản và gần gũi.

Dũng cảm không phải là khi đèn đỏ, đường đông, mọi người dừng lại bạn vượt lên đi trước. Dũng cảm là khi đèn đỏ và đường vắng mọi người vượt lên còn bạn đỗ lại chờ đèn xanh.

Dũng cảm không phải là khi bạn cầm dao rạch vào tay mình, dám nhảy xuống sông tự tử. Dũng cảm không phải khi bạn dám chết mà là khi bạn dám sống.

Tôi biết rằng, con đường mình trải qua sẽ nhiều đá, sỏi, chông gai, có thể tôi sẽ vấp ngã, sẽ thất bại nhưng tôi sẽ không bỏ cuộc, sẽ cố gắng để dũng cảm bước tiếp.

Lòng dũng cảm có người có sẵn có người chưa, nhưng nếu chúng ta quyết tâm rèn luyện sẽ có được nó. Tôi sẽ cố gắng để từ những việc nhỏ nhất: không quay bài trong giờ kiểm tra, dám nhận lỗi khi mắc lỗi,... để dần hình thành cho mình lòng dũng cảm. Tôi còn nhớ mãi câu nói của thầy giáo tôi: "Ở đâu có chiến đấu ở đó có chiến thắng". Tôi sẽ dũng cảm chiến đấu để ít nhất cũng chiến thắng bản thân mình.

Tất nhiên lòng dũng cảm, dám thực hiện không phải là tất cả, tôi vẫn cần trước hết và trên hết tình yêu thương, đồng cảm, sẻ chia, vẫn cần cố gắng, nỗ lực không ngừng.

Lòng dũng cảm thật quan trọng biết bao. Tôi sẽ nỗ lực hết mình để thực hiện được phương châm ấy. Dù còn nhiều khó khăn nhưng tôi sẽ dũng cảm để theo đuổi phương châm sống đã đặt ra. Những câu hát lại vang lên rộn ràng: *Tuổi trẻ tương lai quê hương đang gọi mời.*

(Bài đoạt giải Nhất – 16,5/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng khá cơ bản những yêu cầu đặt ra trong đề bài. Văn viết có cảm xúc, có giọng điệu riêng.

Ở câu 2:

Người viết cơ bản hiểu đúng vấn đề được đặt ra trong đề bài: *Các nhà văn, nhà thơ nhân đạo lớn thường gửi vào sáng tác một cách nhìn sâu sắc về con người, cách nhìn này hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc.* Với vốn kiến thức lí luận văn học khá chắc chắn, người viết xác định được thế nào là nhà nhân đạo lớn trong sáng tác văn học, từ đó đưa ra cách hiểu ý kiến được nêu trong đề bài khá sâu sắc: *Có thể nói quan niệm nghệ thuật cốt lõi của người nghệ sĩ là quan niệm nghệ thuật về con người mà biểu hiện chính là cách nhìn của nhà văn. Văn chương có nhiệm vụ không phải tái hiện thế giới mà thể hiện khát vọng của con người. Xét cho cùng thể hiện đời*

sống nội tâm, cảm xúc của con người chính là cách nhà văn đưa tác phẩm của mình đến bến bờ nhân đạo. Hay: Mọi sáng tác của người nghệ sĩ chân chính đều chung mục đích là đổ ra dòng sông nhân bản... Văn học không chỉ phản ánh thế giới khách quan bên ngoài mà còn, quan trọng hơn, cần thiết hơn là hướng vào thế giới chủ quan bên trong con người. Những tác phẩm sống mãi với thời gian là những bức tranh về đời sống tâm hồn con người qua các thời kì; bởi, xét cho cùng lịch sử văn học chính là lịch sử tâm hồn con người.

Người viết rất tinh khi lựa chọn đoạn trích *Nỗi thương mình* (Trích – *Truyện Kiều*) của Nguyễn Du và truyện ngắn *Hai đứa trẻ* để làm sáng tỏ vấn đề. Phần cảm thụ viết có chọn lọc, bàn trúng vấn đề. Có những ý văn viết chắc tay, ví dụ như đoạn: *Có thể nói chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du đã có một bước tiến thật xa so với các nhà nho đương thời. Ông không chỉ “trông thấy”, cảm nhận được tâm trạng của một cô gái lầu xanh mà còn biết “đau đớn lòng” trước cảnh ngộ tẩm thân ngà ngọc bị nhor nhuốc trong những cuộc hoan lạc của bao kẻ đàng điếm. Nếu những nhà Nho xưa tránh nói đến thân xác vì cho đó là dung tục, tầm thường thì Nguyễn Du lại coi thân xác như một phạm trù giá trị. Ông ca ngợi vẻ đẹp của thân xác và từ thương thân, xót thân ông đòi quyền sống, quyền công bằng thực sự cho thân. Đây là một ý thức rất sâu sắc và toàn diện về con người.*

Tuy nhiên, phần lí luận, người viết mới hiểu cơ bản vấn đề, luận bàn còn chưa sâu, chưa thực sự thuyết phục. Ý nghĩa của việc khám phá, phát hiện đúng đắn và sâu sắc về con người trong sáng tạo nghệ thuật, thái độ trân trọng quyền được biểu hiện thế giới bên trong của con người cũng như việc chú ý đến đời sống nội tâm và cảm xúc như một yếu tố quan trọng làm nên chiều sâu nhân bản và cả hình thức đặc sắc của tác phẩm văn học đồng thời là một định hướng cần thiết để tiếp nhận sâu sắc hơn giá trị của văn chương nghệ thuật, vì thế, chưa thật được luận giải kĩ lưỡng.

Ở câu 1:

Người viết chọn cho mình châm ngôn sống: *Sống dũng cảm – không bao giờ bỏ cuộc*. Người viết đã hiểu đúng về lối sống dũng cảm khi cho rằng: *Dũng cảm là phẩm chất của con người dám đối mặt và vượt qua mọi khó khăn thử thách*. Tiếp đó, người viết đã phần nào lí giải được nguyên nhân lựa chọn và phác thảo được châm ngôn: *Sống dũng cảm – không bao giờ bỏ cuộc*. Cách luận bàn ngắn gọn, có phần sáng tạo.

Tuy nhiên, cảm tưởng như viết hơi vội vàng (phải chăng do thiếu thời gian?). Vì vậy, vấn đề chưa được bàn sâu, nhìn rộng, nhìn nhiều chiều. Một điều nữa người đọc cảm thấy chưa hài lòng là thiếu sự cân đối giữa câu 1 và câu 2.

BÀI LÀM SỐ 4

Câu 1.

Tôi còn nhớ mãi câu nói của nhà khoa học Ma-ri Quy-ri: “Trên đời này không có điều gì khiến chúng ta phải sợ, chỉ có những điều khiến chúng ta phải nghĩ”. Thật vậy, câu nói được rút ra từ sự chiêm nghiệm của một cuộc đời, một con người tận tụy cho công việc, cho lẽ sống của chính mình. Câu nói mãi mãi là phương châm sống đúng đắn của mọi thời mà tôi luôn nhìn vào đó để răn mình mỗi lúc khó khăn trong cuộc sống.

Hẳn chúng ta đều biết đến Đặng Lê Nguyên Vũ, chàng trai của đất Tây Nguyên đầy nắng gió đã dám từ bỏ Đại học Y để theo đuổi ước mơ đem nhãn hiệu cà phê Trung Nguyên ra khắp năm châu. Đó là biểu hiện của một tâm hồn, một trí tuệ dám nghĩ dám làm và cao hơn hết thấy, chàng trai ấy đã không sợ những lần thất bại, những khó khăn thử thách đang đón đầu phía trước để mà dấn thân theo đuổi ước mơ của mình. Đó còn là Bin Ghét cũng từ bỏ giảng đường đại học để theo đuổi ước mơ làm giàu, là Mắc-zu-ke từ bỏ đại học Ha-vớt danh giá để sáng tạo ra mạng xã hội Facebook như ngày nay. Ai trong chúng ta cũng có trong mình một ước mơ, một hoài bão và khát vọng, dù lớn hay nhỏ thì tất cả cũng đều thể hiện khát khao khám phá, tìm tòi và sáng tạo, chinh phục cuộc sống của mỗi chúng ta. Là một thanh niên của thế hệ hôm nay, cả tôi, cả bạn, cả chúng ta đều có cho mình một ước mơ, một hoài bão và luôn cố gắng thực hiện nó từng ngày. Những lúc như thế, ta luôn nghĩ đến sự tự hoàn thiện chính bản thân mình, sửa chữa những khiếm khuyết và phát huy hết khả năng của bản thân. Và, tôi cũng tin chắc rằng nếu ai cũng có ý thức tự hoàn thiện mình như thế thì xã hội sẽ ngày càng tốt đẹp hơn, văn minh hơn, hạnh phúc hơn.

Quay lại câu nói của nhà khoa học Ma-ri Quy-ri ta nghiệm ra được biết bao điều trong cuộc sống. Cuộc đời là chuỗi của những biến thiên và thay đổi, cùng tồn tại trong cuộc đời đó, mỗi chúng ta cũng không nằm ngoài những quy luật ấy. Có những lúc thành công nhưng cũng có những lúc ta thất bại bởi “không có con đường nào trải bước trên hoa hồng, bàn chân không thấm đau vì những mũi gai”. Thất bại là lẽ thường tình trong cuộc sống, những người không bao giờ bị thất bại hoặc sợ thất bại thì cả đời này người đó không làm được gì cả. Điều cốt yếu và cũng là nền tảng vững chắc nhất của một con người hiện đại là sự tự tin, mạnh mẽ, vượt lên mọi sự yếu đuối, sợ sệt của bản thân để thực hiện những ước mơ, hoài bão và khám phá những bí ẩn của cuộc sống đa diện nhiều chiều. Sự mạnh mẽ, dám suy nghĩ trước mọi khó khăn thử thách sẽ cho ta sức mạnh, niềm tin để tiến đến thành công, xoá đi sự yếu đuối của bản thân. Dám suy nghĩ nghĩa là ta đã dám đối thoại

với chính cuộc đời này, không chấp nhận một cuộc sống tẻ nhạt, đơn điệu, tù túng, bị động mà luôn sẵn sàng đón nhận những thử thách mới giống như ngọn lửa càng nung nấu thêm cho quyết tâm, cho ý chí của mỗi người. Hê-ghen đã từng tâm sự rằng: “Thà phải tìm hiểu sự thật suốt đêm còn hơn nghi ngờ nó suốt đời”. Sự thật ở đây là những quy luật cuộc sống luôn cần ta giải mã để rút ra được những chân lí cuộc sống; có thể nó nghiệt ngã, thất vọng nhưng dẫu sao chúng ta đã dám đối diện với chính nó và cũng có thể thay đổi nó, chỉ cần trong bạn luôn có một niềm tin, một ý chí. Đến với đất nước Hi Lạp hẳn ta vẫn còn nhớ một Ác-si-mét sau bao ngày trần trở, nghĩ suy đã tìm ra được phương pháp tính áp lực của vật thể, giây phút hân hoan, vui sướng ấy thể hiện trên nét mặt và những hành động của nhà khoa học vẫn mãi còn trong tâm trí của mỗi chúng ta.

Ha-san – nhà hiền triết người Hồi giáo đã từng trăng trối trước khi qua đời: “Điều thiết yếu nhất trong cuộc sống là luôn làm một học trò”. Phải chăng, cuộc sống là một bài học lớn không bực giảng luôn dạy cho chúng ta từng ngày, từng giờ với những bài học, những chân lí mà đôi khi ta không ngờ tới: bài học của tình yêu thương, lòng nhân ái, sự bao dung, vị tha, bài học của sự cho và nhận. Là một thanh niên của thế hệ hôm nay, hơn bao giờ hết trong tôi luôn thấy quý mến và yêu thương quê hương, đất nước của mình; yêu những con đường ngày ngày đến lớp, yêu những mùi hương cam thoang thoảng mang nặng nỗi đau và sự rần rỏi, gân guốc bộc trực của tâm hồn Nam Bộ được phản ánh chân thật trong những trang văn của Nguyễn Thi. Xác định được điều đó, ngay từ bây giờ, với vai trò của một người học trò, chúng ta vẫn còn nhiều lắm những điều phải học, phải làm, không chỉ vì bản thân, gia đình mà còn cho đất nước, cho Tổ quốc thân yêu, máu thịt. Mạnh mẽ hơn trước những khó khăn, không khuất phục mỗi khi thất bại, không tự mãn những lúc thành công, rèn luyện ý chí, nghị lực kiên cường để thực hiện hoài bão, ước mơ, khám phá cuộc sống, không những thế, đó cũng là cách để ta đối phó với cái xấu, cái ác trong xã hội. Hãy tư duy, suy nghĩ nhiều hơn, cố gắng giải mã những điều mình chưa hiểu, chưa tỏ tường dù rằng có thể ở hiện tại ta cảm thấy chán nản hay bất lực nhưng giây phút ta hiểu được nó chính là giây phút tuyệt vời nhất của cuộc đời mà ta cảm nhận được. “Không có điều gì khiến chúng ta phải sợ, chỉ có những điều khiến chúng ta phải nghĩ”. Nỗi sợ chỉ bắt nguồn và xuất hiện khi ta không dám đối mặt để giải quyết nó mà thôi. Vì thế, hãy gạt đi sự tự ti, nỗi sợ hãi của quá khứ và những suy nghĩ tiêu cực là mình sẽ không bao giờ làm được bởi đó là liều thuốc độc giết chết chí tiến thủ của mỗi chúng ta mà nói như Pla-tông: “Chiến thắng bản thân là chiến thắng vĩ đại nhất”.

Cuộc sống có những điều khiến chúng ta phải nghĩ, phải trần trở. Đó có thể là những suy nghĩ để tìm ra một chân lí đúng đắn, suy nghĩ những ý kiến, những góp ý

của mọi người xung quanh để rút tĩa ra những bài học, không cố chấp hay đặt cái tôi của mình quá lớn mà bỏ qua những bài học đúng đắn ấy để rồi dẫn đến mù quáng, sai lầm. Thực tế trong xã hội ngày nay, vẫn có không ít người hành động theo bản năng, thiếu đi sự suy nghĩ chín chắn, sống yếu đuối, buông xuôi trước những khó khăn và hay đổ lỗi cho hoàn cảnh. Đó là những bạn trẻ ở trường Lê Kiệt (Quảng Ngãi) vì thi trượt đại học mà đâm ra chán nản, dẫn đến những việc làm thiếu suy nghĩ là tự tử. Hành động đó không chỉ là làm khổ bản thân mà còn làm khổ cho cả gia đình, những người thương yêu ta. Ta thử hỏi, giữa bao ngăn sách của trí óc, có ngăn nào họ để dành mà nghĩ suy về chính mình hay chưa. Đó còn là Mi Sói, Lê Văn Luyện chỉ vì không làm chủ được bản thân, rơi vào cám dỗ để rồi giờ đây phải đối mặt với song sắt lạnh ngắt của nhà tù khi tuổi đời còn quá ít. Cách đây ít tháng báo chí cũng vừa đăng tin về cái chết bi thảm của bé Duyệt Duyệt, bé đã ra đi trước sự thờ ơ, thiếu vắng tình thương của mười tám con người qua đường. Những ngọn nến thay lời xin lỗi thấp lên cho linh hồn bé bỏng ấy và cũng là ngọn nến nơi góc khuất, là lương tâm của mỗi con người ra ánh sáng để nghĩ suy về tình người, tình đời.

Cuộc sống là một sự chạy đua không mệt mỏi để đi đến cái đích của ước mơ, của hạnh phúc, của sự tự hoàn thiện chính bản thân mình. Cả Bin Ghết, Đặng Lê Nguyên Vũ, Ác-si-mét.... đã không ngừng nghỉ để bước tiếp trên con đường mà mình đã chọn. Sẽ chẳng có nấc thang tận cùng nào để so sánh ai hơn ai, điều quan trọng là đã suy nghĩ, đã học được gì từ những nơi ta đứng mà thôi. Là những thanh niên tràn trề sức trẻ, hẳn bạn cũng đã xác định cho mình một phương châm sống, một lẽ sống để theo đuổi, với tôi đó là sự không khuất phục, không sợ hãi, dám nghĩ và làm theo những gì lương tâm mình thấy đúng đắn, những lúc như thế trong tôi lại vang vọng lời tâm niệm của Ma-ri Quy-ri: "Trên đời này không có điều gì khiến chúng ta phải sợ, chỉ có những điều khiến chúng ta phải nghĩ".

Câu 2.

Cuộc sống có bao điều ta nâng niu, quý trọng. Bạn rất yêu bức phù điêu tạc chân dung vị thần công lí, người khác lại yêu cái sắc vàng rực rỡ như gói cả tâm tình của người nghệ sĩ trong *Mùa thu vàng* của Lê-vi-tan. Riêng tôi, tôi lại yêu những khám phá mới mẻ, những phát hiện sâu sắc đậm tính nhân đạo về con người, qua mỗi tác phẩm nghệ thuật mà nói như ý kiến sau: "Các nhà văn, nhà thơ nhân đạo lớn thường gửi vào sáng tác một cách nhìn sâu sắc về con người, cách nhìn này hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc". Cùng đắm hồn mình trong các tác phẩm văn học trung đại và hiện đại để hiểu và cảm hơn lời tâm niệm ấy.

Không phải ngẫu nhiên mà nhà văn Nga vĩ đại M. Go-rơ-ki lại cho rằng: “Văn học là nhân học”. Một văn hào đã từng trải qua bao cay đắng cuộc đời để cuối cùng mang trên đôi vai mình thiên chức của một nhà văn – nhà nghệ sĩ ấy đã thấu hiểu được rằng: Trung tâm của mọi sáng tạo nghệ thuật chính là con người. Và, có một sự đồng điệu nào chẳng mà ở đất nước Việt Nam cũng có một nhà văn là Nguyễn Minh Châu đã từng bộc bạch: “Văn học và cuộc sống là hai đường tròn đồng tâm mà tâm điểm chính là con người”. Mang trong mình thiên chức của người nghệ sĩ là nâng niu và sáng tạo cái đẹp ở giữa cuộc đời, hơn bao giờ hết ở mỗi nhà văn, nhà thơ luôn tâm niệm một điều và có lẽ cũng là quy luật bất di bất dịch để mỗi người nghệ sĩ mang theo suốt cuộc đời là hướng đến con người với một đời sống nội tâm và cảm xúc. Bởi lẽ, văn học sẽ là gì, sẽ đi về đâu nếu nó xa lạ với chính con người và không nói lên được một cách chân thật tình cảm, cảm xúc của con người. Sê-khốp đã từng tri ngộ: “Mỗi nghệ sĩ chân chính phải là nhà nhân đạo từ trong cốt tuỷ”. Thật vậy, mỗi người nghệ sĩ khi cầm bút cũng chính là lúc mở rộng vòng tay, giương đôi mắt để nhìn đời, nhìn người sâu sắc, truyền vào trang văn, trang thơ tình yêu thương, sự cảm thông, chia sẻ mà nói như Nguyễn Minh Châu, đại ý rằng: Nhà văn tồn tại giữa cuộc đời để làm công việc giống như kẻ nâng giắc cho những con người cùng đường tuyệt lộ bị cái xấu, cái ác dồn đến chân tường, bênh vực cho những người không còn được ai bênh vực. Ý kiến trên đã nói được nhiệm vụ của văn học, cái tài cái tâm của người cầm bút cùng sự sáng tạo trong nghệ thuật để gửi vào trang viết “một cách nhìn”, “một cách xúc cảm riêng về con người”.

Hơn ba trăm năm trước, đại thi hào Nguyễn Du đã từng viết về nỗi đau đón đến tột cùng của nàng Kiều trong tình cảnh “bên tình, bên hiếu bên nào nặng hơn”, phải hi sinh mối tình đẹp, trong trắng để đáp đền chữ hiếu với giây phút “trao duyên” nghẹn ngào cả tâm can:

Cậy em em có chịu lời

Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.

Không dùng “nhờ” mà dùng “cậy”, không dùng “nhận” mà dùng “chịu”, điều này không chỉ thể hiện tài năng của Nguyễn Du trong việc nắm bắt và diễn tả tâm lí nhân vật mà còn nói hộ cho nỗi đau tột cùng, cho sự khấn khoản van nài của một người chị đối với em gái mình. Nó mang sắc thái chân thành biết bao, giữa bao sóng gió, nghịch cảnh xảy đến với mình, vậy mà Kiều vẫn nghĩ đến người yêu đủ để thấy một nội tâm phong phú, phức tạp của bao cung bậc cảm xúc gói gọn trong một chữ “yêu” nặng tình, nặng nghĩa. Viết về Kiều nói riêng và những thân phận tài hoa bạc mệnh khác nói chung như nàng Đạm Tiên, nàng Tiểu Thanh, Nguyễn Du không hề đứng ngoài cuộc mà luôn sống, luôn cảm và hiểu cho những đau đớn, trái ngang

mà những nhân vật của mình phải chịu đựng. Không biết Nguyễn Du đã khóc bao nhiêu lần trên từng con chữ đầy xót xa mà sao ta nghe day dứt đến thế? Bất giác trong tôi chợt nhớ đến ý thơ của Chế Lan Viên:

*Anh sinh vào thế kỉ nhiều tà huy mưa bụi
Quờ tay ra không người đồng điệu nằm bên
Nỗi đau anh trùng với nỗi đau nhân loại
Mượn câu Kiều hoá thạch cuộc đời riêng.*

(Nghĩ thêm về Nguyễn)

Lê Ngọc Trà đã từng nói rằng: “Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư”. Con người dù ở phương diện nào cũng đều là trung tâm của mọi sự sáng tạo nghệ thuật. Dù là viết về thiên nhiên, đồ vật hay con vật như *Dế Mèn phiêu lưu kí* của nhà văn Tô Hoài, một *Mùa xuân chín* đượm tình quê trong thơ Hàn Mặc Tử cũng đều thấp thoáng bóng dáng của con người, người đọc như thấy được ở đó những ánh mắt, những nụ cười hay những nghĩ suy rất thật của con người. Ngay từ thơ văn Lí, Trần hình ảnh con người đã xuất hiện tuy còn nhìn ở phương diện của tập thể, của cộng đồng:

*Múa giáo non sông trái mấy thu,
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu.
Công danh nam tử còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.*

(Phạm Ngũ Lão, *Thuật hoài*)

Một nỗi thẹn đủ nói lên cả nhân cách của người quân tử mang trong mình một chí làm trai đầy hùng dũng, oai nghiêm. Thế nhưng, dù đã diễn tả được cái thẹn rất cao cả ấy nhưng bài thơ vẫn chưa thấy được bóng dáng của tiếng lòng con người với bao cung bậc của cảm xúc như vui, buồn, mừng, giận. Có chăng là sự khuất lấp vào bình phong kín đáo của cái ta tập thể, cộng đồng. Diệp Tiếp đã từng nói rằng: *Thơ là tiếng lòng*. Phải chăng vì là tiếng lòng mà nghệ thuật luôn hấp dẫn người đọc bằng sự chân thật của tâm hồn, vọng ra từ đáy con tim của người nghệ sĩ để tìm những tần sóng giao thoa của tâm hồn độc giả. Điều đó đòi hỏi cái tài, cái tâm của con người cầm bút và chức năng, nhiệm vụ của văn học là phản ánh hiện thực, một hiện thực về tâm hồn con người. Mỗi người là tiểu vũ trụ với những đời sống nội tâm và cảm xúc riêng, không ai giống ai, do đó mà tâm hồn của mỗi con người khi phơi trải trên trang văn với những khát khao đầy nhân bản, nhân văn mà bằng chính tấm lòng nhân đạo của mình, bằng sự cảm thông, trân trọng, yêu thương, chia sẻ của mình, người nghệ sĩ đã nói hộ cho biết bao tấm lòng ở giữa cuộc đời

này. Một Hồ Xuân Hương đầy ngang ngạnh, luôn quấy đập và muốn bứt phá mọi rào cản, mọi định kiến và lễ lối xã hội phong kiến đã đem vào thơ mình một tiếng nói riêng của người phụ nữ, những khúc *Tự tình* sẽ luôn là những bản đàn ngân vọng mãi cùng thời gian. Một Nguyễn Khuyến bất mãn với thời cuộc để quay về vườn búi chôn cũi nhưng nào có yên lòng, đọc thơ cụ Tam Nguyên ta luôn bắt gặp đôi mắt đỏ hoe vì lo đời, vì trách phận cùng những cái xao động xuyên xao của cõi lòng trước cái tĩnh lặng của bức tranh thu Bắc Bộ. Và một Tú Xương đầy xương xẩu, góc cạnh với những tiếng cười gằn như “mảnh vỡ thủy tinh” đã nói lên biết bao bi phận, căm giận:

Muốn mù trời chẳng cho mù nhĩ

Giương mắt trông chi buổi bạc tình.

Viết về người cũng chính là viết về mình, là sự giải bày cho một đời sống nội tâm đầy phong phú với những cảm xúc rất riêng. Thoảng nghe đâu đây phong vị một chất thơ dịu dàng của những trang văn Thạch Lam, một chất thơ được chiết xuất ra từ một tấm lòng, một trái tim của người nghệ sĩ. Ai đó đã từng nói rằng đọc văn của Thạch Lam thấy thom tho cả tâm hồn. Nhân vật trong văn ông là những con người nhỏ bé như những người phụ nữ, những người già hay những trẻ em nhỏ. Những câu chuyện không có cốt truyện mà khơi sâu vào tâm hồn người những khám phá, những cảm xúc đầy mơ hồ, mong manh, tinh tế. Đó là hai chị em An và Liên trong *Hai đứa trẻ*. Những tâm hồn trẻ thơ bị đặt vào một vũ trụ già, cằn cỗi, không còn một chút vi mạch nào của sự sống. Thế nhưng, cay đắng cuộc đời vẫn không thể phủ bụi mờ trên những tâm hồn trẻ thơ ấy. Một cái mơ hồ khó hiểu của tâm trạng Liên gợi lên từ đầu thiên truyện: “Đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị. Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn”. Chỉ với vài câu văn ngắn gọn mà Thạch Lam đã nói lên được cái nao nao khó hiểu của tâm hồn, cái buồn tẻ của cuộc sống và những nghi suy về thân phận con người. Phải có đôi mắt tinh tường để nhìn sâu vào tâm hồn con người, một trái tim ấm áp tình thương yêu mới có những trang văn đậm chất thơ như thế. Câu văn lơ lửng giữa cuộc đời như vọng hoài câu hỏi đầy day dứt về cuộc sống hạnh phúc, tốt đẹp của con người. Chẳng dễ gì mà nhà văn lại có thể nắm bắt những tinh vi của tâm hồn Liên vào cái buổi chiều tàn như thế, bởi lẽ “xúc cảm của Thạch Lam thường bắt nguồn từ những chân cảm đối với những người thuộc tầng lớp dân nghèo thành thị và thôn quê. Thạch Lam trân trọng cuộc sống, quý mến cuộc sống. Ngày nay, đọc lại Thạch Lam vẫn “thấy đầy đủ cái dư vị và cái nhã thú của một tác phẩm có cốt cách văn học.” (Nguyễn Tuân)

Từ trái tim đến trái tim, văn học bắt nhịp cầu giao cảm bằng những nghĩ suy sâu sắc. Mỗi người nghệ sĩ khi sáng tạo nên một tác phẩm luôn gửi cái tâm nhân đạo trong đó. Không chỉ có thế, nếu cái tâm làm cho giá trị của tác phẩm mãi vang xa đến muôn triệu trái tim thì cái tài lại giúp tác phẩm ấy neo đậu mãi trong lòng mọi người. Một trái tim lớn cần được nâng đỡ trên một cái tài **lớn**. Ép-tu-sen-cô sau khi gần như đi hết con đường kiếm tìm cái đẹp giữa cuộc đời này đã tâm niệm rằng: Tự tử với đời nghệ sĩ không phải là phát súng hay sợi dây thừng mà là khi ngồi vào bàn viết, không đem đến một cái gì mới mẻ thì hoá ra anh ta đã tự tử từ lâu rồi. Cái tài đấy chính là sự sáng tạo của người nghệ sĩ, là cái giọng nói riêng không thể tìm thấy trong bất kì cổ họng của một người nào khác, bởi “văn chính là người” (Buy-phông). Một cái nhìn sâu sắc về con người không phải là sự lặp lại tẻ nhạt, giản đơn về “những điều, những việc mà ai cũng biết cả rồi” (Nguyễn Đình Thi). Văn học sẽ đi về đâu nếu tác phẩm này là bản sao của tác phẩm khác? Cùng đặt chân mình trên mảnh đất của hiện thực cuộc sống nhưng không phải dấu chân nào cũng trùng khớp với nhau. Bước vào làng văn học hiện thực phê phán khi tên tuổi của Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng đã rực rỡ trên văn đàn, những trang văn của Nam Cao vẫn mãi neo đậu trong trái tim bao thế hệ. Nếu các nhà văn hiện thực khám phá con người ở đối nghèo vật chất vì sưu cao thuế nặng vì bị cướp hết ruộng đất thì Nam Cao lại cho người đọc thấy những đau đớn tinh thần động chạm sâu xa đến tâm hồn con người là miếng ăn, là sự tha hoá của cả nhân hình lẫn nhân tính, từ đó lên tiếng kêu hãy cứu lấy nhân phẩm trong trái tim con người. Đoạn văn miêu tả tâm trạng Chí Phèo tỉnh dậy sau một cơn say và sau sự chăm sóc thô thiển mà ân tình của Thị Nở đã diễn tả cái nao nao của phần người trong tâm hồn của một con quỷ dữ. Hấn thấy buồn, hấn lắng nghe những âm thanh của cuộc sống và nghĩ đến quá khứ với bao đau khổ và nghĩ đến tương lai mờ mịt, cô độc của chính mình. Đó là cảm xúc rất chân thật của một con người từ tỉnh rượu đến tỉnh ngộ để nhận ra biết bao điều trong cuộc sống với những ước mơ bình dị thôi, bé nhỏ mà với Chí bây giờ sao xa vời quá. Viết về những người dân cùng ấy, ngòi bút Nam Cao tưởng như lạnh lùng, khách quan đến tàn nhẫn nhưng ẩn sâu bên trong là một tấm lòng nhân đạo đầy ấm nóng.

Dòng chảy của văn học vẫn cứ mãi miết chảy xuôi, len lỏi vào những góc khuất của tâm hồn con người để nảy ra những hạt ngọc quý ẩn kín trong tâm hồn. Đó là tấm lòng của một người mẹ thương con phải chịu một cuộc đời bao cay đắng, tủi nhục “ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng” trong *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu; là cái nhận thức đầy ân hận của một người cháu từ quá vô tư dẫn đến vô tâm trước nấm mộ của người bà trong *Dò Lèn* của Nguyễn Duy. Không biết có một sự đồng điệu và tri ngộ nào chăng mà nhà văn, nhà thơ trên mọi

miền thế giới đều gặp nhau ở sự khám phá đời sống nội tâm và cảm xúc, cùng những khát vọng của con người. Đó là nàng An-na Ka-rê-ni-na trong tác phẩm cùng tên của Lép Tôn-xtôi, là lão Xan-ti-a-gô dù rông rã bao ngày trên biển nhưng vẫn không từ bỏ khát vọng chinh phục những hoài bão, những ước mơ của mình trong cuộc sống.

Ý kiến trên thật đúng đắn. Nó đặt ra cho người nghệ sĩ yêu cầu về cái tài, cái tâm cùng những sáng tạo nghệ thuật chân chính để đem đến cho đời những "tờ hoa" về tâm hồn con người. Với bạn đọc, phải cảm nhận bằng tất cả trái tim, sống với tác phẩm để cảm nhận cái thông điệp thấm mĩ mà tác phẩm nghệ thuật mang lại để đời sống văn học thực sự là một vòng tròn hoàn hảo của bộ ba nhà văn – tác phẩm – độc giả.

Cuộc sống hằng tồn với biết bao điều ta nâng niu, quý trọng. Bức phù điêu vẫn mãi xanh với màu xanh của công lí, sắc vàng của mùa thu vẫn neo mãi trong tâm hồn người và mỗi tác phẩm nghệ thuật sẽ còn mãi với thời gian bởi nó nói lên một cách chân thật tâm hồn con người.

(Bài đoạt giải Nhì – 16/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng khá cơ bản những yêu cầu đặt ra trong đề bài. Diễn đạt tương đối lưu loát và trong sáng. Văn viết có cảm xúc, có hình ảnh.

Ở câu 1:

Người viết chọn cho mình châm ngôn sống là câu nói của Ma-ri Quy-ri: *Trên đời này không có điều gì khiến chúng ta phải sợ, chỉ có những điều khiến chúng ta phải nghĩ*. Người viết đã luận bàn khá rõ để khẳng định *Trên đời này không có điều gì khiến chúng ta phải sợ*, kể cả những khó khăn, thất bại, cái xấu và cái ác. Từ đó người viết bàn đến vấn đề quan trọng là *chỉ có những điều khiến chúng ta phải nghĩ*. Người viết cho rằng: *Dám suy nghĩ nghĩa là ta đã dám đối thoại với chính cuộc đời này, không chấp nhận một cuộc sống tẻ nhạt, đơn điệu, tù túng, bị động mà luôn sẵn sàng đón nhận những thử thách...* Theo người viết, những điều khiến chúng ta phải nghĩ đó là: *bài học của tình yêu thương, lòng nhân ái, sự bao dung, vị tha, bài học của sự cho và nhận... suy nghĩ để tìm ra một chân lí đúng đắn, suy nghĩ những ý kiến, những góp ý của mọi người xung quanh để rút tỉa ra những bài học về cách sống...* Nhìn chung, với hệ thống lí lẽ sâu sắc, hệ thống dẫn chứng được chọn lọc, mang âm hưởng của cuộc sống đương đại, người viết đã luận bàn khá thuyết phục

về chân ngôn sống mà mình đã chọn. Mở bài và kết bài được viết sáng tạo theo kết cấu hô ứng, có sức hấp dẫn riêng.

Tuy nhiên, mạch liên kết của bài viết có phần chưa chặt chẽ giữa các luận điểm khiến đôi chỗ còn tản mạn.

Ở câu 2:

Ưu điểm nổi trội của bài viết là lối viết phóng túng với vốn kiến thức lí luận cũng như vốn kiến thức về tác phẩm khá phong phú, cách dẫn dắt, thẩm bình hấp dẫn, có cảm xúc và có chiều sâu. Phần lí luận, người viết đã chỉ rõ: *quy luật bất di bất dịch để mỗi người nghệ sĩ mang theo suốt cuộc đời là hướng đến con người với một đời sống nội tâm và cảm xúc*. Cảm thụ tác phẩm để chứng minh cho lời nhận định, người viết có cái nhìn xuyên suốt từ văn học trung đại đến văn học hiện đại qua nhiều tác phẩm và phần nào đã làm sáng rõ vấn đề: *Các nhà văn, nhà thơ nhân đạo lớn thường gửi vào sáng tác một cách nhìn sâu sắc về con người, cách nhìn này hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc*. Văn viết có giọng điệu, ngôn ngữ có chọn lọc và gia công.

Bên cạnh những ưu điểm, có một số vấn đề cần trao đổi với người viết. Thứ nhất, lí luận viết chưa sâu, chưa luận bàn rõ về cách nhìn con người, đặc biệt việc chú ý đến đời sống nội tâm và cảm xúc như một yếu tố quan trọng làm nên chiều sâu nhân bản và cả hình thức đặc sắc của tác phẩm văn học; đồng thời cũng chưa chỉ rõ đây là một định hướng cần thiết để tiếp nhận sâu sắc hơn giá trị của văn chương nghệ thuật. Thứ hai, phần cảm thụ tác phẩm để làm sáng tỏ nhận định hơi tham về số lượng nên viết chưa sâu, chưa có điểm nhấn.

BÀI LÀM SỐ 5

Câu 1.

Đèn phụt tắt. Cả không gian ngập chìm trong bóng tối. Mọi người nhón nháo xôn xao. Chị chủ nhà tìm đến ngăn kéo bàn, lấy ra một ngọn nến và thắp sáng. Ngọn nến cháy lên đem ánh sáng tới cho mọi người. Không gian trở nên màu nhiệm và lung linh hơn. Và để cố chứng tỏ tầm quan trọng của mình, ngọn nến ấy cố với theo ngọn gió đang lùa qua cửa sổ. Và rồi nó lại phụt tắt. Mọi người lại xôn xao. “Mọi người không có mình, không có mình, tất cả sẽ chìm trong bóng tối”. Cây nến đặc chí thắm như vậy. Bỗng nhiên chị chủ nhà lại cất nó vào ngăn kéo tủ, đem ra một cây đèn dầu và thắp lên. Vậy là, ngọn nến ấy lại nằm một mình trong ngăn kéo tủ, lạnh lẽo, và cô đơn... Đọc được câu chuyện này trong cuốn sách mẹ mua cho tôi, tôi bất chợt nhận ra nếu tôi không sống hết mình, nếu tôi không “cháy

lên” thì dù quan trọng đến dường nào tôi vẫn chỉ là một người vô nghĩa trong cuộc sống này. Đây cũng chính là châm ngôn sống tôi chọn cho mình trong thời đại hiện nay – thời của công nghệ số, của thế giới phẳng, của thế hệ thanh niên trẻ – những chủ nhân tương lai của đất nước.

Tôi là một cô bé mười bảy tuổi. Đầy hoài bão và ước mơ. Tôi chưa đủ chín chắn để trải nghiệm cuộc đời nhưng tôi cũng không còn nhỏ nữa để cần hiểu biết về cuộc sống. Tôi rất thích câu nói này: “Tuổi mười bảy bẻ gãy sừng trâu, tuổi mười tám người ta bẻ gãy cổng trường đại học”. Tôi đang đứng giữa ngưỡng cửa cuộc đời, giữa tuổi mười bảy vẫn mộng mơ và tuổi mười tám đầy khát vọng. Tôi cần chọn một hướng đi, một cách sống cho riêng bản thân mình. Và tôi chọn lối sống cháy hết mình, sống nhiệt thành, nhiệt huyết, sống không vị kỉ – lối sống của một ngọn nến đang cháy.

Có người đã từng nói rằng: “Nếu bạn không cháy lên, nếu tôi không cháy lên, nếu chúng ta không cháy lên thì làm sao bóng tối có thể trở thành ánh sáng”. Tôi tự nhủ mình cũng phải “cháy lên” như thế, phải sống hết mình, sống tận độ, nhiệt thành thì cuộc đời này mới có ý nghĩa, thì bóng tối mới hoá thành ánh sáng được. Tôi muốn đem ngọn lửa của tình yêu thương, ngọn lửa đầy ánh sáng và sự ấm áp ấy đến với tất cả mọi người. Ngọn nến kia dù có phải chịu cái nóng, chịu sự tan chảy của sáp nến vẫn cứ bùng cháy lên; như con chim kia dù phải đau đớn trong bụi mận gai vẫn chịu đau để cất lên tiếng hót tuyệt diệu cho đời. Tôi cũng muốn được như thế, cũng muốn hiến dâng cho đời dù phải chịu đắng cay gian khổ thậm chí cả sự tủi nhục.

Tôi vẫn biết rằng để làm được điều ấy không phải chuyện đơn giản. Tôi vẫn chưa đủ lớn để hiểu, tôi vẫn sống ích kỉ, vị kỉ, chỉ biết tốt cho bản thân mình. Tôi vẫn ngại khó, ngại khổ. Nhiều khi tôi vẫn không muốn “cháy lên”. Nhưng tôi biết một điều rằng trong một con người ai cũng có phần tốt phần xấu, ai cũng có cái thánh thiện, cũng có cái ác quỷ. Tôi tự nhận thức thấy cái chưa tốt của mình, như ngọn nến kia muốn vụt tắt, không muốn cháy vì sợ đau, sợ nóng, thế nên tôi ước sao tôi muốn sống như một ngọn nến đang cháy. Tôi muốn sống có ý nghĩa với đời, không hoài phí từng giây, từng phút, tôi muốn dâng hiến cho đời hơi ấm và ánh sáng như ngọn nến kia, dù chỉ mong manh thôi nhưng cũng đủ làm ấm lòng một trái tim ai đó. Tôi không muốn mình sinh ra, mất đi, sống trên đời mà không ai quan tâm, không ai biết đến. Tôi sinh ra để sống, chứ không phải để tồn tại.

Mẹ vẫn thường kể cho tôi nghe tấm gương về những người chiến sĩ anh hùng, về những nhà bác học, về những người thanh niên tình nguyện... Họ là những con người dâng hiến cả tuổi trẻ, tình yêu, cả cuộc đời, thậm chí là cả tính mạng cho đất

nước, cho con người. Họ cháy hết mình, toả rạng ngời chói sáng ngay cả khi họ đã mất đi. Đó là anh Tô Vĩnh Diện chèn lưng cứu pháo, là anh Phan Đình Giót lấy thân mình bịt lỗ châu mai, là chị Trần Thị Lý dù “điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung”, vẫn “không giết được em người con gái anh hùng”. Đó là những con người đẹp nhất, đó là những “ngọn nến” cháy sáng nhất, làm đẹp cho đời, tô điểm thêm cho trang vàng lịch sử. Họ đã sống hết mình, nhiệt thành, nhiệt huyết, họ hiến dâng, trao trọn cả cuộc đời cho Tổ quốc, cho độc lập non sông.

Tôi thích Su-tơ, con chiên ngoan đạo của Chúa. Ông đã dâng hiến cả cuộc đời cho đất nước, cho châu Phi – lục địa đen. Ông ra đi, rời khỏi quê hương yêu dấu, gửi trọn cuộc đời nơi xứ người. Ông khám chữa bệnh cho người dân châu Phi mà không lấy của họ một đồng, một cắc, hoạ chăng đó chỉ là nải chuối, là mấy quả trứng gà người dân vì thương yêu ông mà biếu tặng. Niềm vui của ông là đem thuốc, đem tài của mình cống hiến cho đời. Không vì tiền, không vì lí do gì cả. Chỉ là bởi lòng thương người, bởi lẽ sống hiến dâng mà thôi. “Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình”.

Bạn thấy đấy. Họ cũng giống tôi, giống bạn, giống như bao người khác nữa, họ bình thường lắm mà cũng cao cả, vĩ đại lắm. Sống với họ là phải biết cháy lên, biết cống hiến cho đời. Lẽ sống tưởng là giản đơn thôi mà mấy ai làm được. Họ mất đi nhưng những gì họ để lại còn sống mãi, như ánh sáng và hơi ấm của ngọn nến kia vẫn toả rạng cho đời!

Tôi là một người trẻ, một chủ nhân tương lai của đất nước. Tôi cần biết mình phải làm gì, sống như thế nào để mình có ý nghĩa với đời. Tôi cần phải bốc cháy, cần phải toả rạng. Tôi không muốn mình cứ mãi nằm im lìm, cô đơn trong góc tủ kia để rồi không ai nhớ đến.

Cuộc sống ngày nay hiện hữu rất nhiều những con người sống khép mình, sống vị kỉ, ích kỉ, họ không muốn đốt cháy mình. Chính điều đó làm nảy sinh dần dần căn bệnh vô tâm, vô cảm trong họ. Họ sinh ra mà không ai biết đến, họ sống mà không ai nhớ, ai hay. Họ là những cây nến đang dần dần mọc meo trong tủ. Bạn à, là một người Việt trẻ, hãy sống sao cho ra sống. Đừng để mình tàn lụi vô nghĩa. Hãy sống sao để “khi sinh ra, bạn khóc còn mọi người cười, khi mất đi bạn cười, mọi người khóc”. Hãy sống như Steven Job, ông trùm của quả táo cắn dở bạn nhé.

Tôi và bạn và,... chúng ta là những ngọn nến sẵn sàng cháy sáng lên!

Câu 2.

Có một nhà văn đã từng nói rằng: “Nghệ thuật là sự vươn tới, hướng về, níu giữ tính người cho con người”. Con người không chỉ là tâm điểm của cuộc sống mà còn

là đối tượng phản ánh trung tâm của văn học. Con người ở mỗi thời, mỗi giai đoạn được khám phá ở những bình diện khác nhau, trong những mối quan hệ khác nhau. Các nhà thơ, nhà văn nhân đạo lớn thường gửi vào sáng tác một cách nhìn sâu sắc về con người, cách nhìn này hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc.

Nguyễn Minh Châu đã nói rằng: “Cuộc sống và văn học là một đường tròn đồng tâm mà tâm điểm chính là con người”. Con người là đối tượng trung tâm của văn học. Văn học khám phá con người một cách đa chiều, toàn diện. Văn học khác với các bộ môn nghệ thuật khác. Hội hoạ chỉ miêu tả được ngoại hình con người, điêu khắc miêu tả con người qua những nét chạm trổ, cũng không đi sâu vào đời sống nội tâm. Văn học thì khác. Nó khám phá con người nhiều chiều, ở mọi phương diện, nó là sự kết hợp, hoà trộn giữa các loại hình nghệ thuật kia. Có hội hoạ, điêu khắc, có tâm lí, sinh lí... nhưng đặc biệt văn học khám phá con người ở chiều sâu tâm hồn, ở đời sống nội tâm phong phú mà vô cùng phức tạp. Văn học là “tấm gương xê dịch trên đường lớn”, là bức tranh thu nhỏ của hiện thực cuộc đời. Mà con người là tâm điểm của cuộc sống, thế nên điều hiển nhiên nó cũng là tâm điểm của văn học.

Tác phẩm văn học là một chỉnh thể thẩm mĩ. Nó không chỉ phản ánh hiện thực cuộc đời, mà hơn thế nữa, nó phản ánh cả hiện thực lòng người. Nhà văn xây dựng những hình tượng nghệ thuật, tái hiện cuộc sống, qua đó thể hiện tư tưởng quan điểm, thể hiện một cách nghĩ, cách cảm về cuộc đời. Đặc biệt nó còn thể hiện cái nhìn của nhà văn về con người và cuộc đời. Người nghệ sĩ là những người giàu cảm xúc, mãnh cảm và nhạy cảm, vậy nên khác với những người làm việc ở những ngành nghề khác, họ không nhìn cuộc sống hời hợt, bề ngoài mà luôn có cái nhìn sâu sắc, thể hiện chiều sâu của sự cảm nhận và khám phá đời sống của nhà văn. Họ nhìn đời toàn vẹn, soi chiếu con người không chỉ ở bề ngoài mà thâm nhập vào chiều sâu tâm hồn con người, nhìn họ ở bề sâu, bề xa, hướng đến con người ở “đời sống nội tâm và cảm xúc” của họ. Con người vì thế mà hiện lên đầy đủ, toàn diện, mới mẻ hơn trong văn chương.

Cái nhìn của người nghệ sĩ không đơn thuần chỉ là quan sát đời sống, phát hiện khám phá con người. Ẩn sâu trong cái nhìn ấy chứa đựng một quan niệm nghệ thuật, cảm hứng nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ. Cái nhìn ấy không chỉ là quan điểm của họ về cuộc đời, con người mà còn là tư tưởng, tình cảm, thái độ, cách đánh giá của người nghệ sĩ.

Ý kiến trên đã đề cập đến một khía cạnh của vấn đề phong cách, đó là cái nhìn, là quan niệm, cảm hứng, thái độ của nhà văn trước sự khám phá về con người, đặc biệt hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc phong phú, phức tạp của họ.

Nhà văn Pháp Mác-xen Prút đã từng nói rằng: “Đối với mỗi nhà văn cũng như với người nghệ sĩ, phong cách không phải là vấn đề kĩ thuật mà là vấn đề cái nhìn”. Người nghệ sĩ qua mỗi sáng tác của mình không đơn thuần chỉ miêu tả, tái hiện cuộc đời mà qua những điều miêu tả ấy họ còn thể hiện một quan niệm nhân sinh, một cái nhìn sâu sắc về hiện thực cuộc đời và lòng người. Đặc biệt, cái nhìn ấy chỉ có được ở những người nghệ sĩ ưu tú, ở “các nhà văn, nhà thơ nhân đạo lớn” mà thôi.

Là người Việt Nam, như bao người xung quanh, tôi rất say mê *Truyện Kiều*. Tôi yêu kiệt tác dân tộc ấy bởi vẻ đẹp mặn mà, sắc sảo của nàng Kiều, bởi sự tài tử, nho nhã của Kim Trọng, bởi cái “vai năm tấc rộng, thân mười thước cao” của Từ Hải. Tôi yêu cái cảnh ngày xuân, tiết thanh minh, yêu cái “xăm xăm băng lối vườn khuya một mình” đầy táo bạo mà cũng thật chung tình của Thuý Kiều. Tôi say vẻ đẹp của vầng trăng, mê cái tiếng đàn của nàng Kiều... Và hơn thế nữa, tôi đau đớn bởi nỗi đau của Thuý Kiều: “Thân lươn bao quản lấm đầu – Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa”. Nàng Kiều đẹp lắm nhưng nàng cũng khổ lắm. Nguyễn Du nhìn Kiều, cảm Kiều không chỉ ở vẻ đẹp của nàng. Ông nhìn Kiều qua con mắt của một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy, của một người có “con mắt nhìn thấu sáu cõi và tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời”. Nguyễn Du không chỉ nhìn nàng Kiều ở vẻ bề ngoài khiến hoa cũng phải ghen, liễu cũng phải hờn, ông đã nhìn nàng Kiều ở vẻ đẹp tâm hồn, ở nỗi đau thân phận. Đêm Kiều trao duyên cho em gái Thuý Vân, trong nàng dấy lên bao nỗi niềm cảm xúc, dằn vặt cũng có, thương mình thương em cũng có, đau đớn xót xa cũng có...

*Cậy em em có chịu lời,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.*

Chị là người lớn hơn mà cũng phải “cậy em”. Chị không “nhờ” mà là “cậy”. Dường như nàng Kiều đau xót lắm, nàng trao cả niềm tin nơi em, mong em cứu giúp. Từ “chịu” chứ không phải “nhận”, Kiều “cậy” em mà như có trong đó một sự bắt buộc, nàng “lạy”, nàng “thưa” em như cung cách của một người bề tôi vậy. Tủi hổ lắm chứ, xót xa lắm chứ nhưng Kiều biết làm sao khi ngày mai nàng phải đi theo Mã Giám Sinh rồi. Lời thề giữa nàng và chàng Kim nàng không nỡ tay cắt đứt, thế nên, nàng mới trao duyên cho em, gửi cho em cả mối tình Kim Trọng.

Hắn là Nguyễn Du đau lắm, xót lắm khi để nàng Kiều làm điều này. Có lẽ chỉ có Nguyễn Du mới nhìn thấy vẻ đẹp tâm hồn bên trong cô gái nhan sắc nghiêng nước nghiêng thành này. Với Nguyễn Du, Kiều đẹp cả ngoại hình lẫn tâm hồn. Hiếu nghĩa, thủy chung, bao dung, độ lượng, tình nghĩa sắt son... có lẽ vẻ đẹp tâm hồn

của bất cứ người phụ nữ nào cũng hội tụ đầy đủ trong nàng. Nguyễn Du nhìn Kiều bằng con mắt nhân đạo, khám phá nàng ở chiều sâu, vẻ đẹp tâm hồn.

Văn học trung đại là thời của phi ngã. Khi ấy, cái tôi cá nhân chưa được thức tỉnh, người nghệ sĩ khám phá con người không hoàn toàn đi sâu vào tâm lí, diễn biến tâm lí phức tạp của nhân vật. Đến kỉ nguyên mới của nền văn học nước nhà, nghệ sĩ thâm nhập vào những ngõ ngách sâu kín của con người, nhìn con người toàn vẹn và đa chiều hơn, tính cách con người phức tạp hơn. Nam Cao, đỉnh cao của văn học hiện thực phê phán là một trường hợp như thế. Dù là người đến muộn, khi mảnh đất đề tài nông dân đã được bao người xới xáo, nhưng Nam Cao đã cày được những đường cày tuyệt diệu với cái nhìn hoàn toàn mới về con người. Nam Cao không đi vào nỗi đau bị bần cùng hoá, không đi sâu vào bi kịch miếng cơm manh áo của con người. Ông đặt nhân vật của mình trong cái bi kịch đau đớn hơn, bi kịch bị tha hoá, bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người – một cái nhìn mới thể hiện chiều sâu của sự cảm nhận và khám phá đời sống của nhà văn.

Chí Phèo sinh ra không cha không mẹ, được một anh thả ống lươn nhặt được ngoài bờ ruộng. Hai mươi tuổi Chí làm canh điền cho nhà Bá Kiến – một anh nông dân hiền lành chất phác. Nhưng rồi, trải qua bảy, tám năm tù giam, hắn đã trở thành một tên lưu manh, một con quỷ dữ của làng Vũ Đại. Hắn về làng với cái đầu trọc lóc, với những hình xăm trở trên người. Hắn tha hoá ngay ở ngoại hình của mình. Nhân hình đã mất, nhân tính cũng mất theo. Hắn uống rượu triền miên, lấy tiếng chửi làm ngôn ngữ hằng ngày, lấy việc rạch mặt ăn vạ làm nghề kiếm sống. Hắn chửi có bài có bản lắm, chửi trời, chửi đời, chửi dân làng Vũ Đại, chửi ai không chửi nhau với hắn, chửi cha sinh mẹ đẻ ra hắn. Nhưng đau đớn thay, đằng sau tiếng chửi ấy là cái bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của hắn. Hắn muốn, hắn thêm khát giao tiếp với người dù chỉ bằng hình thức thô鄙 nhất là chửi nhau, vậy mà cũng không ai đáp trả hắn. Hắn sinh ra là người mà không được làm người!

Nam Cao đích thực là một nhà nhân đạo chủ nghĩa. Nam Cao nhìn đời bằng con mắt hiện thực nghiêm ngặt nhưng ẩn chứa sau đó là đôi mắt của tình thương và lòng vị tha. Nam Cao phát hiện ra vẻ đẹp rất Người của Chí trong một hình hài của một con quỷ dữ. Trong huyết quản của con quỷ dữ ấy vẫn đang chảy dòng máu thơm thảo của một người lương thiện. Nhân tính của Chí Phèo được cứu vớt bởi tình người của Thị Nở. Bát cháo hành của Thị là liều thuốc giải cảm và cũng là giải độc cho Chí. Nam Cao đi sâu vào ngõ ngách sâu kín trong tâm hồn Chí, cứu rỗi cái linh hồn Người trong thân xác của một con quỷ. Bằng cái nhìn sâu sắc, bằng con mắt đầy yêu thương nhân hậu vị tha mà Nam Cao đã phát hiện ra chất Người ở bên trong một con vật. Không giống như Nguyễn Công Hoan, nhìn đời như một

trường kịch đầy nghịch lí, Nam Cao tìm ra cái chất con người ở bên trong một “con quỷ dữ”.

Chí Phèo Người lăm chừ. Hắn tỉnh rượu và nghe thấy âm thanh cuộc đời, hắn thấy sợ rượu, hắn thấy buồn: “Chao ôi là buồn!”. Hắn nhớ về ngày xưa, thời mà hắn vẫn ước ao có một gia đình đầm ấm. Khi bị Thị Nở cự tuyệt, hắn níu lấy tay Thị. Cái níu tay ấy chỉ có được ở một con người, rất người, ở một kẻ đang yêu mà thôi. Thị Nở là người tình mà hắn ao ước, là cầu nối duy nhất giữa hắn với làng Vũ Đại, với cuộc đời của một kẻ lương thiện. Thị Nở đoạn tuyệt với hắn, hắn còn thiết sống gì nữa. Hắn giết kẻ đã đẩy hắn vào con đường này và rồi tự tử. Hắn sống cuộc đời của một con quỷ dữ nhưng chết cái chết của một con người: “Ai cho tao lương thiện?”.

Nam Cao thâm nhập vào đời sống nội tâm của Chí Phèo và phát hiện ra chất người trong đó. Bề ngoài, Nam Cao chỉ nhìn Chí là một thằng lưu manh, một con quỷ dữ. Nhưng ẩn sau đôi mắt hiện thực nghiêm ngặt ấy là một cái nhìn đầy độ lượng vị tha, cái nhìn của tình thương, cái nhìn của một con người luôn đau đáu về sự xói mòn nhân cách của con người. Nam Cao đã tìm thấy chất người lương thiện ở trong một hình hài đầy quái dị ấy. Đây chính là chiều sâu trong cái nhìn về con người của Nam Cao. Ông luôn đặt nhân vật của mình trong tình thế cheo leo nơi bờ vực thẳm bên trên là con người, bên dưới là thế giới của con quỷ. Nam Cao cũng tự thử thách mình khi luôn đặt mình trong tình thế cheo leo, một bên là chủ nghĩa nhân đạo, một bên là sự lãng nhục con người, trên là hiện thực dưới là chủ nghĩa tự nhiên... buộc ông phải lựa chọn. Chiều sâu trong cái nhìn của Nam Cao chính là ở chỗ Nam Cao qua cái nhìn ấy ông luôn đau đáu một nỗi niềm, luôn trăn trở một lẽ đời mà ông luôn tìm kiếm: Nỗi băn khoăn trước tình trạng con người bị xói mòn nhân cách do hoàn cảnh đưa đẩy. Cái nhìn ấy là cái nhìn của một “nhà nhân đạo từ trong cốt tuỷ”.

Tiến xa hơn một bước nữa, văn học Việt Nam mang tinh thần dân chủ và nhân bản sâu sắc. Nhà văn luôn khám phá con người đặt trong mối tương quan giữa các bình diện. Con người luôn mang trong mình cả răn rết và rồng phượng, thiên thần và ác quỷ, giữa cái xấu xa và cái tốt đẹp. Người nghệ sĩ luôn nhìn con người ở nhiều chiều, khám phá vẻ đẹp khuất lấp trong tâm hồn con người, tìm ra chất ngọc ẩn sâu trong đó. Nguyễn Minh Châu phát hiện ra vẻ đẹp tâm hồn người đàn bà làng chài: giàu đức hi sinh, yêu thương chồng con, vị tha, hiểu đời ẩn sau vẻ bề ngoài xấu xí đến thô kệch. Nguyễn Khải tìm thấy chất kinh kì ngàn năm trong con người bà Hiền dù đã trôi qua bao thời chiến tranh, kinh tế thị trường, thời bao cấp...

Người nghệ sĩ, đặc biệt là những nhà văn, nhà thơ nhân đạo lớn là người suốt đời trăn trở, băn khoăn với số phận con người. Họ luôn có cái nhìn bao dung đầy

tình thương về con người, họ gắng tìm ra chất ngọc, chất Người đã ẩn sâu trong góc ngách tâm hồn con người, tìm ra những vẻ đẹp khuất lấp ở những người tưởng chừng đã không còn là con người nữa. Cái nhìn của người nghệ sĩ không chỉ thể hiện khả năng quan sát của họ mà ẩn sâu trong đó là cả một quan niệm nghệ thuật, quan niệm về con người, cuộc đời, về hiện thực. Cái nhìn ấy thể hiện chiều sâu của sự cảm nhận và khám phá đời sống của nhà văn. Họ lùi ra xa tiến lại gần, thâm nhập vào “đời sống nội tâm và cảm xúc” của con người để thấy con người “ở cả bề ngoài, bề sâu, bề sau và bề xa”.

Cái nhìn của người nghệ sĩ còn thể hiện phong cách, cá tính sáng tạo của họ. Người nghệ sĩ luôn tìm cho mình một cách nhìn mới để tạo nên những “đấu trận riêng” trên “pháp trường trắng”, để lấy được cái “huy chương vàng” trong sự nghiệp sáng tác của mình.

(Bài đoạt giải Nhì – 16/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng khá cơ bản những yêu cầu đặt ra trong đề bài. Diễn đạt tương đối lưu loát và trong sáng. Văn viết có cảm xúc, có hình ảnh.

Ở câu 1:

Người viết chọn cho mình một cách viết riêng, viết văn nghị luận xã hội mà như một cuộc giải bày, chia sẻ. Tâm thế của người viết là người trong cuộc, viết văn không theo kiểu trả bài mà viết về chuyện của mình, nói từ mình và cho mình nên đã sáng tạo được một bài văn nghị luận với tình ý giản dị, tự nhiên và hấp dẫn. Phương châm sống mà người viết chọn cũng khá hay, bao chứa được sức sống và khát vọng của tuổi trẻ: *Và tôi chọn lối sống cháy hết mình, sống nhiệt thành, nhiệt huyết, sống không vị kỉ – lối sống của một ngọn nến đang cháy.* Bố cục bài viết khoa học, lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục, dẫn chứng có chọn lọc, phần mở bài và kết bài viết hay và sáng tạo.

Tuy nhiên, khi phác họa được châm ngôn sống cho bản thân, người viết chưa đưa ra được những định hướng về sự lựa chọn cách sống, cách suy nghĩ và hành động của bản thân từ việc xác định châm ngôn sống. Ý văn còn mỏng, có một số ý trùng lặp.

Ở câu 2:

Ở phần giải thích và bàn luận về ý nghĩa của lời nhận định, người viết phần nào đã bàn trúng được vấn đề khi cho rằng: *Con người là đối tượng trung tâm của văn*

học... Người nghệ sĩ là những người giàu cảm xúc, mãnh cảm và nhạy cảm, vậy nên... Họ nhìn đời toàn vẹn, soi chiếu con người không chỉ ở bề ngoài mà thâm nhập vào chiều sâu tâm hồn con người, nhìn họ ở bề sâu, bề sau, bề xa, hướng đến con người ở "đời sống nội tâm và cảm xúc" của họ. Con người vì thế mà hiện lên đầy đủ, toàn diện, mới mẻ hơn trong văn chương. Ở phần cảm thụ tác phẩm, người viết chọn *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Chí Phèo* của Nam Cao để minh chứng cho lời nhận định là hợp lí. Vốn kiến thức về tác phẩm sâu sắc, cảm thụ có chọn lọc, bám sát vào vấn đề cần làm sáng tỏ.

Tuy nhiên, khi người viết khẳng định lời nhận định bàn đến *một khía cạnh của vấn đề phong cách, đó là cái nhìn, là quan niệm, cảm hứng, thái độ của nhà văn trước sự khám phá về con người, đặc biệt hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc phong phú, phức tạp của họ* thì lại có vẻ khiên cưỡng và xa rời vấn đề nêu ở lời nhận định: *Các nhà văn, nhà thơ nhân đạo lớn thường gửi vào sáng tác một cách nhìn sâu sắc về con người, cách nhìn này hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc.* Nhìn chung, người viết luận bàn chưa sâu để thấy lời nhận định nêu trong đề bài nhấn mạnh đến cách nhìn về con người đặc biệt chú ý đến đời sống nội tâm và cảm xúc như một yếu tố quan trọng làm nên chiều sâu nhân bản và cả hình thức đặc sắc của tác phẩm văn học; đồng thời là một định hướng cần thiết để tiếp nhận sâu sắc hơn giá trị của văn chương nghệ thuật. Câu 2 viết non tay hơn câu 1.

NĂM 2013

ĐỀ BÀI

Câu 1. (8,0 điểm)

Fu-ku-za-wa Yu-ki-chi viết: “Mọi người sinh ra đều bình đẳng, nếu có khác biệt là do học vấn”. (*Khuyến học hay những bài học về tinh thần độc lập tự cường của người Nhật Bản* – Phạm Hữu Lợi dịch, NXB Tri thức, Hà Nội, 2008, trang 24).

Anh (chị) hãy bình luận ý kiến trên.

Câu 2. (12,0 điểm)

Trong tác phẩm văn học, sáng tạo nghệ thuật quan trọng, đặc sắc nhất, nhiều khi không phải ở hình tượng con người mà ở hình tượng đồ vật, sự vật: một thứ thuốc chữa bệnh quái lạ (*Thuốc* – Lỗ Tấn), một bức thư pháp đẹp và quý (*Chữ người tử tù* – Nguyễn Tuân), một công trình kiến trúc kì vĩ, tinh xảo (*Vũ Như Tô* – Nguyễn Huy Tưởng), một cây đàn huyền thoại (*Đàn ghi ta của Lor-ca* – Thanh Thảo),... Đó là những đồ vật, sự vật mang ý nghĩa biểu trưng cho nhận thức, nhân cách, ý chí, khát vọng, số phận,... của con người.

Ý kiến của anh/chị về nhận định trên? Hãy phân tích hai trong những hình tượng đồ vật, sự vật đã nêu để làm sáng tỏ ý kiến của mình.

YÊU CẦU LÀM BÀI

Câu 1.

I. Yêu cầu chung

– Vấn đề đặt ra trong ý kiến là khẳng định vai trò, tầm quan trọng của học vấn đối với việc xác định vị thế xã hội, tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống cho mỗi người.

– Vấn đề đặt ra mang tính đối thoại, vì vậy rất cần có cái nhìn đa chiều, có tính phản biện. Qua bài viết, người đọc phải thể hiện được kĩ năng phát hiện vấn đề,

phân tích, lí giải, bàn bạc đánh giá, đặc biệt kết hợp nhuần nhuyễn lí luận và liên hệ đời sống văn hoá xã hội.

Chú thích: Fu-ku-za-wa Yu-ki-chi (1834 – 1901), nhà tư tưởng có ảnh hưởng sâu rộng đối với xã hội Nhật Bản cận đại, được người Nhật tôn vinh là Vôn-te của Nhật Bản. Với bạn đọc Việt Nam hiện nay, nhiều tư tưởng của ông không còn là điều mới mẻ gây chấn động lòng người như đối với người dân Nhật Bản thời Minh Trị. Tuy nhiên, nhiều quan điểm của ông vẫn còn nguyên ý nghĩa thời sự đối với chúng ta trên con đường hiện đại hoá đất nước. Bởi lẽ, muốn hiện đại hoá đất nước, trước hết phải hiện đại hoá tư tưởng, nhận thức của mỗi người, nhất là những người trẻ tuổi.

II. Yêu cầu cụ thể

Bài làm cần đạt được một số ý chính sau:

1. Giải thích ý kiến

– “Học vấn” theo *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển học, NXB Đà Nẵng, 1996, là “những hiểu biết nhờ học tập mà có (nói khái quát)”. Theo đó, học vấn cũng chính là sự tích lũy, là sự chiếm lĩnh tri thức của mỗi người.

– “Bình đẳng” (hiểu theo nghĩa là “sự giống nhau”, “ngang bằng nhau”), bao gồm: bình đẳng về cơ hội và thách thức, bình đẳng về quyền làm người,... do đó cũng bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật.

– Ý nghĩa của câu nói: khẳng định vai trò, tầm quan trọng của học vấn đối với việc xác định vị thế xã hội, ý nghĩa cuộc sống cho mỗi người.

Trong khi giải thích, cần làm rõ mối quan hệ giữa hai vế của ý kiến nêu trong đề bài.

2. Bàn luận về ý kiến

– Trong đời sống xã hội, giữa người với người luôn tồn tại “sự khác biệt”, đã được nhận thức, lí giải theo nhiều cách khác nhau (thiên mệnh, huyết thống, chủng tộc, giai cấp...). Fu-ku-za-wa Yu-ki-chi giải thích sự khác biệt nếu có là “do học vấn”. Cách giải thích của ông thể hiện niềm tin vào vai trò quyết định của con người đối với chính họ. Sự khác biệt này bao gồm khác biệt nhờ học vấn và nhờ ảnh hưởng của cá nhân đối với cộng đồng xã hội.

– Để hiểu đúng ý nghĩa của câu nói, cần thấy rõ mối quan hệ mật thiết giữa hai vế “mọi người sinh ra đều bình đẳng” và “nếu có khác biệt là do học vấn”.

– Quan điểm của Fu-ku-za-wa Yu-ki-chi giúp mỗi người hiểu được vai trò của học vấn trên con đường xác lập vị trí xã hội, ý nghĩa cuộc sống: có khả năng nắm bắt

chân lí, sáng suốt trong hành động, tránh được những sai lầm; nắm bắt nhanh chóng những cơ hội xuất hiện trong cuộc sống; hiểu một cách chính xác, đầy đủ về bản thân; chuẩn mực và linh hoạt trong ứng xử; có khả năng chấp nhận hoặc vượt qua những giới hạn của hoàn cảnh...

- Không nên tuyệt đối hoá vai trò của học vấn trong việc tạo lập vị thế xã hội của mỗi con người; không được đồng nhất học vấn với bằng cấp.

3. Liên hệ thực tế

- Nêu những tấm gương nhờ học vấn mà trở nên nổi tiếng, có vị thế quan trọng trong đời sống xã hội.

- Liên hệ với thực tế đời sống ở Việt Nam; liên hệ đến nhận thức, hành động bản thân.

Câu 2.

I. Yêu cầu chung

Dưới dạng nghị luận văn học, đề bài yêu cầu người viết:

- Hiểu, đáp ứng đúng yêu cầu có tính mở của đề bài; vận dụng được một số kiến thức lí luận (về hình tượng nghệ thuật, thể loại, tác phẩm văn học,...) và kiến thức đọc - hiểu tác phẩm văn học (đã học trong chương trình Ngữ văn THPT) để giải quyết vấn đề;

- Có khả năng cảm thụ văn học, có suy nghĩ độc lập;

- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; phối hợp linh hoạt các thao tác nghị luận như giải thích, chứng minh (khẳng định, bác bỏ), phân tích, so sánh,...; có chủ kiến và diễn đạt tốt.

II. Yêu cầu cụ thể

1. - Trình bày ý kiến đồng thuận (hoặc không hoàn toàn đồng thuận) với nhận định ở đề bài. Vận dụng kiến thức lí luận văn học về hình tượng nghệ thuật, nhân vật văn học để luận chứng: hình tượng nghệ thuật, nhân vật văn học thường là con người, song nhiều khi cũng có thể là đồ vật, sự vật; ý đồ sáng tạo, tài năng nghệ thuật của tác giả sẽ quyết định tầm vóc, chất lượng của các hình tượng nghệ thuật ấy.

- Khẳng định: Giá trị "biểu trưng cho nhận thức, nhân cách, ý chí, khát vọng, số phận... của con người" là cơ sở để các đồ vật, sự vật trong tác phẩm trở thành "sáng tạo nghệ thuật quan trọng, đặc sắc".

- Bàn thêm: Trong thực tế, có những tác phẩm văn học hoàn toàn vắng bóng, hoặc chỉ thấp thoáng hình ảnh con người. Ở đó, thế giới nhân vật chỉ là hình tượng đồ vật, loài vật (mang tính phúng dụ). Ví dụ: *Bánh trôi nước* - Hồ Xuân Hương; *Nhớ rừng* - Thế Lữ; *Đế Mèn phiêu lưu kí* - Tô Hoài;... Trong những trường hợp này, ý nghĩa, giá trị "biểu trưng cho nhận thức, nhân cách, ý chí, khát vọng, số phận... của con người" càng trở nên quan trọng.

Lưu ý: Người viết có thể minh họa bằng một số dẫn chứng nêu trong đề bài hoặc lấy thêm các dẫn chứng ngoài.

2. Phân tích, bình luận hai trong bốn ví dụ đã nêu để minh họa thêm

Định hướng phân tích:

- Trong *Thuốc* của Lỗ Tấn, chiếc bánh bao tẩm máu tử tù chết chém (máu của nhà cách mạng Hạ Du) biểu trưng cho sự mê muội, vô cảm của đám đông dân chúng Trung Hoa bấy giờ và bi kịch của người chiến sĩ cách mạng tiên phong. Điều đó cho thấy sự đòi hỏi cấp bách phải cách mạng về quan niệm, nhận thức của con người.

- Trong *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân, "chữ" (trong bức thư pháp) biểu trưng cho nhân cách toàn vẹn, cao đẹp (tài, dũng, thiên lương) của Huấn Cao; cho khát vọng hướng đến cái đẹp cao quý, thuần khiết của viên quản ngục và thầy thơ lại. Đây là biểu tượng trung tâm, mà thiếu nó, Nguyễn Tuân không thể triển khai ý đồ, tư tưởng nghệ thuật của ông một cách hiệu quả.

- Trong *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng, Cửu Trùng Đài biểu trưng cho khát vọng sáng tạo ("mộng lớn") của người nghệ sĩ Vũ Như Tô (cả phía cao cả lẫn phía xa hoa, mù quáng). Đây là hình tượng nghệ thuật đa nghĩa, ẩn chứa trong đó số phận của cái đẹp và bi kịch của người nghệ sĩ trong thế kỉ bạo tàn.

- Trong *Đàn ghi ta của Lor-ca* của Thanh Thảo, đàn ghi ta (cùng âm điệu điệu huyền của nó) biểu trưng cho cuộc đời huyền thoại, cao đẹp của Lor-ca, sức sống bất diệt của những sáng tạo nghệ thuật giàu tính nhân văn, đồng thời cũng biểu trưng cho khát vọng tự do, khát vọng cách tân nghệ thuật không ngừng và số phận bi kịch của người nghệ sĩ.

Trong khi phân tích, cần liên hệ, so sánh, chỉ ra những nét tương đồng, dị biệt giữa các hình tượng, cặp hình tượng trong sự chi phối của quy luật sáng tạo nghệ thuật theo thể loại (tự sự, trữ tình, kịch) và dấu ấn riêng của từng tác giả; chú ý làm nổi rõ tính đa nghĩa của hình tượng và có ý thức so sánh 2 tác phẩm trong việc sáng tạo hình tượng.

BÀI LÀM SỐ 1

Câu 1.

"Tôi không phải là người khổng lồ. Tôi có tầm nhìn xa vì tôi đứng trên vai của người khổng lồ".

Đó là lời phát biểu khiêm tốn của nhà bác học Niu-ton khi được ca tụng là nhà khoa học khổng lồ của thế giới. Nó khiến tôi nghiệm ra rằng: con người ta sinh ra trên đời không có kẻ thấp người cao mà chỉ có sự hơn kém về hành trang tri thức. Cũng như Fu-ku-za-wa Yu-ki-chi đã từng tâm niệm: "Mọi người sinh ra đều bình đẳng, nếu có khác biệt là do học vấn" (*Khuyến học hay những bài học về tinh thần độc lập tự cường của người Nhật Bản*).

Có ai đó đã từng nói rằng: "Ông trời không sinh ra người đứng trên người. Ông trời không sinh ra người đứng dưới người. Tất cả do tự học mà ra." Fu-ku-za-wa Yu-ki-chi cũng đã thức nghiệm được điều đó để cho ta một quan điểm đúng đắn về vai trò của học vấn. Ta thấy được rằng: "Mọi người sinh ra đều bình đẳng". Chúng ta được hưởng mọi quyền lợi tất yếu, không có sự phân biệt đối xử hay phân chia tầng lớp. Cái tạo nên sự khác biệt chính là "học vấn". Vốn tri thức sẽ làm nên vị thế cho con người trong cuộc đời, sẽ quyết định bản thân chúng ta là kẻ thành công hay thất bại. Tất cả đều do sự học mà ra.

Trước những thành công của người khác, con người chúng ta hay tìm cách thanh viện cho sự kém cỏi của mình. Ta cho rằng họ may mắn, ta nghĩ rằng họ có một điều kiện sống tốt, tất cả chỉ là cách an ủi bản thân vô vọng. Thực chất mọi người sinh ra đều bình đẳng. Ta thấm nhuần tư tưởng ấy từ lời tuyên ngôn độc lập của Bác Hồ vĩ đại. Chúng ta sinh ra trên cuộc đời đều có quyền được sống và được khẳng định mình. Điều ấy nào ai có quyền kìm hãm? Ai cũng có quyền được ước mơ, được sống với chính nguyên bản của mình. Không ai được phép ép buộc ta sống như một bản sao. Có đôi chút thua thiệt về mặt tài chính, điều kiện sống nhưng đó chẳng phải là thứ để ta phân bua về sự bình đẳng. Ta được bình đẳng sống, bình đẳng thể hiện và bình đẳng ước mơ. Xã hội này luôn công bằng với bất cứ ai!

Nhưng nếu xã hội luôn có sự bình đẳng nhạt nhẽo, nhàm chán, ai cũng giống ai thì điều ấy thật tệ hại biết bao! Nó chẳng khác gì một cuộc đời *Toả nhị Kiều* không ước mơ, không đấu tranh, không cảm xúc. Trước cái nền của sự bình đẳng, con người cần thể hiện vị thế của bản thân bằng vốn tri thức của mình. Học vấn chính là những nấc thang vàng để chúng ta dẫn bước trên con đường khẳng định mình.

Hành trang của con người trên cuộc đời không thể thiếu tri thức làm vũ khí đấu tranh. Đời là một cuộc hành trình đầy gian truân. Học vấn sẽ là đôi giày đồng hành với ta trên bước đường đầy chông gai đó. Trước một thử thách, một mối nguy nan, học vấn sẽ tạo cho chúng ta niềm tin vào sức mạnh của bản thân. Thử hỏi nếu lúc đó không có sự nâng bước của hành trang tri thức, chúng ta sẽ hoang mang và cảm thấy mất niềm tin đến thế nào! Vốn tri thức cũng cung cấp cho chúng ta bề dày kinh nghiệm để giải quyết những vấn đề khúc mắc mà lí lẽ đơn thuần của đời sống không thể hoá giải được. Có tri thức trong tay, ta như thêm đôi cánh để tiến nhanh hơn đến bước đường thành công, cũng là tiến nhanh hơn đến dáng dấp của một con người hoàn thiện và đầy bản lĩnh. Học vấn sẽ quyết định vị thế của ta trong cuộc đời và trong con mắt của người khác.

Đôi khi ta nghĩ rằng, kinh nghiệm đời sống mới là điều căn cốt của thành công. Nhưng chỉ có học vấn mới thực sự làm nên đẳng cấp cho một con người. Sự học luôn gắn bó với cuộc sống, gắn bó với đạo đức con người. Chính vì thế mà Lu-i Pát-xơ đã quyết tâm học thật giỏi để cậu bạn kiêu ngạo trong lớp sẽ phải nể phục mình. A-đam Khao cũng say mê học tập dù bị bạn bè trêu chọc, để rồi trở thành một học sinh giỏi dù trước đó ông vô cùng yếu kém. Những con người ấy đều đã nhận thức được sự quan trọng của học vấn mà ra sức trau dồi. Và có học vấn là có sức mạnh, có học vấn là có niềm tin. Cứ thế ta tiến gần hơn với cái đích của con đường tự khẳng định mình.

Bác Hồ đã từng dạy thanh niên rằng: “Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”. Và quả thực nếu thiếu đi kiến thức ta sẽ thiếu tự tin biết bao trên con đường thành công. Trước những vấn đề đời sống, sao có thể tránh được sự hoang mang khi không thể tìm ra cách giải quyết, vì ta không có kiến thức! Thiếu học vấn coi như là ta lùi một bước với vòng xoay cuộc đời. Khi ngược đầu nhìn lên ai cũng đi trước ta, bản thân mình chỉ là số không vì không học vấn. Khi ấy, liệu ta có giành được sự tôn trọng của người đời? Không học vấn sẽ mất đi niềm tin, mất đi niềm tin là mất tất cả!

Học vấn là hành trang tất yếu của con người trên bước đường đời. Nhưng học vấn luôn phải gắn liền với thực tế đời sống. Những kiến thức trong sách vở, những bài học trừu tượng sẽ chỉ là tri thức chết hoàn toàn vô hiệu trong thực tế cuộc sống. Tiếp thu tri thức luôn phải gắn liền với một quá trình sàng lọc, thai nghén để cho ra một sản phẩm của riêng mình. Nguồn tri thức ấy phải gắn với cuộc sống. Học vấn cũng không phải là ta đưa ra một tấm bằng đại học, đưa ra một chứng chỉ cao cấp thì đã là người có tri thức. Nó chỉ được công nhận khi chúng ta áp dụng một cách nhạy bén vào công việc của mình. Những nhà tỉ phú như Bin Ghét, Steven Job đều đã từ bỏ trường đại học. Nhưng đã ai nói họ nghèo nàn tri thức. Vì rõ ràng, vốn tri

thức đã được họ áp dụng khéo léo vào công việc chuyên môn. Những bằng cấp, chứng chỉ giả dối sẽ không chứng minh được tri thức của bất cứ ai, nếu họ không biết thể hiện nó.

Câu nói của Fu-ku-za-wa Yu-ki-chi đã giúp chúng ta nhận thức được giá trị của học vấn. Người ta sinh ra không có kẻ thua thiệt hay người may mắn, tất cả đều do sự học. Nó thôi thúc tôi học tập vì sự hoàn thiện thay vì điểm số. Nó mở cho tôi chặng đường phía trước. Tôi sẽ học, học vì sự hoàn thiện của chính mình, học theo cách của riêng mình. Đó là sự học gắn bó với cuộc đời thực chứ không phải học như một cái máy được lập trình sẵn. Một tấm bằng hạng A hay hạng B? Điều đó chẳng quan trọng nữa. Điều quan trọng là tôi có học vấn và biết dùng học vấn khẳng định sự khác biệt của mình.

Đã có lúc tôi tự đổ lỗi cho số phận.

Đã có lúc tôi tủi thân vì thấy mình thua thiệt.

Tôi đòi quần áo mới, đòi một chiếc xe mới.

Vì tôi nghĩ nó đem lại sự thành công và được coi trọng!

Nhưng giờ thì thực sự tôi đã sai! Bản thân tôi đâu thua kém gì bạn bè về điều kiện vật chất! Về ngoài sang trọng chẳng nói lên được điều gì. Chỉ có học vấn mới xứng đáng được coi trọng. "Mọi người sinh ra đều bình đẳng. Nếu có khác biệt là do học vấn". Niu-ton khác biệt vì ông đã đứng trên vai người khổng lồ tri thức. Chính chúng ta cũng có thể trở thành đặc biệt nhờ vốn tri thức của mình.

Câu 2.

Một bát cháo hành đơn sơ mà toả ngát hơi ấm tình thương.

Một chiếc thuyền ngoài xa mà ẩn chứa bao mặt khuất lấp, bề bộn của cuộc đời thực.

Trong thế giới của văn chương nghệ thuật, những sự vật, đồ vật, ta cứ ngỡ là đơn sơ ở đời thực lại có thể hoá thành bất tử. Từ những sự vật, đồ vật ấy, người nghệ sĩ gói ghém bao nỗi niềm, bao suy tư, trần trở về con người. Chính vì vậy mà có ý kiến cho rằng:

"Trong tác phẩm văn học, sáng tạo nghệ thuật quan trọng, đặc sắc nhất, nhiều khi không phải ở hình tượng con người mà ở hình tượng đồ vật, sự vật: một thứ thuốc chữa bệnh quái lạ (*Thuốc - Lỗ Tấn*), một bức thư pháp đẹp và quý (*Chữ người tử tù - Nguyễn Tuân*), một công trình kiến trúc kì vĩ, tinh xảo (*Vũ Như Tô - Nguyễn Huy Tưởng*), một cây đàn huyền thoại (*Dàn ghi ta của Lor-ca - Thanh Thảo*). Đó là

những đồ vật, sự vật biểu trưng cho nhận thức, nhân cách, ý chí, khát vọng, số phận,... của con người”.

Nguyễn Minh Châu đã từng tâm niệm rằng: “Văn học và đời sống là hai đường tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người”. Con người chính là nguyên do tồn tại của văn chương nghệ thuật. Nhưng không phải là trong bất cứ tác phẩm nào hình tượng con người cũng luôn chiếm vị trí đặc sắc nhất. Điều đó sẽ tạo ra sự nghèo nàn trong việc sáng tạo hình tượng nghệ thuật. Đối tượng của sự phản ánh đôi khi là một đồ vật, một sự vật. Nhưng đó không phải đồ vật, sự vật được khắc họa một cách vô hồn. Nó chỉ là cái vỏ ẩn dụ mà khi khơi mở ta khám phá được bao ý nghĩa biểu tượng cho con người, từ “nhận thức, nhân cách, ý chí, khát vọng” cho đến “số phận”. Câu nói đã xác định một cách đúng đắn vai trò của những hình tượng sự vật, đồ vật trong sáng tác văn học. Qua bàn tay tài hoa của người nghệ sĩ, tất cả đều có thể hoá thành nghệ thuật!

Khám phá những tác phẩm nghệ thuật giá trị của nền văn học trong và ngoài nước, ta đều nhận thấy vai trò của những hình tượng đồ vật, sự vật. Hình tượng nhỏ nhưng đủ sức làm nên chỉnh thể lớn. Từ chiếc bánh bao tẩm máu người với công dụng chữa bệnh lao, Lỗ Tấn đã cho ta thấy bao sai lầm trong nhận thức của người Trung Quốc. Từ một công trình kiến trúc kì vĩ – Cửu Trùng Đài, Nguyễn Huy Tưởng đã khiến ta suy nghĩ bao điều về nghệ thuật. Riêng trong nhận thức của chính mình, tôi muốn chiêm ngưỡng những dòng thư pháp trong *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân, tôi muốn say theo tiếng đàn ghi ta của Lor-ca (Thanh Thảo). Vì ở đó, qua những sự vật, đồ vật rất nhỏ mà bao suy ngẫm sâu sắc của người nghệ sĩ đã được bộc lộ trọn vẹn.

Nghệ thuật là một sự khở hạnh – câu nói của Nguyễn Tuân đã giúp chúng ta hiểu được phần nào về cá tính sáng tạo nghệ thuật của con người tài hoa uyên bác này. Với ông, mọi thứ đều có thể hoá thành nghệ thuật, đều mang cái đẹp và hướng theo tiêu chuẩn của cái Đẹp. Ông say mê sáng tạo để tìm tòi, khám phá những nét đẹp trong đời sống. Trong *Chữ người tử tù*, Nguyễn hướng ngòi bút của mình vào hình tượng một bức thư pháp đẹp và quý. Và qua bức thư pháp ấy, độc giả ngộ ra bao giá trị đích thực của nghệ thuật.

Bức thư pháp là kết tinh của bao tình cảm, là cả một quá trình hiểu lầm để tiến tới con đường đồng điệu của người tử tù và viên quản ngục. Hai con người là hai kẻ đối địch của hai trận tuyến xã hội nhưng lại là tri âm tri kỉ ở bình diện nghệ thuật. Chính nghệ thuật đã kết liền tất cả, xoá tan mọi hận thù để bung nở thành tình bạn tri kỉ. Hình tượng trung tâm của tác phẩm là chữ, những nét chữ thư pháp vuông vắn thanh tao. Chữ quý không chỉ vì nó được viết rất nhanh, rất đẹp mà nó còn thể hiện khát vọng tung hoành của cả đời người. Nó là khí phách của Huấn Cao, người

anh hùng “chọc giời khuấy nước”, dám đứng lên chống lại triều đình mà ông căm ghét. Ông chính là con người tiêu biểu cho hình mẫu lí tưởng của người xưa: “Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất”.

Bức tranh thư pháp đẹp và quý lại được viết trong khung cánh nhà lao chật hẹp, tường đầy mạng nhện, đất đầy phân chuột, phân gián. Chúng kiến cánh cho chữ mà ta như nhận thấy huyết lệ của tác giả thấm nhuần trên trang văn. Và dường như bao tinh tuý của hồn văn đã được Nguyễn Tuân vắt kiệt để sáng tạo nên cảnh tượng kì tuyệt này. Sau bao hiểu lầm, Huấn Cao đã quyết định cho đi những dòng chữ cuối cùng, ông thể hiện tính cách của một con người biết thay đổi cách nhìn nhận và cũng thể hiện một tấm lòng biết vì người khác khi quyết định cho chữ viên quản ngục. Cảnh cho chữ quả là cảnh tượng xưa nay chưa từng có. Người ta thường viết thư pháp trong thư phòng, thư sảnh, nơi có trầm hương nghi ngút nhưng giờ đây nó lại được viết trong cảnh đê lao chật hẹp. Người nghệ sĩ viết thư pháp lại là người tử tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng trong đêm cuối cùng của đời mình. Vượt lên tất cả, cái đẹp đã lên ngôi. Ánh sáng của ngọn đuốc đã xua tan đi bóng tối của nhà tù. Mùi thơm từ chậu mực bốc lên đã xua đi mùi phân chuột, phân gián. Giữa hai con người không còn một khoảng cách nào nữa. Chỉ có người nghệ sĩ đang say mê sáng tạo cái đẹp dưới con mắt của kẻ sùng bái nghệ thuật. Cái đẹp có sức mạnh cảm hoá phi thường. Nó đã khiến viên quản ngục nhận ra bi kịch sai đường của mình mà rung rung nước mắt trước người tử tù: “Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.

Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân đã dâng cho văn đàn một bức thư pháp đẹp và quý. Bức thư pháp ấy đã cho ta thấy được nhân cách và khát vọng cao cả của người tử tù. Qua những nét chữ ta nhận thức được sức mạnh cảm hoá của cái đẹp. Người tử tù sau đêm ấy sẽ mãi ra đi nhưng nghệ thuật thì sẽ ở lại với đời, vĩnh hằng theo năm tháng.

“Khi tôi chết, hãy chôn tôi với cây đàn” (Lor-ca). Cây đàn ghi ta của Lor-ca vẫn mãi in hằn trong tâm trí của chúng ta như một huyền thoại gắn bó với cuộc đời người nghệ sĩ tài ba. Thanh Thảo từ những xúc động chân thành về cuộc đời của người nghệ sĩ – chiến sĩ Lor-ca đã viết nên những vần thơ “đàn ghi ta của Lor-ca” gây rung động lòng người. Lời di chúc của Lor-ca để lại với đời cho ta thấm thía một tình cảm thương mến dành cho quê hương xứ sở. Ông mang theo cây đàn vào lòng đất cũng như mang theo một mảnh hồn gắn bó sắt son với quê hương. Tiếng đàn Lor-ca âm vang trong những vần thơ:

*Những tiếng đàn bọt nước
Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt
li-la li-la li-la.*

Hình ảnh “những tiếng đàn bọt nước” làm ta liên tưởng đến những bong bóng trên mặt sân trong kì mưa rào. Bong bóng bung nở rồi lại vỡ tan, rồi lại tiếp tục bung nở. Cũng giống như cuộc đời Lor-ca, nghệ thuật Lor-ca tưởng sẽ bị vùi dập nhưng lại là sự bung nở mãnh liệt của tài năng. Tiếng đàn ngân vang làm ta liên tưởng đến khí thế sôi nổi của người chiến sĩ đấu bò với chiếc áo choàng đỏ gắt đậm chất Tây Ban Nha. Tiếng đàn li-la li-la li-la vang lên như lời ai điệu bi hùng dành cho cuộc đời người chiến sĩ – nghệ sĩ Lor-ca, là bó hoa tử đinh hương dành tặng cho một cuộc đời vĩ đại. Cái chết của Lor-ca đã gây ra những cú sốc dây chuyền. Tiếng đàn hiện lên muôn màu sắc, âm thanh vỡ ra màu sắc, thành bọt nước vỡ tan, thành dòng máu chảy:

*tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy,
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròn ròn
máu chảy.*

Những âm thanh ánh xạ ra bao sắc màu. Sắc màu mộc mạc bình dị đậm thắm tình quê hương. Màu xanh của tuổi trẻ, của khát khao, hi vọng, của nền nghệ thuật không bao giờ già nua. Tiếng ghi ta ròn ròn máu chảy như rõ từng giọt lệ thương xót cho cái chết tức tưởi của người nghệ sĩ tài ba. Con người ấy đã mãi ra đi, nhưng những gì là nghệ thuật thì còn mãi:

*không ai chôn cất tiếng đàn
tiếng đàn như cỏ mọc hoang*

Nghệ thuật của Lor-ca tiềm ẩn một sức sống mãnh liệt. Nỗi đau đã được bồi đắp. Sự vùi dập hoá thành sự thăng hoa, sự hi sinh hoá thành bất tử.

li-la li-la li-la...

Tiếng đàn ghi ta của Lor-ca đã hoá thân vào những câu thơ của Thanh Thảo, cây đàn huyền thoại ấy đã gọi lại cả số phận bi thương của người nghệ sĩ tài ba. Nhưng trên tất cả, nó cho ta thấy được sự bất tử của nghệ thuật.

Người nghệ sĩ là người phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới. Và cái đẹp đôi khi chỉ được khám phá từ một sự vật, sự việc rất nhỏ bé nhưng chính nó lại là con thuyền chèo chở bao suy ngẫm của nghệ sĩ về con người và cuộc đời. Bức thư pháp của người tử tù, cây đàn huyền thoại của Lor-ca, tất cả sẽ mãi ở lại với văn chương nghệ thuật như một hình tượng bất hủ.

(Bài đoạt giải Nhất – 17/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng khá tốt những yêu cầu đặt ra trong đề bài.

Ở câu 1:

Người viết hiểu và bàn trúng vấn đề được đưa ra trong ý kiến của Fu-ku-za-wa Yu-ki-chi: *Mọi người sinh ra đều bình đẳng, nếu có khác biệt là do học vấn.* Bố cục bài viết khoa học, hệ thống luận điểm sáng rõ. Người viết đã đưa ra những lí lẽ sắc sảo, thuyết phục để khẳng định mỗi con người sinh ra trên cuộc đời này đều bình đẳng nhưng: *Trước cái nền của sự bình đẳng, con người cần thể hiện vị thế của bản thân bằng vốn tri thức của mình. Học vấn chính là những nấc thang vàng để chúng ta dẫn bước trên con đường khẳng định mình.* Người viết cũng đã có những thức nhận đúng đắn về sự khác biệt do học vấn đem lại cho con người. Ở luận điểm này, có những câu văn viết chắc tay như: *Có tri thức trong tay, ta như thêm đôi cánh để tiến nhanh hơn đến bước đường thành công, cũng là tiến nhanh hơn đến dáng dấp của một con người hoàn thiện và đầy bản lĩnh. Học vấn sẽ quyết định vị thế của ta trong cuộc đời và trong con mắt của người khác.* Cái hay của bài viết còn ở chỗ, người viết đã luận bàn vấn đề học vấn trong mối quan hệ giữa sách vở và thực tế đời sống, hay học vấn không đơn thuần là có trong tay những bằng cấp giả mạo... Phần mở bài, kết bài viết hô ứng với nhau là một sự sáng tạo, để lại nhiều dư ba.

Tuy nhiên, nếu người viết bàn sâu thêm một chút nữa để thấy rằng không nên tuyệt đối hoá vai trò của học vấn trong việc tạo lập vị thế xã hội của mỗi con người và lấy thêm một vài dẫn chứng thì bài viết có lẽ sẽ còn hay hơn nữa.

Ở câu 2:

Người viết về cơ bản đã hiểu đúng lời nhận định được nêu ở đề bài khi cho rằng: *Con người chính là nguyên do tồn tại của văn chương nghệ thuật.* Nhưng không phải là trong bất cứ tác phẩm nào hình tượng con người cũng luôn chiếm vị trí đặc sắc nhất. Điều đó sẽ tạo ra sự nghèo nàn trong việc sáng tạo hình tượng nghệ thuật. Đối tượng của sự phản ánh đôi khi là một đồ vật, một sự vật. Nhưng đó không phải đồ vật, sự vật được khắc hoạ một cách vô hồn. Nó chỉ là cái vỏ ẩn dụ mà khi khơi mớ ta khám phá được bao ý nghĩa biểu tượng cho con người, từ "nhận thức, nhân cách, ý chí, khát vọng" cho đến "số phận". Câu nói đã xác định một cách đúng đắn vai trò của những hình tượng sự vật, đồ vật trong sáng tác văn học. Người viết đã chọn hình tượng bức thư pháp trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân và hình tượng tiếng đàn trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* của nhà thơ Thanh Thảo để làm sáng tỏ nhận định. Phần cảm thụ viết khá chắc tay, bám sát yêu cầu của đề bài.

Tuy nhiên, có một số vấn đề cần trao đổi với người viết: Thứ nhất, phần lí luận viết chưa được sâu, mới chỉ dừng lại ở việc cắt nghĩa vấn đề mà chưa lí giải, bàn luận sâu về vấn đề được đưa ra trong lời nhận định. Người viết nên vận dụng kiến thức lí luận văn học về hình tượng nghệ thuật, nhân vật văn học để luận chứng: hình tượng nghệ thuật, nhân vật văn học thường là con người, song nhiều khi cũng có thể là đồ vật, sự vật; ý đồ sáng tạo, tài năng nghệ thuật của tác giả sẽ quyết định tầm vóc, chất lượng của các hình tượng nghệ thuật ấy. Trong quá trình bàn luận, có thể nêu một vài ví dụ trong suốt chiều dài lịch sử văn học hoặc có những tác phẩm văn học hoàn toàn vắng bóng, hoặc chỉ thấp thoáng hình ảnh con người. Ở đó, thế giới nhân vật chỉ là hình tượng đồ vật, loài vật (mang tính phúng dụ). Trong những trường hợp này, ý nghĩa, giá trị “biểu trưng cho nhận thức, nhân cách, ý chí, khát vọng, số phận của con người” càng trở nên quan trọng để minh chứng thì phần bàn luận sẽ sinh động hơn. Thứ hai, khi cảm thụ hai hình tượng bức thư pháp và tiếng đàn, nếu người viết có ý thức đối sánh thì sẽ có điểm nhấn và sâu sắc hơn.

BÀI LÀM SỐ 2

Câu 2.

Khép lại những trang văn của Nam Cao, Nguyên Hồng, Nguyễn Minh Châu... tôi cứ ám ảnh, day dứt mãi về những tình, những cảnh trong đó. Tâm hồn tôi dội lại tiếng chửi đả cung bậc của Chí Phèo, bát cháo hành của Thị Nở hay bức tranh về người lính trẻ mà ông họa sĩ đã vẽ trong truyện ngắn *Bức tranh* của Nguyễn Minh Châu. Tôi tự hỏi liệu điều gì đã tạo nên sức hấp dẫn của những tác phẩm ấy kì diệu đến như vậy? Đó quả thực là những câu chuyện độc đáo, để lại dư âm mạnh mẽ trong lòng tôi. Và phải chăng trong tác phẩm văn học, sáng tạo nghệ thuật quan trọng, đặc sắc nhất, nhiều khi không phải ở hình tượng con người mà ở hình tượng đồ vật, sự vật: một thứ thuốc chữa bệnh quái lạ (*Thuốc* – Lỗ Tấn), một bức thư pháp đẹp và quý (*Chữ người tử tù* – Nguyễn Tuân), một công trình kiến trúc kì vĩ, tinh xảo (*Vũ Như Tô* – Nguyễn Huy Tưởng), một cây đàn huyền thoại (*Đàn ghi ta của Lor-ca* – Thanh Thảo)... Đó là những đồ vật, sự vật biểu trưng cho nhận thức, nhân cách, ý chí, khát vọng, số phận,... của con người.

Văn học và đời sống là hai đường tròn đồng tâm mà tâm điểm của nó chính là con người. Tôi nhớ một nhà văn nào đó đã từng nói như vậy. Văn học phản ánh cuộc sống và trung tâm là con người thông qua các hình tượng nghệ thuật. Chính những hình tượng nghệ thuật độc đáo, có sức phổ quát lớn, mang những ý nghĩa

sâu sắc về nhân sinh đã góp phần làm nên nét riêng cho tác phẩm văn học. Người nghệ sĩ thường sáng tạo nên những tượng đài bất hủ về con người bằng cách xây dựng chính hình tượng về con người. Nam Cao đã dựng nên hình tượng người trí thức nghèo trong xã hội cũ với những bi kịch về lẽ sống, về tài năng, nhân phẩm. Vũ Trọng Phụng đã tái hiện lại khung cảnh một xã hội đảo điên, nhố nhăng bịp bợm, phi nhân tính với những con người đạo đức giả, giả nhân giả nghĩa; những con người nhân cách càng tụt dốc lại càng được tôn vinh như Xuân Tóc Đỏ trong tiểu thuyết *Số đỏ*... Và đến với thơ ca, những Xuân Diệu, Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bình, Thâm Tâm... cũng đã truyền tới người đọc những xúc cảm mạnh mẽ, “vui là vui vội, buồn là buồn sâu” của con người trong thi phẩm của các ông. Hình tượng con người là một sáng tạo nghệ thuật quan trọng, góp phần làm nên sức sống trường tồn cho tác phẩm văn học.

Văn học nói bằng hình tượng, hình tượng nghệ thuật là khối pha lê lấp lánh làm nên giá trị tác phẩm văn học. Nếu cái thần của âm nhạc là giai điệu, của hội họa là đường nét và màu sắc thì cái thần của văn chương chính là ở hình tượng. Song những tác phẩm văn học chỉ xây dựng nên những hình tượng về con người thì đó chưa hẳn là một tác phẩm vô giá. Bởi trong sáng tạo nghệ thuật, điều quan trọng, đặc sắc nhất nhiều khi không phải ở hình tượng con người mà ở hình tượng đồ vật, sự vật. *Những người khốn khổ* – Huy-gô; *Không gia đình* – Héc-to Ma-lô, *Túp lều bác Tôm* – H.B.Stowe... sống trong lòng người đọc muôn đời bởi hình tượng con người mà những cây bút văn xuôi bậc thầy của thế giới sáng tạo nên. Tuy thế, những *Chữ người tử tù* – Nguyễn Tuân, *Thuốc* – Lỗ Tấn; *Vũ Như Tô* – Nguyễn Huy Tưởng, *Đàn ghi ta của Lor-ca* – Thanh Thảo... vẫn sống lâu và sống rất sâu trong lòng độc giả đâu phải chỉ ở hình tượng con người mà nhà văn, thi sĩ đã xây dựng nên. Tôi nhớ những trang văn, trang thơ ấy, tôi ám ảnh ở chúng một thứ thuốc chữa bệnh quái lạ trong *Thuốc* – Lỗ Tấn; tôi ấn tượng với những con chữ vuông vắn, nói lên hoài bão tung hoành của cả một đời người, với bức thư pháp đẹp và quý, được viết trong một khung cảnh xưa nay chưa từng có trong tác phẩm *Chữ người tử tù* – Nguyễn Tuân; và những Cửu Trùng Đài, cây đàn ghi ta huyền thoại của Lor-ca cứ làm tôi băn khoăn, day dứt mãi không thôi. Dẫu các hình tượng là đồ vật, sự vật song người nghệ sĩ vẫn gửi gắm những thông điệp về con người. Bởi là những hình tượng nên những sự vật, đồ vật ấy mang ý nghĩa biểu tượng cao. Mỗi hình tượng là một thế giới sống, thế giới biết nói về con người, về nhân cách, ý chí, khát vọng, số phận... của con người. Con người là trung tâm mọi sự phản ánh bởi lẽ đó là các hình tượng đồ vật, sự vật cũng hướng tới con người. Chúng không phải là vật vô tri vô giác mà là những sinh thể sống, sống cháy sáng, bùng lên thành những ngọn lửa trong các tác phẩm văn học.

Nhận định đã khái quát lên một cách đúng đắn đặc trưng của văn học – hình tượng trong văn học. Hình tượng là yếu tố quan trọng nhất trong sáng tác văn học. Một tác phẩm văn học không có hình tượng cũng giống như một quả bóng xì hơi, nhân nhúm. Một tác phẩm như thế sẽ không thể sống! Và điều quan trọng, đặc sắc là người nghệ sĩ phải xây dựng được những hình tượng độc đáo về con người và không chỉ thế, cái tinh, cái tài của người nghệ sĩ đôi khi còn ở chỗ biết xây dựng nên những hình tượng đồ vật, sự vật nhưng soi vào đó ta vẫn thấy được những nét phẩm chất, số phận... của con người!

Nguyễn Huy Tưởng – một cây bút tài năng của dân tộc ta thế kỉ XX, một kịch tác gia xuất sắc được nhiều người tôn trọng, yêu quý – đã để lại cho đời nhiều tác phẩm kịch đặc sắc mà đến ngày nay vẫn mang nhiều giá trị trong đó có vở kịch *Vũ Như Tô*. Vở kịch được viết dựa trên những sự kiện lịch sử có thực, con người có thực của dân tộc ta cách đây mấy thế kỉ. Nguyễn Huy Tưởng quả thực đã rất tài năng khi xây dựng nên hình tượng Cửu Trùng Đài – một công trình kiến trúc kì vĩ, tinh xảo. Cửu Trùng Đài là khát khao cống hiến chói sáng, mạnh mẽ của Vũ Như Tô. Vũ Như Tô mong muốn đem tài năng của mình để dựng nên một toà đài tráng lệ, tinh xảo đua tranh cùng hoá công, có thể sánh ngang với các công trình sau trước, đưa đất nước ngang bằng với các nền văn hiến khác trong châu lục. Toà đài hoa lệ ấy đã thể hiện tài năng và tấm lòng của một con người mang trong lòng một tình yêu dân tộc, yêu nước sâu sắc. Ban đầu, khi vua Lê Tương Dực buộc Vũ Như Tô xây đài Cửu Trùng ông đã kiên quyết từ chối. Đài xây ra để làm gì nếu chỉ để phục vụ bọn vua chúa sống xa hoa, ăn chơi, hưởng lạc. Vũ Như Tô kiên quyết từ chối dù sự sống của gia đình ông bị đe dọa. Đó cũng là bản lĩnh, hào khí của một con người biết tiết nghĩa, phải trái, đúng sai. Nhưng khi được Đan Thiềm khuyên giải về việc xây đài, về vinh quang của dân tộc khi đài Cửu Trùng được hoàn thành, Vũ Như Tô đã chấp nhận theo lời của Lê Tương Dực. Ông muốn xây cho đất nước một toà đài hoa lệ, vĩ đại có thể trường tồn với thời gian. Cửu Trùng Đài là lòng say mê nghệ thuật, khát khao cống hiến đẹp đẽ của Vũ Như Tô. Cửu Trùng Đài biểu tượng cho nhân cách cao quý, đẹp đẽ của Vũ Như Tô.

Song sức sống, giá trị biểu tượng của Cửu Trùng Đài đâu chỉ có thế. Cửu Trùng Đài là biểu tượng cho một số phận bi thảm, đau thương; thể hiện nhận thức còn có phần lệch lạc, sai lầm của Vũ Như Tô. Khát khao xây đài, ý chí của Vũ Như Tô rất đẹp. Tuy vậy cũng vì xây Cửu Trùng Đài mà ông chuốc lấy số phận bi kịch. Vũ Như Tô phải chết khi Cửu Trùng Đài chưa hoàn thành và đau đớn hơn ông phải chứng kiến cảnh cả toà đài chìm trong biển lửa dữ dội. Những đau xót cùng cực đến tột đỉnh đã khiến Vũ Như Tô phải cất lên những lời đầy tuyệt vọng: “Ôi mộng cả, ôi

cao! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu Trùng Đài!". Và không ai khác chính những người thợ thuyền – những người dân lao động mà ông yêu quý, khát vọng cống hiến vì họ, đã giết Vũ Như Tô. Đau đớn sao bằng cái chết thảm, bi thương ấy! Vũ Như Tô mang trong mình khát khao cống hiến nhưng ông đã không nhận thức được hết mối quan hệ giữa nghệ thuật với lợi ích của nhân dân; giữa nghệ thuật với tình trạng đau thương, cuộc sống khốn khổ của đất nước. Đài Cửu Trùng Đài đã kết tinh phẩm chất, khát vọng, nhận thức cũng như số phận của Vũ Như Tô. Mang trong mình những khát vọng đẹp đẽ nhưng nhận thức lầm lạc đã đẩy Vũ Như Tô vào cái chết đầy bi kịch, xót xa.

Cửu Trùng Đài biểu tượng cho những nét độc đáo, riêng biệt trong nhân cách, tài năng, số phận của Vũ Như Tô. Song Cửu Trùng Đài cũng tô đậm phẩm chất của Đan Thiềm – một người cung nữ say mê cái đẹp, trân trọng, nâng niu người tài. Chính Đan Thiềm khuyên Vũ Như Tô xây đài nhưng bà cũng là một người thức thời. Khi biết Đài Cửu Trùng Đài không thể hoàn thành, bà đã khuyên Vũ Như Tô bỏ trốn, chờ cơ hội khác. Nhưng Vũ Như Tô vẫn chưa nhận thức được rõ hoàn cảnh, ông vẫn cương quyết ở lại, Đan Thiềm đã xin chịu tội cho Vũ Như Tô. Bà là người say yêu nghệ thuật, người tài song cũng là người rất tỉnh táo. Một kẻ đồng bệnh, một người trị âm, tri kỉ hiếm có. Và Cửu Trùng Đài với Lê Tương Dực và bọn quan lại là chốn ăn chơi, hưởng lạc, là thứ để Lê Tương Dực khoe khoang và thị uy. Và cũng chính Cửu Trùng Đài là nguyên nhân gây ra mọi đau khổ của người lao động – những con người với cuộc sống khốn khổ, nghèo đói. Họ đã phải đổ biết bao xương máu vì Cửu Trùng Đài. Bao nhiêu con người đã ngã xuống để lại nỗi đau cho vợ con, cha mẹ. Qua Cửu Trùng Đài, Nguyễn Huy Tưởng đã tái hiện lại bức tranh sinh động, đa màu về xã hội Việt Nam thời phong kiến. Tình huống kịch độc đáo với những xung đột kịch, mâu thuẫn kịch gay gắt giữa Lê Tương Dực, bè lũ quan lại với nhân dân lao động, giữa nghệ thuật và lợi ích thiết thực của nhân dân. Đặc biệt, Nguyễn Huy Tưởng đã dựng nên hình tượng Cửu Trùng Đài bằng một lớp ngôn ngữ kịch rất Nguyễn Huy Tưởng – dung dị, triết lí, thứ ngôn ngữ kịch không hề khô khan, trái lại thấm đẫm cảm xúc. Cửu Trùng Đài – hình tượng ấy đã dựng lên những chân dung về con người rất độc đáo, để lại ấn tượng sâu sắc cho tác phẩm.

Nếu Cửu Trùng Đài đã khắc hoạ được bức tranh sinh động về con người Việt Nam trong xã hội cũ thì cây đàn huyền thoại – *Dàn ghi ta của Lor-ca* qua ngòi bút tài hoa của Thanh Thảo đã làm sống lại một người nghệ sĩ thiên tài của Tây Ban Nha, của nhân loại – Gar-xi-a Lor-ca. Cây đàn ghi ta là một người bạn gắn bó sâu sắc với Lor-ca trên hành trình kiếm tìm tự do, cách tân nghệ thuật. Cây đàn là tình yêu đất nước sâu nặng, một tấm lòng sống hết mình của Lor-ca.

*những tiếng đàn bọt nước
Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt
li-la li-la li-la
đi lang thang về miền đơn độc
vội vàng trắng chảnh chói
trên yên ngựa mỗi mòn*

Lor-ca là một người nghệ sĩ của tự do, ông đã dành cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, chống lại bọn độc tài phát xít và cũng là người có khát khao cách tân nghệ thuật nồng nhiệt trong văn học nước nhà. Nhưng hành trình ấy là một hành trình đầy gian khổ và cô đơn “đi lang thang về miền đơn độc”. Lor-ca là người nghệ sĩ tài năng của Tây Ban Nha cũng như của thế giới. Tiếng đàn của Lor-ca là những tiếng đàn cung bậc, ngồn ngộn cảm xúc, nó như ngọn lửa đi vào thiêu đốt lòng người. Nhắc đến Lor-ca là nhớ đến tiếng đàn huyền thoại.

*tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròn ròn
máu chảy*

Tiếng đàn của Lor-ca là những bản nhạc độc đáo, thể hiện một lối chơi độc tấu và chỉ có ở Lor-ca, một người nghệ sĩ thiên tài. Ấy vậy mà Lor-ca phải chịu một số phận bi thảm:

*bông kinh hoàng
áo choàng bê bết đỏ
Lor-ca bị điệu về bãi bắn
chàng đi như người mộng du*

Cái chết ập tới với Lor-ca thật bất ngờ quá. Người lãng tử phiêu du trên những cánh đồng ngập tràn sắc tím của hoa tử đinh hương bỗng nhận phải tin dữ. Chữ “kinh hoàng” đã diễn tả hết trạng thái bất ngờ, đột ngột đến kinh ngạc của Lor-ca. Cái chết ập tới nhanh quá, Lor-ca không thể ngờ tới bởi thế mà “chàng đi như người mộng du”. Cái chết đến nhanh và khi hồn chàng đã trở về với cát bụi, bọn độc tài phát xít vẫn không tha cho chàng, chúng thủ tiêu xác chàng trong giếng. Một cuộc

đời hào hoa, hi sinh lớn lao vì dân tộc nhưng kết cục Lor-ca đã phải gánh chịu một số phận đầy đau thương.

Tuy vậy, con người ấy đến khi chết vẫn mang những khát vọng cao cả, đẹp đẽ: “Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn” – lời đề từ cũng là câu thơ trong bài thơ của Lor-ca. Cây đàn là biểu tượng cho tài hoa của Lor-ca, sự nghiệp của Lor-ca. Chính vì vậy mà Lor-ca hi vọng những thế hệ đi sau sẽ vượt lên được tiếng đàn của ông để làm nên những điều lớn lao, tạo nên nghệ thuật mới độc đáo hơn. Đó cũng là ước nguyện đầy cao cả của Lor-ca. Tiếng đàn đã kết tinh tài hoa, khí phách, tấm lòng của Lor-ca với dân tộc Tây Ban Nha. Và người dân Tây Ban Nha đã cảm phục tấm lòng tài năng ấy mà rõ những “giọt nước mắt vàng trắng”, giọt nước mắt của sự ngưỡng mộ, lòng kính phục, sự hối tiếc của nhân dân dành cho một nhân cách lớn. Những cách kết hợp từ mới lạ như *giọt nước mắt – vàng trắng; tiếng ghi ta – bọt nước...* và đặc biệt là chuỗi âm dài li-la li-la li-la khép mở tác phẩm gợi lên hình tượng cây đàn ghi ta thật huyền diệu. Cây đàn ghi ta hay đó cũng là tài năng của Lor-ca; khát vọng tự do, cách tân nghệ thuật của Lor-ca, số phận bi thảm của Lor-ca và cũng là tấm lòng của nhân dân Tây Ban Nha, của chính Thanh Thảo hướng về Lor-ca.

Hai hình tượng với những nét riêng độc đáo song đều thể hiện được những phẩm chất, nhân cách, ý chí, khát vọng, số phận của con người. Qua những hình tượng ấy, ta đồng thời thấy rõ bóng dáng cái tài và cái tâm của người nghệ sĩ khi sáng tạo nên tác phẩm của mình.

Những hình tượng đồ vật, sự vật được sáng tạo một cách độc đáo sẽ tạo nên sự thành công cho tác phẩm văn học. Một tác phẩm sống được hay một tác phẩm liệu có trở thành chiếc lá thả mình vào dòng chảy miên viễn của thời gian được hay không chính ở sự sáng tạo hình tượng của người nghệ sĩ.

Mỗi người nghệ sĩ khi sáng tạo mang trong mình một nhiệt huyết sáng tạo cháy bỏng và con mắt tinh nhạy, nhìn sự vật với con mắt của người đầu tiên; đặc biệt là “sống toàn tim, toàn trí, toàn hồn – sống toàn thân và thức nhọn giác quan” để phát hiện những sự vật mang ý nghĩa, những sự vật ẩn chứa bao điều huyền diệu, sâu sắc về nhân sinh. Và người tiếp nhận do đó khi thưởng thức tác phẩm cũng cần phải nâng cao trình độ thẩm mĩ, tìm hiểu và nhận ra ý nghĩa, giá trị của những hình tượng đồ vật, sự vật trong sự biểu hiện con người.

Hình tượng sẽ làm nên sức sống cho tác phẩm văn học: Một tác phẩm văn học sẽ được tôn vinh và làm trấn trở biết bao tâm hồn nhờ hình tượng nghệ thuật, đặc biệt là những hình tượng mang những giá trị biểu tượng sâu sắc về con người.

Câu 1.

Một ngày, rải bước trên con đường chiều trong lòng thành phố, tôi nhìn ngắm sự sống của thành phố mình khi ánh đèn đường dần sáng lên. Tôi thấy những hàng quán nhỏ đã bắt đầu lên đèn, những shop quần áo chuẩn bị đóng cửa, dòng người vội vã, tấp nập nơi lòng đường và tôi cũng thấy đôi người ăn mặc rách rưới tìm chỗ trú chân. Tôi chợt nghĩ cuộc sống thật muôn hình vạn trạng và mỗi người mỗi cảnh. Một câu hỏi chợt dấy lên trong lòng tôi: “Liệu điều gì làm nên sự khác biệt giữa những con người ấy?”. Và tôi chợt nhớ đến câu nói của Fu-ku-za-wa Yu-ki-chi “Mọi người sinh ra đều bình đẳng, nếu có khác biệt là do học vấn” (*Khuyến học hay những bài học về tinh thần độc lập tự cường của người Nhật Bản* – Phạm Hữu Lợi dịch, NXB Tri thức, Hà Nội, 2008, trang 24). Phải chăng đó là câu trả lời tôi cần có.

Fu-ku-za-wa Yu-ki-chi đã thật sâu sắc khi nhận định về con người. “Mọi người sinh ra đều bình đẳng, nếu có khác biệt là do học vấn”. Phải, mỗi người sinh ra đều bình đẳng. Cái bình đẳng ấy, chính là cái chung, là điều làm cho con người trở nên ngang hàng với nhau. Mỗi người đều bình đẳng với người khác về nhiều mặt, về quyền lợi, hạnh phúc, nghĩa vụ, về gia đình... Những điều đó làm cho con người không có sự phân biệt cao thấp. Vậy phải chăng điều làm nên khác biệt là do học vấn? Học vấn ấy là khả năng về chiếm lĩnh tri thức của con người mà mỗi người có một trình độ học vấn khác nhau. Chính điều đó làm nên sự khác biệt. Một người có học vấn có thể có những tri thức sâu sắc, toàn diện về lĩnh vực nào đó hay về cuộc sống. Trái lại, một người không có học vấn có thể có hiểu biết về cuộc sống nhưng chuyên sâu về các kiến thức trong các lĩnh vực khoa học, lịch sử, xã hội, cái gì cũng chỉ biết một cách hời hợt, bởi vậy mà nó làm cho trí tuệ của anh trở nên nghèo nàn, khô héo.

Học vấn làm nên sự khác biệt! Đúng như vậy!

Điều gì làm nên sự khác biệt giữa các nhà khoa học đại tài như Ê-di-xon, Ác-si-mét, Đê-các... hay các chính trị gia như Lin-côn, Lê-nin, Mác, Ăng-ghe-n, ... với những người bình thường nếu không phải học vấn? Học vấn làm nên những tư tưởng lớn! Một người có học vấn uyên bác, dồi dào sẽ làm nên những điều lớn lao cho nhân loại. Ê-di-xon đã phát minh ra bóng đèn điện đầu tiên cho nhân loại; Lin-côn đã trở thành người đầu tiên xoá bỏ nạn phân biệt chủng tộc ở dân tộc mình. Chính học vấn về chính trị, xã hội, về khoa học đã làm nên những con người khổng lồ. Một người không có học vấn hoặc cái gì cũng biết nhưng biết một cách hời hợt, nhạt nhòa, không đủ độ chín của tri thức rất khó có thể làm nên được những điều kì vĩ. Người như vậy sẽ chỉ có thể có một cuộc sống bình bình, lặng lặng, hoặc không làm được điều gì mang lại lợi ích cho xã hội.

Học vấn đưa con người gần hơn với kho báu tri thức của nhân loại, mở mang tầm hiểu biết cho con người. Học vấn cũng đưa con người gần hơn với cái đẹp chân – thiện – mỹ, thôi thúc con người sống có ích, sống cháy sáng vì mọi người, vì nhân loại.

Để có được học vấn, con người cần trải qua quá trình miệt mài, say mê học tập để mở rộng vốn tri thức cho chính mình và đó không phải chuyện của ngày một ngày hai mà là chuyện của cả một đời người. Bởi sự học không bao giờ là giới hạn và kho tàng kiến thức là vô tận, vô cùng, không bao giờ con người có thể chiếm lĩnh hết được. Song một con người có học vấn không thể chỉ chuyên sâu về một lĩnh vực mà cũng cần có hiểu biết về những địa hạt khác. Một nhà khoa học không thể chỉ đắm chìm vào khoa học mà không màng tới thực tiễn cần gì. Thứ phát minh nếu được làm như thế sẽ chỉ là một vật vô giá trị.

Học vấn tạo nên sự khác biệt. Sự khác biệt về tri thức, về cách hành xử, về lối suy nghĩ và nó tạo nên khoảng cách lớn giữa người có học vấn và người không có học vấn.

Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng ngoài học vấn, giữa người với người vẫn tồn tại sự khác biệt đôi khi không phải do học vấn tạo nên mà do chính thái độ, hoàn cảnh của mỗi người tạo nên. Con người sinh ra không có sự lựa chọn gia đình và quê hương. Điều đó một phần tạo nên sự khác biệt nhưng là sự khác biệt của hoàn cảnh. Và bằng học vấn con người cũng có thể xoá bỏ sự khác biệt đó, nâng tầm vị trí của bản thân mình lên. Học vấn tạo nên sự khác biệt nhưng cũng chính học vấn sẽ xoá bỏ sự khác biệt.

Fu-ku-za-wa Yu-ki-chi quả đã đưa ra một nhận định đúng đắn và sâu sắc về con người.

(Bài đoạt giải Nhì – 16,5/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng cơ bản những yêu cầu đặt ra trong đề bài.

Ở câu 2:

Người viết không chỉ cắt nghĩa được vấn đề mà còn biết vận dụng kiến thức lí luận văn học về hình tượng nghệ thuật, nhân vật văn học để luận chứng: hình tượng nghệ thuật, nhân vật văn học thường là con người, song nhiều khi cũng có thể là đồ vật, sự vật; ý đồ sáng tạo, tài năng nghệ thuật của tác giả sẽ quyết định tầm

vóc, chất lượng của các hình tượng nghệ thuật ấy. Người viết khẳng định: *Hình tượng là một yếu tố quan trọng trong sáng tác văn học. Một tác phẩm văn học... người nghệ sĩ phải xây dựng được những hình tượng độc đáo về con người và không chỉ thế cái tình, cái tài của người nghệ sĩ đôi khi còn ở chỗ anh biết xây dựng nên những hình tượng đồ vật, sự vật nhưng soi vào đó ta vẫn thấy được những nét phẩm chất, số phận, tài hoa... của con người trong ấy!* Người viết đã chọn hình tượng Cửu Trùng Đài trong vở kịch *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng và hình tượng tiếng đàn trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* của nhà thơ Thanh Thảo để làm sáng tỏ nhận định. Phần cảm thụ viết khá chắc tay, về cơ bản đã minh chứng được những hình tượng đồ vật, sự vật được phân tích là những hình tượng biểu trưng cho nhận thức, nhân cách, ý chí, khát vọng, số phận của con người, thể hiện sự tài hoa, sáng tạo của Nguyễn Huy Tưởng và Thanh Thảo.

Cần lưu ý, phần bàn luận sẽ sinh động hơn nếu nêu được một vài ví dụ trong suốt chiều dài lịch sử văn học hoặc khẳng định trong thực tế, có những tác phẩm văn học hoàn toàn vắng bóng, hoặc chỉ thấp thoáng hình ảnh con người và chỉ rõ: ở đó, thế giới nhân vật chỉ là hình tượng đồ vật, loài vật (mang tính phúng dụ) nhưng ý nghĩa, giá trị “biểu trưng cho nhận thức, nhân cách, ý chí, khát vọng, số phận của con người” càng trở nên quan trọng hơn.

Ở câu 1:

Với sự thức nhận khá sâu sắc về sự bình đẳng của con người trong cuộc sống và vai trò của học vấn đối với con người, người viết hiểu và bàn trúng vấn đề được đưa ra trong ý kiến của Fu-ku-za-wa Yu-ki-chi: *Mọi người sinh ra đều bình đẳng, nếu có khác biệt là do học vấn.* Có những ý văn viết chắc tay, ví dụ như: *Học vấn tạo nên sự khác biệt. Sự khác biệt về tri thức, về cách hành xử, về lối suy nghĩ và nó tạo nên khoảng cách lớn giữa người có học vấn và người không có học vấn... Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng ngoài học vấn, giữa người với người vẫn tồn tại sự khác biệt đôi khi không phải do học vấn tạo nên mà do chính thái độ, hoàn cảnh của mỗi người tạo nên. Con người sinh ra không có sự lựa chọn gia đình và quê hương. Điều đó một phần tạo nên sự khác biệt nhưng là sự khác biệt của hoàn cảnh. Và bằng học vấn con người cũng có thể xoá bỏ sự khác biệt đó, nâng tầm vị trí của bản thân mình lên. Học vấn tạo nên sự khác biệt nhưng cũng chính học vấn sẽ xoá bỏ sự khác biệt.*

Tuy nhiên, mạch lập luận của bài viết có phần chưa ổn. Người viết chưa bàn tới vấn đề: không được đồng nhất học vấn với bằng cấp. Dẫn chứng chưa hay và chưa phong phú. Đọc bài viết cảm tưởng như thí sinh viết câu này hơi vội (có thể do thiếu thời gian chăng?). Do đó, chưa thực sự giải quyết vấn đề đặt ra ở đề bài tròn trịa và thuyết phục. Nhìn chung, câu 1 viết non tay hơn câu 2.

BÀI LÀM SỐ 3

Câu 1.

Thị thành, 2013.

Lan,

Đọc thư của cậu, tôi băn khoăn suy nghĩ mãi về sự học đối với mỗi con người. Học tập bồi đắp tri thức là việc cần thiết muôn đời, với riêng chúng ta hay tất cả mọi người. Càng ý thức sâu sắc về sự học, tôi càng thấm thía câu nói của Fu-ku-za-wa Yu-ki-chi: “Mọi người sinh ra đều bình đẳng, nếu có khác biệt là do học vấn”.

Mỗi người sinh ra trong cuộc đời này đều có quyền bình đẳng. Tạo hoá đã ban cho họ những quyền mà không ai có thể tước bỏ. Ai cũng có quyền sống, quyền được hạnh phúc và tự do theo ý riêng của bản thân mình. Đó là một điều đúng đắn đã ghi vào lịch sử của nhân loại. Ai sinh ra cũng có sự bình đẳng như ai, không kém cỏi hơn về quyền lợi, nhưng Yu-ki-chi đã nhấn mạnh “nếu có khác biệt là do học vấn”. Điều đó khẳng định rằng: học vấn có vai trò hết sức quan trọng trong cuộc đời của mỗi con người. Học vấn chính là thước đo để khẳng định quyền lợi của mỗi con người và vị thế của chính bản thân họ trong xã hội.

Tôi thấy có những vùng quê trên thế giới con người còn nghèo nàn, đời sống còn lạc hậu, kém phát triển. Ngay trong chính đất nước mình, trên những nẻo đường quê hương tôi học tập, vui chơi, tôi cũng chứng kiến biết bao mảnh đời nhọc nhằn, vất vả, lam lũ, là những cô gái bán hàng rong khắp ngõ phố, những đứa trẻ nghèo đi nhặt vỏ lon, quét rác qua ngày... Họ sinh ra đều có quyền bình đẳng như mỗi chúng ta nhưng cái khác biệt phải chăng là do trình độ học vấn của mỗi người?

Học vấn có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống. Nó là tri thức, là sự hiểu biết về các lĩnh vực đời sống, là trình độ tư duy, nhận thức của con người trong mọi hoàn cảnh. Học vấn rất cần thiết khi nó khẳng định năng lực của mỗi người. Qua sách vở, bài tập, ta bồi đắp thêm tri thức, thêm sự hiểu biết về văn hoá của một vùng miền, về sự ra đời, nguyên lí của mọi sự vận động nội tại trong xã hội. Các bộ môn khoa học không chỉ bồi đắp tri thức, năng lực tư duy mà còn mang lại cho con người tình yêu, niềm say mê với môn học, một tấm lòng cao cả biết sống vì các giá trị nhân văn. Giá trị của học vấn là thế, chính bởi vậy mà con người cần có ý thức bồi đắp tri thức, nhận thức của bản thân mình. Có một trí tuệ sáng láng, một tấm lòng tốt đẹp, con người mới giành được quyền lợi và sự đánh giá cao của mọi người đối với bản thân trong cuộc sống.

Lan ạ, bạn hãy nhìn ngoài kia, có biết bao mảnh đời cũng cơ cực, nghèo khó. Họ cũng là người, cũng cùng chung màu da, dân tộc với ta, cũng được sinh ra với đủ

đầy các bộ phận trên một cơ thể. Không hề có sự khác biệt nhưng địa vị xã hội, sự tôn trọng của mỗi người dành cho họ và chúng ta khác nhau. Đó là sự khác biệt về học vấn. Học vấn là tiêu chí để đánh giá con người đúng đắn, nhất là trong xã hội hiện nay. Đất nước mở cửa theo cơ chế thị trường toàn cầu hoá. Xã hội ngày càng văn minh hiện đại, yêu cầu đặt ra cho mỗi con người cũng được nhấn mạnh hơn. Đã xa rồi, thời kì chỉ có nam nhi mới được đi học, phụ nữ ở nhà nội trợ, bồi đắp cái công – dung – ngôn – hạnh, xã hội hiện nay đặt ra cho tất cả mọi người, không phân biệt gái – trai, sang – hèn đều phải có trình độ, có học vấn. Không học vấn, không hiểu biết bạn sẽ chẳng làm được gì cả, và tất yếu ngưỡng cửa vào tương lai sẽ đóng sập trước bạn. Một xã hội văn minh là xã hội không chấp nhận sự kém cỏi, ngu dốt, mông muội. Người kém cỏi, không học vấn sẽ bị xã hội đào thải và trở thành một người thừa vô ích.

Lê-nin đã nhấn mạnh: “Học, học nữa, học mãi”. Sự học không phải là việc của ngày mai, ngày kia, cũng chẳng phải là thích lúc nào thì học. Sự học là việc của cả đời. Học không chỉ là tiếp thu tri thức trong sách vở, nhà trường mà học còn là bồi đắp vốn sống ngoài thực tế. Tri thức trong sách vở rất quan trọng, cho con người ta hiểu biết, năng lực tư duy, sáng tạo. Nhưng vốn sống ngoài đời thực cũng cần thiết không kém. Cũng như người viết văn nếu không có vốn sống thực tế thì cũng chẳng thể viết văn hay, nói như Lê Quý Đôn thì: “trong bụng không có ba vạn quyển sách, trong mắt không có núi sông kì lạ của thiên hạ thì không thể làm văn được”. “Học đi đôi với hành”, học tập trong sách vở rồi vận dụng trong đời sống, mở mang tư duy, trình độ, con người mới đạt được thành công. Kẻ mà chỉ biết đắm chìm trong những công thức, bài tập khô khan sách vở mà không có sự trải nghiệm trong thực tế thì sẽ không có được trình độ nhất định vững bước vào đời.

Mỗi người sinh ra trên đời đều có quyền riêng cho bản thân mình: được tự do để sẵn sàng lựa chọn cho mình một hướng đi riêng, một cách sống độc lập. Ai cũng có quyền bình đẳng cho riêng mình. Muốn cho quyền ấy được bền vững, chắc chắn, mỗi người phải có một trình độ học vấn cho riêng mình. Học vấn, sự hiểu biết sẽ cho con người kiến thức nhất định về cuộc đời, sự bình tĩnh đối mặt trước mọi khó khăn, biến cố trong cuộc sống. Tôi nhớ thảm hoạ sóng thần – động đất đã xảy ra ở Nhật Bản năm trước. Nếu không có sự hiểu biết nhất định về cách vượt qua, sống sót trong thảm hoạ, sự bình tĩnh dám chấp nhận, đương đầu để vượt qua thì chưa chắc con người và đất nước Nhật Bản đã có được một tinh thần dũng cảm, tự cường, biết đứng lên sau mất mát như vậy. Học vấn, trình độ sẽ giúp con người bình tĩnh để đối mặt với những đau thương mất mát, biết dũng cảm tự cường để vươn lên.

“Học vấn không có quê hương”. Mỗi con người cần phải có sự học hỏi, tiếp thu văn hoá từ nhiều quốc gia trên thế giới. Mỗi lãnh thổ, mỗi vùng đất đều có một bản

sắc, một nét riêng đáng quý cho con người học hỏi, là nét thanh lịch, quý phái hay sự kiên cường, dũng cảm. Mỗi chúng ta cần phải biết tiếp thu, học hỏi văn hoá từ các dân tộc về làm giàu cho tri thức của bản thân mình. Hoà nhập nhưng không phải là hoà tan, giao lưu văn hoá, học hỏi nhận thức của nhân loại song mỗi người cũng vẫn luôn phải giữ cho mình một nét riêng độc đáo mà không thể lẫn với bất kì ai khác.

Hiểu giá trị của học vấn thì cả bạn và tôi, mỗi chúng ta đều cần phải oải đắp cho mình một tư duy, một trình độ nhất định qua sự học. Học tập là công việc cả đời, không ngừng nghỉ và mỗi chúng ta cần có ý thức học tập, rèn luyện, trau dồi nhận thức, tình cảm. Nhà bác học Đác-uyn nhận thức: “Bác học không có nghĩa là ngừng học”. Ngay cả khi đã thành công trong sự nghiệp, con người vẫn không thể lơ là học tập mà phải luôn nỗ lực, bồi đắp không ngừng.

Trong thực tế cuộc sống, tôi nhận ra chúng ta cần phải phê phán những con người lười nhác, không có sự vận động tư duy, trí tuệ cho bản thân mình cũng như đề cao, trân trọng những người luôn có ý thức phấn đấu, học tập, rèn luyện nâng cao nhận thức cho bản thân. Luôn nỗ lực học hỏi, tìm tòi sáng tạo, mỗi người mới có vốn sống cho riêng mình và làm nên tương lai thiết thực cho bản thân.

Với riêng tôi, đã có những lúc tôi lười biếng, mãi chơi không nỗ lực học hành, cũng có lúc ngại khó trước mỗi bài tập, ngại khổ khi đi học trong những ngày mưa rét. Tôi đã từng lãng quên, vô trách nhiệm với việc học cho riêng mình. Và ngày hôm nay, tôi hiểu rằng: “đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông”. Tôi sẽ luôn cố gắng học hành, trau dồi rèn luyện để đạt kết quả tốt trong học tập, bồi đắp một hành trang tri thức đáng quý cho bản thân.

Sự học như con sông mênh mông không bờ không bến. Phát huy truyền thống hiếu học của dân tộc, luôn nỗ lực học tập, trau dồi ta sẽ có được kết quả xứng đáng. Và đúng như ý kiến của Yu-ki-chi, sẽ khẳng định được quyền lợi, vị thế xã hội của mỗi chúng ta.

Học vấn như đôi cánh chim. Hãy nuôi dưỡng hằng ngày cho đủ lông mạnh cánh để có thể bay cao, bay xa trên bầu trời tương lai.

Chúc bạn luôn thành công trong cuộc sống!

Bạn thân.

Câu 2.

“Thế giới không chỉ được tạo lập một lần mà mỗi lần người nghệ sĩ độc đáo xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập”. Người nghệ sĩ đến với cuộc đời,

mang lại cho văn chương một phần đời riêng với những sáng tạo của riêng mình. Sáng tạo nghệ thuật đặc sắc, độc đáo ấy có đôi khi không phải ở hình tượng con người mà ở hình tượng các đồ vật, sự vật. Đó có thể là một thứ thuốc chữa bệnh quái lạ trong *Thuốc* của Lỗ Tấn, là bức thư pháp đẹp và quý trong trang văn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân, là một công trình kiến trúc kì vĩ, tinh xảo qua vở kịch nổi tiếng *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng và cũng có khi nó là một cây đàn huyền thoại trong trang thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* của Thanh Thảo... Những đồ vật, sự vật ấy phải mang ý nghĩa biểu tượng cho nhận thức, nhân cách, ý chí, khát vọng, số phận... của con người.

Văn học là nghệ thuật ngôn từ phản ánh thế giới bằng những hình tượng nghệ thuật. Ngôn từ là chất liệu để làm nên hình tượng. Đó phải là thứ ngôn ngữ đặc biệt, mang những đặc tính riêng là tính biểu cảm, tính hàm súc, tính cá thể hoá và đặc biệt là tính phi vật thể... Ngôn ngữ văn học khác hẳn với ngôn ngữ của đời thường, quy định để tạo nên hình tượng nghệ thuật. Hình tượng là sự mô phỏng đối tượng con người và đời sống khách quan nhưng qua hình tượng ấy phải nói lên được tư tưởng và nhận thức mà nhà văn, nhà thơ gửi gắm. Các hình tượng nghệ thuật phải giàu ý nghĩa biểu tượng.

Mỗi hình tượng nghệ thuật khi ra đời phải là kết quả của sự sáng tạo của người nghệ sĩ. Người nghệ sĩ viết tác phẩm là sự tái hiện, mô phỏng thế giới khách quan, viết về hiện thực nhưng phải qua lăng kính chủ quan của cá nhân mình, thấm nhuần cái giọng riêng của bản thân. Nghĩa là người ấy đã mang cá tính, mang một phần của đời mình bồi đắp vào cuộc đời xung quanh qua các hình tượng nghệ thuật.

Sáng tạo nghệ thuật là sự tìm tòi, đổi mới trong nghệ thuật, trong cách xây dựng hình tượng, sử dụng câu chữ, từ ngữ để mô phỏng, tái tạo đời sống. Sáng tạo độc đáo trong nghệ thuật không nhất thiết phải là hình tượng con người – độc đáo, đặc sắc, như Chí Phèo ngật ngưỡng bước ra từ trang văn Nam Cao hay người lính hào hùng bi tráng, hào hoa lãng mạn mang vẻ đẹp một thời Tây Tiến trong trang thơ Quang Dũng... Cũng có khi sáng tạo nghệ thuật độc đáo, quan trọng là ở hình tượng đồ vật, sự vật vốn tưởng như vô tri, vô giác. Từ cây chuối đời thường trong thơ Nguyễn Trãi, miếng trầu đơn sơ trong thơ Hồ Xuân Hương cho đến bức thư pháp trong trang văn Nguyễn Tuân, cây đàn huyền diệu trong thơ Thanh Thảo... đều cho thấy sự quan trọng, giá trị không nhỏ của các hình tượng đồ vật, sự vật trong việc làm nên giá trị cho tác phẩm văn chương. Phải chăng cốt lõi của văn học là ở đó? Không phải cao xa, mơ mộng mà là đời sống giản dị quanh ta, từ những điều bình dị mà ý nghĩa nhất của cuộc sống. Các hình tượng ấy đi vào trong văn học trở thành những biểu tượng có giá trị. Nó phải mang ý nghĩa biểu trưng cho nhận thức, nhân

cách, ý chí, khát vọng, 'số phận... của con người. Nghĩa là sáng tác ấy phải chứa đựng tư tưởng tình cảm và sự tìm tòi, sáng tạo của người nghệ sĩ đối với con người và cuộc đời, bởi vì "niềm vui của nhà văn chân chính là niềm vui của người mở đường cho cái đẹp, của người biết đi tới tương lai".

Có thể nói một bức thư pháp đẹp, quý trong sáng tác của Nguyễn Tuân và cây đàn huyền diệu qua trang thơ của Thanh Thảo đích thực là những hình tượng đồ vật, sự vật độc đáo, đặc sắc. Hai hình tượng ấy đã thực sự là biểu tượng cho nhận thức, nhân cách, ý chí, khát vọng... của con người được tác phẩm phản ánh, ngợi ca, góp phần bộc lộ tư tưởng của người nghệ sĩ và làm nên thành công của hai áng văn.

Bức thư pháp đẹp và quý là một hình tượng nổi bật trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân. Nguyễn Tuân là người nghệ sĩ tài hoa, uyên bác "nguyện suốt đời đi tìm cái đẹp". Ông đã nâng cái đẹp lên thành tôn giáo chí cao của mình. Cái đẹp mà văn sĩ lãng mạn Nguyễn Tuân tôn thờ chính là cái đẹp thực sự, bất chấp mọi lễ thói, phép tắc của luân lí và quy định xã hội. Bởi thế cho nên, ngòi bút của ông trước Cách mạng thường hướng về tìm kiếm vẻ đẹp của một thời đã qua nay chỉ còn vang bóng và nhân cách thanh cao, bất khuất của con người. *Chữ người tử tù* là một truyện ngắn như thế. Bức thư pháp đẹp minh chứng cho nghệ thuật xưa với những con chữ đẹp, bay bổng mà Nguyễn Tuân khát khao tìm kiếm. Bức thư pháp ấy đã kết tinh tài năng và tình cảm của Nguyễn Tuân với con người và cuộc đời.

Cũng qua bức thư pháp ấy, nhà văn đã cho thấy nhân cách thanh cao, chí khí bất khuất của ông Huấn Cao, nhân vật trung tâm của thiên truyện. Huấn Cao là một người có khí phách kiên cường, không sợ bạo lực, cũng chẳng vương bận vào tiền tài danh vọng. Ông mang vẻ đẹp của một người anh hùng chí lớn mà thất thế, không gặp thời. Song Huấn Cao đồng thời cũng là một con người tài hoa có thiên lương trong sáng. Ông có cái tài viết chữ "rất hay và rất đẹp" được người đời ca ngợi. Những con chữ của ông là "những nét chữ vuông vắn, tươi tắn" chứa đựng "hoài bão tung hoành" ngang dọc của con người và đã thực sự trở thành mơ ước lớn lao của cả một đời quản ngục. Ông đã khẳng định: "ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình cho chữ bao giờ". Vì một thiên lương cao cả, một tấm lòng của người tài trước kẻ tri âm như quản ngục mà Huấn Cao đã viết bức thư pháp. Bức thư pháp đẹp đẽ ấy là nhân chứng sáng soi cho thiên lương trong sạch của Huấn Cao, cho tấm lòng trọng người tài và sở nguyện cao quý của quản ngục trong cảnh lao tù tăm tối.

Đồng thời bức thư pháp trong trang văn Nguyễn Tuân cũng biểu tượng cho sự nhận thức của con người về cuộc đời. Bức thư pháp ấy là phương tiện gửi gắm tấm

lòng của Huấn Cao dành cho quản ngục: “Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng với những nét chữ vuông tươi tắn nó nói lên những hoài bão tung hoành của một đời con người”. Quản ngục phải “thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ”... bởi nếu không thì sẽ “nhem nhuốc mắt cả đời lương thiện đi”. Đó là tấm lòng của một kẻ tri âm dành cho người tri kỉ, mong muốn gìn giữ một tâm hồn, một nhân cách trong sáng, tốt đẹp trong nhơ nhuốc, tối tăm của ngục tù. Đó cũng chính là cái nhìn rất nhân bản của Nguyễn Tuân: mong muốn gìn giữ nhân cách cho con người, khám phá vẻ đẹp của con người bất chấp hoàn cảnh, thử thách. Đồng thời bức thư pháp đẹp của Huấn Cao cũng thể hiện mối quan hệ giữa cái tài với cái tâm, giữa cái đẹp và hoàn cảnh. Tài tâm phải thống nhất để cùng sáng tạo cái đẹp, cái thiện. Cái đẹp có sức mạnh cứu vớt, thanh lọc tâm hồn con người và vượt lên hoàn cảnh, không thể chung sống với hoàn cảnh. Đó là chiều sâu tư tưởng rất nhân bản của Nguyễn Tuân.

Như vậy, từ một bức thư pháp đẹp đẽ, sang trọng, Nguyễn Tuân đã chất chứa trong nó sức gọi lớn lao: biểu tượng cho nhân cách, tài năng của Huấn Cao và tâm hồn quản ngục, mang giá trị nhận thức sâu sắc về tư tưởng nhân bản của nhà văn. Hình tượng ấy đã được xây dựng thông qua một loạt các hình ảnh, ngôn từ giàu sức gọi, đậm không khí cổ xưa, giọng điệu trầm lắng, đĩnh đạc. Nó đã góp phần khẳng định tài năng của Nguyễn Tuân.

Cùng với hình tượng bức thư pháp trong trang văn Nguyễn Tuân, hình ảnh cây đàn ghi ta cũng là biểu tượng đẹp đẽ trong trang thơ Thanh Thảo. Nó là minh chứng cho tài năng và sự tìm tòi sáng tạo của nhà thơ. Là một trong những nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước, đi qua chiến tranh, về với thời bình, Thanh Thảo có sự tìm tòi đổi mới về hình thức biểu đạt của thơ ca. Mang hình thức tượng trưng ru-bích – hỗn độn ở bề ngoài và thống nhất ở bề sâu, bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* là một sáng tác tiêu biểu cho sự tìm tòi đổi mới của Thanh Thảo. Từ cảm hứng đặc biệt trước nhân cách và cuộc đời của Lor-ca – nhà thơ lớn của Tây Ban Nha, Thanh Thảo đã sáng tác bài thơ này. Hình tượng cây đàn là một sáng tạo nổi bật độc đáo của nhà thơ. Cây đàn ghi ta chính là biểu trưng cho cuộc đời và sự nghiệp của Lor-ca, là thế giới nơi ông sống và sáng tạo. Thanh Thảo đã xây dựng hình tượng ấy mang nét đẹp tuyệt vời cho nhân cách, tài năng, số phận của một thiên tài, qua đó gửi gắm tình cảm, cảm xúc của mình.

Cây đàn ghi ta là biểu tượng cho Lor-ca. Cây đàn, tiếng đàn là tổng hợp của những đóng góp, cống hiến của ông trong sáng tạo nghệ thuật cho đất nước Tây Ban Nha. Hình tượng cây đàn, trước hết là biểu tượng cho nhân cách, số phận và

cuộc đời của một người nghệ sĩ tài hoa. Mở đầu tác phẩm là hình ảnh âm thanh của tiếng đàn – một biến thể từ cây đàn ghi ta:

Những tiếng đàn bọt nước

Câu thơ là tổ hợp của những hình ảnh lạ, ngôn từ lạ. Nó đã mở ra một sự tương phản giữa những cách tân, khát vọng tự do của Lor-ca trong nền chính trị độc tài, khắc nghiệt của Tây Ban Nha. Đàn ghi ta chính là cây đàn thơ của Lor-ca, là vật dụng biểu trưng cho ông nói riêng và cho đất nước Tây Ban Nha nói chung. Hình ảnh tiếng đàn đã gợi tả một người nghệ sĩ tài hoa có khả năng trình diễn xuất sắc bằng cây đàn ghi ta. Đàn ghi ta chính là cuộc đời và sự nghiệp của ông. Nhưng cây đàn ghi ta ấy với âm thanh réo rắt vui tai cũng mang liên tưởng với hình ảnh “bọt nước”, gợi ấn tượng những giọt nước tròn trịa, xinh đẹp nhưng mong manh như tiếng đàn của Lor-ca: trong trẻo mà mong manh, dễ vỡ cũng như số phận mong manh của người nghệ sĩ sáng tạo cái đẹp.

Gợi mở ra nhân cách, tài năng của Lor-ca, hình ảnh cây đàn với biến thể là tiếng đàn cũng là hình ảnh tượng trưng cho cái chết oan khuất của người nghệ sĩ thiên tài. Cái chết đã đến với con người ấy một cách đột ngột vào lúc bất ngờ nhất, khiến cho tất cả mọi người đều kinh hoàng, xót xa. Tiếng ghi ta ngân lên cao trào, là biểu trưng cho cái chết đau đớn đến tột đỉnh cũng như tội ác man rợ của kẻ thù. Nó được nhà thơ xây dựng đầy ấn tượng:

*tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròn ròn
máu chảy*

Diệp ngữ “tiếng ghi ta” lặp đi lặp lại nhiều lần càng khắc sâu ấn tượng về hình ảnh cây đàn – biểu tượng cho cuộc đời, cho sự nghiệp của Lor-ca, cũng chính là nỗi đau xa xót của một con người. Tiếng ghi ta ấy hiện lên nhiều sắc thái, cung bậc. Đó là “tiếng ghi ta nâu”. Màu nâu gợi tới màu sắc của cây đàn ghi ta, mái tóc nâu huyền của người con gái mà Lor-ca yêu thương, cũng là màu của đất. “Bầu trời cô gái ấy” là bầu trời tình yêu giữa Lor-ca và cô gái. Bọn phát xít giết Lor-ca cũng là giết đi một bài ca về tình yêu. Không những thế, sắc màu gợi lên từ tiếng ghi ta còn là màu “xanh biết mấy”. Đó là màu xanh của sự sống, của tình yêu đời thiết tha. Bọn phát xít giết Lor-ca cũng là giết đi một bài ca sự sống. Khi bọn phát xít giết người nghệ sĩ thiên tài, tất cả như vỡ tan, như chấm dứt. Tình yêu đời, yêu sự sống của Lor-ca tan

nát không lành lặn. Một lần nữa, hình ảnh "bọt nước" đã trở lại và giờ đây nó vỡ tan dưới tội ác của kẻ thù. Đỉnh cao của nỗi đau là hình ảnh "rồng rồng máu chảy". Ta tưởng như đó là mũi súng đã bắn vào trái tim khao khát của Lor-ca. Máu chảy xuống là minh chứng cho tội ác của kẻ thù. Câu thơ đã gọi liên tưởng đến hình ảnh nàng Kiều với tiếng đàn trong thơ Nguyễn Du:

*Một cung gió thổi mưa sầu
Bồn dầy nhỏ máu năm đầu ngón tay.*

Khác với Nguyễn Du, không cần đến dây đàn, cung chẳng cần đến nhưng ngón tay khéo léo mà tiếng đàn của Thanh Thảo vẫn gọi được nỗi đau khôn nguôi và cái chết, số phận bất hạnh của một nghệ sĩ thiên tài.

Từ đó, hình ảnh cây đàn ghi ta đã thể hiện niềm tin mãnh liệt của Thanh Thảo vào sức sống bất diệt, trường tồn của nghệ thuật chân chính và của những nhân cách cao đẹp:

*không ai chôn cất tiếng đàn
tiếng đàn như cỏ mọc hoang
giọt nước mắt vàng trăng
long lanh trong đáy giếng*

Không một ai dám chôn cất một kẻ bị hành hình – nó vừa là nỗi đau cũng vừa là sự khẳng định mãnh liệt cho sức sống của nghệ thuật chân chính. Nó sẽ còn mãi, giản dị, kiên cường như thứ cỏ mọc hoang. Cỏ tuy hoang dại, bé nhỏ nhưng sức sống thì mãnh liệt trước mọi khắc nghiệt của hoàn cảnh, thử thách. Câu thơ cũng gọi nhắc đến lời di chúc sớm của Lor-ca "khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn" ẩn chứa niềm mong mỏi cho nghệ thuật trường tồn bất diệt, con người luôn cách tân để vươn đến những đỉnh cao. Và với tất cả niềm trân trọng, ngưỡng mộ, xót thương, Thanh Thảo đã tạo ra sự già từ của Lor-ca với cuộc đời một cách mãnh liệt:

*duong chữ tay đã đứt
dòng sông rộng vô cùng
Lor-ca bơi sang ngang
trên chiếc ghi ta màu bạc*

Đàn ghi ta giờ đây chính là phương tiện cho Lor-ca từ già hiện thực để tiến vào cõi vô cùng. Nó chính là sự già từ quyết liệt của Lor-ca sang một địa hạt mới của nghệ thuật; qua đó, thể hiện sự bất tử và tài năng chói sáng của người nghệ sĩ thiên tài.

Như vậy, từ hình ảnh cây đàn và biến thể là tiếng đàn ghi ta, Thanh Thảo đã thể hiện niềm ngưỡng mộ, trân trọng và cũng xót xa, nuối tiếc của mình cho nhân cách cao cả và số phận oan khuất của một thiên tài. Từ đó, nhà thơ đã gửi gắm ý nghĩa sâu sắc: nghệ thuật chân chính thì đời đời bất diệt, trường tồn trước mọi băng hoại của thời gian và sự dập vùi của hoàn cảnh.

Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và là một sáng tạo mới ở nội dung. Nghệ thuật chân chính không phải là sự hời hợt, giản đơn với đời sống. Nó phải là sự gắn kết chặt chẽ với cuộc đời. Sự gắn kết ấy phải được thể hiện qua các hình tượng nghệ thuật giàu ý nghĩa thay vì sự sáng tạo nửa vời, dễ dãi. Có thể nói, xây dựng một hình tượng nghệ thuật đặc sắc là một thành công lớn của người nghệ sĩ. Nó đòi hỏi người cầm bút phải có một sự trải nghiệm, thấm thía sâu sắc về cuộc sống và con người. Người cầm bút phải biết lấy *chữ của đời*, cần cù sáng tạo tích góp làm nên văn chương nghệ thuật, xây dựng hình tượng chân chính:

*Vạt áo của triệu nhà thơ không bọc hết bạc vàng mà đời roi vãi
Hãy nhặt những chữ của đời mà góp nên trang.*

(Chế Lan Viên)

Muốn thế, bàn viết của nhà thơ phải đặt giữa cuộc đời. Người nghệ sĩ phải trải lòng ra với cuộc đời “sống đã rồi hãy viết”, biết chất lọc, tích lũy vốn sống từ đời thực để xây dựng hình tượng. Có thể là những sự vật rất bình dị nhưng điều quan trọng, người nghệ sĩ cần có sự tìm tòi khám phá để làm nên hình tượng xuất sắc.

Hình tượng hay, độc đáo sẽ làm nên thành công cho tác phẩm, khẳng định tài năng của người nghệ sĩ chân chính, nó là cốt lõi của văn chương. Chỉ có xây dựng hình tượng hấp dẫn, tác phẩm mới nhận được sự đón đợi nồng nhiệt của người đọc, mang lại giá trị cho tác phẩm.

“Văn học nằm ngoài các định luật của sự băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết”. Xây dựng một hình tượng đặc sắc chính là quy luật của văn chương chân chính muôn đời. Phải khám phá xây dựng hình tượng từ những điều bình dị nhất để làm nên giá trị cho tác phẩm và thành công của người nghệ sĩ chân chính.

(Bài đoạt giải Nhì – 16/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng cơ bản những yêu cầu đặt ra trong đề bài.

Ở câu 1:

Người viết đã tỏ ra sáng tạo khi dùng hình thức một bức thư để không chỉ bàn trúnng mà còn bàn sâu vấn đề được đặt ở đề bài. Vai trò của học vấn trên con đường xác lập vị trí xã hội và ý nghĩa cuộc sống đối với mỗi người được luận bàn một cách thuyết phục. Có những ý văn viết chắc tay, ví dụ như: *Lan ạ, bạn hãy nhìn ngoài kia, có biết bao mảnh đời cũng cơ cực, nghèo khó. Họ cũng là người, cũng cùng chung màu da, dân tộc với ta, cũng được sinh ra đủ đầy các bộ phận trên một cơ thể. Không hề có sự khác biệt nhưng địa vị xã hội, sự tôn trọng của mỗi người dành cho họ và chúng ta khác nhau. Đó là sự khác biệt về học vấn... Một xã hội văn minh là xã hội không chấp nhận sự kém cỏi, ngu dốt, mông muội. Người kém cỏi, không học vấn sẽ bị xã hội đào thải và trở thành một người thừa vô ích, vô bổ.*

Tuy nhiên, bài viết sẽ sâu sắc hơn nếu ở phần mở rộng, nâng cao luận bàn thêm về ý tưởng *không nên tuyệt đối hoá vai trò của học vấn trong việc tạo lập vị thế xã hội của mỗi con người; không được đồng nhất học vấn với bằng cấp*. Mặt khác, nếu có thêm dẫn chứng về những tấm gương nhờ học vấn mà trở nên nổi tiếng, có vị thế quan trọng trong đời sống xã hội thì bài viết sẽ sinh động hơn.

Ở câu 2:

Người viết đã hiểu đúng vấn đề cần bàn luận được đưa ra ở đề bài, biết vận dụng kiến thức lí luận văn học về hình tượng nghệ thuật, nhân vật văn học để luận chứng: hình tượng nghệ thuật, nhân vật văn học thường là con người, song nhiều khi cũng có thể là đồ vật, sự vật; ý đồ sáng tạo, tài năng nghệ thuật của tác giả sẽ quyết định tầm vóc, chất lượng của các hình tượng nghệ thuật ấy.

Người viết đã chọn hình tượng bức thư pháp trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân và hình tượng tiếng đàn trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* của nhà thơ Thanh Thảo để làm sáng tỏ nhận định. Phần cảm thụ viết sáng rõ, bám sát yêu cầu của đề bài. Tuy nhiên, văn viết còn thô mộc, ít sáng tạo, màu sắc cá nhân trong cảm thụ văn chương chưa được thể hiện rõ. Trong khi phân tích, cũng chưa liên hệ, so sánh, chỉ ra những nét tương đồng, dị biệt giữa các hình tượng, cặp hình tượng trong sự chi phối của quy luật sáng tạo nghệ thuật theo thể loại (tự sự, trữ tình) và dấu ấn riêng của từng tác giả.

NĂM 2014

ĐỀ BÀI

Câu 1. (8,0 điểm)

Phải chăng, sống là toả sáng?

Câu 2. (12,0 điểm)

Văn học chân chính ngay cả khi nói về cái xấu, cái ác cũng chỉ nhằm thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện.

Suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên.

YÊU CẦU LÀM BÀI

Câu 1.

1. Đây là dạng đề mở. Người viết có quyền tự do trình bày suy nghĩ của mình theo những hướng khác nhau. Tuy nhiên, bài làm cần đạt được một số yêu cầu cơ bản sau:

a) Về hình thức và kĩ năng

Dạng đề này cho phép người viết tự do lựa chọn các cách thể hiện và thao tác tạo lập văn bản khác nhau, nhưng phải phù hợp và nhuần nhuyễn. Đồng thời, người viết cũng được tự do huy động các chất liệu khác nhau như: chất liệu thuộc tri thức sách vở, tri thức đời sống và những trải nghiệm của riêng mình để trình bày ý kiến của cá nhân về một quan điểm sống. Tuy nhiên, vẫn phải xác định rõ vấn đề ở câu này thuộc về thực tế đời sống xã hội chứ không phải trong văn chương nghệ thuật.

Người viết cần phải xác định được một tâm thế đúng đắn là tâm thế của người trong cuộc. Làm bài thi không chỉ đơn thuần là việc giải một bài tập, mà quan trọng hơn, cần xem làm văn là một dịp đối diện với bản thân mình. Không phải chỉ nói

cho người khác, về người khác, mà trước hết, cần phải thấy đây là chuyện của mình, phải nói từ mình, nói cho mình. Nghĩa là tự nhận thức được về vấn đề để tự hoàn thiện bản thân.

b) Về nội dung

– *Giải thích*

Cần làm sáng tỏ nhận thức của cá nhân về ý nghĩa của cụm từ "toả sáng" và vấn đề "sống là toả sáng".

– *Bàn luận*

+ Cần nêu và khẳng định quan điểm của cá nhân về vấn đề "sống là toả sáng" (tán thành hoặc không tán thành).

+ Quan điểm đó phải được thể hiện bằng lập luận chặt chẽ, với các lí lẽ và dẫn chứng phù hợp.

+ Trong quá trình bàn luận, người viết cần đặt vấn đề trong bối cảnh cuộc sống hiện nay để làm rõ ý nghĩa thực tiễn của nó.

– *Liên hệ bản thân*

+ Trình bày được nhận thức và bài học sâu sắc mà cá nhân rút ra được từ vấn đề trên.

+ Có những phương hướng cụ thể trong việc xác định mục đích sống của cá nhân.

Câu 2.

1. Đây là dạng đề tương đối mở. Người viết có quyền triển khai bài làm của mình theo các cách thức khác nhau và lựa chọn những dẫn liệu khác nhau. Tuy nhiên, bài làm cần đạt được một số yêu cầu cơ bản sau:

a) Về hình thức và kĩ năng

Người viết cần xác định đây là đề nghị luận văn học để triển khai bài làm đúng kiểu văn bản. Người viết cần phát huy đồng thời hai năng lực: nắm bắt và làm sáng tỏ một vấn đề lí luận văn học, cụ thể là một vấn đề quan trọng trong chức năng của văn học chân chính (hướng thiện và hướng mĩ); cảm nhận và phân tích được khát vọng hướng về cái đẹp, cái thiện thể hiện ở việc phản ánh cái xấu, cái ác trong một số tác phẩm văn học.

b) Về nội dung

– *Làm rõ nội dung, ý nghĩa của nhận định*

+ Cần xác định được thế nào là "cái ác", "cái xấu", "cái đẹp", "cái thiện" và những biểu hiện sinh động của nó trong đời sống và trong văn học.

+ Cần trình bày được mối quan hệ biện chứng giữa đối tượng được phản ánh (cái ác, cái xấu) và mục đích hướng tới của văn học chân chính (cái đẹp, cái thiện).

+ Cần thấy đây là một nhận định đúng đắn, thể hiện rõ bản chất, ý nghĩa của việc sáng tạo nghệ thuật; nhận định này đồng thời còn có ý nghĩa đối với việc định hướng người đọc khi tiếp nhận tác phẩm văn học nói chung, đặc biệt là những tác phẩm mà nội dung chủ yếu đề cập đến cái xấu, cái ác.

– *Làm sáng tỏ nhận định qua một số tác phẩm văn học*

+ Cần lựa chọn được một số tác phẩm tiêu biểu (trong nước hay nước ngoài) và phân tích được những biểu hiện cụ thể của cái xấu, cái ác trong mỗi tác phẩm.

+ Từ đó, người viết cần làm nổi bật được khát vọng của nhà văn: thông qua việc miêu tả cái xấu, cái ác, hướng người đọc đến với cảm hứng nhân văn cao đẹp.

+ Cần nêu bật những độc đáo về nghệ thuật trong việc thể hiện cái xấu, cái ác ở từng tác phẩm.

2. Có thể chấp nhận cả những bài làm có cách nhìn nhận vấn đề theo quan điểm riêng và có hệ thống ý riêng, nhưng với điều kiện phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.

BÀI LÀM SỐ 1

Câu 1.

“Tôi muốn sống như một bông hướng dương”. Cô gái bé nhỏ viết nên những dòng tâm sự ấy khi đang từng ngày phải chiến đấu với căn bệnh ung thư, có những khi nổi đau dường như vượt quá sức chịu đựng. Lấy tên một loài hoa hướng sáng mạnh mẽ để đặt nhan đề cho cuốn sách đầu tiên và có lẽ cũng là cuối cùng của mình, cô gái ấy muốn nói với chúng ta về khao khát sống mãnh liệt, muốn nhắn nhủ với cả tôi và bạn rằng: “Phải chăng, sống là toả sáng?”.

Mỗi một sinh linh trong cõi sống này đều mang trong mình sự sống riêng của nó. Dù chỉ ngắn ngủi như một cánh bướm ngoài kia, kết thúc cuộc đời khi trái đất hoàn thành một vòng quay dài hai tư tiếng; hay là một con người với một kiếp sống đến trăm năm, tất cả đều mang theo cái sứ mệnh thiêng liêng là sống. Sống chứ không phải là tồn tại. Nhất là ở loài người, có một bộ óc để suy nghĩ, một trái tim để yêu thương đùm bọc. Ta không thể chỉ đơn thuần duy trì cái hơi thở trong lồng

ngực mà cứ bước đi nghênh ngang giữa cuộc đời. Sống là cần tạo cho mình một giá trị, sống là cần phải toả sáng!

Không giống như loài thú sống với bản năng, con người là tổng hoà của những mặt đối lập, những giá trị cao thấp, sang hèn khác nhau. Càng sống ta càng thấy mình chưa hoàn hảo nhưng ta chưa lúc nào lơ lửng cái khát khao hoàn thiện mình.

Dân Một đàn cá hồi phải vượt ngàn dặm thác để đến vùng nước ấm đẻ trứng. Những chú rùa biển vừa chào đời đã phải tự mình tìm đường về với biển khơi, nơi những hàm răng sắc nhọn của những loài sinh vật hung tợn đang chực chờ. Sự sống có được đâu phải là dễ dàng và hiển nhiên. Ngay cả con người cũng vậy. Để ta đến được với cuộc đời này, mẹ ta trải qua chín tháng mang nặng đẻ đau; trái tim của mẹ, của cha luôn đập những nhịp đập mong ngóng và nồng ấm nhất, hoà cùng với trái tim nhỏ bé của ta trong lồng ngực. Rồi mẹ cha trao cho ta cuộc sống, chăm sóc và nuôi dưỡng ta từng ngày, dạy ta những bài học cuộc đời đầu tiên.

Bởi thế sự sống không phải là để phí hoài vô nghĩa, không phải là để ta phung phí đi trong những tháng ngày nông nổi. Mỗi con người sống cần phải tạo nên được một giá trị nào đó. "Toả sáng" là khi ta, chính ta nỗ lực và cố gắng đạt được một thành công nào đó, dâng hiến cho cuộc đời những giá trị vật chất và tinh thần, là khi ta sống như ngọn lửa, cháy bỏng với những mơ ước và khát khao, khi ta truyền đi hơi ấm của sự sống. Toả sáng sẽ làm cho con người trải nghiệm niềm hạnh phúc đích thực được sống ở đời.

Ánh sáng mà con người tạo ra là thứ ánh sáng đẹp nhất. Nó hiện hình trong cuộc sống hằng ngày với bao sắc màu khác biệt. Có những con người tạo nên kì tích lớn, hào quang xung quanh họ rực rỡ vô cùng; nhưng cũng có những đồng loại bé nhỏ, đóng góp cho cuộc đời âm thầm lặng lẽ. Thứ ánh sáng mà họ tạo ra dịu dàng mà lắng sâu. Giống như mặt trời rực rỡ đem lại sự sống và ánh sáng cho muôn triệu sinh linh toàn trái đất. Nhưng khi mặt trời lặn, ánh trăng lên, những đốm sáng của đom đóm lung linh huyền ảo. Nó làm cho ta không khỏi ngỡ ngàng, nó thôi thúc ta nâng niu sự sống. Điều quan trọng không phải là thứ ánh sáng nào ta sẽ tạo ra mà là hãy sống vì vầng sáng trong tim mình. Chỉ cần ta biết cuộc sống không thể cứ chìm mãi trong tối tăm và sự vô nghĩa lí, ta sẽ khao khát toả sáng mà thôi.

Bạn có thấy không, những cuộc đời rạng ngời trong tâm tối? Khi mà bóng tối của cái chết đang đến gần, người ta càng khao khát sự sống hơn. Cô gái Diệu Huyền, tác giả cuốn tự truyện *Như hoa hướng dương* không hề buông xuôi trước lưới hái của thần chết. Cô đã tiếp tục cuộc sống của mình, lấy được tấm bằng tốt nghiệp của một trường đại học. Và ngày ngày vẫn luôn có bao người thân, gia đình và bạn bè sát cánh bên cô. Không lúc nào cái khao khát sống và cống hiến cho ước

mơ vui đi trong lòng cô gái trẻ. Phải chăng khi mà sự sống tưởng như sắp tuột khỏi tay thì họ, những con người phi thường mà lặng lẽ, lại biến nó thành những viên ngọc quý lấp lánh trong đời?

Khi người ta lâm vào nghịch cảnh, đó lại là cơ hội để họ toả sáng. Quán quân Vua đầu bếp của nước Mĩ – Crít-ti-na Hà giành được chiếc cúp khi mà đôi mắt của cô đã mất đi ánh sáng bởi một căn bệnh từ mười năm trước. Nhưng nhìn vào trong đôi mắt của cô, người ta chỉ thấy sáng lên một niềm đam mê với ẩm thực, một tình yêu mãnh liệt với sự sống. Cô đã không gục ngã trên con đường đến với vinh quang. “Tôi không muốn mình bị bỏ lại, tôi muốn làm điều có ích cho những người đã hi sinh mọi thứ để ở bên tôi khi tôi đau khổ nhất”, lời tâm sự ấy đủ để cho ta thấy ánh sáng ấm áp từ trái tim của Crít-ti-na.

Vậy đấy, khi trước mặt chúng ta bỗng hiện ra những chông gai thử thách, một bức tường khổng lồ ngỡ không thể vượt qua, thì đó chính là lúc ta cần phải kiên trì và nỗ lực hơn nữa. Bạn có tin vào điều kì diệu trong cuộc sống này?

Những con người đã cháy hết mình cho khát khao của họ, và họ đã có được thành công. Nó không phải chỉ là những thành quả được mọi người công nhận mà còn là tấm huy chương danh giá khắc ghi những nỗ lực vượt lên chính mình. Họ đã có thể buông xuôi, có khi đã lùi bước nhưng họ đã lựa chọn tiến lên, dù có phải chịu đựng những đớn đau và nhỏ những giọt mồ hôi cùng nước mắt. Vinh quang ấy mới rạng rỡ và hạnh phúc làm sao!

Từ ngữ nào đủ để diễn tả niềm vui của Nô-vắc Jô-kô-víc khi anh giành chức vô địch Wim-lon-đơn và bước lên ngôi vị số một thế giới vào năm 2011? Có lẽ giấc mơ từ thuở thiếu thời đã thành sự thực ấy là phần thưởng xứng đáng cho những nỗ lực không mệt mỏi của anh. Nhưng khi trả lời phỏng vấn cho một tờ báo, Nô-vắc đã tâm sự rằng: “Khi nhìn vào chiếc cúp trên tay, tôi nhìn thấy hình bóng của những huấn luyện viên của mình. Họ đã giúp tôi có được ngày hôm nay. Cả gia đình tôi, những người luôn ở bên tôi và biết bao khán giả đã ủng hộ tôi cho đến tận lúc này. Vinh quang này là dành cho họ”. Và ta chợt nhận ra, phía sau hào quang của chiếc cúp kia là bao thứ ánh sáng bình thường giản dị. Có những người luôn đứng sau cánh gà để cổ vũ động viên. Những ngọn đèn rực rỡ sẽ không bao giờ chiếu sáng đến họ nhưng tự thân họ đã toả thứ ánh sáng diệu kì. Mỗi chúng ta đều có cho mình một người thầy, nhiều người thầy, những người đưa đò tận tụy. Họ đã mang cả tâm huyết, cả trái tim để góp cho ta thứ ánh sáng rực rỡ đến từ tri thức, còn mình thì lấy vẻ mái đầu bạc và những lo toan. Lẽ nào ta lãng quên họ?

Nếu ta chỉ ngồi đó và trông chờ ánh sáng tới, ta sẽ không hơn gì một vật phản quang. Ánh sáng nào sẽ đến với Mô-za khi ông mất đi thính giác? Chẳng có luồng

sáng thân tiên nào cả, chỉ có bàn tay ông tự tìm tới những phím đàn, soạn nên những khúc giao hưởng đi cùng năm tháng. Mỗi chúng ta hãy tự thấp cho mình một ngọn đèn soi tỏ những ước mơ còn ấp ủ. Hãy biến mình thành ngọn lửa rực cháy của đam mê.

Không có cuộc đời nào trên hành tinh này là vô nghĩa. “Tất cả chúng ta đều là thiên tài” – Anh-xtanh đã từng nói vậy. Chỉ là ta có thể đánh thức kẻ thiên tài ấy trong tâm hồn mình hay không. Quá là sống cần toả sáng, để khẳng định mạnh mẽ sự tồn tại của bản thân. Nhưng hãy nhớ, đừng chạy theo những gì lấp lánh, đừng bán linh hồn mình cho tiền tài, danh vọng mà chà đạp lên đồng loại. Ánh sáng thực phát ra từ tâm, từ cái thiện ẩn sâu trong lòng người.

“Em sẽ lấy anh chứ?” – Đó là lời cầu hôn mà Ních dành cho bạn gái của mình, khi cô chỉ còn chút thời gian ít ỏi ở nhân thế. Năm ngày sau, thần chết đã cướp cô đi. Nhưng trên môi cô dâu ấy vẫn nở nụ cười thật tươi bởi ánh sáng của tình yêu mà người chồng đã trao đến trái tim cô, ánh sáng ấy đã đẩy lùi bóng tối. Sống, phải chăng không chỉ là toả sáng cho riêng mình?

Câu 2.

Hê-minh-uê từng tâm sự: “Tôi quý hơn cả là những bản thảo vứt đi của mình. Bởi có chúng, tôi mới nhận ra đâu là những ngôn từ thực sự dành cho tác phẩm của mình”. Ta thấm thía câu nói ấy hơn trong đời sống. Có cái ác, cái xấu, ta mới nhận ra và trân trọng cái đẹp, cái thanh cao. Và văn chương, thế nào là tha thiết với hiện thực, phải chăng là những áng văn không từ chối cái ác? “Văn học chân chính ngay cả khi nói về cái xấu, cái ác cũng chỉ nhằm thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện”. Đó chính là nguyên cơ sâu xa.

Văn học chân chính là thứ văn chương bằng câu chữ đi xây đời. Hai từ “chân chính” xác lập ra một biên giới mà chỉ những cây bút tài năng và bản lĩnh, thực sự tha thiết với cuộc đời mới có thể vượt qua.

Văn học chân chính là những áng văn thơ thực sự có giá trị. Những tư tưởng được kết đọng ở tầng sâu, những tình cảm được nung nấu đến độ bỏng sôi mãnh liệt, những ngôn từ thể hiện một bút pháp tài hoa.

Tất cả những điều đó góp phần làm nên một tác phẩm chân chính. Cái đích hướng tới của tác phẩm ấy phải là con người, là cuộc đời này với bao thật giả, trắng đen còn trộn lẫn, cả niềm vui, niềm hoan lạc và cả nỗi buồn, sự đóm đau. Văn chương chân chính phải phản ánh được trọn vẹn, sâu sắc đời sống. Nhưng không chỉ phản ánh không thôi, từ “phản ánh” cho đến “nghiên ngẫm về hiện thực” là một khoảng cách lớn.

Văn học phải đóng vai trò như “thứ khí giới đặc lực” giúp con người kiến tạo nên thế giới này, ngày một tốt đẹp hơn, ngày một người hơn.

Thế nào là một áng văn chân chính? Đó là khi “nói về cái xấu, cái ác cũng chỉ nhằm thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện”. Trước hết văn chương ấy không từ chối, né tránh cái ác. Bởi đơn giản điều ấy là không thể. Khi mà cái xấu, cái ác vẫn ngày ngày hiện hữu ở quanh ta. Cuộc đời đâu chỉ có những bông hoa mà còn có cả những hàng rào dây thép. Đâu chỉ tồn tại cái dịu dàng, thơ mộng mà còn có cả những dữ dội, đáng cay. Lảng tránh những mảng tối của đời sống là lảng tránh hiện thực. Văn học không phải là thứ thuốc tê, xoa vỗ con người ta quên đi đau đớn, để rồi sau đó nỗi đau càng nhức buốt, khó chịu hơn. Văn học phải hoà chung vào với hơi thở cuộc đời. Vốn dĩ trong đời người, tốt xấu đã luôn đan xen, phức hỗn và không ít dịp tương tranh, khiến lòng người bao phen dậy sóng. Mà chẳng phải “văn học và đời sống là những vòng tròn đồng tâm, mà tâm điểm là con người” hay sao? Đời người còn khó khăn, hoang mang với bao câu hỏi về cái xấu và cái ác, lẽ nào văn học hèn nhát xua tay?

Không, văn chương cần nói đến cái ác, cái xấu xa. Thậm chí cần nói về nó thật tỉ mỉ, thật sâu sắc, thật thấm thía như khi nói về cái tốt đẹp. Sự tức giận khi chúng kiến chân lí bị đập đổ, cái đẹp bị xâm hại, tàn phá cũng thôi thúc nhà văn cầm bút không kém gì cảm hứng ca ngợi cái đẹp. Mà những cái xấu xa luôn đi ngược với cái thiện lương. Chúng giành lấy quyền hiện hữu, choán lấy tâm trí con người, dồn đẩy người ta vào tội lỗi. Chúng đang gào thét giành giật ngoài kia, nếu văn chương không vạch mặt có khi người đời chẳng biết, và bán linh hồn cho nó lúc nào không hay.

Văn chương chân chính phải là tiếng chuông cảnh tỉnh con người trước hố đen tội lỗi, tha hoá. Vậy nên nó nói về cái xấu, cái ác nhưng không phải để ngợi ca mà là để con người thấu tỏ cái bản chất mà tránh xa, mà chiến đấu đẩy lùi. “Khát vọng về cái đẹp, cái thiện” lại hiện hình qua việc lật tẩy bản mặt của cái xấu, trong văn chương điều ấy không xa lạ. Thậm chí nó trở thành phương cách để văn học thực hiện chức năng của nó.

Nếu chỉ toàn ngợi ca cái đẹp, cái tốt, văn chương rất có thể khiến người đọc mỉm cười, hạnh phúc, tin tưởng ở cuộc sống. Nhưng khi mang cái xấu cái ác ra, tác giả gây cho người đọc cái ấn tượng mạnh mẽ, khiến cảm xúc của họ trào sôi. Một khi văn chương tạo ra được ở người đọc con sóng lòng dữ dội nghĩa là nó đã bắt ta thôi thờ ơ, thôi hời hợt. Nó bắt ta trần trở và suy nghĩ. Và từ cái cách mà nhà văn miêu tả cái ác đến thậm tệ, khắc họa cái xấu, xấu đến ghê tởm, người đọc tự sẽ cảm nhận được thái độ của người viết ẩn giấu đằng sau. Không, không hề ca ngợi cái ác.

Nhà văn đang phê phán nó, để thế giới này tốt đẹp hơn, đáng sống hơn. Văn học chân chính là vậy, nó không lùi bước trước cái ác mà lật đổ nó bằng ngôn ngữ sắc sảo của mình.

Làm một nhà văn, người đi xây đắp tâm hồn cho con người, có lẽ cần phải tâm niệm được điều ấy. Không để cho văn học chỉ tràn ngập một màu sắc lạc quan tô hồng thái quá, nhà văn rất cần đào sâu vào những vấn đề nhức nhối của xã hội. Nhưng để đi vào con đường tối ấy mà không lạc hướng, người cầm bút phải có cho mình một bản lĩnh vững vàng, một nhận thức sâu sắc về cuộc sống và trên hết là tấm lòng tha thiết, thành thực muốn kiến tạo cuộc đời. Bởi vậy mà không phải nhà văn nào cũng có thể dấn thân vào những góc khuất tối của đời sống và tâm hồn mình để nói lên những lời đanh thép nhưng vẫn chứa nghệ thuật văn chương. Nó còn tùy thuộc vào phong cách và cảm quan nghệ thuật của người cầm bút.

Ý kiến đã cho ta cái nhìn xác đáng về đặc điểm của văn chương chân chính, đồng thời gợi nhớ những suy ngẫm về cái xấu, cái ác trong văn chương và con đường để nhà văn thể hiện nó trong tác phẩm của mình. Từ đó mà soi vào văn học từ cổ chí kim để nhận ra biết bao áng văn chương chân chính, bao ngòi bút tài năng tha thiết với cuộc đời và con người.

Từ thuở hồng hoang, khi con người mới bắt đầu có những nhận thức đầu tiên về thế giới, người ta đã mang cả cái thiện và cái ác vào trong những câu chuyện kể ngàn xưa. *Thần thoại Hi Lạp* mở ra cả một thế giới những vị thần ngự trên đỉnh cao mà chi phối cả thế gian. Mỗi cuộc giao tranh của họ làm biến đổi cả thế giới. Thế nhưng dù tôn kính thần linh đến vậy, con người cũng không chỉ biết ngợi ca. Họ cũng nói tới những thói tật, những phần khiếm khuyết của cả người và thần. Con người lắm khi hiếu chiến và ích kỉ, bao nhiêu tai hoạ giáng xuống để trừng phạt những kẻ chà đạp lên hạnh phúc. Thế nhưng hãy nhìn thánh thần kia! Họ chẳng phải cũng quá vô tình khi ăn thịt cả đứa con để bảo vệ ngai vàng trên đỉnh Ô-lym-pi-a? Chẳng phải họ cũng có thể đấu đá nhau chỉ vì một thỏi vàng, họ cũng có lòng tham?... Thần thánh ấy cũng là hiện thân của loài người. Và tất cả đều có những điều chưa hoàn mĩ, những gót chân A-sin. Nhưng thần thoại trưng ra cái tầm thường của cả người và thánh không phải để ngợi ca hay khuyến khích, cũng không phải để bào chữa cho sự bất toàn của thế gian, mà để làm nổi bật lên hình dáng của những người anh hùng mang khát khao hạnh phúc và công lí, khát khao muôn thuở của loài người. Héc-quyn bị bỏ rơi dưới trần gian, nhưng rồi chàng đã quay trở về để đòi lại công bằng. Trái qua bao cuộc chiến với những vị thần tối thượng, Héc-quyn với sức vóc được con người nuôi dưỡng đã chiến thắng tất cả. Chàng thắng bởi chàng không tàn bạo. Cuối cùng thánh thần cũng chỉ hơn loài người ở sự bất tử mà

thời. Nhưng sự bất tử ấy đôi khi ta không cần tới. Cái ta cần là tình yêu và hạnh phúc trần gian.

Quay về đời sống dân gian Việt Nam với những trang truyện cổ tích màu nhiệm. Ta luôn thấy tồn tại trong thế giới ấy hai tầng lớp. Những người dân hiền lành tốt bụng nhưng lại luôn bị những kẻ xấu hãm hại. Cuộc chiến giữa cái thiện và cái ác luôn diễn ra quyết liệt với phần thắng dành cho cái thiện. Đó là cách mà nhân dân ta nói tới cái xấu để tôn vinh cái đẹp. Mẹ con dì ghẻ trong truyện *Tấm Cám* hiện ra thật xấu xa, bỉ ổi khi năm lần bảy lượt ra tay tàn độc với Tấm. Nhưng tác giả dân gian đâu có ngại khen. Bằng chứng là sự hoá thân trở về của Tấm. Từ một cô gái yếu đuối chỉ biết ôm mặt khóc mỗi khi bị hành hạ đọa đày, Tấm đã mạnh mẽ đấu tranh để giành lại hạnh phúc xứng đáng của mình. Xây dựng hình ảnh xấu xa, ti tiện của mẹ con Cám làm đối trọng với vẻ đẹp của Tấm, tác giả dân gian đã gửi gắm vào đó một cái nhìn nghiêm khắc với cái ác. Kẻ làm điều xấu, điều ác sẽ phải nhận một kết cục bi thảm do những tội lỗi nó gây ra.

Vậy là hầu hết những câu chuyện dân gian đều nhắc tới cái ác, cái xấu, từ hình thức cho đến bản chất của nhân vật nhưng vẫn là hành trang thân thiết của tuổi thơ, dạy cho con trẻ những bài học đầu đời, uơm mầm khát vọng lương thiện nơi tâm hồn thơ trẻ sáng trong. Kho vốn dân gian ấy là một kết tụ của những áng văn học chân chính giàu tính thẩm mỹ mà mỗi người lớn chúng ta, mỗi lần gặp lại đều khám phá và cảm nghiệm ra những giá trị mới mẻ và thấm thía.

Văn học chân chính qua bao thời đại vẫn giữ nguyên lập trường về cái xấu, cái ác. Không bao giờ và không ở đâu cái xấu, cái ác lại được đề cao, trân trọng. Văn chương trung đại đã có biết bao bản cáo trạng bằng thơ danh thép tố cái tội ác của quân xâm lược như *Đại cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi.

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.

Những tội ác mà “trúc Lam Sơn không ghi hết” ấy, nghìn đời không thể dung thứ. Và tác giả của áng “thiên cổ hùng văn” đã thể hiện rất rõ thái độ căm hận đối với tội ác quân thù, giống như Hung Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn khi xưa mang mối hận “chưa xẻ thịt, lột da, nuốt gan, uống máu” quân thù. Cái khát vọng bình yên no ấm cho nhân dân, khát vọng tự do cho dân tộc đã được thể hiện qua cách mà các nhà thơ, cũng là những viên tướng trực tiếp chiến đấu chống ngoại xâm, gửi gắm trong thơ ca. Cái ác trong văn chương của họ hiện lên làm bất cứ người dân Việt Nam nào cũng phải trào sôi nổi căm hận quân thù và xót thương cho số phận nhân dân ta.

Không chỉ phơi bày cái ác đến từ ngoại bang, các nhà thơ còn vạch ra những căn bệnh của chính quốc dân mình. Như Tú Xương đã không ít lần bày ra cái lỗ bịch, nhổ nhăng, cái loạn của xã hội nước ta khi bước chân thực dân ủa đến.

Lời thòì sĩ tử vai đeo lọ

Âm oẹ quan trường miệng thét loa

Nhà thơ bày ra cái sự di xuống của nền nếp khoa bảng, tự khác hoá nỗi nhục của sĩ tử văn nhân khi trong hội thi của Việt Nam lại thấy bóng dáng của quan xú, bà đầm. Tú Xương phơi bày cái thực trạng đáng hổ thẹn ấy bằng giọng hài hước, mỉa mai. Ẩn sau đó đâu phải là cái dặc ý. Có người dân yêu nước nào lại dặc ý trước cảnh nước mất nhà tan. Sự cay đắng cũng là khao khát của nhà thơ về độc lập và bình yên của đất nước. Tấm lòng tha thiết ấy lại được ẩn sâu đằng sau những vản thơ châm biếm như lời mỉa mai, chế giễu của Tú Xương.

Cho đến thời hiện đại, những nghệ sĩ chân chính tiếp nối dòng văn chiến đấu của cha ông vẫn không ngừng lên án cái xấu và cái ác. Họ đưa vào trong văn chương những bộ mặt "chó đểu" nhất của xã hội. Không còn bị kìm kẹp bởi lễ nghi phong kiến, văn chương hiện đại có thể thoả sức phơi bày những căn bệnh xã hội. Vũ Trọng Phụng đã dựng lên trong trang viết của ông cả một "tấn trò đời". Tất thấy những gì được dán mác văn minh, tiến bộ đều hoá ra suy đồi, kịch côm. Một đám ma to hội đủ tất cả những gì lỗ lãng bát nháo. Một đám ma mà ai nấy đều vui mừng hí hửng. Không có lấy một giọt nước mắt nhỏ xuống cho người đã khuất mà chỉ có tiếng khóc giả tạo "Hút!.. Hút!.. Hút!.." để che giấu một màn thanh toán sòng phẳng. Nó nói lên cái bản chất đê tiện của lão Phán, cái thói háo danh đến gàn dở của cụ cố Hồng, cái vô tình bạc nghĩa của đám cháu con. Phải chăng Vũ Trọng Phụng muốn bôi đen cuộc sống? Không, ông chỉ "muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời". Ông nói lên cái khao khát một xã hội tốt lành lương thiện, nơi người ta sống với nhau bằng những chân giá trị và bằng tình yêu thương. Giọng phê phán nổi rõ trong từng câu chữ của *Số đỏ*, cái mỉa mai ẩn giấu một nụ cười cay đắng, một giọt nước mắt vị đời.

Tôi biết một nhà văn. Dù người ta gọi ông bằng danh xưng cao quý nào chăng nữa, ấn tượng của tôi về ông đó là kẻ đau nỗi đau của những giấc mộng phù phiếm của Pa-ri. Đó là Ban-dắc. Ông đã dựng lên "tấn trò đời" của xã hội Pháp để người đọc ông không thể đứng đưng. Thứ hỏi ai có thể đứng đưng cho được trước hình ảnh lão Gó-ri-ô, khốn khổ cả đời vì con cuối cùng chết trong đơn độc, chỉ nhận được giọt nước mắt thương vay của một người không cùng máu thịt. Mô tả những sự xói mòn đạo đức xảy ra như cơm bữa như thế, nhà văn gửi gắm cái khát vọng thay đổi xã hội phù phiếm, vô cảm lúc bấy giờ. Đó là lí do cá thể giới tôn vinh ông.

Ý kiến đã nêu lên một nhận xét đúng đắn về văn học. Không từ chối đi sâu vào cái ác, lột tả nó một cách thấm thía để người đọc có thể nhận ra và khát khao loại bỏ. Nếu văn học chỉ đơn thuần làm lan truyền nỗi buồn, sự tuyệt vọng đến người đọc thì quả thực là đáng buồn. Văn học phải là ngọn hải đăng định hướng cho người đọc đến với chân lí.

Di nhiên ta vẫn cần những áng văn đẹp để giúp ta nhận thức về cái hay của thế giới, giúp ta sống lạc quan và yêu cuộc đời hơn. Nhưng văn học, đôi khi cần là thứ thuốc đắng dã tật.

Nhà văn có lẽ đã tìm ra con đường cho nghệ thuật chân chính của mình. Hãy ngụp lặn sâu vào cuộc sống, hỏi những nhà văn. Người đọc hãy hiểu họ và đến với văn chương với tấm lòng chân thực.

(Bài đoạt giải Nhất - 18/20 điểm)

NHẬN XÉT

Những yêu cầu đặt ra trong đề bài đã được bài làm đáp ứng khá tốt.

Ở câu 1:

Người viết đã đồng tình và bày tỏ quan điểm rất sâu sắc của mình về vấn đề "sống là toả sáng". Bài viết có cách lập luận khá thuyết phục. Từ việc nhận thấy con người cần sống chứ không phải là tồn tại, người viết khẳng định: "*Toả sáng*" là khi ta, chính ta nỗ lực và cố gắng đạt được một thành công nào đó, dâng hiến cho cuộc đời những giá trị vật chất và tinh thần, là khi ta sống như ngọn lửa, cháy bỏng với những mơ ước và khát khao, khi ta truyền đi hơi ấm của sự sống. *Toả sáng* sẽ làm cho con người trải nghiệm niềm hạnh phúc đích thực được sống ở đời. Tiếp đó, bài viết tập trung bàn luận sâu ở khía cạnh có những con người bình dị, gặp nhiều bất hạnh trong cuộc đời họ vẫn có khát vọng "sống là toả sáng" và cuối cùng là những thức nhận về cách thức và con đường để "toả sáng".

Văn viết có những đoạn rất chắc tay và thể hiện được những trải nghiệm cuộc sống sắc sảo, chẳng hạn như: *Nếu ta chỉ ngồi đó và trông chờ ánh sáng tới, ta sẽ không hơn gì một vật phản quang. Ánh sáng nào sẽ đến với Mô-da khi ông mất đi thính giác? Chẳng có luồng sáng thần tiên nào cả, chỉ có bàn tay ông tự tìm tới những phím đàn, soạn nên những khúc giao hưởng đi cùng năm tháng. Mỗi chúng ta hãy tự thắp cho mình một ngọn đèn soi tỏ những ước mơ còn ấp ủ. Hãy biến mình thành ngọn lửa rực cháy của đam mê. Hay đoạn: *Quá là sống cần toả sáng, để khẳng định mạnh mẽ sự tồn tại của bản thân. Nhưng con người ơi, đừng chạy theo những**

gì lấp lánh, đừng bán linh hồn mình cho tiền tài, danh vọng mà chà đạp lên đồng loại. Ánh sáng thực phát ra từ tâm, từ cái thiện đến sâu trong lòng người.

Tuy nhiên, bài viết thiếu cảm xúc riêng tư của cá nhân, chưa bộc bạch được khát vọng "sống là toả sáng" của bản thân người viết nên có phần kém hấp dẫn. Dẫn chứng nhiều nhưng chưa phong phú. Phần kết viết chưa hay.

Ở câu 2:

Người viết hiểu đúng vấn đề được đặt ra trong đề bài: *Văn học chân chính ngay cả khi nói về cái xấu, cái ác cũng chỉ nhằm thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện.* Với vốn kiến thức lí luận văn học khá chắc chắn, về cơ bản người viết đã làm sáng tỏ vấn đề quan trọng trong chức năng của văn học chân chính, thấy được mối quan hệ biện chứng giữa đối tượng được phản ánh (cái ác, cái xấu) và mục đích hướng tới của văn học chân chính (cái đẹp, cái thiện). Người viết cũng đã lựa chọn được một số tác phẩm tiêu biểu từ văn học dân gian đến văn học hiện đại cả của Việt Nam và nước ngoài để phân tích được những biểu hiện cụ thể của cái xấu, cái ác trong mỗi tác phẩm, làm nổi bật được khát vọng của nhà văn: thông qua việc miêu tả cái xấu, cái ác, hướng người đọc đến với cảm hứng nhân văn cao đẹp. Người viết cũng có ý thức phân tích những độc đáo về nghệ thuật trong việc thể hiện cái xấu, cái ác ở từng tác phẩm được chọn làm dẫn chứng.

Văn viết có cảm xúc, có hình ảnh. Diễn đạt tương đối lưu loát và trong sáng.

BÀI LÀM SỐ 2

Câu 1.

• Tôi là ai? Sự sống của tôi có ý nghĩa gì? Ba trăm năm nữa liệu có ai còn biết đến sự tồn tại của tôi trên cõi đời này? Tên tuổi tôi, cuộc đời tôi có lẽ nào sẽ chìm khuất vào quên lãng? Có người hỏi tôi rằng: Phải chăng, sống là toả sáng? Chao ôi! Chắc chắn sống là toả sáng.

Chúng ta nên hiểu "sống" ở đây theo nghĩa rộng. "Sống" không chỉ mang nghĩa sinh học, không chỉ là sự tồn tại. Hơn nữa, nói một cách chính xác, chúng ta đang nói đến "sống" là tổng hoà tất cả những hoạt động của con người với tư cách xã hội, là con người xã hội. Sự sống ấy gắn liền với những giá trị người vì chỉ con người mới có kết cấu xã hội. Con người không chỉ tồn tại mà còn "sống", không chỉ có phần "con" mà còn mang tư cách "Người". Sự sống của muôn loài chỉ nhằm mục đích duy trì và phát triển nòi giống, sự tiến hoá, sự sống của con người còn là vì chính

mình, vì những lí tưởng cao cả. Chúng ta có ý thức về bản thân, về lẽ sống, về giá trị cuộc đời của riêng mình. Nhưng nhất là chính ta hiểu rằng mình là một cá thể độc đáo duy nhất trong vũ trụ: Toàn nhân loại không có một con người thứ hai giống hết ta. Vậy nếu như sự duy nhất ấy bị hoà tan đi thì ta còn ý nghĩa gì nữa?

Bất kể ai có ý thức sống đều muốn vươn lên những cái đẹp, cái thiện; cao hơn, vươn lên trở thành Con Người viết hoa. Mỗi người có một lối sống khác nhau, tùy theo mơ ước, khát vọng của riêng mình. Cá nhân tôi cho rằng, sống đẹp là chưa đủ, con người cần phải sống “toả sáng”. Cố nhiên sống đẹp thì mới có thể “toả sáng” nhưng “toả sáng” còn là sự khẳng định mình, làm cho mình không bị quên lãng trong kí ức của mọi người. Trái ngược với sáng là tối. Cuộc đời như đêm tối thì không ai thấy, do vậy mà không ai nhớ. Con người không chỉ cần “đẹp” mà còn là “đẹp theo một cách riêng”.

Nói “toả sáng” là một cách diễn đạt rất giàu hình ảnh. Sự sống của ta có thể “toả sáng” được chắc chắn phải có những phẩm chất. Đó là những nét đẹp được cả cộng đồng thừa nhận và khuyến khích. Nói một cách cụ thể, trước khi muốn “toả sáng” thì phải “sống cho ra người”. Không thể là một nhân cách lệch lạc, một đạo đức khuyết, một trí tuệ không đầy đủ. Con người trước khi vươn tới cái đẹp, thì cần phải sống – như GS. Hoàng Ngọc Hiến nói – cho “hắn hoi”. “Hắn hoi” là một từ rất Việt, khó có thể tìm một từ nào trong ngôn ngữ khác có ý nghĩa thật gần với nó. Nhưng “hắn hoi” không hề khó hiểu. Sống cho “hắn hoi” chính là nền tảng cho sống “toả sáng”. Bản thân sống hắn hoi cũng có ánh sáng của nó, đó là ánh sáng của cốt cách vững vàng, của một con người tuy không nổi trội nhưng “đẹp, đẹp hài hoà, đẹp cân xứng”. Có rất nhiều người không hiểu do vô tình hay cố ý mà không sống “hắn hoi” được: kẻ thì quá đề cao vật chất, sống không biết đến sự di dưỡng tinh thần, người thì sống ảo tưởng, lấy điểm tựa siêu hình để bào chữa, cho rằng “nghèo” mới giữ đạo đức thanh cao được.

Nhưng “toả sáng” không phải chỉ là “hắn hoi”. Muốn “toả sáng” được nhất định phải có một thế mạnh của riêng mình. Sở trường không thể làm nên toàn bộ giá trị của một người nhưng chính là yếu tố khẳng định giá trị của con người. Muốn “toả sáng” trước hết phải có tài năng. Tài năng có thể do bẩm sinh nhưng phần nhiều do rèn luyện mà có. Tài năng là khả năng làm những công việc đạt được hiệu quả cao, vượt lên trên mức trung bình, thậm chí vượt lên trên người khác. Mỗi người có một tài năng riêng, do vậy, tài năng chính là yếu tố khẳng định của mỗi người. Những chiếc huy chương ở các kì thế vận hội chính là sự khẳng định của tài năng, đó là “toả sáng”. Những thành tích, thành tựu cao không thể không có sự đóng góp của tài năng. Có người nói, trong điểm mười tuyệt đối thì tám điểm là của

sự cố gắng, nỗ lực, chỉ có hai điểm thuộc về năng khiếu. Tôi không phủ nhận điều đó. Nhưng xin bổ sung thêm, hai điểm của “năng khiếu” chính là điểm chín và điểm mười. Nếu không có tài năng thì dù có nỗ lực đến đâu cũng chỉ là tối đa điểm tám. Muốn có chín, có mười nhất thiết phải giỏi hơn người bằng cái tài. Trong một bài kiểm tra hay trong cuộc sống, người được điểm mười là người “toả sáng”, được nhớ đến!

Tuy thế, sống là toả sáng không chỉ là vượt trội, là “vĩ đại” trong khoảnh khắc. Muốn sự sống của mình thực sự toả sáng thì phải kiếm được điểm chín, điểm mười cho bài thi tốt nghiệp của cuộc đời. Nghĩa là điểm mười được “chấm” cho cả đời người. Khẳng định được tài năng của mình là toả sáng. Nhưng không phải chỉ mình ta mới có tài năng. Mà lịch sử lại thường chỉ ghi danh những người tài giỏi bậc nhất. Do đó, muốn thực sự “toả sáng”, cần phải đẩy tài năng của mình lên đỉnh cao nhất, luôn luôn phấn đấu vượt qua những người giỏi nhất. Để không chìm vào quên lãng, không thể không biến mình thành số một hoặc ít nhất là nỗ lực để biến mình thành số một.

Điều đánh dấu sự trưởng thành cũng như khẳng định chính xác nhất một tài năng chính là những thành tựu. Xét cho cùng thì lịch sử cũng chỉ đánh giá một tên tuổi dựa trên thành tựu. Những điều ta làm được sẽ quyết định rằng ta có “toả sáng” hay không. Cuộc sống thường khắc nghiệt nhất ở điều ấy. Cho dù ta nói rằng bản thân đã cố gắng hết mình, nhưng nếu kết quả là thất bại, anh vẫn là kẻ thất bại. Nếu chỉ ôm ấp tài năng của mình, ngồi tự hào về nó trong buồn ngủ thì vĩnh viễn không thể “toả sáng”. Để có được thành tựu lớn nhất của mình, con người cần phải hành động quyết liệt.

Sự “toả sáng” của một người suy cho cùng cũng là để nhân loại không lãng quên mình. Do đó, muốn thực sự “toả sáng” được, cần phải có những đóng góp vào cuộc đời chung. Sự sống về vật chất của ta sau sinh, lão, bệnh ắt sẽ đến tử. Cát bụi lại trở về với cát bụi. Con người chỉ có thể bất tử khi cuộc đời, sự nghiệp của mình ghim vào kí ức cộng đồng. Hơn thế nữa, khi con người chỉ đặt mục tiêu sống vì mình, chúng ta sẽ không bao giờ tạo ra được một thành quả to lớn. Muốn có thành tựu vĩ đại, phải hướng đến những lí tưởng phục vụ cho cuộc sống chung. Bên cạnh chất “cao cả” của lí tưởng, một mục tiêu lớn mới có khả năng thúc đẩy con người phát huy hết năng lực của mình, đạt được những thành tựu kì vĩ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi ra đi từ bến Nhà Rồng không có mục đích nào khác ngoài lí tưởng giải phóng cho dân tộc. Tôi cho rằng, Bác đã thành công một nửa khi dám nghĩ, dám làm, dám đặt ra mục đích của một đời như vậy.

Có lẽ sẽ có nhiều người cho rằng, cuộc sống vốn đã đẹp, được sống, được tận hưởng thế giới đã là một điều may mắn và mãn nguyện. Nhưng trong chúng ta, bao nhiêu người còn nhớ về cụ nội của mình? Và bao nhiêu người sẽ được chất mình nhớ tới? Chỉ trong vài thế hệ, cả một cuộc đời đã chìm vào quên lãng. Cuộc đời tôi không thể như vậy!

Câu 2.

Người ta thường nói, văn học, nghệ thuật là địa hạt của cái đẹp. Biê-lin-xki cho rằng: “Cái đẹp là điều kiện không thể thiếu được của nghệ thuật. Nếu thiếu cái đẹp thì không có, không thể có nghệ thuật”. Vậy nhưng, trong lịch sử, ta thấy vẫn có những tác phẩm văn chương viết về cái xấu, cái ác mà vượt qua thời gian và mọi sự sàng lọc để trường tồn. Sức sống của chúng minh chứng rằng văn chương bao giờ cũng là địa hạt của cái đẹp, đẹp ngay cả khi đề cập đến cái tàn ác, xấu xa. Đúng như ý kiến: “Văn học chân chính ngay cả khi nói về cái xấu, cái ác cũng chỉ nhằm thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện”.

Văn chương là nghệ thuật sử dụng chất liệu ngôn từ để xây dựng hình tượng nghệ thuật. Và “văn học chân chính” phải là những tác phẩm nghệ thuật thể hiện đời sống con người cũng như cái nhìn sâu sắc, mới lạ của nhà văn về thực tại ấy. “Văn học chân chính” là chuyện đời, chuyện người, chính xác hơn, là tình đời, tình người. “Cái ác, cái xấu”,... là những phương diện tiêu cực, có tác hại xấu đến đời sống. “Cái đẹp, cái thiện” là những giá trị, những hiện tượng có tính thẩm mỹ cao nhất, làm đẹp, làm “tốt” hơn cho con người cũng như xã hội. Nhận xét trên đã khẳng định một quy luật của văn học nói riêng và nghệ thuật nói chung: Luôn luôn hướng tới cái đẹp. Ngay cả khi viết về cái xấu, cái ác cũng phải là tạo “có” để thể hiện khát vọng vươn tới cái cao cả và đẹp đẽ, để bồi dưỡng năng lực thẩm mỹ của con người.

Phải thừa nhận rằng, trong lịch sử văn chương có những tác phẩm viết về cái đen tối, cái tiêu cực nhưng vẫn có sức sống cao.

Trước hết, văn học phản ánh cuộc sống của con người. Các Mác quan niệm: “sự tồn tại của mọi người chính là quá trình sống thực tế của họ”. Trong “quá trình sống thực tế” của xã hội có tồn tại cái ác, cái xấu. Văn học, với tư cách là một hình thái ý thức, không bỏ qua sự “phản chiếu”, ghi lại cuộc sống ở cả mặt bóng tối.

Mặt khác, theo nhà văn Nga M. Go-rơ-ki thì “văn học là nhân học”. Trong bản chất “nhân học” ấy, văn chương chú ý tới thể nghiệm, khám phá con người tự nhiên, con người với những mong muốn, khát vọng nhân bản cũng như những đặc trưng tâm lý bản năng. Không phải ngẫu nhiên mà các sáng tác bị cho là “dâm” và

“tục” của Hồ Xuân Hương có sức sống lâu bền đến vậy. Trong con người ở góc độ “tự nhiên”, trong tính cách thiên nhiên của nhân loại cũng ẩn tàng mầm mống của cái ác, cái xấu, của lòng đố kỵ, tính ích kỉ.

Vậy cái xấu, cái ác tồn tại trong văn chương là điều không thể phủ nhận. Nhưng không phải không có một “chuẩn” nào cho những tác phẩm có giá trị thực sự.

Khi phản ánh những “góc khuất”, những phương diện tiêu cực của đời sống con người, để có được những sản phẩm nghệ thuật chân chính, nhà văn phải đứng ở đỉnh cao của lí tưởng thẩm mĩ để soi chiếu. Nhà văn lấy tâm hồn cao đẹp của mình để nhìn vào bóng tối, vạch trần nó, phán xét nó. Bằng cái nhìn của lí tưởng thẩm mĩ, người cầm bút mới có được khả năng khai thác sâu sắc cái xấu, cái ác. Hơn thế nữa, càng là những nhân cách cao cả, những tâm hồn cao đẹp, con người ta càng nhạy cảm với cái đen tối, cái xấu xa. Vũ Trọng Phụng được giáo dục trong một môi trường gia giáo mà người mẹ của ông đặt ra, bằng những tư tưởng Nho gia chặt chẽ. Do đó, không ai phát hiện, nhìn thấu cái dâm, cái đố, cái bịp bằng ông (cố nhiên cũng là cái “tạng” riêng của nhà văn). Nhiều người khi đọc Nguyễn Huy Thiệp chê văn ông “ghê ghê” nhưng nhà văn này lại có điểm tựa thẩm mĩ của mình, đó là thiên tính nữ (các nhân vật nữ của Thiệp hầu hết đều vô cùng đẹp), là mối quan hoài, nỗi lòng xót xa trước cuộc đời.

Ở một góc độ khác, cần phải nhớ rằng, một trong bốn biểu hiện quen thuộc nhất của chủ nghĩa nhân đạo (humanisme) là lên án, tố cáo những thế lực đen tối chà đạp lên quyền sống, lên thân phận con người. Một trong những nội dung của chủ nghĩa này là phê phán cái xấu, cái ác. Những tác phẩm văn chương chân chính thường không thể thiếu được sự kết tinh của chủ nghĩa nhân đạo. Do vậy, nếu viết về cái xấu, cái ác cũng là để công kích nó. Quan trọng hơn, là thể hiện khát vọng về cái thiện, cái đẹp.

Trong đời sống nói chung, cái đẹp và cái xấu, “ánh sáng” và “bóng tối” không phải bao giờ cũng phân biệt rạch ròi. Chẳng những thế, con người có một đặc tính mà như Lép Tôn-xtôi gọi là tính “lưu luyến” (fluidité). Khi thông minh, khi lại ngu dốt, khi mạnh mẽ, khi lại yếu đuối, khi ác, khi thiện... Chính con người cần đến văn chương để bồi đắp lí tưởng thẩm mĩ, dùng cái nhìn của văn học để nhận thức, phân biệt thiện – ác, tốt – xấu. Quan trọng hơn, văn nghệ, văn học giúp người ta ghét cái ác, yêu cái thiện, ghê cái xấu, mến cái tốt. Hoặc bằng thái độ phê phán hoặc châm biếm, có khi cả hai, văn chương giúp con người ta tránh xa cái xấu, vươn tới cái đẹp, cái thiện.

Có thể nói, văn chương chân chính từ xưa đến nay, ngay cả khi nói về cái xấu, cái ác cũng chỉ nhằm thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện. Trong văn học Việt

Nam, từ truyện cổ tích, từ ca dao đến thơ ca ngày nay đều mang đặc tính ấy. Truyện *Tấm Cám* xây dựng hai tuyến nhân vật đối lập thuộc hai thái cực hoàn toàn trái ngược nhau. Mẹ con Cám là các nhân vật phản diện, là hiện thân của cái ác. Ở đây, tác giả dân gian khai thác, thể hiện sự tăng tiến của cái ác. Từ việc đối xử không công bằng với Tấm đến những âm mưu và hành động hãm hại Tấm, thậm chí lấy mạng cô Tấm. Chính sự gia tăng tội ác này mới là đáng sợ. Qua quá trình gia tăng ấy, tác giả dân gian muốn hình thành ở người đọc sự căm ghét và phản đối ngày một quyết liệt hơn. Quan trọng hơn, khát vọng về cái đẹp, cái thiện được đề cao. Cụ thể qua hai tình tiết. Thứ nhất, mặc dù mẹ con Cám hết lần này đến lần khác hãm hại Tấm, thậm chí ngày một tàn độc hơn, cô Tấm vẫn bền bỉ, vẫn tiếp tục hoá thân để chuẩn bị cho sự trở lại. Nhân dân thể hiện niềm tin vào cái đẹp, cái thiện, công lí. Rằng chúng là bất diệt, cái ác không bao giờ chiến thắng được hoàn toàn cái thiện. Thứ hai, với sự “lên ngôi” của cô Tấm và việc mẹ con Cám bị trừng phạt, tác giả dân gian thể hiện khát vọng về chiến thắng cuối cùng của cái đẹp, cái thiện cũng như sự diệt vong của cái ác, cái xấu! Mặc dù trong phần lớn câu chuyện, cái ác, cái xấu liên tục thắng thế, chèn ép cái thiện, cái đẹp. Nhưng khi truyện kết thúc, độc giả vẫn hài lòng với sự bất diệt tất yếu của cái đẹp.

Trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du cũng có hai tuyến nhân vật. Một bên là Thuý Kiều, Kim Trọng, Từ Hải, bên kia là Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Ung, Khuỷ,.... Cuộc đời Kiều long đong, lận đận, tủi nhục, đau khổ vô cùng cũng là do sự vô nhân tính, độc ác của một loạt những kẻ xấu. Mối tình với Kim Trọng tan vỡ, Từ Hải bị hại, Kiều phải hứng chịu “biết bao gió dập sóng dồi”. Bằng bản *Đoạn trường tân thanh*, Nguyễn Du lên án xã hội phong kiến và những thói nát, xấu xa của nó, bày tỏ lòng đồng cảm, xót thương với con người tài hoa, bạc mệnh. Bất cứ ai cũng không khỏi day dứt trước sự thiếu công bằng mà xã hội phong kiến dành cho người phụ nữ mà nhất là người phụ nữ tài hoa. Khát vọng về cái thiện, cái đẹp đã góp phần giúp cho đại thi hào Nguyễn Du có được một cái nhìn vô cùng nhân văn. Cái nhìn ấy thể hiện qua câu nói của Kim Trọng:

*Hoa tàn mà lại thêm tươi
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.*

Nguyễn Du khẳng định, sau bao nhiêu tủi cực, khổ nhục, Kiều vẫn đẹp, đẹp viên mãn. Thậm chí, Kiều còn đẹp hơn xưa, cái đẹp của Kiều “hơn mười rằm xưa”.

Truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của nhà văn Nguyễn Minh Châu ra đời năm 1983, trong thời kì văn học Việt Nam đang bắt đầu chuyển mình. Từ quỹ đạo chiến tranh, đời sống trở về nhịp độ hoà bình. Truyện viết về đời sống của những người lao động nghèo thời kì đất nước mới ra khỏi lửa đạn. Trong giai đoạn ấy, bóng đen

thực dân, đế quốc đã không còn, nhưng lại có những bóng đen khác đang đè nén con người.

Nhà nhiếp ảnh Phùng tận mắt chứng kiến cảnh một người chồng đánh vợ mình bằng chiếc thắt lưng một cách tàn bạo. Lão chồng quật liên tiếp vào lưng vợ, vừa đánh vừa nghiến răng ken két, vừa đánh vừa nguyên rủa: “Mày chết đi cho ông nhờ! Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ!”. Nhưng không phải chỉ một lần, người đàn bà còn bị đánh “ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng”.

Điểm sâu sắc của Nguyễn Minh Châu là cắt nghĩa, lí giải cái ác này. Cụ thể, qua tác phẩm, nhà văn đưa ra ba lí do. Thứ nhất là cái khổ. Có những “vụ bắt”, cả gia đình “toàn ăn cây xương rồng luộc chấm muối”. Chính người vợ nói rằng cứ khi nào cảm thấy khổ quá là lão lôi chị ra đánh. Thứ hai là sự bế tắc. Vì không biết giải quyết cái khổ thế nào nên lão đàn ông phải tìm cách giải toả. Đánh vợ như một sự giải toả đối với anh ta. Như những người khác thì uống rượu. Nhưng uống rượu cũng chỉ là sự bế tắc. Quan trọng nhất là lí do thứ ba này: sự u mê về ý thức làm người. Trong hoàn cảnh gian khổ khó khăn, đáng ra cả gia đình phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Đằng này họ lại hành hạ nhau. Bởi gã đàn ông đó cả đời lênh đênh trên biển, xa cách khỏi xã hội, hẳn không hiểu thế nào là sống cho ra người. Từ sự cắt nghĩa, lí giải đó, Nguyễn Minh Châu đề nghị một cái nhìn thẳng thắn vào tình trạng xã hội. Qua đó, thể hiện mong muốn cải tạo đời sống con người, trước hết là làm cho no ấm đời sống vật chất. Sau đó là hướng đời sống tinh thần đến cái thiện, cái đẹp.

Có thể nói văn học viết về cái xấu, cái ác còn là trên góc độ những nạn nhân của chúng. Tức là khai thác mâu thuẫn giữa cái đen tối và cái tốt đẹp cũng như với thân phận con người. Từ việc chỉ ra cái xấu, cái ác và sự xâm hại của nó đến cái đẹp, đến những giá trị cao cả, văn học đem đến cho con người cảm nhận về cái bi (tragic). Cái bi cũng hướng tâm hồn con người đến cái đẹp, cái thiện. Và cũng như Arít-xtốt nói, có khả năng “thanh lọc” (catharsis) tâm hồn con người. Ông viết trong *Thi học*: “...với những tình tiết làm thức tỉnh tình thương và sự sợ hãi, và qua đó, thực hiện sự thanh lọc đối với những cảm xúc ấy”.

Từ góc độ mĩ học, có thể nhìn nhận cái xấu, cái ác như những phạm trù thẩm mĩ cục bộ – với cái đẹp – mang ý nghĩa khái quát, là hạt nhân của mĩ học, cái mà để chính xác nên gọi là cái thẩm mĩ (aesthetic). Có thể nói, cái xấu, cái ác cũng là một phần tạo nên cái thẩm mĩ, là mặt biện chứng của cái đẹp (cục bộ). Do đó hoàn toàn có thể xuất hiện trong nghệ thuật.

Cố nhiên, nói về cái xấu, cái ác cũng chỉ nhằm thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện. Nếu viết về cái tiêu cực mà không có điểm tựa lí tưởng thẩm mĩ và nhất là

định hướng thẩm mĩ, tác phẩm sẽ rơi vào chủ nghĩa tự nhiên hoặc chủ nghĩa dung tục. Chức năng thẩm mĩ là chức năng quan trọng nhất của văn chương, nó làm cho nghệ thuật trở thành hoạt động tinh thần không thể thay thế được.

(Bài đoạt giải Nhất – 18/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng tốt những yêu cầu cơ bản đặt ra trong đề bài.

Ở câu 1:

Người viết đã bàn luận rất trúng và thuyết phục về vấn đề "sống là toả sáng". Cách triển khai hệ thống luận điểm khoa học, chặt chẽ, giàu sức thuyết phục chứng tỏ người viết rất thông minh và có sự trải nghiệm cuộc sống sắc sảo, già dặn. Người viết khẳng định: *Cá nhân tôi cho rằng, sống đẹp là chưa đủ, con người cần phải sống "toả sáng". Cố nhiên sống đẹp thì mới có thể "toả sáng" nhưng "toả sáng" còn là sự khẳng định mình, làm cho mình không bị quên lãng trong kí ức của mọi người.* Từ đó người viết đưa ra những yếu tố cần thiết để con người có thể "toả sáng" đó là: muốn "toả sáng" thì phải "sống cho ra người", sống cho "hẳn hoi"; muốn "toả sáng" phải có tài năng; sống là toả sáng không chỉ là vượt trội, là "vĩ đại" trong khoảnh khắc; sự "toả sáng" của một người suy cho cùng cũng là để nhân loại không lãng quên mình. Do đó, muốn thực sự "toả sáng" cần phải có những đóng góp vào cuộc đời chung.

Sức hấp dẫn của bài viết ở chỗ, người viết đã xác định được một tâm thế của người trong cuộc. Làm bài không chỉ đơn thuần là việc giải một đề thi văn, mà quan trọng hơn là một dịp đối diện với bản thân mình. Không phải chỉ nghị luận cho người khác, về người khác, mà là tâm sự chuyện của mình, nói từ mình, nói cho mình. Bài viết mang màu sắc cá nhân rất rõ, giọng văn cá tính. Phần khai mở và kết của bài viết hay, súc tích và đọng lại nhiều dư ba.

Tuy nhiên, nếu có thêm dẫn chứng, bài viết còn hay hơn nữa.

Ở câu 2:

Phần lí luận viết tốt. Với vốn kiến thức chắc chắn, có phần uyên bác về triết học và lí luận văn học, người viết đã luận bàn thật sâu sắc về vấn đề chức năng của văn học chân chính là hướng thiện và hướng mĩ, thấy được mối quan hệ biện chứng giữa đối tượng được phản ánh (cái ác, cái xấu) và mục đích hướng tới của văn học chân chính (cái đẹp, cái thiện).

Người viết cũng đã lựa chọn được một số tác phẩm tiêu biểu của nền văn học Việt Nam, từ đó phân tích được những biểu hiện cụ thể của cái xấu, cái ác trong mỗi tác phẩm, làm nổi bật được khát vọng của nhà văn: thông qua việc miêu tả cái xấu, cái ác, hướng người đọc đến với cảm hứng nhân văn cao đẹp.

Tuy nhiên, nếu lấy thêm một vài tác phẩm văn học nước ngoài để minh chứng cho lời nhận định thì có lẽ bài viết sẽ thuyết phục hơn.

Diễn đạt lưu loát và linh hoạt, văn viết trí tuệ, súc tích, thể hiện một giọng điệu riêng, một màu sắc riêng rất đáng trân trọng.

BÀI LÀM SỐ 3

Câu 1.

Con người là một sinh vật kì lạ. Chúng ta bước đi trong một cơ thể sống được tạo thành từ các hợp chất hữu cơ, nhưng lại không hoàn toàn là máu thịt. Đâu đó, trong một góc của con người nơi khoa học vẫn chưa thể giải thích hết, nảy sinh ra biết bao nhiêu ý nghĩa lạ kì của một vùng trời đa màu sắc, đa âm thanh, đa hình thù mà chúng ta vẫn thường gọi là tâm hồn. Và khi vùng trời ấy rực sáng lên, trái tim ta đỏ hồng một luồng sinh khí mới. Đấy chính là ta đang thực sự sống đúng với nghĩa CON NGƯỜI. Vậy thì phải chăng, sống là toả sáng?

Khi tạo hoá đặt con người trên mặt đất, ta đã là chính ta, nguyên sơ nhất, thực nhất với những ý nghĩ độc đáo mang màu sắc của chính bản thân mình. Và rồi với từng bước chậm, ta tiến đến với thế giới của vô vàn những con người khác, chính thức gia nhập vào cộng đồng người. Những quy định chung dần xuất hiện, những luật lệ lần lượt được đặt ra, và cố nhiên ta bắt gặp một ta khác nữa, cái ta của cộng đồng, của ý thức xã hội. Những cái hồn nhiên và chạm với những quy chuẩn được đặt ra và mâu thuẫn, xung đột, để rồi con người phải lựa chọn giữa những giá trị mới, cũ, giữa giá trị của cá nhân và cộng đồng. Đôi khi, cái phần hồn nhiên kia tạm lùi ra xa, và chúng ta sống giữa cộng đồng theo những hình mẫu chuẩn mực, nhưng dường như ta chỉ đứng đó thôi, ta không thực sự sống và hoà nhập. Vậy nên nhu cầu được chia sẻ trở dậy như những gì bản năng nhất. Ta khẳng định lại cái phần hồn nhiên đã mất, để xã hội được thấy màu sắc thực sự của tâm hồn ta, hay chính là ý thức về giá trị của cá nhân mình. Không, ta không muốn là hình bóng, ta chỉ muốn là ta. Và khi tiếng vọng đầu tiên trong tâm hồn được cất lên thành lời nói, tất nhiên, cả thế giới rực sáng thêm một sắc màu mới, vô hình trung, ta đã trở thành

một thực thể đặc biệt và duy nhất trên đời. Toả sáng không phải khi anh sống như người khác, mà chính là khi anh sống thực với mình, toàn vẹn là mình, không pha trộn. Đó mới chính là sống.

Tuy nhiên, con người còn là tổng hoà của các mối quan hệ xã hội. Suy cho cùng, ý thức cá nhân vốn xuất phát từ nhu cầu được chia sẻ, vậy nên con người phải đồng thời là con người cá nhân, cũng vừa là con người xã hội. Hay nói cách khác, ta toả sáng, nhưng toả sáng như thế nào? Ta sống trong cộng đồng người, ví như một đứa trẻ khi mới nhận thức được cuộc sống. Bước vào ngưỡng cửa mầm non, bỗng nhiên, nó bị đặt vào trong những mối quan hệ hoàn toàn xa lạ và khác biệt. Nó phải học cách ứng xử với bạn bè, học cách tôn trọng thầy cô, và quá trình này khiến nó phải kiềm chế lại, một cách vô thức, những phần nguyên sơ nhất của mình. Có thể, nó không thích điều ấy, và phản kháng lại. Nhưng khi nó chỉ muốn có toàn bộ đồ chơi như nó đã từng có ở nhà, khi nó không muốn chia sẻ và chỉ làm theo những gì mình thích, những cái mình muốn thay vì cân nhắc và điều chỉnh thái độ, thì vào lúc nó nhìn ra xung quanh, các bạn đã phần nhiều cách xa nó. Đó là với một đứa trẻ, với chúng ta, khi ta chỉ muốn sống như những gì nguyên thuỷ nhất mà không chịu chọn lựa, hoàn thiện thêm, tiếp nhận những giá trị tốt đẹp từ cộng đồng trong quá trình xung đột và va chạm ý thức, cố nhiên, ta đã tự tách mình ra khỏi cộng đồng, và bắt gặp sự cô đơn. Nhu cầu được chia sẻ, cái căn gốc của hành động, nay không được đáp ứng. Vậy thì để là mình, nhưng không chỉ là mình nguyên sơ từ thuở hồng hoang, mà còn là một cái mình khác nữa vừa mới xuất hiện khi bắt gặp gương mặt đồng loại, cả hai đều là mình, ta phải học cách cân bằng giữa hai phẩm chất ấy, thay vì là một cái tôi nổi loạn đối chọi lại cùng xã hội. Một cá nhân có khả năng sống đúng với khao khát của mình, đồng thời có khả năng học hỏi và hoà hợp cùng những cái tôi khác, chính là cái tôi có khả năng toả sáng. Nói cách khác, một xã hội chỉ được coi là ưu việt khi nó để con người ta tham gia vào quá trình tự phát triển và một con người có khả năng toả sáng là con người dám sống là chính mình trong sự hoà hợp với xã hội loài người.

Sống là khi sống thực với mình, toả sáng là khi khẳng định được giá trị của mình, sống toả sáng là được chia sẻ, được hoà nhập, được hoàn thiện. Nhưng vấn đề đặt ra, làm thế nào để toả sáng? Cố nhiên, câu trả lời nằm ở chính bản thân con người phải tự ý thức được giá trị của mình và có khát khao, có bản lĩnh thể hiện nó tuy trong rất nhiều trường hợp, yếu tố xã hội cũng mang tính quyết định như trong xã hội phong kiến hậu kì, khi tự do tư tưởng nhường chỗ cho áp đặt tư tưởng với hàng ngàn luật lệ, hàng ngàn quy định, khuôn khổ được đặt ra và cái tôi cá nhân không có quyền lên tiếng hoặc vươn mình khỏi cái "khuôn chuẩn". Điều quan trọng

hơn là ngay cả trong tình trạng như vậy những con người có bản lĩnh vẫn phá thoát được mọi ràng buộc để sống là mình, để sống là toả sáng như Nguyễn Du, Nguyễn Gia Thiều, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát..., những con người ấy đã đi qua cuộc sống trần gian rồi mà ánh sáng còn để lại, để hậu thế mãi còn chiêm ngưỡng, ngợi ca tài năng, khí phách và nhân cách. Họ hoá thân vào những trang thơ trang văn mà ông Huân Cao với những dòng chữ đẹp lung linh trên trang viết Nguyễn Tuân là một điển hình.

Một con người có khả năng toả sáng là con người dám sống như chính mình. Hãy đứng dậy, cất tiếng và hành động. Một chân trời rực sáng sẽ đón đợi ở phía trước, trách nhiệm của ta là dám bước tới chân trời ấy!

Câu 2.

Tâm hồn giống như một khúc nhạc, và khi được thể hiện qua ngôn từ, thì nó trở thành văn chương. Bởi vậy, khi những làn sóng từ cuộc đời nối tiếp nhau xô vào tâm hồn ta, thì chính văn chương sẽ là cái đầu xốt, nhức nhối, hay cả những hài lòng, khoan khoái cất lên từ sự va đập ấy. Và chỉ có văn chương chân chính, khi va đập với những cái xấu xa của cuộc đời, khi thể hiện một tiếng nói bất bình, một cái trừng mắt giận dữ, thì cũng sẽ luôn nói lên được tiếng nói của trái tim ấm nóng những kì vọng và khát khao vươn tới cái đẹp. Hay nói cách khác, văn học chân chính ngay cả khi nói cái xấu, cái ác cũng chỉ nhằm thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện.

Con người không ai là hoàn hảo, chúng ta bao hàm trong mình những cái xấu xa bên cạnh những cái đẹp, những cái cao thượng và cả sự hèn mọn, cả những gì thanh khiết và vẫn đục. Vậy nên xã hội loài người sẽ không bao giờ chỉ toàn là ác hay toàn bộ là thiện. Hai mặt đối lập ấy dần biến mất, để lại những giá trị gần hơn với chân lí. Suy cho cùng, con người hướng về sự hoàn thiện như một bản năng, cũng là cái nhu cầu tất yếu trong quá trình tiến hoá chung của tự nhiên. Bởi vậy, khi văn chương là tiếng nói của tâm hồn con người thì nhu cầu hướng thiện cũng là tất yếu và chính nó làm nên cái hồn cho tác phẩm. Có thể nói, một tác phẩm chân chính để hướng về cái hoàn thiện, trước hết phải nhận ra cái chưa hoàn thiện, phản ánh lại những cái xấu của cả con người lẫn xã hội, và cũng rất cần sự tin tưởng và bản tính thiện lương của con người. Con người khi ấy, trong vai trò độc giả mới có thể tiếp tục phát triển.

Nền văn học thế giới đã từng chứng kiến rất nhiều tác phẩm lớn ra đời trên nền cảm hứng chung là phản ánh hiện thực xã hội nhằm hướng đến hoàn thiện con người như *AQ chính truyện* của Lỗ Tấn, *Số phận con người* của Sô-lô-khốp,...

Tuy nhiên, theo tôi, một trong những tác phẩm có khả năng thể hiện, tố cáo, phản ánh hiện thực xã hội, đồng thời khơi gợi lòng nhân đạo dưới một hình thức kín đáo, hướng con người về cái thiện, có lẽ là truyện ngắn *Người trong bao* của Sê-khốp. Ra đời trong một giai đoạn xã hội có nhiều biến động của nước Nga Sa hoàng, với sự ngột ngạt, bế tắc và bầu không khí thiếu sức sống của một thể chế đang cố níu giữ những ngày tàn, Sê-khốp đã sáng tạo nên hình ảnh một Bê-li-cốp, một người trong bao, biểu tượng của mọi căn bệnh kì dị nhất, phản động nhất tồn tại trong tâm lí người dân Nga thời bấy giờ. Bê-li-cốp, ấn tượng đầu tiên và gần như duy nhất của ta về anh là những cái bao, không chỉ là những cái bao quần áo hay ô dù che chắn, mà là những cái bao tư tưởng. Bê-li-cốp dường như có khát vọng luôn được thu mình trong một trường an toàn để không bị ai dòm ngó, chỉ trích hay bị khiển trách từ cấp trên, và câu nói cửa miệng của anh luôn là: “Nhỡ có chuyện gì?”. Người đàn ông ấy thu mình lại, cố gắng tách mình ra khỏi cộng đồng và người ta nhìn anh như một sinh vật kì dị, phản cảm, đáng cười. Nỗi sợ của anh ta không phải ngẫu nhiên xuất hiện, đã ai từng hỏi vì sao anh ta cần che chắn, vì sao anh ta luôn khép mình và không dám làm bất cứ việc gì theo ý muốn. Con người, từ khi sinh ra, luôn luôn có một khát vọng được chia sẻ. Tuy nhiên, sống trong một xã hội mà những mật thám, chỉ điểm không ngừng được tăng cường, những nhà tù, trại giam không ngừng được xây lên và đồng thời ra sức kiểm chế con người bởi mọi thứ quy định, nó gây ra cho người ta một nỗi sợ, một nỗi khiếp đảm có cơ sở trước sự độc tài, độc trị. Những con người nhát gan, nhỏ bé như Bê-li-cốp không còn cách nào khác ngoài việc tự thu mình lại trong chiếc bao như một sự tự vệ. Tuy nhiên, chính bởi rời xa cộng đồng và không ngừng chịu áp lực khủng khiếp từ chế độ đè nén xuống, anh ta dần dần xa rời những ý thức tốt đẹp của cộng đồng người, sự cô lập gây ra những sai lầm về tư tưởng, dẫn đến sai lầm về hành vi. Thốt nhiên, những gì anh ta sợ hoàn toàn chiếm trọn tâm trí anh và anh lầm tưởng nó chính là những gì đúng đắn nhất định hướng cho cuộc đời mình. Sống quá lâu trong bao, cái phần con người teo tóp dần và nó chui rúc vào những xó xỉnh tối tăm, để đến khi Cô-va-len-cô chợt rạch một đường dài trên cái bao ấy, cú thúc từ cuộc đời đánh mạnh vào phần người khiến nó càng giấu mình sâu hơn nữa trong sự xung đột, bàng hoàng trước sự thực, để rồi gần như biến mất hẳn, chỉ còn phần con nhầy nhụa ngổ ngàng đầu bước đi. Bê-li-cốp sống trong một cái bao, bởi chế độ ấy đã đe dọa anh ta, đồng thời cộng đồng người nơi anh ra sống cũng không nhìn thấy hết cái nguyên nhân sâu xa trong sự tha hoá của một con người, và họ xa lánh, chán ghét. Hết thấy những yếu tố ấy cộng lại biến Bê-li-cốp từ một nạn nhân thành một “tác nhân gây hại”. Anh ta bị xô ra ngoài xã hội và nhìn như một kẻ đối địch. Đưa vào một cái nhìn mang tính chủ quan của người đồng nghiệp, Sê-khốp đã phản ánh thêm nữa, bên cạnh một chế độ độc tài là một sự sai

lầm trong nhận thức của chính những người dân và sự xa lánh trong mối quan hệ giữa người với người. Cùng lúc, nhà văn phản ánh cái xấu xa trong xã hội, hơn nữa là căn bệnh trong chính con người, để hướng người ta đến nguyên nhân sâu xa của cái xấu ấy; và với lòng nhân đạo, cái nhìn cảm thông, ta mới thấy hết được sự đáng thương của một số phận người, thay vì tiếng thở phào nhẹ nhõm trước một cái chết. Và như cách giải quyết mọi vấn đề trong cuộc sống, có thấy hết được nguyên nhân tận cùng, ta mới hoàn thiện và khắc phục sai lầm ấy. Trên quá trình hướng con người vào cái đẹp qua những cái xấu xa, văn chương, nhà văn trước hết hướng con người vào nguyên nhân của cái xấu với một lí trí sáng suốt nhưng bằng cả con mắt nhân đạo.

Bên cạnh việc đánh thức lòng nhân đạo để cảm thông cũng là thêm phần tố cáo cái xấu xa, đồng thời thẳng thắn chỉ ra nguyên nhân của cái ác, thì trong quá trình hướng thiện, nhà văn, thông qua văn chương còn cần phải nâng đỡ con người trong khả năng nhận thức lại chính mình. Ở nước ta, vào những năm sau chiến thắng giành độc lập, thống nhất Tổ quốc, trong xu hướng nhìn nhận lại nền văn học, không ít nhà văn đã phải thay đổi cái nhìn của mình về đời sống và con người, và một trong những nhà văn thành công nhất là Nguyễn Minh Châu với truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*. Thời kì chiến tranh, Nguyễn Minh Châu chủ trương đi tìm vẻ đẹp ẩn giấu trong hồn người, nhưng phần nhiều hướng về những người bình thường mang vẻ đẹp lí tưởng trong cảm hứng lãng mạn. Tuy nhiên, sau chiến tranh, nhà văn nhận ra trong con người ta trộn lẫn cả rỗng phượng, rấn rết và hiện thực đời sống bao giờ cũng đa diện, đa sắc chứ không chỉ rực rỡ, hoàn hảo. Sự nhận thức lại của nhà văn lập tức chi phối đến hàng loạt nhân vật trong sáng tác của mình, mà Phùng là một minh chứng tiêu biểu. Khởi hành trở lại miền đất mình từng chiến đấu, Phùng mong ước tìm thấy một bức ảnh, một sáng tác nghệ thuật gần như chạm đến cái đẹp hoàn hảo. Nhưng khi bức ảnh ấy xuất hiện, dường như nghệ thuật mà anh vẫn luôn tin tưởng nay không toàn mĩ, mà nó chỉ là thứ nghệ thuật "minh hoạ" được tráng lên một lớp men láng mịn, trong khi hiện thực phức tạp hơn rất nhiều. Người đàn bà hàng chài kia, con người sống trên chiếc thuyền trong bức ảnh như mộng, là hiện thân của trí tuệ cuộc đời, nhưng số phận bế tắc và tăm tối. Những trận đòn của người chồng khốn khổ, cái cam chịu của tấm lòng người mẹ nghĩ về những đứa con, cái vòng quẩn quanh nghèo đói, hết thấy những điều ấy không thể thể hiện hết trên mảnh giấy hai chiều và cũng không thể được giải quyết bằng những luật lệ hai chiều. Và cả người đàn ông kia nữa, anh ta cũng là nạn nhân của một chế độ xa rời đời sống. Sự nhận thức lại của Phùng đánh thức nhận thức của người đời. Ta nhận ra cuộc sống không đơn giản như ta hằng nghĩ, và dù chiến tranh đã qua rồi, thì vẫn còn bao nhiêu câu hỏi chưa có lời giải đáp. Chính sự nhận

thức lại ấy về một hiện thực tưởng như hoàn hảo và tươi sáng nhưng ẩn chứa bên trong bao nhiêu là bất công, chua chát đã khiến ta bùng nổ và quay lại trên con đường hướng thiện của mình.

Hiện thực đời sống đến với nhà văn, qua tác phẩm tới người đọc. Nhưng cái xấu, cái ác và cái thiện trộn lẫn vào nhau, khiến người ta đôi khi khó lòng phân biệt. Vậy nên một tác phẩm hướng con người đến sự nhận thức đúng đắn về nguyên nhân, bản chất cái xấu, cái ác chính là giúp người đọc nhận thức lại hiện thực đời sống và hướng người ta về cái đẹp. Nhà văn đi từ nhận thức đến điều chỉnh nhận thức, người đọc cũng vậy. Và để hướng đến cái thiện, cái đẹp, nghệ sĩ cần lắm một nền tảng nhân bản để làm thành bản lĩnh chiến thắng cái xấu, cái ác. Chỉ khi đó, văn chương mới thực sự là văn chương chân chính, đồng hành với con người trong hành trình vươn tới chân – thiện – mỹ!

(Bài đoạt giải Nhất – 17,5/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng tương đối tốt những yêu cầu cơ bản đặt ra trong đề bài.

Ở câu 1:

Bài viết có màu sắc cá nhân, thể hiện qua cách diễn đạt, dùng từ, giọng văn có nhịp, biết viết câu văn hô ứng, tăng tiến,...

Người viết đã có ý thức luận bàn bám sát vấn đề được đưa ra ở đề bài – "sống là toả sáng". Cách triển khai hệ thống luận điểm rõ ràng, chặt chẽ. Trong khi bàn luận, bằng sự trải nghiệm sâu sắc của bản thân về cuộc sống, người viết đã bày tỏ được những thức nhận sâu sắc và thuyết phục như: *Một cá nhân có khả năng sống đúng với khao khát của mình, đồng thời có khả năng học hỏi và hoà hợp cùng những cái tôi khác, chính là cái tôi có khả năng toả sáng.*

Tuy nhiên, nếu xác định rõ hơn tâm thế của một người trẻ để nói lên những khát vọng được toả sáng từ trong sâu thẳm trái tim mình thì có lẽ bài viết sẽ giàu xúc cảm hơn, sẽ thuyết phục cả trái tim và lí trí của người đọc. Bên cạnh đó, có lẽ do thiên về luận lí nên dẫn chứng trong bài viết còn ít và chưa hay. Đây cũng là một điểm yếu cần khắc phục.

Ở câu 2:

Câu 2 viết tốt hơn câu 1. Phần lí luận viết ngắn gọn, súc tích. Trên tinh thần hiểu đề, người viết đã luận bàn tương đối rõ về vấn đề chức năng của văn học chân chính là hướng thiện và hướng mỹ, thấy được mối quan hệ biện chứng giữa đối

tượng được phản ánh (cái ác, cái xấu) và mục đích hướng tới của văn học chân chính (cái đẹp, cái thiện). Có một số ý viết chắc tay như: *Vậy nên một tác phẩm hướng con người đến sự nhận thức đúng đắn về nguyên nhân, bản chất cái xấu, cái ác chính là giúp người đọc nhận thức lại hiện thực đời sống và hướng người ta về cái đẹp. Nhà văn đi từ nhận thức đến điều chỉnh nhận thức, người đọc cũng vậy. Và để hướng đến cái thiện, cái đẹp, nghệ sĩ cần lắm một nền tảng nhân bản để làm thành bản lĩnh chiến thắng cái xấu, cái ác. Chỉ khi đó, văn chương mới thực sự là văn chương chân chính, đồng hành với con người trong hành trình vươn tới chân – thiện – mỹ!*

Người viết khá tinh tế khi lựa chọn tác phẩm *Người trong bao* (Sê-khốp) và *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu) và có nhiều chỗ tỏ ra sâu sắc trong phân tích những biểu hiện cụ thể của việc phản ánh cái xấu, cái ác gắn với khát vọng hướng người đọc đến với cảm hứng nhân văn cao đẹp của mỗi tác phẩm.

Tuy nhiên, nếu phần lí luận và phần cảm nhận về tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu viết sâu một chút nữa thì có lẽ bài viết sẽ thuyết phục hơn.

BÀI LÀM SỐ 4

Câu 1.

Lúc nhỏ, tôi được thầy giáo kể cho nghe câu chuyện về hai cây nến. Có hai cây nến đang được thắp sáng ở hai căn phòng khác nhau. Bỗng xuất hiện cơn gió mạnh làm vụt tắt cả hai cây nến. Cây nến ở căn phòng thứ nhất nghĩ rằng nếu có cố gắng cháy sáng nữa thì cũng bị dập tắt mất thôi. Cây nến ở căn phòng thứ hai thì nghĩ ngược lại. Nó cố gắng hết sức làm bùng lên những tàn lửa cuối cùng, và nó đã cháy sáng, mang lại ánh sáng ấm áp cho cả gian phòng, đối lập hoàn toàn với căn phòng chìm trong bóng tối của cây nến kia. Với tôi, cuộc sống con người cũng phải như cây nến ở căn phòng thứ hai vậy. Sống là phải tỏa sáng.

Từ xa xưa đến nay, có rất nhiều quan điểm sống đúng đắn mà con người có thể lấy làm kim chỉ nam cho cuộc đời mình. “Sống là tỏa sáng” là một trong những phương châm sống tốt đẹp đó. Sống, theo nghĩa từ nguyên, là tồn tại trong mối quan hệ với tự nhiên và trong các mối quan hệ với cộng đồng xã hội. Sống là tồn tại ở trạng thái dương vô cùng. Con người không chỉ có đời sống vật chất, đảm bảo mọi điều kiện để trao đổi chất dinh dưỡng với môi trường tự nhiên mà còn có đời sống tinh thần, đảm bảo mọi điều kiện để nâng cao năng lực nhận thức của trí tuệ và tâm hồn. Sống là để tỏa sáng. Phải. Bạn sống, tôi sống, chúng ta sống là để khẳng định

cái tài và cái tâm của mình. Sống là để khẳng định giá trị và tài năng của bản thân và sống theo đúng chuẩn mực đạo đức của xã hội. Theo tôi, sống được như vậy là đã toả sáng.

Tạo hoá đã ban tặng cho con người một đặc quyền thiêng liêng – đó là sống. Van-gốc đã từng thốt lên rằng: “Đối với tôi không có gì tốt đẹp hơn là cuộc sống”. Dù cho ai nói với bạn điều gì đi chăng nữa, hãy vững tin rằng cuộc sống xung quanh ta chứa đầy hạnh phúc và niềm vui. Xuân Diệu, “thi sĩ mới nhất trong các nhà thơ mới”, đã hơn một lần khẳng định lối sống “vội vàng” của mình:

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ,

Em, em ơi tình non đã già rồi.

Ông sống gấp, sống nhanh là để tận hưởng và tận hiến. Tận hiến chính là toả sáng. Tôi chỉ toả sáng khi tôi khẳng định được bản ngã cá nhân của riêng tôi, khẳng định được cái tôi cá tính của mình, khẳng định được giá trị năng lực của riêng tôi, khi tôi có thể đánh bóng cái tên của mình thành: “là Một, là Riêng, là Thứ nhất”. Ánh sáng tôi toả ra cũng chỉ có giá trị khi nó tuân thủ đúng pháp luật và phù hợp với các chuẩn mực đạo đức, luân lí thời đại. Con người có thể toả sáng mạnh nhất, đẹp nhất, có hiệu quả nhất ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Các nhà khoa học vĩ đại như Ác-si-mét, Nô-ben, Anh-xtanh, Đác-uyn đã cống hiến những sáng tạo để mang lại văn minh, thay đổi cuộc sống của toàn nhân loại. Họ đã toả sáng. Các nhà hoạt động xã hội như mục sư Lu-thơ Kinh, mẹ Tê-rê-sa, dành cả cuộc đời mình đấu tranh cho dân quyền, bình quyền và mang yêu thương gắn kết thế giới. Họ đã toả sáng. Những nhà nghệ thuật như Bét-thô-ven, Pi-cát-sô, Vích-to Huy-gô, đã sáng tạo ra những tác phẩm có giá trị muôn đời để làm giàu thêm đời sống tinh thần. Họ đã toả sáng. Ngay cả trong tình yêu, tình cảm mạnh mẽ và mãnh liệt nhất thế giới, cũng đã toả sáng hai cái tên Ô-đi-xê và Pê-nê-lốp. Không ai yêu nhau chung thuỷ và hi sinh nhiều như họ. Họ đã góp phần khẳng định: Ở đâu còn sự sống ở đó còn tồn tại tình yêu.

Mỗi một cá nhân là một sự tổng hoà của các mối quan hệ xã hội. Tuy tồn tại, gắn kết trong một cộng đồng nhưng con người vẫn là một cái tôi cá nhân vô cùng độc đáo. Trên đời có triệu triệu vì sao nhưng cũng không thể phong phú bằng triệu triệu tế bào cấu thành nên cơ thể bạn. Tôi luôn tự nhủ với mình rằng: Tôi sinh ra không phải để làm dấu chân in trên mặt cát để sóng cuốn đi mất, tôi sinh ra là để đóng dấu tên mình trong cuộc đời. Chỉ khi bạn toả sáng thì sự tồn tại của bạn mới có ích. Khát vọng sống chân chính là khát vọng làm được điều gì đó để nâng sự sống lên và sống đúng với bản chất của con người. Sống là phải toả sáng cả tài lẫn tâm. Ánh sáng bạn toả ra không chỉ giúp thế giới nhìn thấy bạn mà còn nhìn thấy những

người xung quanh mình. Bạn biết Ních Vu-ji-ích chứ? Anh ấy quả thật là một người vĩ đại! Sinh ra với khiếm khuyết nặng nề trên cơ thể, không có hai tay hai chân, nhưng Ních không tuyệt vọng, vẫn luôn không ngừng hi vọng và ước mơ. Anh đi khắp nơi, truyền động lực sống cho rất nhiều người. Bản thân tôi, tôi rất khâm phục cô bạn Phương Anh – cô ca sĩ bị bệnh xương thủy tinh bước ra từ cuộc thi *Tìm kiếm tài năng Việt*. Bạn ấy được vinh danh là một trong những gương mặt thanh niên trẻ tiêu biểu năm 2013. Không chỉ khẳng định được tài năng ca hát của mình, bạn ấy còn trở thành đại sứ trẻ em khuyết tật của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc tại Việt Nam. Những con người như Ních, như Phương Anh, đã sống và khẳng định giá trị sống đích thực của mình!

Cuộc sống đẹp thật đấy, nhưng không phải lúc nào cũng toàn màu hồng. Giống như tờ giấy luôn có hai mặt, thế giới luôn tồn tại những thế cực đối lập nhau, có ánh sáng tất phải có bóng tối, có cái đẹp tất phải có cái xấu, có cái thiện tất phải có cái ác. Không phải lúc nào bạn cũng có điều kiện để tỏa sáng. Luôn phải biết giữ vững niềm tin, niềm lạc quan. Cuộc sống chỉ kết thúc khi bạn ngừng ước mơ. Đừng để khó khăn đánh gục. Thất bại chỉ là thành công bị trì hoãn mà thôi. Động lực, sự kiên nhẫn, chăm chỉ và dũng cảm chính là vũ khí mạnh mẽ nhất trên hành trình đi tìm sự tỏa sáng. Đặc biệt hơn, bạn phải biết tỏa sáng ngay cả trong bóng tối, phải vượt lên hoàn cảnh. Cách tốt nhất để chiến thắng số phận là bạn phải tấn công trước mọi khó khăn, thử thách trên đường đời.

Sống trên đời, ai mà chẳng muốn tỏa sáng, nhưng tỏa sáng đó phải thật sự chân chính thì mới có giá trị. Nhiều người dùng nhiều thủ đoạn để đạt được mục đích của mình nhưng họ không hiểu rằng thất bại trong tốt đẹp còn hơn thành công trong xấu xa. Am-strong bị ung thư nhưng vẫn bảy lần vô địch giải đua xe đạp vòng quanh nước Pháp, nhưng tiếc thay trong một lần thi đấu, anh đã sử dụng đô-ping. Chính anh đã đập đổ hình ảnh và lòng tin của mọi người dành cho mình. Hay như Na-pô-lê-ông, một trong những vị tướng và cũng là vị hoàng đế tài giỏi nhất trong lịch sử nước Pháp. Với ông, “vinh quang nào chẳng xây trên điểm nhục”. Tài năng của ông, đặc biệt là trong lĩnh vực quân sự, đã giẫm đạp lên biết bao xương máu của những con người vô tội. Chúng ta không nên quá thực dụng, cũng không nên quá ảo tưởng. Hãy bắt đầu hành trình tỏa sáng bằng chính tài năng và tâm huyết của mình, bắt đầu ở những điều kiện phù hợp với bản thân và phù hợp với hoàn cảnh. Tỏa sáng chân chính là giá trị cao nhất của tồn tại con người.

Thật đáng buồn cho những con người chỉ chui mình trong vỏ bọc của cuộc sống an toàn nhưng phẳng lặng và nhạt nhẽo. Họ trước hết là con người không có dũng khí, không đủ dũng cảm và không có lí tưởng để khẳng định bản thân. Họ

không hiểu rằng toả sáng là đích đến cuối cùng của sự sống. Mỗi cá nhân phải tự nhận thức được tầm quan trọng của việc khẳng định cái tâm và cái tài của bản thân. Chúng ta không chỉ toả sáng mà còn phải biết giúp người khác toả sáng. Hành tinh này đẹp nhất khi lấp lánh những ánh sáng khác nhau toả ra từ những cá nhân cụ thể hay từ những cộng đồng đoàn.kết, lớn mạnh. “Sống là toả sáng” luôn thôi thúc tôi, một thanh niên tương lai của Tổ quốc, phải luôn học tập hăng say, hết mình cống hiến những giá trị bản thân để xây dựng một cuộc sống tốt đẹp.

Lí tưởng chính là ngọn đèn soi sáng con đường đi vào lúc tăm tối nhất. “Sống là toả sáng, sống để toả sáng” chính là một trong những lí tưởng như vậy. Đối với một cây nến, cuộc sống có giá trị đích thực chỉ khi nó cháy sáng, dùng sáp trên chính thân mình để duy trì ngọn lửa. Con người cũng vậy. Cuộc sống có giá trị chính ở trong hành trình con người tự khẳng định bản thân mình để sống có ích giữa cuộc đời này.

Câu 2.

Có ai biết rằng bên trong chú ngài xấu xí làm lũi là cánh bướm rực rỡ đang đợi ngày phá kén chui ra để điểm tô cho đời. Có ai biết rằng đằng sau lớp vỏ xù xì và đầy gai nhọn của quả sầu riêng là những múi thịt quả mềm ngọt và toả hương ngào ngạt. Có ai biết rằng, đằng sau dáng vẻ thô mộc chân chất của những chú ong kia là khả năng tạo ra những giọt mật vô cùng quý giá – là sản phẩm có thể dùng làm thức ăn duy nhất mà không huỷ diệt sự sống. Là một người học văn, tiếp xúc với khá nhiều tác phẩm văn học, tôi nghĩ rằng: văn học chân chính ngay cả khi nói về cái xấu, cái ác cũng chỉ nhằm thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện.

Văn học là một đứa con trong đại gia đình nghệ thuật to lớn. Có rất nhiều ý kiến bàn về vấn đề: Thế nào là văn học chân chính? Theo quan điểm của cá nhân tôi, văn học chân chính là văn học phải có giá trị đích thực, chứa đựng đầy đủ các giá trị tư tưởng, tình cảm. Một tác phẩm chân chính phải phản ánh chân thực khách quan đời sống, phải chuyển tải được tư tưởng tình cảm của nhà văn và nâng cao năng lực thẩm mĩ cho người đọc. Văn học chân chính ngay cả khi nói về cái xấu, cái ác cũng chỉ nhằm thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện bởi nhà văn chỉ ra được cái xấu, cái ác là muốn mọi người lên án và phê phán nó. Đó là một tình cảm đẹp. Hơn nữa, một số nhà văn phản ánh cái xấu, cái ác là để chỉ ra những vẻ đẹp bị khuất lấp bên trong, những vẻ đẹp bị bụi bặm đời thường che khuất mất.

Văn học là nhân học, “văn học là gia sư của xã hội”. Nó chỉ thực sự chân chính khi chứa đựng đầy đủ những giá trị văn học. Giá trị thẩm mĩ là toàn bộ các giá trị đời sống được chiếm lĩnh trong tác phẩm. Giá trị thẩm mĩ là gốc của giá trị nghệ

thuật – bao gồm lí tưởng thẩm mĩ và cái hay cái đẹp mà nhà văn sáng tạo ra. Thước đo của giá trị nhận thức là sự chân thật của hiện thực được phản ánh, sự hiểu biết sâu sắc của tác giả và tầm phổ quát của tác phẩm. Thước đo của giá trị tư tưởng tình cảm là sự chân thành của cảm-xúc, sự độc đáo, tinh tế, mẫn cảm, mẫn tiệp trong cách nhìn, cách cảm nhận của tác giả và đặc biệt, các tư tưởng phải được thể hiện bằng chân lí chân – thiện – mĩ.

Xtăng-đan đã từng nhấn mạnh: “Văn học là tấm gương lớn di chuyển dọc theo đường đời”. Chức năng của văn học là phản ánh thực tại khách quan của cuộc sống. Văn học chiếm lĩnh thế giới bằng tư duy hình tượng. Nghệ thuật là bông hoa trong gương, là vầng trăng dưới mặt nước. Cuộc sống đi qua lăng kính cá nhân chủ quan của nhà văn sẽ trở thành những hình tượng sống động. Cái đẹp là một trong những đối tượng đầu tiên và quan trọng mà văn học phản ánh. Cái đẹp là sự hoàn thiện ở mức độ cao nhất khiến cho mọi người phải nâng niu, ngưỡng vọng và đề cao. Đó có thể là vẻ đẹp thiên nhiên tươi mơn mẫm và tràn đầy sức sống, tinh khôi, thanh tú:

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

(Hàn Mặc Tử, *Đầy thôn Vĩ Dạ*)

Văn học phản ánh nhiều đề tài, nhưng trọng tâm nhất vẫn là con người. Văn chương đề cao con người dưới những hình thức nghệ thuật khác nhau. Nguyễn Du, đại thi hào dân tộc, trong tuyệt tác *Đoạn trường tân thanh* dựng nên hai bức chân dung của chị em Thuý Kiều đã trở thành mẫu mực của cái đẹp biết bao thời:

*Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.
Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.*

Hay như

*Làn thu thủy nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.*

Tài năng và những phẩm chất tốt đẹp của con người cũng được rất nhiều nhà văn thể hiện trong sáng tác của mình. Đó là chàng trai Lục Vân Tiên luôn sống trọn đạo tình nghĩa, một nàng Kiều “hiếu nghĩa đủ đường”, một tay lái ra hoa của ông lái đò trên sông Đà, là vẻ đẹp và phẩm chất một thanh niên thời đại của “sợi chỉ xanh

óng ánh” – Nguyệt trong *Mảnh trăng cuối rừng*. Cái đẹp luôn là đích đến cuối cùng của văn chương. “Nhà văn luôn là người dẫn đường để đưa người đọc tới xứ sở của cái đẹp” như ai đó từng khẳng định.

Văn học chân chính không chỉ phản ánh cái đẹp, cái thiện, cái hùng, cái cao cả mà còn đề cập tới cái ác, cái xấu, cái phi lí, cái tàn bạo; nhưng điều đáng nói là trong quá trình lí giải và phản ánh chúng, nhà văn bao giờ cũng thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện. Kịch liệt lên án, phê phán cái xấu cũng giống như chủ trương ngợi ca cái đẹp. Khi chỉ ra cái xấu, cái ác, con người sẽ có cảm xúc tức giận, đau đớn, phẫn nộ, và sẽ tìm cách để loại trừ cái xấu, cái ác để hướng tới cái tốt đẹp hơn. Văn học là phương tiện để nhà văn chuyển tải tư tưởng, tình cảm của mình. Qua quá trình lay lan cảm xúc, người đọc có thể tiếp nhận được những giá trị tình cảm đúng đắn mà nhà văn muốn nhắn gửi. Ghê tởm và phê phán cái xấu, cái ác là tình cảm tốt đẹp của con người.

Đại thi hào Nguyễn Du, ngay từ cuối thế kỉ XVIII đã thể hiện cảm quan mang khuynh hướng hiện thực của mình trong bút pháp miêu tả, lột trần chân tướng tuyền nhân vật phản diện trong kiệt tác *Truyện Kiều*. Những kẻ vô loài, gian xảo, bán thịt buôn người hiện lên sống động dưới ngòi bút đại tài của nhà văn. Ông chỉ dùng một chữ mà có thể lột tẩy bản chất xấu xa, bóc trần mặt nạ giả dối mà nhân vật đang cố gắng đeo mang. Với Tú Bà thì: “Thoắt trông lòn lợt màu da/ Ăn gì cao lớn đầy đà làm sao”, với Mã Giám Sinh thì: “Ghế trên ngòi tốt số sàng”, với Hồ Tôn Hiến thì lại: “Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình”. Nguyễn Du không chỉ hướng sự phê phán vào từng nhân vật cụ thể, điểm nhìn trần thuật của ông vĩ mô hơn, bao quát hơn. Ông lên án chế độ phong kiến đang trượt dốc trên đà suy thoái, bộc lộ hết những mặt phản động của nó, một xã hội bị lũng đoạn bởi đồng tiền, chà đạp danh dự và nhân phẩm của con người. Thông qua sự phản ánh này, Nguyễn Du – “người có con mắt trông thấu sáu cõi và tấm lòng nghĩ suốt ngàn đời” (Mộng Liên Đường chủ nhân) đã thể hiện một tinh thần nhân văn sâu sắc. Ông đề cao, tôn vinh, ngợi ca những đáng bậc anh hùng tài hoa, tài tử như Thuý Kiều, Từ Hải, Kim Trọng. Ông trân trọng những phẩm giá tốt đẹp của con người và đồng tình với những ước mơ, những khát vọng chính đáng ở mọi thời đại. Xuôi dòng lịch sử đến với văn học hiện đại Việt Nam, chúng ta tự hào khi có một cây bút hiện thực xuất sắc Vũ Trọng Phụng. Đúng như “Cổ kim hận sự thiên nan vấn/ Phong vận kì oan ngã tự cư” (Nguyễn Du, *Độc Tiểu Thanh kí*), Vũ Trọng Phụng là một phận tài hoa bạc mệnh. Ông sớm ra đi, nhưng vẫn để lại cho đời sống văn học một khối lượng tác phẩm đồ sộ và giàu giá trị. Tên tuổi của ông gắn liền với tiểu thuyết *Số đỏ* – bức tranh toàn cảnh về xã hội Việt Nam trước Cách mạng. Quan điểm nghệ thuật của Vũ Trọng Phụng là chỉ phản ánh “sự thật ở đời”, sự thật của một xã hội “giả dối, chó đẩu, vô

nghĩa lí” với tầng lớp trí thức thượng lưu ngu dốt nhưng hay bịp bợm khoe mẽ. Ông viết với tất cả sự lên án, đả kích kịch liệt và niềm phẫn uất không nguôi. Chính niềm phẫn uất đó đã giúp ông dựng nên những chân dung bất hủ, đặc biệt là Xuân Tóc Đỏ – “một tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình” (Ăng-ghe-nh). Người đọc vừa được cười cùng ngòi bút trào phúng xuất sắc của Vũ Trọng Phụng, vừa lại tự nhận thức được cái hài “là cái trống rỗng về bên trong nhưng lại được che đậy bằng cái vỏ huênh hoang tự cho là có nội dung và giá trị đích thực” (Séc-nư-sép-xki), là cái đáng phải phê phán và bị loại trừ. Từ việc nhận thức được chân lí đúng đắn ấy cùng việc xây dựng thành công điển hình Xuân Tóc Đỏ, Vũ Trọng Phụng đã thể hiện khát vọng hướng tới cái đẹp của nhà văn. Lỗ Tấn, nhà văn giàu tâm huyết của Trung Quốc cũng vậy. Qua tác phẩm *Thuốc*, Lỗ Tấn muốn cảnh tỉnh về một căn bệnh thập tử nhất sinh của quốc dân mình – căn bệnh u mê tăm tối đang ăn dần ăn mòn tương lai của quốc gia Hoa Hạ. Phản ánh cái xấu ở đây chính là một liều thuốc tinh thần giúp nhân dân Trung Hoa tỉnh ngộ lên đường tranh đấu hướng tới thế giới tương lai tốt đẹp.

Văn học chiếm lĩnh thế giới qua con đường khám phá, cất nghĩa và lí giải các hiện tượng đời sống. Nam Cao, một cây bút xuất sắc khác của chủ nghĩa hiện thực rất thành công trong vấn đề này. Nam Cao luôn nhìn thẳng vào các vấn đề đời sống và con người thuộc về cái xấu cái ác nhưng là để tìm ra nguyên nhân của sự tha hoá ấy. Ngòi bút của ông như lưỡi dao của nhà giải phẫu, lách sâu vào từng nhân vật, khám phá con người bên trong con người. Cả đời văn Nam Cao cứ đau đáu nhìn vào vấn đề nhân cách. Tài năng của ông kết tinh rực rỡ nhất ở hình tượng Chí Phèo – một tên lưu manh, một thằng quý dũ, thằng đầu bò gieo rắc bao nhiêu tai hoạ cho người dân làng Vũ Đại nhưng lại biết khao khát làm người. Miêu tả quá trình lưu manh hoá và bị cự tuyệt quyền làm người của Chí Phèo, Nam Cao đồng dạng cất lên tiếng nói lên án cái xã hội ăn thịt người vô nhân và vô luân. Chỉ ra bản chất tốt đẹp của phần lương thiện cuối cùng trong cuộc đấu tranh giữ lại nhân tính của Chí, Nam Cao trân trọng khát vọng lương thiện và cất cao tiếng nói bênh vực nhân phẩm, bảo vệ quyền sống cho những con người bị dập vùi tàn nhẫn bởi chế độ xã hội bất công và bất nhân. Hơn năm mươi năm sau, cũng có một Nguyễn Minh Châu chỉ ra cho chúng ta thấy đằng sau người đàn bà hàng chài lam lũ thất học kia là một tâm hồn ẩn chứa vẻ đẹp ngời sáng như ngọc của một người phụ nữ giàu đức hi sinh, giàu lòng dũng cảm và thấu suốt lẽ đời bị bụi bặm ngày thường che lấp mất.

Văn học chân chính ngay cả khi nói về cái xấu, cái ác cũng chỉ nhằm thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện là một ý kiến hoàn toàn đúng đắn. Đó là bài học đắt giá cho nhà văn khi cầm bút. Muốn được như vậy nhà văn phải sống ở giữa, ở trong cuộc đời, phải có một trái tim đa cảm, biết rung động mãnh liệt trước cái đẹp và cả

cái xấu, trước niềm vui và nỗi buồn của con người. Nhà văn phải có con mắt tinh đời để phát hiện ra bản chất cuộc sống, những bản chất không hiện lộ ra ngoài ở những điều dễ thấy. Nhà văn còn cần phải có tài năng để xây dựng một thế giới hình tượng hấp dẫn và có tâm huyết để phản ánh đúng sự thật cuộc sống mà không thoát li, ảo tưởng. Ý kiến trên là bài học cho cả người đọc, khi tiếp nhận văn học cần phải chủ động tích cực, đào sâu suy nghĩ những tư tưởng tình cảm mà tác giả không trực tiếp gửi gắm. Đối với đời sống xã hội và đời sống văn học, văn chương chân chính bao giờ cũng cung cấp cái nhìn nhiều chiều toàn diện về cuộc đời và con người.

Nghệ thuật không chỉ phản ánh cái đẹp, đặc biệt là cái đẹp thơ mộng ngay trên bề mặt, nghệ thuật phải thấu thị được bề sâu của cuộc sống với trung tâm là con người với những khổ đau, bất hạnh. Tác phẩm văn học chỉ được coi là văn chương chân chính và có giá trị khi nói về cái xấu, cái ác mà vẫn nhằm thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện.

(Bài đoạt giải Nhi – 17/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng khá đầy đủ những yêu cầu cơ bản đặt ra trong đề bài.

Ở câu 1:

Người viết đã đồng tình và bày tỏ quan điểm sâu sắc của mình về vấn đề "sống là toả sáng". Người viết khẳng định: *Sống là để khẳng định giá trị và tài năng của bản thân và sống theo đúng chuẩn mực đạo đức của xã hội. Theo tôi, sống được như vậy là đã toả sáng.* Tiếp đó bài viết tập trung bàn luận sâu vào vấn đề những biểu hiện của lối sống toả sáng: *Tận hiến chính là toả sáng... là một cái tôi cá nhân vô cùng độc đáo... Sống là phải toả sáng cả tài lẫn tâm. Ánh sáng bạn toả ra không chỉ giúp thế giới nhìn thấy bạn mà còn nhìn thấy những người xung quanh mình.* Thúc nhận về phương cách và con đường để "toả sáng", người viết đã đưa ra những ý kiến khá sâu sắc: *Không phải lúc nào bạn cũng có điều kiện để toả sáng. Luôn phải biết giữ vững niềm tin, niềm lạc quan. Cuộc sống chỉ kết thúc khi bạn ngừng ước mơ... Đặc biệt hơn, bạn phải biết toả sáng ngay cả trong bóng tối... Phần phần đề viết tốt.*

Tuy nhiên, đôi khi do chưa làm chủ được cảm xúc nên văn viết có những đoạn mạch liên kết lô-gích còn lỏng, chưa súc tích, chẳng hạn như đoạn: *(Tạo hoá đã ban tặng cho con người một đặc quyền thiêng liêng – đó là sống... Con người toả sáng mạnh nhất, đẹp nhất, có hiệu quả nhất ở nhiều lĩnh vực khác nhau.)*

Ở câu 2:

Hiểu đề nên đã luận bàn tương đối rõ về vấn đề chức năng của văn học chân chính, thấy được mối quan hệ biện chứng giữa đối tượng được phản ánh (cái ác, cái xấu) và mục đích hướng tới của văn học chân chính (cái đẹp, cái thiện). Có một số ý viết chắc tay, ví dụ như đoạn: *Văn học chân chính không chỉ phản ánh cái đẹp, cái thiện, cái hùng, cái cao cả mà còn đề cập tới cái ác, cái xấu, cái phi lí, cái tàn bạo; nhưng điều đáng nói là trong quá trình lí giải và phản ánh chúng, nhà văn bao giờ cũng thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện. Kịch liệt lên án phê phán cái xấu cũng giống như chủ trương ngợi ca cái đẹp. Khi chỉ ra cái xấu, cái ác, con người sẽ có cảm xúc tức giận, đau đớn, phẫn nộ, và sẽ tìm cách để loại trừ cái xấu cái ác để hướng tới cái tốt đẹp hơn. Văn học là phương tiện để nhà văn chuyển tải tư tưởng, tình cảm của mình. Qua quá trình lây lan cảm xúc, người đọc có thể tiếp nhận được những giá trị tình cảm đúng đắn mà nhà văn muốn nhấn gửi. Ghê tởm và phê phán cái xấu cái ác là tình cảm tốt đẹp của con người.*

Phần cảm thụ tác phẩm để làm sáng tỏ nhận định, người viết có lựa chọn khá phong phú các tác phẩm văn học Việt Nam và văn học nước ngoài, từ đó phân tích được những biểu hiện cụ thể của việc phản ánh cái xấu, cái ác trong mỗi tác phẩm, làm nổi bật khát vọng của nhà văn: thông qua việc miêu tả cái xấu, cái ác, hướng người đọc đến với cảm hứng nhân văn cao đẹp.

Tuy nhiên, phần lí luận bàn về phạm trù thẩm mĩ và biểu hiện của cái đẹp trong văn học hơi nhiều. Giá như luận bàn về mối quan hệ biện chứng giữa đối tượng được phản ánh (cái ác, cái xấu) và mục đích hướng tới của văn học chân chính (cái đẹp, cái thiện) thì sẽ trúng hơn. Phần cảm thụ tác phẩm để làm sáng tỏ nhận định hơi tham về số lượng nên viết chưa sâu, chưa có điểm nhấn.

BÀI LÀM SỐ 5

Câu 1.

Mỗi vì sao đều cố gắng chiến thắng mây mù để toả sáng. Mỗi chú sư tử đều chiến đấu để bước lên vị trí tối cao trong đàn. Mỗi con người đều mang khao khát thành công cuộc sống. Vậy, phải chăng "sống là toả sáng"?

Toả sáng nghĩa là khẳng định được bản thân, tìm được vị trí xứng đáng của mình trong xã hội, là bước chân lên đỉnh vinh quang. Nhưng toả sáng cũng có thể đơn giản chỉ là làm một việc với hết sức của mình, là dũng cảm đi theo lí tưởng,

thách thức gian nguy và đông tố cuộc đời. Toả sáng tưởng chừng là một khái niệm rất trừu tượng mà lại vô cùng gần gũi. Toả sáng là khát vọng sống cao đẹp của mỗi con người, đó cũng chính là ước muốn con người trở nên có ý nghĩa và hữu ích với nhân sinh.

Sống không nên hiểu là việc tồn tại vật chất. Sống không chỉ là hoạt động trao đổi chất với môi trường, không chỉ ăn và ngủ. Sống phải là một hoạt động mà sự tồn tại của nó góp ích cho nhân loại. Sống phải xứng đáng với danh hiệu cao quý – CON NGƯỜI. Sống là toả sáng, ý kiến đã đưa ra một quan niệm sống tích cực cho con người. Sống để khẳng định bản thân mình? Sống là nỗ lực không ngừng.

Sống là toả sáng! Đây là một quan niệm đúng đắn. Sống có phải là sống không nếu chỉ là một ngày ba bữa cơm, là làm những công việc vô bổ để mà “giết thời gian” và tối đến thì ngủ vì “không có việc gì làm”? Có phải là sống không nếu ngày nào ta cũng chỉ biết làm có từng ấy việc, lặp đi lặp lại, không hề có điều gì mới mẻ, không hề có niềm vui hứng thú? Phải chăng, sống chỉ là bình yên trong “ao đời phẳng lặng”? Một cuộc sống như thế đâu đáng sống! Một xã hội chỉ toàn những kiếp sống (mà đúng ra là tồn tại!) như vậy thì đâu thể nào phát triển được. Khi con người cố gắng để “toả sáng” họ sẽ sống một cuộc đời có ý nghĩa hơn rất nhiều. Họ sẽ nỗ lực hoàn thiện bản thân, sẽ không ngần ngại bước đi trên con đường lí tưởng, sẽ không bỏ lỡ một phút giây vàng ngọc nào. Đó mới đích thực là cuộc sống.

Trong thực tế, đã có rất nhiều tấm gương trở thành minh chứng cho quan điểm trên. Có biết bao nhiêu tài năng âm nhạc đã cố gắng rèn luyện bản thân để “toả sáng” trên sân khấu bằng chính thực lực của mình. Ngay cả chúng tôi, khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường, ai cũng cố gắng rèn luyện, học tập để có thể khẳng định vị trí của mình khi bước vào đời. Hàng năm, nước ta có biết bao nhiêu giải cao trong các cuộc thi Ô-lym-píc quốc gia và quốc tế. Trong các kì thi Rô-bô-con (Cuộc thi sáng tạo rô-bốt châu Á-Thái Bình Dương), rô-bốt của Việt Nam luôn đứng trong thứ hạng cao. Có biết bao thanh niên góp hết sức mình trong các phong trào tình nguyện. Đó chẳng phải là những con người đã “toả sáng” sao?

Là học sinh miền sơn cước, tôi rất ngưỡng mộ anh học sinh hai lần đoạt huy chương vàng trong kì thi Vật lí quốc tế. Một học sinh Sơn La đã đạt được một thành tích mà ngay cả học sinh nơi các thành phố lớn cũng phải khâm phục. Đó là anh Ngô Phi Long, cựu học sinh Trường Trung học phổ thông chuyên Sơn La. Anh đã “toả sáng”, mang lại danh tiếng cho chính bản thân mình. Đồng thời, đó cũng là ngôi sao soi sáng tên tuổi của ngôi trường anh học: Trung học phổ thông chuyên Sơn La, một trường mà trước đó vẫn chưa có vị trí cao trong hệ thống các trường học trên cả nước.

Tuy nhiên, sống toả sáng, không phải là dễ dàng. Ai cũng có cơ hội để toả sáng. Nhưng con đường nào trái bằng hoa hồng cũng ẩn giấu vô số những mũi gai. Và không phải ai cũng có đủ dũng khí, quyết tâm, tài năng để đi hết con đường ấy. Để có thể đột lên chiếc vòng nguyệt quế cao quý kia, mỗi con người cần có ý chí kiên cường và cũng phải rèn luyện tài năng của mình. Tôi chợt nhớ đến câu chuyện về một chú chim chi hót một lần trong đời nhưng hót hay nhất thế gian. Có lần, chú bay đi tìm bụi mận gai và giữa đám cành gai góc, chú cất lên bài ca của mình và lao ngực vào chiếc gai dài nhất, nhọn nhất. Nhưng bài ca kia đã khiến cho thế giới im lặng lắng nghe, cho sơn ca, hoạ mi phải ghen tị và cả thưng đế cũng phải mỉm cười. "Bởi vì tất cả những gì tốt đẹp nhất chỉ có thể có được nếu chịu trả giá bằng nỗi đau khổ vĩ đại..." (*Tiếng chim hót trong bụi mận gai*).

Khi "sống toả sáng", họ sẽ được mọi người kính phục, noi theo. Chàng thanh niên Pa-ven dù phải chịu bao hi sinh, bao đau đớn nhưng vẫn một lòng phục vụ cách mạng, theo đuổi lí tưởng (*Thép đã tôi thế đấy*). Một Ri-va-récch dù phải hi sinh cả tình cảm cá nhân và cả tính mạng mình vẫn sống với lí tưởng của mình, sống với cuộc đấu tranh thống nhất nước Ý (*Ruôi trâu*). Trong kháng chiến chống Pháp và Mĩ có biết bao chàng trai, cô gái, đã hi sinh cuộc sống của bản thân vì tự do cho dân tộc, cho Tổ quốc. Bác Hồ, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc đã bôn ba khắp nơi trên trái đất để tìm "hình của nước", để tìm con đường đấu tranh đúng đắn cho dân tộc. Những con người ấy đã ghi tên mình vào bất tử. Thời gian có thể huỷ hoại thân thể họ nhưng linh hồn họ, trái tim họ vẫn mãi trường tồn.

Tuy nhiên không phải ai cũng biết "sống là toả sáng". Có rất nhiều người sống trong đời một cách mờ nhạt. Họ sống trong vòng quanh quẩn, ngày nào cũng thế, tháng nào cũng vậy. Họ sống "Quanh quẩn mãi với vài ba dặng điệu/ Tới hay lui cũng từng ấy mặt người" (Huy Cận). Họ có "khát khao cất cánh bay nhưng lại bị nỗi lo cơm áo ghi sát đất" (Nam Cao, *Sống mòn*) để rồi phải chịu sống cuộc "Đời thừa", "Chết ngay cả khi đang sống". Cũng có những người tuyệt đối hoá sự "toả sáng" đến mức cực đoan. Họ cho rằng "toả sáng" là nổi tiếng. Họ làm đủ mọi cách để có sự "toả sáng" ấy. Có rất nhiều ca sĩ, người mẫu cố tình tạo ra những vụ bê bối, tai tiếng mong để được mọi người quan tâm đến. Như vậy là "toả sáng", là họ đã được nổi tiếng! Nhưng cách nghĩ, lối sống như vậy cần phải lên án và bài trừ. Có vậy thì xã hội mới có thể phát triển được. Xuân Diệu đã từng viết:

*Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt,
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm*

(Giục giã)

Cuộc đời con người là vô cùng ngắn ngủi mà thời gian thì lại trôi chảy nhanh đến không ngờ. Chúng ta đừng để thời gian trôi đi mất rồi mới tiếc nuối vì sao không thể nọ, đáng lẽ phải thế kia. Hãy sống hết mình, sống để toả sáng. Dù đã rất lâu rồi, tôi vẫn nhớ đến *Thép đã tôi thế đấy* cùng câu châm ngôn của Pa-ven: "Cái quý nhất của con người là sự sống. Đời người chỉ sống có một lần. Phải sống sao cho khỏi xót xa, ân hận vì những tháng năm đã sống hoài, sống phí; cho khỏi hổ thẹn vì dĩ vãng ti tiện và dờn hèn...".

Câu 2.

Có một câu chuyện kể rằng: Khi một tên trộm đánh cắp được chiếc va-li của một người giàu có, hắn đã thấy trong đó có một quyển truyện. Đọc xong quyển truyện ấy, cảm động với nhân vật trong truyện, ông đã trả lại cái va-li với một lời cảm ơn và đi đầu thú. Câu chuyện có phần hơi phóng đại nhưng cũng thể hiện rất rõ khả năng giáo dục của văn chương: "nâng con người lên". Nói về chức năng ấy của văn học, có ý kiến cho rằng: "Văn học chân chính ngay cả khi nói về cái xấu, cái ác cũng chỉ nhằm thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện".

Văn học chân chính là văn học hướng về con người. Nó phải có khả năng làm cho tâm hồn con người trong sáng hơn. Nó "giữ con người không sa xuống thành con vật, nhưng cũng không biến thành những ông thánh vô bổ, vô duyên". Nó phải phục vụ cho chân - thiện - mỹ và hướng con người đến chân - thiện - mỹ. Ai đó đã nói rằng, xét đến cùng, chức năng của văn chương là nhân đạo hoá con người. Vì vậy, nó phải thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện.

Cái đẹp, cái thiện trong văn học có thể hiển hiện rõ ràng ngay trong tác phẩm. Đó là cái đẹp của tài sắc vẹn toàn của nàng Kiều:

*Làn thu thủy nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một tài đành họa hai.*

Đó cũng có thể là cái đẹp của thiên lương trong sáng và tài hoa trác tuyệt của Huấn Cao, là cái đẹp của bức lụa với "những nét chữ vuông tươi tắn, nó nói lên cái hoài bão tung hoành của một đời con người" và cái khí phách "Nhất sinh đê thủ bách mai hoa" (Cả đời chỉ cúi đầu bách hoa mai) của Cao Bá Quát, nguyên mẫu hình tượng nhân vật Huấn Cao. Đó là vẻ đẹp "đưa tình hoa với trời đất, tranh tài của tạo hoá" - một Cửu Trùng Đài nguy nga... Đó cũng có thể là những vẻ đẹp khuất lấp trong tâm hồn con người. Đó là tình yêu thương con vô bờ bến của một người đàn bà bất hạnh phải mang trên mình ngoại hình khắc khổ và một số phận đau thương

(Nguyễn Minh Châu, *Chiếc thuyền ngoài xa*). Đó là tình người chân thật và khát vọng được yêu thương của một Thị Nở – con người “ngẩn ngơ như những người đàn trong cổ tích” và “xấu ma chê quỷ hờn”, “cái mặt của thị thực là một sự mỉa mai của hoá công...” (Nam Cao, *Chí Phèo*) và một tâm hồn, một lương tri trời dậy của con quỷ làng Vũ Đại. Nhìn vào cái mặt “của một con vật lạ..., nó vàng vàng mà nhuốm sạm màu gio, nó vẫn ngang vẫn dọc không thứ tự biết bao nhiêu là sẹo” kia, ai có thể thấy được một khao khát trở lại làm người lương thiện của Chí. Chỉ có Nam Cao mà thôi. Đó chính là những cái đẹp thể hiện rõ nét trong các tác phẩm.

Tuy nhiên, không chỉ viết về cái đẹp mới là “thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện”, mới là văn chương chân chính. Ngay cả khi nói về cái xấu, cái ác, văn học cũng nhằm hướng tới cái đẹp và cái thiện. Có thể nhìn bề ngoài, đây là một mâu thuẫn nhưng khi đi sâu vào bản chất của văn học, ta sẽ thấy mối liên quan của chúng. Khi nói về cái xấu, cái ác nhà văn đâu có: khuyến khích người đọc: hãy ác như nó, xấu xa như nó. Không, không hề có thứ “văn chương chân chính” nào lại khuyến khích con người tội lỗi cả. Văn học nói đến cái xấu, cái ác là để cho mọi người nhìn rõ bản chất của nó, để mọi người phê phán nó, bài trừ nó ra khỏi con người mình. Văn học viết về cái xấu, cái ác là để khơi lên những cảm xúc thẩm mỹ tích cực của con người. Văn học nói về cái xấu, cái ác là để con người tự nhìn nhận lại bản thân và hướng tới việc hoàn thiện mình hơn. Như vậy, cái đích của việc miêu tả cái xấu, cái ác vẫn là để hướng về cái đẹp và cái thiện. Đọc *Tấn trò đời* của Ban-dắc, ta thấy rõ bộ mặt của xã hội Pháp đương thời – một xã hội mà đồng tiền lên ngôi còn những giá trị tốt đẹp của con người bị vùi dập. Nhưng qua đó, Ban-dắc hướng con người đến một lối sống đẹp hơn, biết coi trọng giá trị con người hơn. Đọc *Vua Lia* của Séch-xpia ta thấy căm tức nhưng cũng giật mình soi lại lương tâm. Liệu đã bao giờ ta sống ích kỷ như vậy chưa? Ta đã báo đáp được gì cho những bậc sinh thành? Và từ đó, ta sẽ hướng tới một cách sống đẹp hơn. Đâu thể sống không tốt với cha mẹ khi mà chính ta căm ghét thái độ sống đó.

Vũ Trọng Phụng là cây bút xuất sắc của nền văn học hiện thực phê phán Việt Nam. Ông đã bị nhiều người chỉ trích. Họ cho rằng những đứ con tinh thần của Vũ Trọng Phụng chỉ mang tính tố cáo hiện thực xã hội đồng tiền xấu xa, “chó đểu” chứ không hề mang lại giá trị nhân đạo, không hề giúp tâm hồn người đọc trong sáng hơn. Nhưng tôi không cho rằng vậy. Sáng tác của “ông vua phóng sự đất Bắc” đã bóc trần bộ mặt xấu xa của xã hội và qua đó, hướng người đọc đến với những cảm xúc thẩm mỹ tốt đẹp. Đọc *Giông tố*, ta thấy sao mà căm tức tên Nghị Hách vừa dâm lại vừa đểu, sao mà khinh những nhà nho ra vẻ rất đường hoàng của một người có học nhưng rồi lại chạy theo đồng tiền mà bỏ mặc hạnh phúc của con. Ta thấy sao

mà thương, mà giận Long, Mịch – những con người lương thiện bị xã hội đổ đen kia làm cho tha hoá. Những cảm xúc ấy sẽ là ngọn đèn soi sáng bước chân ta, là biển báo cấm ta đi vào con đường sai trái. *Số đỏ* – một đỉnh cao trong nghệ thuật trào phúng của Vũ Trọng Phụng cũng là một tấm biển như thế. Một ông Tuýp-phờ-nờ luôn vì sự nghiệp Âu hoá nhưng lại cấm tiết vợ và con ông mặc những sáng tạo của ông. Một tên Xuân Tóc Đỏ “ma cà bông” bỗng trở thành “Đốc-tờ Xuân”, anh hùng cứu quốc,... Cả *Số đỏ* là một vở hài kịch và mỗi chương lại là một màn kịch rất đắt giá. *Hạnh phúc của một tang gia* là một trong những màn hay nhất của vở hài kịch về xã hội thượng lưu đương thời. “Hạnh phúc” lại đi đôi với một từ đáng lẽ phải mang sắc điệu buồn “tang gia” đã phần nào vén tấm màn mâu thuẫn. Một đám tang “to”, kết hợp cả “ta, Tàu, Tây” nhưng lại thiếu đi cái quan trọng nhất: tình người, sự tiếc thương cho người mới mất. Một ông Văn Minh đắn đo xem phải xử trí sao với Xuân Tóc Đỏ – “gây hai cái tội nhỏ và một cái ơn to” (làm cho ông cụ già “đáng chết” phải chết!). Một bà Văn Minh, ông “Phán mọc sừng” suy tính kiếm ăn trên xác chưa lạnh của người đã chết. Một cô Tuyết muốn chứng minh cho mọi người biết mình chưa mất cả chữ “trinh”. Một Xuân Tóc Đỏ đi xe chen vào giữa đoàn người đưa ma để gây nổi bật. Cậu Tú Tân và các bạn lấy đây làm dịp để khoe những chiếc máy ảnh mang từ bên Tây về, “đứng cả lên những ngòi mộ xung quanh chụp ảnh cho đỡ giống nhau”. Tất cả những nhân vật ấy đã làm nên một màn hài kịch cười ra nước mắt, cảnh tỉnh con người trước sự băng hoại đạo đức.

Tuy nhiên, văn chương chân chính không chỉ có nội dung mà còn phải có phương thức thể hiện độc đáo. Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, không có sáng tạo, tác phẩm văn chương sẽ không thể “nằm ngoài các định luật của sự băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết”.

Ý kiến trên đã cho ta một cách nhìn nhận tác phẩm sâu sắc. Đây là một ý kiến đúng đắn, là kim chỉ nam cho những người tiếp nhận. Đừng bỏ rơi tác phẩm vì nó viết về cái xấu, cái ác, hãy rút ra những bài học làm người từ đó.

(Bài đoạt giải Nhì – 17/20 điểm)

NHẬN XÉT

Bài làm đã đáp ứng khá đầy đủ những yêu cầu cơ bản đặt ra trong đề bài.

Ở câu 1:

Người viết đã nêu rõ cách hiểu “sống là toả sáng”: *Toả sáng nghĩa là khẳng định được bản thân, tìm được vị trí xứng đáng của mình trong xã hội, là bước chân lên*

đỉnh vinh quang. Nhưng toả sáng cũng có thể đơn giản chỉ là làm một việc với hết sức của mình, là dùng cảm đi theo lí tưởng, thách thức gian nguy và đông tố cuộc đời. Toả sáng tưởng chừng là một khái niệm rất trừu tượng mà lại vô cùng gần gũi. Toả sáng là khát vọng sống cao đẹp của mỗi con người, đó cũng chính là ước muốn con người trở nên có ý nghĩa và hữu ích với nhân sinh.

Từ đó, đồng tình và bày tỏ quan điểm sâu sắc của mình về vấn đề "sống là toả sáng".

Bài viết có bố cục rõ ràng, mạch lạc. Có những luận điểm viết chắc tay, chẳng hạn: *Sống phải xứng đáng với danh hiệu cao quý – CON NGƯỜI... Sống để khẳng định bản thân mình, sống là nỗ lực không ngừng... Tuy nhiên, sống toả sáng, không phải là dễ dàng. Ai cũng có cơ hội để toả sáng. Nhưng con đường nào trái bằng hoa hồng cũng ẩn giấu vô số những mũi gai. Và không phải ai cũng có đủ dũng khí, quyết tâm, tài năng để đi hết con đường ấy.* Người viết cũng đã có ý thức bàn sâu, mở rộng vấn đề khi viết: *Có rất nhiều người sống trong đời một cách mờ nhạt. Họ sống trong vòng quanh quẩn, ngày nào cũng thế, tháng nào cũng vậy... để rồi phải chịu sống cuộc "Đời thừa", "Chết ngay cả khi đang sống". Cũng có những người tuyệt đối hoá sự "toả sáng" đến mức cực đoan. Họ cho rằng "toả sáng" là nổi tiếng. Họ làm đủ mọi cách để có sự "toả sáng" ấy. Có rất nhiều ca sĩ, người mẫu cố tình tạo ra những vụ bê bối, tai tiếng mong để được mọi người quan tâm đến. Như vậy là "toả sáng", là họ đã được nổi tiếng! Những cách nghĩ, lối sống như vậy cần phải lên án và bài trừ.*

Tuy nhiên, phần luận bàn về biểu hiện, bản chất, cách thức toả sáng còn chưa sâu. Bởi vậy, bài viết chưa có điểm nhấn, chưa để lại những thức nhận thật sâu sắc trong lòng người đọc.

Ở câu 2:

Phần lí luận bàn trúng vấn đề chức năng của văn học chân chính, thấy được mối quan hệ biện chứng giữa đối tượng được phản ánh (cái ác, cái xấu) và mục đích hướng tới của văn học chân chính (cái đẹp, cái thiện). Có một số ý viết chắc tay, ví dụ như đoạn: *Khi nói về cái xấu, cái ác nhà văn đâu có khuyến khích người đọc hãy ác như nó, xấu xa như nó. Không, không hề có thứ "văn chương chân chính" nào lại khuyến khích con người tội lỗi cả. Văn học nói đến cái xấu, cái ác là để cho mọi người nhìn rõ bản chất của nó, để mọi người phê phán nó, bài trừ nó ra khỏi con người mình. Văn học viết về cái xấu, cái ác là để khơi lên những cảm xúc thẩm mĩ tích cực của con người. Văn học nói về cái xấu, cái ác là để con người tự nhìn nhận lại bản*

thân và hướng tới việc hoàn thiện mình hơn. Như vậy, cái đích của việc miêu tả cái xấu, cái ác vẫn là để hướng về cái đẹp và cái thiện.

Phần cảm thụ tác phẩm để làm sáng tỏ nhận định, người viết có sự lựa chọn tinh tế và khá phong phú các tác phẩm văn học Việt Nam và văn học nước ngoài, từ đó phân tích được những biểu hiện cụ thể của cái xấu, cái ác trong mỗi tác phẩm, làm nổi bật được khát vọng của nhà văn: thông qua việc miêu tả cái xấu, cái ác, hướng người đọc đến với cảm hứng nhân văn cao đẹp.

Tuy nhiên, tác phẩm được huy động để làm sáng tỏ nhận định hơi tham về số lượng nên viết chưa sâu, chưa có điểm nhấn. Bài viết có vẻ hơi vội, gây cảm giác tiếc nuối ở người đọc.

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu

3

NĂM	NỘI DUNG	
	Đề bài	7
2004	Câu 1. Nhà phê bình Hoài Thanh viết: <i>Thích một bài thơ, theo tôi nghĩ, trước hết là thích một cách nhìn, một cách nghĩ, một cách xúc cảm, một cách nói, nghĩa là trước hết là thích một con người.</i> Anh (chị) suy nghĩ như thế nào về ý kiến trên?	
	Câu 2. Phân tích vẻ đẹp của đoạn văn sau đây (Nguyễn Tuân, <i>Chữ người tử tù</i>): <i>Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn [...] Kể mê muội này xin bái lĩnh.</i>	
	Yêu cầu làm bài	8
	Bài làm.....	10
	Nhận xét.....	16
	Đề bài	17
2007	Câu 1. Trong việc nhận thức, F. Ăng-ghen có phương châm: <i>Thà phải tìm hiểu sự thật suốt đêm còn hơn nghi ngờ nó suốt đời</i> , C. Mác thì thích câu châm ngôn: <i>Hoài nghi tất cả.</i> Anh (chị), hiểu thế nào về những ý tưởng trên?	
	Câu 2. Có ý kiến cho rằng: <i>Khi tác phẩm kết thúc, ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu.</i> Anh (chị) hãy bình luận ý kiến đó.	
	Câu 3. Cảm nhận của anh (chị) về đoạn văn sau đây trong truyện ngắn <i>Hai đứa trẻ</i> của Thạch Lam: <i>Chuyến tàu đêm nay [...] đồng ruộng mệnh mang và yên lặng.</i>	
	Yêu cầu làm bài	17
	Bài làm số 1	20
	Nhận xét.....	26
	Bài làm số 2	27
	Nhận xét.....	33
	Bài làm số 3	34
	Nhận xét.....	41

2008	Đề bài	42
	Câu 1. Trong bài <i>Mẹ yêu con</i> , sau khi nhắc tới bao việc mẹ từng làm vì con mà có thể chưa được con hiểu đúng, người mẹ đã tâm sự: <i>Nhưng trên tất cả, mẹ yêu con nên mẹ nói “không” trước những đòi hỏi vô lí của con [...] và cuối cùng con đã thành đạt.</i> Lời tâm sự ấy gọi cho anh (chị) suy nghĩ gì về tình mẫu tử trong cuộc đời?	
	Câu 2. Nói về quy luật sáng tạo nghệ thuật, nhà thơ Ra-bin-đra-nát Ta-go có câu: <i>Khi tình cảm tự tìm cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài, chúng ta có thơ.</i> Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào?	
	Câu 3. Cảm nhận của anh (chị) về hai đoạn thơ trong <i>Nhớ con sông quê hương</i> của Tế Hanh và <i>Bên kia sông Đuống</i> của Hoàng Cầm.	
	Yêu cầu làm bài	43
	Bài làm số 1	45
	Nhận xét.....	52
	Bài làm số 2	53
	Nhận xét.....	64
	Bài làm số 3	65
Nhận xét.....	73	
Bài làm số 4	74	
Nhận xét.....	82	
2009	Đề bài	83
	Câu 1. Suy nghĩ của anh (chị) về cái danh và cái thực của con người trong cuộc sống.	
	Câu 2. Thơ nữ viết về tình yêu thường thể hiện sâu sắc bản lĩnh và ý thức về hạnh phúc của chính người phụ nữ. Hãy phân tích, so sánh bài thơ <i>Tự tình</i> (bài II) của Hồ Xuân Hương và <i>Sóng</i> của Xuân Quỳnh để làm rõ nét chung và nét riêng trong tâm sự tình yêu của hai nữ tác giả ở hai thời đại khác nhau.	
	Yêu cầu làm bài	85
	Bài làm số 1	88
	Nhận xét.....	96
	Bài làm số 2	97
Nhận xét.....	105	

2010	Đề bài	107
	<p>Câu 1. Trong những trang ghi chép cuối cùng của đời mình, nhà văn Nguyễn Minh Châu có kể lại một sự việc ông từng chứng kiến: ...<i>Lúc bấy giờ mới khoảng năm giờ sáng, sân ga Hàng Cỏ còn mờ mờ tỏ tỏ trong sương nhưng người đã chật ních [...] Người đàn bà vẫn kêu gào giữa sân ga Hàng Cỏ như kêu gào giữa sa mạc.</i></p> <p>Câu chuyện trên gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì về lòng nhân ái và sự vô cảm của con người trong cuộc sống?</p>	
	<p>Câu 2. <i>Tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo.</i></p> <p>Bằng việc phân tích một tác phẩm đã học, anh (chị) hãy bình luận nhận định trên.</p>	
	Yêu cầu làm bài	108
	Bài làm số 1	110
	Nhận xét.....	118
	Bài làm số 2	119
	Nhận xét.....	126
Bài làm số 3	127	
Nhận xét.....	134	
2012	Đề bài :.....	136
	<p>Câu 1. Là thanh niên thế hệ hôm nay, anh (chị) hãy suy nghĩ và phác hoạ một châm ngôn sống cho chính mình.</p>	
	<p>Câu 2. Các nhà văn, nhà thơ nhân đạo lớn thường gửi vào sáng tác một cách nhìn sâu sắc về con người, cách nhìn này hướng đến đời sống nội tâm và cảm xúc.</p> <p>Bằng việc phân tích một vài tác phẩm trung đại và hiện đại đã học, anh (chị) hãy bình luận ý kiến trên.</p>	
	Yêu cầu làm bài	136
	Bài làm số 1	139
	Nhận xét.....	145
	Bài làm số 2	147
	Nhận xét.....	154
	Bài làm số 3	156
	Nhận xét.....	162
	Bài làm số 4	164
	Nhận xét.....	171
Bài làm số 5	172	
Nhận xét.....	179	

	Đề bài	181
2013	Câu 1. Fu-ku-za-wa Yu-ki-chi viết: “Mọi người sinh ra đều bình đẳng, nếu có khác biệt là do học vấn”. Anh (chị) hãy bình luận ý kiến trên.	
	Câu 2. Trong tác phẩm văn học, sáng tạo nghệ thuật quan trọng, đặc sắc nhất, nhiều khi không phải ở hình tượng con người mà ở hình tượng đồ vật, sự vật: một thứ thuốc chữa bệnh quái lạ (<i>Thuốc – Lỗ Tấn</i>), một bức thư pháp đẹp và quý (<i>Chữ người tử tù – Nguyễn Tuân</i>), một công trình kiến trúc kì vĩ, tinh xảo (<i>Vũ Như Tô – Nguyễn Huy Tưởng</i>), một cây đàn huyền thoại (<i>Đàn ghi ta của Lor-ca – Thanh Thảo</i>),... Đó là những đồ vật, sự vật mang ý nghĩa biểu trưng cho nhận thức, nhân cách, ý chí, khát vọng, số phận,... của con người. Ý kiến của anh/chị về nhận định trên? Hãy phân tích hai trong những hình tượng đồ vật, sự vật đã nêu để làm sáng tỏ ý kiến của mình.	
	Yêu cầu làm bài	181
	Bài làm số 1	185
	Nhận xét.....	191
	Bài làm số 2	192
	Nhận xét.....	199
	Bài làm số 3	201
	Nhận xét.....	209
		Đề bài
2014	Câu 1. Nghị luận xã hội Phải chăng, sống là tỏa sáng?	
	Câu 2. Văn học chân chính ngay cả khi nói về cái xấu, cái ác cũng chỉ nhằm thể hiện khát vọng về cái đẹp, cái thiện. Suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên.	
	Yêu cầu làm bài	211
	Bài làm số 1	213
	Nhận xét.....	221
	Bài làm số 2	222
	Nhận xét.....	229
	Bài làm số 3	230
	Nhận xét.....	235
	Bài làm số 4	236
Nhận xét.....	243	
Bài làm số 5	244	
Nhận xét.....	249	